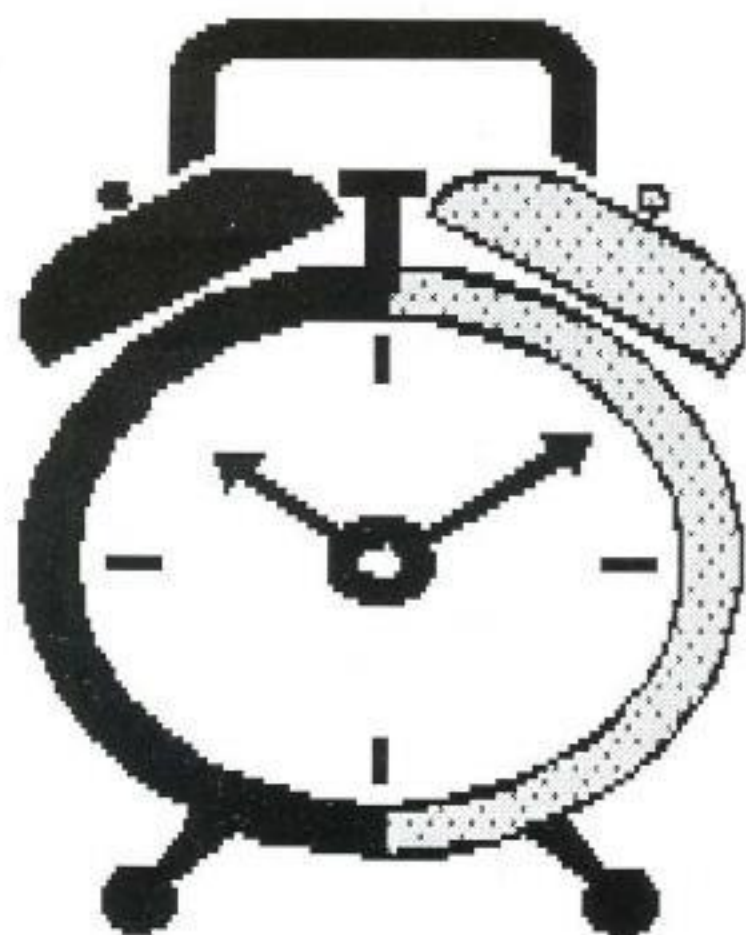


làng văn

103
Tháng 3.1993



Sách mới về:



365 CÂU TIẾNG PHỔ-THÔNG TRUNG-QUỐC

Sách học sinh-ngữ, kèm theo băng
Giá 17 mỹ-kim - 23 gia-kim

2000 NGÀY ĐÊM TRẦN THỦ CỬ CHI (tập II)

Ký-sự của Xuân Vũ
12MK - 16GK

BÀN TAY HOA-KỲ CÁI CHẾT CỦA ÔNG DIỆM

Nhận-định và tài-liệu của Ellen J.
Hammer; Vũ Văn Ninh và Trần
Ngọc Dung dịch
15MK - 20,50GK

BÚT-KÝ IRINA

10MK - 13,50GK

CẶP MẮT QUAY LẠI

Tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn
Đức Lập
10MK - 13,50GK

CÂU HỎI VĂN-CHƯƠNG

Biên-khảo của Vũ văn Thanh và
Vũ Huy Bá, gồm những bài giải-
đáp ngắn về các tác-giả cổ-văn như
Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ,
Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, v.v.
6,50MK - 9GK

CHỖ ĐÚNG CỦA NGUYỄN CHÍ THIÊN

Nhận-định của Trần Nhu
11MK - 15GK

CHUYỆN TÌNH LÁ ME

Truyện dài của Chu Tất Tiến
12MK - 16GK

ĐỂ THIÊN ĐỂ THÍCH

Biên-khảo của Nguyễn Hiến Lê
7MK - 9,50GK

ĐÔI LÁ KHÔ

Truyện dài của Nguyễn Tư
10MK - 13,50GK

ĐƯỜNG XƯA MÂY TRẮNG

Sách Phật-học của Nhất Hạnh
28MK - 38GK

GÁI LƯU-VONG

Truyện của Nguyễn Thị Minh Ngữ
12MK - 16GK

HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI-PHÓNG

Nhận-định của Hồ Sĩ Khuê
16MK - 22GK

HỒI-KÝ PHẠM DUY, TẬP III

Thời phân chia Quốc - Cộng
18MK - 24,50GK

HỒN BUỐM MƠ TIÊN

Truyện dài của Khải Hưng
5MK - 7GK

LÝ TỔNG TRONG LÒNG DÂN-TỘC

Tuyển-tập viết về Lý Tổng, nhiều
tác-giả (Nguyễn Hữu Nghĩa,
Nguyễn Ngọc Ngạn, Trương Sĩ
Lương, Trường-sơn Lê Xuân
Nhị,...)
15MK - 20,50GK

MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG

Sách thiền-học của Nguyên Phong
12MK - 16GK

MỘT VÀI SỬ-LIỆU VỀ BẮC BÌNH VƯƠNG

Sách nghiên-cứu sử-học của một
nhóm học-giả
13MK - 17,50GK

NGÀY XƯA QUÊ MÈ

Tuyển tập truyện ngắn của Phạm
Việt Quý
10MK - 13,50GK

NHÂN-TƯỚNG HỌC

Kiến-thức phổ-thông của Hy
Trương
12MK - 16GK

(xem tiếp trang bìa sau)

FAX: (416) 607.8011

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada
Tel: (416) 607-8010 / Fax: (416) 607-8011

Published 12 times a year
Publications Class Mail Reg. No 8040
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 10 - No 103 - March 1993
Năm thứ mười - số 103 - tháng 3.1993

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn thế-giới.....	2
Tin trong làng.....	4
Ngoài ngõ.....	5
Tin Việt-nam.....	8
Tin tị-nạn.....	10
Nhận xét về người tiết phụ trong thơ Trương Tích, Tạ Quốc Tuấn.....	12
Kho trầm hương của thầy Năm nhà báo, Lê Văn Lân.....	15
Thơ Hoàng Việt Thi (quốc-nội).....	17
Nói chuyện với Trường-sơn Lê Xuân Nhị, Đào Huy Đán.....	19
Thơ Lâm Thúy.....	22
Chuyện ba phi-công vào đời, Lê Xuân Nhị.....	25
Thơ Phạm Quang Ngọc.....	34
Thơ T.T. Mây Trên Ngàn.....	39
Chuyện một người đàn bà bình thường, Nguyễn Mạnh An Dân.....	43
Thơ Hồ Trường An.....	49
Nỗi sợ khôn rời, Tân Vy.....	50
Thơ Nguyễn Đức Tùng.....	53
Buổi dạ tiệc, Trương Mỹ Vân.....	55
Giấc hoàng-lương điện-tử, Huy Kiều.....	56
Thơ Trung Nhân.....	58
Thơ Trần Văn Lệ.....	60
Thêm nỗi xót-xa, Lê thị Ngọc Sương.....	61
Thơ Ngô Nguyên Dũng.....	65
25 năm vinh nhục trong nghề báo, An Khê.....	68
Thơ Hồ Ông.....	70
Thơ Nguyễn Huy Phước.....	73
Thơ Hoàng Chính.....	79
Xóm cũ: Quê rích quê rang, Trần Ý (quốc-nội).....	80
Thơ Hà Huyền Chi.....	83
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	87
Thơ Tuệ Nga.....	91
Xếp Al Capone IV, Lê Xuân Nhị.....	93
Thơ Minh Du.....	95
Thơ Nguyễn Khanh.....	96
Thơ Vạn Giả.....	99
Thơ Thụy Ý.....	101
Thơ Cao Xuân Tứ.....	102
Độc-giả thác-mắc.....	104
Diễn đàn.....	105
Nhắn tin tị-nạn.....	107
Thư đi tin lại.....	109

Tranh bìa: sơn mài của Hiếu Đệ

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng-Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà - Bút Chi - Cao Tiên - Đan Quế
Đào Huy Đán - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Du Thụy - Kiên Trung - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyên Dũng
Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Văn Ngọc
Phạm Quang Ngọc - Phạm Thăng - Tự Tình
Thái Văn Kiểm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga - Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Tích
ViVi Võ Hùng Kiệt

Cộng-tác:

Cao Xuân Lý - Cao Xuân Tứ - Diệu Tần - Dương Kim
Đặng Thị Quế Phượng - Đào Trường Phúc
Đoàn Tam - Đỗ Khánh Hoan - Huỳnh Liễu Ngạn
Hồ Ông - Hoài Châu - Kha Huyền - Kinh Tân
Lê Thụy Vi - Ngô Du Trung - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Quốc Trụ
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Văn Thông
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Việt - Nguyễn Tư - Nguyễn Thị Vinh
Nguyễn Hữu Nhật - Phạm Hoàng Hộ - Quỳ Hương
Phan Thịnh - Phùng Nhân - Sơn Tùng - Thủy Trang
Thúy Sơn - Trần Mộng Tú - Trần Quang Hải
Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ - Văn Nương
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-hoa:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui Nguyễn Tấn Phú - Hiếu Đệ - Nguyễn Khai
Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp - Phạm Thế Trung
Thái Tuấn - Hồ Đắc Vũ (Việt) - ViVi Võ Hùng Kiệt
Vũ Thái Hòa

Góp ảnh:

Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Anh: Hoài Châu
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Nhật: Đỗ Thông Minh
Úc: Phạm Quang Ngọc
Hoa-kỳ: Lê Xuân Phương (Dallas); Nguyễn Ngọc
Thanh (Houston); Võ Thắng Tiết (Nam California);
Nguyễn Hùng (Bắc California); Linh Phương (Florida);
Nguyễn Huy Phước (New Jersey)

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-đại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 40 quan; Úc: 10 úc-kim; Na-uy: 50 krone;
Nhật: 800 yen; Các nước khác: 5 mỹ-kim
Giá báo dài hạn, thể-lệ mua báo và giá, biểu quảng-cáo: trang 108

tin vắn



CHÍNH PHỦ NAM PHI VÀ A.N.C THỎA THUẬN CHIA SẺ QUYỀN LỰC

Năm 1992 là một trong những năm đẫm máu nhất trong lịch sử Cộng Hoà Nam Phi, với hơn 3000 người chết trong các cuộc tranh-chấp. Trước viễn ảnh của những xung đột chính trị, những vụ tàn sát và những hệ quả thảm khốc về mặt kinh tế, an ninh,... các lãnh tụ chính trị Nam Phi đã phải thỏa thuận với nhau để cứu vãn xứ sở.

Trung tuần tháng 2. 93, tổ chức Nghị Hội Quốc Gia Nam Phi (A.N.C.) của người da đen đã thỏa thuận với đảng Quốc Gia (National Party) của Tổng thống De Klerk để cùng thành lập một chính phủ trong đó đảng Quốc Gia da trắng được bảo đảm có một thiểu số ghế trong 5 năm.

Dự thảo kế hoạch bao gồm nhiều nhân nhượng giữa hai phe da đen và da trắng, sẽ gồm cả việc A.N.C chính thức kêu gọi quốc tế ngưng việc phong tỏa kinh tế Nam Phi.

Nếu dự thảo này được tất cả các chính đảng thông qua trong cuộc thương thảo chung trong tháng 3 này, Nam Phi sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do vào đầu năm 1994. Lãnh tụ da đen Nelson Mandela có nhiều hy vọng sẽ thay thế ông De Klerk trong vai trò tổng thống Cộng hòa Nam Phi. (KT)

PHÁI ĐOÀN NOBEL HÒA BÌNH ĐẾN THÁI LAN

Tám nhân vật đã từng nhận

giải Nobel Hoà Bình đã đến Thái lan để kêu gọi thế giới hướng về Miến Điện, tạo áp lực với nhà cầm quyền quân phiệt tại đây để buộc họ tôn trọng nhân quyền và dân chủ trên đất nước này.

Trong số các nhân vật trên có đức Đạt Lai Lạt Ma (Tây Tạng), Tổng Giám mục Desmond Tutu (Nam Phi), ông Oscar Arias Sanchez (cựu Tổng thống Costa Rica). Hoạt động của những vị này cũng nhằm việc áp lực chính phủ Rangoon phải trả tự do cho bà Aung Suu Kyi, người được giải Nobel Hoà bình 1992, hiện đang bị quân thúc tại gia vì hoạt động đòi nhân quyền và dân chủ cho nhân dân Miến.

Phái đoàn đã chọn Thái lan sau khi bị chính phủ Miến từ chối không cho nhập cảnh Miến điện. Trước hàng ngàn dân tị nạn Miến điện tại một trại tị nạn gần biên giới Thái - Miến, Tổng Giám mục Desmond Tutu tuyên bố hoà bình rồi sẽ lập lại ở Miến điện và những người tị nạn sẽ về lại quê hương họ. (KT)

QUÂN KHỦNG BỐ ĐẶT BOM TẠI NỮ UỐC

Ngày 26 tháng 2, vụ nổ tại Trung Tâm Thương Mại Thế giới, (World Trade Center), tòa nhà chọc trời cao nhất thành-phố Nữ-ước, đã giết chết 5 người và gây thương-tích cho hơn 1000 người

khác.

Quả bom chứa 680 kí plastic C-4, đã tạo ra một hố bom sâu bằng một toà nhà bốn tầng dưới bãi đậu xe của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới, trung-tâm đầu não của tư-bản Hoa-kỳ, nơi có hàng trăm ngàn người đang làm việc. Sức nổ làm toà nhà chọc trời 110 tầng rung rinh, kính vỡ, điện bị cắt, các tầng lầu ngún khó, toàn bộ nền móng của tòa nhà bị rạn nứt.

Nhiều tổ chức khủng bố sau đó đã lên tiếng nhận trách nhiệm đặt bom, trong đó có các tổ chức quân sự người Serb và Croat. Theo các cơ quan an ninh Hoa kỳ, có thể là một nhóm người Serb phản đối kế hoạch thả dù thực phẩm cứu trợ cho Bosnia, là tác giả vụ phá hoại này. Đây là vụ khủng bố bằng bom lớn nhất nước Mỹ tính từ năm 1975 đến nay.

Cơ-quan điều-tra liên-bang Mỹ (FBI) đã bắt được nghi can là Mohammed Salameh, 26 tuổi, tín-đồ Hồi-giáo, sinh tại Jordan. Salameh bị bắt sau khi chính y ba lần tới hãng cho thuê xe Ryder ở New Jersey, tìm cách khai lấy lại 400 mỹ-kim tiền thuê một chiếc xe hành-khách cỡ nhỏ dùng chở bom. Salameh khai chiếc xe bị trộm mất và đòi lại tiền thuê. Không may cho y, chiếc xe tuy đã nổ tung nhưng còn sót lại một phần, và nhờ đó, cảnh-sát đã truy tới tận hãng cho thuê xe để điều-tra và giảng bầy bắt Salameh tại trận khi y tới nhận lại 50% tiền thuê xe.

Cảnh-sát tới lục-soát căn phố của Salameh, tịch-thu được các dụng-cụ chế-tạo bom. (KT&DTN)

HOA KỲ THẢ DÙ THỰC PHẨM CỨU TRỢ CHO BOSNIA

Việc thả dù thực phẩm, dụng cụ y tế và thuốc men xuống vùng Bosnia (Nam-tur cũ) cho những người Hồi giáo bị phong tỏa tại

đây đã được thực hiện từ ngày 27. 2. 93 vừa qua. Hoa Kỳ dùng các vận tải cơ khổng lồ xuất phát từ căn cứ không quân Mỹ tại Đức để giúp dân Bosnia sau khi các cố gắng của LHQ nhằm vận chuyển đồ cứu trợ trở thành nan giải. Lực lượng người Serb đã bắn cả vào quân đội giữ hoà bình của LHQ hộ tống các đoàn xe vận tải.

Khoảng 300.000 người Hồi giáo trong các vùng bị phong tỏa tại Bosnia đang lâm vào nạn đói. Họ hoàn-toàn trông chờ vào các kiện hàng cứu trợ của quốc tế. Hơn 100 người đã tử-nạn khi quân Serb pháo-kích vào các khu-vực dù rơi xuống để ngăn chặn không cho các nạn-nhân tới lấy thực-phẩm.

Cuộc nội chiến tại vùng Liên bang Nam-tư cũ, diễn ra từ năm ngoái giữa phe ly khai (người Hồi giáo và người Croat) và phe người Serb tại Bosnia, đã làm cho khoảng 100 ngàn người chết và mất tích, hàng trăm ngàn người khác đang bị đói, khát bệnh tật trong các vùng bị phong tỏa và các hang hốc nơi họ lánh nạn. (KT)

TRUNG CỘNG THẢ TÙ CHÍNH TRI

Trong tháng 2. 93, Trung cộng đã trả tự do cho hai lãnh tụ sinh viên của cuộc tranh đấu tại Thiên An Môn năm 1989.

Sinh-viên Wang Dan, 23 tuổi, thuộc Đại học Bắc Kinh, người đứng đầu danh sách truy nã của chính quyền năm 1989, được trả tự do sớm bốn tháng trước khi mãn án tù bốn năm. Sinh viên Guo Haifeng, 27 tuổi, được thả sớm ba tháng.

Tân Hoa Xã cho biết các sinh viên này được thả vì có hạnh kiểm tốt, chấp hành gương mẫu nội qui nhà tù, nhưng Wang Dan, ngay khi được thả tự do, đã tuyên bố "Tôi chưa từng bao giờ nhận tội, tôi không ăn hận gì cả" và xác định

rằng anh sẽ tiếp tục tranh đấu cho dân chủ.

Các quan sát viên của các tổ chức Nhân quyền quốc tế nhận xét hành động ân-xá của Trung Cộng chỉ là những trò ve vãn thế giới, nhất là với tân Tổng thống Clinton của Hoa Kỳ để hồng được hưởng qui chế tối huệ quốc. (KT)

CHƯA CÓ HY VỌNG GÌ CHO HOÀ BÌNH TẠI TRUNG ĐÔNG

Triển vọng hòa bình tại Trung đông vẫn chưa sáng sủa gì mặc dù tân Ngoại trưởng Hoa Kỳ Warren Christopher đã cố gắng kêu gọi các phe phái thù nghịch Ả rập - Do thái trở về bàn hội nghị.

Các vụ ném đá, dùng vũ-khí tấn công, bắn sẻ người Do thái xảy ra hàng ngày. Để đáp lại, lính Do thái chỉ trong tháng 2 đã bắn chết 18 người Palestine. Ngoài ra, Do thái vẫn nhất định không nhận lại 400 người Palestine bị trục xuất từ tháng 12 năm ngoái. Gần đây nhất, lính Do thái và quân đội Nam Lebanon đã bắn chết 8 người Palestine và Lebanon, trong đó có hai thường dân.

Cuối tháng 2. 93, tân Ngoại trưởng Hoa Kỳ đã bắt đầu chuyến công du thứ nhất của mình viếng thăm 6 nước trong vùng Trung đông. Tuy nhiên ông cho biết hy vọng thành công của ông trong chuyến đi này rất mong manh. (KT)

ANH QUỐC: TRẺ CON GIẾT TRẺ CON

Trung tuần tháng 2. 93, dân chúng Anh quốc kinh hoàng trước một vụ án mạng lịch sử. Chú bé James Bulger, 2 tuổi, bị bắt cóc và sau đó bị giết, bỏ xác tại một đường rầy xe lửa. Tình nghi trong

vụ bắt cóc này là hai chú thiếu nhi 10 tuổi.

Băng ghi hình của hệ thống an ninh tiệm bán thịt trong khu phố ở Liverpool nơi chú bé James Bulger bị bắt cóc được phát lại trên hệ thống truyền hình Anh quốc, cả thế giới thấy Jems bị một chú bé dắt đi.

Cảnh sát Anh đã truy tố hai chú bé tình nghi về tội bắt cóc và sát nhân. (KT)

ẤN ĐỘ TRONG CƠN BÃO BẠO ĐỘNG TÔN GIÁO

Tình trạng bất ổn đã diễn ra khắp nước Ấn độ từ sau khi người Ấn giáo triệt hạ một ngôi đền thờ Hồi giáo hồi tháng 12. 92 mới đây. Đã có hơn 1000 người chết và các vụ bạo động vẫn tiếp tục xảy ra hàng ngày.

Cảnh sát Ấn đã bắt giam nhiều thủ lãnh của đảng Quốc gia Ấn giáo (Bharatiya Janata) và hơn 60.000 người khác.

Riêng tại Bombay, đã có hơn 4000 người bị bắt trong các vụ đụng độ với cảnh sát khi họ biểu tình đòi chính phủ phải cho xây dựng một đền thờ Ấn giáo trên nền ngôi đền Hồi giáo cùng với việc phải tổ chức tuyển cử sớm. (KT)

THỦ TƯỚNG GIA-NÃ-ĐẠI TỪ CHỨC

Ngày 24. 2, Thủ tướng Gia nã đại, ông Brian Mulroney, đã công bố quyết định từ chức thủ lãnh đảng Bảo thủ Tiến bộ (Progressive Conservative party), đồng nghĩa với việc từ chức thủ tướng.

Ông Mulroney đã lãnh đạo Gia-nã-đại trong tám năm rưỡi (hai nhiệm kỳ, từ 1984), và là thủ lãnh đảng Bảo thủ từ khi đánh bại ông Joe Clark trong cuộc bầu cử của đảng.

Những ứng cử viên sáng giá cho chức vụ đảng trưởng đảng Bảo

thủ Cấp-tiến trong cuộc bầu cử sắp tới là bà Kim Cambell (đương kim bộ trưởng Quốc phòng), ông Michael Wilson (bộ trưởng Thương Mại), Perrin Beatty (bộ trưởng Thông tin), Jean Charest (bộ trưởng Môi sinh) và bà Barbara McDougall (Ngoại trưởng).

Cuộc thăm dò mới nhất của Viện Gallup cho biết đảng Bảo thủ không được cử tri toàn quốc ủng hộ như đảng Tự do (Tự do: 49%, Bảo thủ: 19% và Tân Dân Chủ: 17%). Tuy nhiên, nếu bà Kim Campbell trở thành thủ lĩnh đảng, đảng Bảo thủ có cơ may chiếm được nhiều ghế hơn trong quốc-hội.

Khi công bố quyết định từ chức, ông Mulroney nói; "Tôi đã làm hết sức mình cho đất nước tôi. Không phải là lúc nào tôi cũng thành công nhưng tôi luôn luôn cố gắng làm những việc có giá trị cho Gia-nã-dại về mặt lâu dài chứ không phải là những việc để được sự hâm mộ về mặt chính trị trong một giai-đoạn."

Thành-tích hiển-nhiên có hệ quả "lâu dài" của ông Mulroney là đặt ra sắc thuế dịch-vật GST, đánh lên cả sách báo. (KT)

TORONTO: DÂN TÚ XỨ ĐÔNG HƠN DÂN ANH

Trong thống kê kiểm tra dân số 1991 do Statistics Canada vừa phổ biến, đa số dân cư tại vùng đô thị Toronto (Metropolitan of Toronto) đã không phải là người gốc Anh hay gốc Pháp nữa.

Thống kê ghi nhận, 59% cư dân Toronto thuộc các giống dân khác, không phải Anh hay Pháp. Trước đây theo thống-kê năm 1986, 55% dân Toronto thuộc gốc Anh và Pháp.

Trên cả nước, số dân không phải Anh và Pháp chiếm 31% (năm 1986 chỉ có 25%).



trong làng

TÁC-GIẢ "Ó ĐEN" BỊ VC KÊU ÁN 20 NĂM TÙ

Nhà văn Lý Tống, tác-giả cuốn *Ó đen*, người thả 50.000 truyền-đơn kêu gọi tổng nổi dậy và nhảy dù xuống Sài-gòn hồi tháng 9.92, đã bị "tòa án" nhân-dân VC kêu án 20 năm tù, bồi thường 500.000 mỹ-kim và 7 triệu đồng tiền Hồ.

Phiên xử diễn ra tại thành Hồ ngày 24.2 vừa qua. Ngoài báo-chí trong nước, Hà-nội chỉ cho phóng-viên tờ *Bangkok Post* và đại-diện chương-trình Truyền hình *Vietnam Program* tại Nam Cali vào lấy tin. Đại-diện bộ Ngoại-giao Mỹ cũng không được phép quan-sát phiên-tòa.

Trước tòa, Lý Tống phản-đối hai điều: thứ nhất, tên anh là Lý Tống chứ không phải "Lê Văn Tống tự Lý Tống"; thứ hai, anh mang quốc-tịch Mỹ chứ không phải quốc-tịch CSVN như hồ-sơ tòa án. Tòa khước-bác sự phản-đối của anh, và kêu án như trên về tội không-tặc và không nói gì về vụ rải truyền-đơn kêu-gọi tổng nổi dậy.

Hà-nội đã qui-quyết chỉ xử Lý

Tống về tội "không-tặc", nhằm hai mục-dích:

- Thứ nhất, để Hoa-kỳ khó can-thiệp, vì quân-chúng Mỹ vốn sợ và có ác-cảm với hai tiếng "*không-tặc*" từ hai mươi năm nay, sau khi bị các tổ-chức Hồi-giáo khủng-bố trên các đường bay quốc-tế. Hoa-kỳ đã đưa ra luật quốc-tế chống không-tặc rất gắt-gao, và bây giờ CSVN vin vào đó để buộc chân Lý Tống.

- Thứ hai, Hà-nội cố tình né tránh tính-cách chính-trị của vụ án, biến Lý Tống từ "tù-nhân chính-trị" thành "tù-nhân hình-sự", khiến các tổ-chức Ân-xá và Nhân-quyền quốc-tế khó can-thiệp; và làm lu-mờ chính-nghĩa của hành-động can-trường của anh, cố bưng bít tấm gương dũng liệt này trước đồng-bào toàn quốc.

Xuất-hiện trước tòa, Lý Tống tuy hơi gầy và xanh-xao nhưng vẫn bình-tĩnh chịu đựng, đúng tác-phong của một chiến-sĩ tự-do. Được tòa cho phép nói, anh đã nhờ *Vietnam Program* gửi lời ân-cần thăm hỏi tới tất cả bè bạn ở hải-ngoại.

Cộng-đồng và các đoàn-thể tại Cali đã tổ-chức biểu-tình lớn nhất từ trước đến nay để phản-đối Hà-nội đã cố-tình lập-lờ trong vụ xử nhà văn Lý Tống.

Riêng Văn Bút VN Hải Ngoại do các ông Trang Châu, Võ Kỳ Điền lãnh-đạo, trước sau vẫn im-ìm trước án tù của một người cầm bút Việt-nam. Trước đây, các ông này đã ra thông-cáo phản-đối khi "một vài người" trong ban tổ-chức triển-lãm Võ Đình tỏ ý không hoan-nghênh các người cầm bút giao-lưu với VC tới dự. Phải chăng vì Lý Tống là "không-tặc", không phải là nhà văn?

Các tổ-chức đề-cao tinh-thần Lý Tống, như Trương Sỹ Lương (TX), Lê Xuân Nhị (LA), BS Lâm Thu Văn (Montréal) vẫn ráo-riết tranh-đấu đòi tự-do cho anh.

ngoài ngõ



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH HUY KÊU GỌI CSVN "HIỆP THUƠNG" SOẠN HIẾN PHÁP MỚI

Trong bài trả lời phỏng vấn của đài SBS Radio Sydney Australia truyền-thanh Úc châu, ông Nguyễn Đình Huy, Chủ tịch Phong trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ, tổ chức chính trị mới thành hình tại VN, ra mắt tại Hoa Kỳ ngày 11.12.92 trước đây, đã kêu gọi CSVN "hiệp thương" với tổ chức này để soạn hiến pháp mới cho VN.

Trong phần giới thiệu, đài SBS đã nhấn mạnh đây là cuộc phỏng vấn đầu tiên của đài với một lãnh tụ chính trị không cộng sản trong nước mà không cần qua trung-gian của chánh quyền CSVN.

Trả lời câu hỏi về mức độ khả-tín của Phong trào, ông Nguyễn Đình Huy chỉ trả lời: "Phong-trào chúng tôi là những người dân thân nhiều năm, có nhiều kinh nghiệm trong vấn đề hoạt động chính trị đã nắm bắt tình hình và đã có hậu thuẫn trong nước, lại có hậu thuẫn quốc tế rất lớn."

Với câu hỏi về phản ứng của nhà cầm quyền trong nước với Phong trào sau khi Phong-trào được giới thiệu ở hải ngoại, và rằng Phong-trào có dự định trình diện

hay công khai hóa tổ chức tại quốc nội hay không, ông Huy đáp nhà cầm quyền CSVN "chưa có phản ứng gì rõ rệt" và "khi tình thế thuận lợi sẽ ra công-khai, dự kiến là có thể vào hạ bán niên 1993.."

Ông Huy cho biết ông tin rằng nhà cầm quyền VN sẽ đồng ý sinh hoạt dân chủ "vì họ còn nhiều người sáng suốt". Bước thứ nhất, Phong-trào của ông đề nghị họ (CSVN) hiệp thương để soạn một hiến pháp dân chủ và sau đó trưng cầu dân ý về hiến pháp đó. Bước thứ hai, hình thành một thứ chánh quyền đa thành phần chuyển tiếp để tổ chức bầu cử những cơ quan hiến định trong bản hiến pháp ấy.

Trong cuộc phỏng vấn, khi trả lời câu hỏi ông có nhận xét gì về tin đồn CSVN đang dự định mời một số những người lãnh đạo cũ của miền Nam về nước đóng vai trò gạch nối, ông Huy nói: "họ chả có tư cách gì để làm gạch nối cả bởi vì Hà nội người ta có thể tiếp xúc thẳng với Hoa Kỳ chứ cần gì ai gạch nối".

Theo ông Huy, "điều mà Hà nội quan tâm là những cái gì đóng góp thiết thực cho nhiệm vụ chiến lược của quốc gia VN chứ không phải là cá nhân này hay cá nhân kia không có hậu thuẫn gì ở bên ngoài cũng chẳng có hậu thuẫn gì ở bên trong" (KT)

LIÊN MINH DÂN CHỦ LŨNG-CÙNG NỘI-BỘ VÌ PHONG-TRÀO TNDT

Ủy ban Chấp hành Trung ương Liên Minh Dân Chủ VN (Hoa kỳ) vừa ra văn thư gửi Ủy ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do yêu cầu tổ chức này can thiệp với các chính phủ để áp lực CSVN phải thực hiện các đòi hỏi trong Cương lĩnh của Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ (PTTNDT&XDDC).

Các đòi hỏi bao gồm:

1. Tôn trọng bản Tuyên ngôn Quốc Tế Nhân Quyền.

2. Hủy bỏ bản Hiến pháp độc tài và lỗi thời hiện hành, thay thế bằng một bản Hiến pháp dân chủ và tiến bộ.

3. Thiết lập một định chế dân chủ đa nguyên chính trị theo hướng vừa bảo đảm nhân quyền và ổn định chính trị, chuyển giao quyền hành ôn hòa, hợp pháp, hợp hiến.

4. Phi đảng hoá chính quyền và quân đội.

5. Chấm dứt tình trạng cai trị bằng nghị quyết, đảng lệnh, xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ, tôn trọng luật pháp quốc tế, xây dựng tinh thần thượng tôn pháp luật. Không ai, không một tập đoàn nào có quyền đứng ngoài và đứng trên pháp luật.

6. Chấm dứt toà án nhân dân xét xử theo chính kiến, theo chỉ thị của đảng.

7. Tôn trọng quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Bảy điểm đòi-hỏi của Liên-minh Dân-chủ như trên đây xét ra rất chính-đáng, nhưng vì đối-tượng ủng-hộ là PTTNDT&XDDC, một tổ-chức chủ-trương "hiệp-thương" với đảng Cộng-sản Việt-nam, nên một số thành-viên Liên-minh Dân-chủ không tán-đồng.

Mười bốn đoàn-viên Liên-minh Dân-chủ Âu-châu, trong đó có được-sĩ Thái Tường, cánh tay mặt của GS Nguyễn Ngọc Huy, đã ra kháng-thư phản-đối, với các điểm chính như sau:

"Nhận-định:

1. Chủ-trương của PTTNDT &XDDC hợp-tác với cộng-sản, có mục-dích đánh bóng một chế-độ đang dãy chết, đi ngược lại ý muốn của toàn dân và của các đoàn-thể tranh-đấu quốc-gia mà Liên-minh Dân-chủ VN do cố GS Nguyễn Ngọc Huy sáng-lập, là một thành-phần trung-kiến.

2. Lập-trường của ban Chủ-tịch, hiện-diện gần đông-đủ tại buổi lễ

ra mắt của PTTNDT&XDDC, tích-cực và hoàn-toàn cổ-súy cho Phong-trào, phản-bội chính-sách và chủ-trương của Liên-minh Dân-chủ VN, đã được Đại-hội Nguyễn Ngọc Huy thông-quá tại Hòa-lan năm 1990.

Quyết-định:

1. Phản-đối chủ-trương và hành-dộng của ban Chủ-tịch.

2. Bất-tín-nhiệm ban Chủ-tịch hiện-hữu.

3. Yêu-cầu Chủ-tịch đoàn sử-dụng quyền-hạn theo đúng nội-quì."

Kháng-thư ký ngày 4.1.1993. Mười bốn người ký tên gồm: Hoàng Thị Thảo, Phạm Đăng Sum, Thái Tường, Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Minh Tân, Lê Văn Tư, Hồ Tăng Thắng, Nguyễn Phú Mỹ, Trương Thị Xuân Thu, Phạm Thị Hoàng Hoa, Phạm Thị Ngọc Anh và Lê Lan Hương.

Ngoài kháng-thư của 14 đoàn-viên Liên-minh Dân-chủ, Tổng Hội Sinh-Viên Quốc-Gia Hành-Chánh cũng ra tuyên-cáo, nhận-định rằng "Những tổ-chức chánh-trị nào chủ-trương hòa-giải và hợp-tác mà không đòi hỏi giải-thể chế-độ CS để thực-hiện tự-do, dân-chủ thực-sự tại VN, chỉ là dụng-cụ trang-trí của chế-độ CS để lừa-bịp mà thôi. Tổng Hội sẽ kiểm-chứng sự thay-đổi của một chế-độ qua bản-chất và các hành-dộng cụ-thể, chứ không qua các hiện-tượng phô-trương nguy-tạo bên ngoài."

TUYÊN BỐ CỦA HỘI ĐỒNG VIỆT NAM CHO MỘT VIỆT NAM TỰ DO

Tiến sĩ Lê Phước Sang, Chủ tịch Hội-Đồng Việt-Nam Tự-Do đã cho phổ biến một bản tuyên bố nhằm minh xác lập trường của HĐVNTD và thái độ của HĐ đối với "cương lĩnh chánh yếu của một đoàn thể đấu tranh tại quốc nội mà HĐVNTD có liên hệ và có cảm tình

đặc biệt, đã hoạt động bí mật từ 1988 đến nay trong lãnh thổ VN và Kampuchia, hiện đang dự trù bước sang giai đoạn bán công khai và công khai".

Bản tuyên bố xác định: "Ngày nào mà CSVN còn ngự trị tại VN thì ngày đó không thể nào chúng ta có hi vọng gì thành công trong việc làm cho đồng bào no cơm ấm áo, nước mạnh dân giàu và an cư lạc nghiệp. Dĩ nhiên là chúng ta phải coi nghèo đói và chia rẽ là hai kẻ thù cực kỳ nguy hiểm của dân tộc VN, nhưng ta không có quyền méo mó lẫn lộn giữa nhân và quả, bởi vì chế độ và chủ thuyết CS mới thật sự là nguồn gốc sanh sản ra nghèo đói và chia rẽ.

Không có lý do gì để nói rằng hiện nay lẫn ranh Quốc cộng không còn nữa, trái lại, đây chính là lúc phải nhấn mạnh đến sự khác biệt giữa Quốc cộng như là sự khác biệt giữa Tự do Dân chủ và độc tài độc đảng, giữa sinh tồn và tận diệt, giữa sung túc và đói khổ cho dân cho nước."

Bản tuyên bố còn nhắc nhở mọi người đứng trên cương vị quốc gia dân tộc để nhìn rõ tình hình hiện tại của đất nước, xác định chính CSVN là thủ phạm của những thảm kịch hiện nay trong nước và là nguyên nhân đưa dân tộc Việt vào tử lộ. Bản tuyên bố nhấn mạnh, các thành phần trí thức và lãnh đạo phải nhận lãnh trách nhiệm đồng thời phải biết phân biệt chánh tà, để dẫn lối chỉ đường cho quần chúng chứ không thể đi nước đôi, nói và làm vô thường vô phạt, hoặc đón gió trở cờ chỉ có tác dụng làm rối ren và náo động tư tưởng quốc dân.

Bản tuyên bố xác định việc "hủy bỏ chế độ CS" là điều kiện duy nhất, và sau khi thực hiện được điều kiện đó, HĐVNTD sẵn sàng "đại kết, đại hợp giữa tất cả mọi thành phần, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền hạn" vì "chúng ta chỉ kiên định và quyết liệt trong lập trường

chống đối chế độ CS nhưng ôn hòa và thân ái đại đoàn kết với tất cả mọi tầng lớp đồng bào, không nhớ đến các oan nghiệp cũ."

Bản tuyên bố ký tên Tiến sĩ Lê Phước Sang, chủ tịch HĐVNTD. Mặc dù không nêu rõ tên "đoàn thể đấu tranh tại quốc nội" này, nhưng người đọc dễ dàng nhận ra đối tượng tranh-luận của bản tuyên bố là cương lĩnh của Phong trào TNDT & XDDC hiện gây sôi nổi dư luận tại hải-ngoại. (KT)

ĐẠI HỘI QUỐC TẾ CHUYÊN GIA VIỆT NAM 93

Ngày 6 tháng 8, 1993, Đại hội Quốc Tế của Hội Chuyên gia Việt Nam sẽ khai mạc tại khách sạn Crystal Gateway Marriot, Hoa Thịnh Đốn, Hoa kỳ. Chủ đề của Đại hội 93, theo thông báo của ban tổ chức, sẽ là: *Canh tân Việt-nam: thực trạng và phương hướng giải quyết.*

Chương trình đại hội sẽ kéo dài trong ba ngày với ba chủ đề:

1. Kinh nghiệm Đông Âu trong việc chuyển hoán từ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường.

2. Vai trò của VN trong khung cảnh phát triển Á châu Thái bình dương và

3. Vai trò của chuyên gia VN trong công cuộc canh tân đất nước.

Ngoài ra, Đại hội cũng sẽ có thuyết trình và thảo luận và tám đề tài chuyên môn về xã hội, kinh tế, y tế, năng lượng,...

Ban tổ chức mời các chuyên gia VN (hội viên và không hội viên) ghi tên tham dự, viết bài cho Kỷ yếu của Đại hội và tham gia cuộc triển lãm những công trình khoa học của chuyên gia VN tại Đại hội.

Liên lạc:

- Về Triển lãm / Ghi danh:

Ban Tổ chức Đại hội

11909 Basswood Drive, Suite A
Montpelier, MD 20708-3112
USA

ĐT & Fax: (301)206-9662

-Về bài vở:

Văn phòng ban Chấp hành Hội

4718 Meridian Ave., Suite 261

San Jose, CA 95118, USA

ĐT: (408) 227-7408 (KT)

HỌC SINH VIỆT NHÂN DANH HIỆU CENTURY III LEADER

Em Trần Phan Nhật Phương, học sinh trường trung học Mustang High School (Oklahoma, Hoa kỳ) vừa được chọn làm một trong hai học sinh xuất sắc của tiểu bang Oklahoma, nhận danh hiệu *Century III Leader* (Người lãnh đạo của đệ tam thế-kỷ).

Danh hiệu này, mỗi tiểu bang tại Hoa kỳ chỉ chọn hai học sinh hàng năm, dành cho các em học sinh có thành tích học tập xuất sắc, có khả năng lãnh đạo trong trường và trong cộng đồng địa phương đồng thời cũng có kiến thức cao về các vấn đề của Hoa kỳ và thế giới.

Mỗi ứng viên được chọn sẽ phải dự một kỳ thi về kiến thức thời sự và viết một luận đề trong đó nêu ra một vấn đề mà Hoa kỳ sẽ phải giải quyết trong thế kỷ thứ ba tính từ

ngày lập quốc, đồng thời trình bày giải pháp cho vấn đề.

Giải thưởng bao gồm một học bổng trị giá 1000 mỹ kim và một chuyến đi dự Hội nghị quốc gia Các nhà lãnh đạo đệ tam thế-kỷ tại Williamsburg, Virginia.

Em Trần Phan Nhật Phương là một trong những học sinh xuất sắc trong National Honour Society của trường trung học Mustang, tham gia nhiều hoạt động học tập và thiện nguyện của trường và của cộng đồng địa phương. Em còn đoạt nhiều danh hiệu trong các cuộc thi hùng biện, tranh luận cấp quận, thành phố và miền Trung Tây Hoa kỳ. (KT)

TRIỂN LÃM TRANH CỦA NGUYỄN ĐẠI GIANG

Hoạ sĩ tị nạn Nguyễn Đại Giang đã triển lãm tranh tại Câu lạc bộ VN số 5518 Martin Luther King (Seattle) cuối tháng 1. 93 vừa qua. Hầu hết các hoạ phẩm được trình bày trong cuộc triển lãm là những hình ảnh nói lên sự cơ cực tù đày của người Việt trong các trại tù CS, về cuộc vượt biển vĩ đại của người Việt đi tìm tự do và những hình ảnh của cuộc sống thê thảm trong các trại cấm ở Hương-cảng, Thái Lan.

Nguyễn Đại Giang, tốt nghiệp hội hoạ tại Mạc tư khoa, dạy vẽ tại Hà nội từ 1975-1980.

TIN VUI TRONG LÀNG:

Trong thời hạn từ 20.3.1993
tới 20.6.1993,

- độc-giả mới
- độc giả tái hạn theo phiếu nhắc
- độc-giả tái hạn sớm

mua hai năm báo trở lên

được tặng một trong các tựa sách sau đây,
xin chọn và ghi vào phiếu mua (hoặc tái hạn) báo:

- *Chôm chôm yêu dấu*, tập truyện ngắn của Trần Diệu Hằng
- *Mưa đất lạ*, tập truyện ngắn của Trần Diệu Hằng
- *Bạn văn*, truyện dài của Mai Kim Ngọc
- *Bản đàn thôn dã*, nguyên-tác của André Gide,
Mai Kim Ngọc dịch
- *Xuôi dòng Cửu-long*, tập truyện đồng quê miền Nam
của Phạm Thăng
- *Vietnamese Realities*, sách giới-thiệu sơ-lược về lịch-sử, địa-lý,
ngôn-ngữ, phong-tục Việt-nam của bộ Ngoại-giao VNCH
- *Ký*, bút ký của Nguyễn Hữu Nghĩa
- *Đêm*, truyện dài của Ngô Nguyên Dũng
- *Những sợi sắc không*, truyện dài của Túy Hồng

(Giá và phiếu mua báo, xin xem trang 108)



Học-sinh Trần Phan Nhật Phương



tin việt-nam

TỔNG-THỐNG PHÁP THĂM CSVN

Kết-quả chuyến viếng thăm Việt Nam đầu tháng 2. 93 vừa qua của Tổng thống Pháp Francois Mitterrand đã không diễn ra thuận-lợi theo ý mong đợi của Hà Nội.

Mặc dù hứa tăng viện trợ cho Việt Nam và có lên tiếng kêu gọi Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận, ông Mitterrand đã khuyến-cáo Hà Nội rằng "tôn trọng nhân quyền là đòi hỏi chung của thế giới ngày nay". Ngay trong bữa dạ tiệc do Lê Đức Anh khoản đãi, Tổng thống Pháp phát biểu: "Không thể có cởi mở kinh tế nếu không có cởi mở chính trị. Suy nghĩ ngược lại điều này là ảo tưởng".

Báo chí Việt cộng đã lấp-liếm, không tường-thuật những lời này. Chưa hết, Ngoại trưởng Pháp Roland Dumas cũng đã trao cho Hà Nội một danh sách tù nhân chính trị và thay mặt nước Pháp, yêu-cầu CSVN trả tự do cho họ. Danh sách gồm 10 tu sĩ Thiên chúa giáo, Phật giáo và trí thức đang bị giam giữ.

Các nhân vật ngoại giao Pháp tiết lộ rằng Tổng thống Mitterrand đã chỉ chịu tiếp xúc ngang cấp với

Chủ tịch nhà nước Lê Đức Anh. Tuy-nhiên, CSVN đã "gài" cho ông phải gặp bằng được Tổng bí-thư Đỗ Mười. Tổng thống Mitterrand nhân nhượng, nhưng chỉ chịu gặp Đỗ Mười tại nhà khách của chính phủ. Một nhân vật ngoại giao Pháp trong phái đoàn đã giải thích: "Chẳng lẽ Tổng thống đến một nước mà không gặp gỡ nhân vật quyền lực nhất nước đó. Nhưng khi cộng-sản bắt đầu sụp-đổ từ 1989 đến nay, một vị nguyên thủ quốc gia không thể vào thăm tổng hành dinh của đảng cộng sản được".

Một điểm khác nữa làm cho cộng sản VN cay cú là tổng thống nước Pháp không chịu viếng lăng Hồ Chí Minh mà lại xuống xe đi bộ thăm hỏi dân chúng tại khu Hàng Đào (Hà Nội) và khu vực Bưu Điện, nhà thờ Đức Bà (Sài-gòn), mặc dù nhân viên công an VC đã hết sức ngăn cản.

Chuyến thăm VN của Tổng thống Pháp đã được chính một nhà ngoại giao Pháp nhận định là một chuyến "tư du" để tìm lại những kỷ-niệm cũ, vì ông Mitterrand đã có thời làm bộ trưởng bộ Thuộc địa Đông dương.

NGUYỄN MẠNH CẦM KHOE "ĐẨY LÙI CẤM-VẬN" ĐƯỢC MỘT BƯỚC

Trên báo xuân *Quân-đội nhân-*

dân, Ngoại trưởng VC Nguyễn Mạnh Cầm khoe, trong năm 1992 vừa qua, nhờ "hoạt-động đối ngoại tích-cực, (Hà-nội) đã tạo môi-trường thuận-lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy lùi một bước chính-sách bao vây cấm-vận."

Bàn về chiều hướng hoạt-động đối ngoại năm 1993, Nguyễn Mạnh Cầm nói rằng "tình-hình quốc-tế còn tiếp-tục diễn-biến phức-tạp" đặt Hà-nội trước những "thách-thức mới". Họ Nguyễn cho biết sẽ "tĩnh táo bám sát diễn-tiến của tình-hình", "nắm bắt thời-cơ mới, nắm vững phương-châm sáng-tạo, linh-hoạt."

Nói một cách rõ hơn, để tránh bị loại bỏ, CSVN sẽ theo chính-sách che chiều, gió chiều nào che chiều đó cốt để tồn tại cho qua lúc khó-khăn. Khi sóng lặng gió êm, họ sẽ trở lại với chính-sách sắt máu cũ. Đó chính là giáo-điều của Lenine; và ngay cả Hồ Chí Minh trong thời chiến-tranh Việt Pháp cũng đã từng ra huấn-dụ: "khi cần thì cờ tam tài (cờ Pháp) cũng treo!"

1992: VÀNG VÀ MỸ-KIM XUỐNG GIÁ

Theo thống-kê của Cao Sĩ Kiêm, Thống-đốc Ngân-hàng Nhà nước CSVN, đăng trên tạp-chí Cộng-sản, số 1.1993, vàng đã sụt giá 18,6% và mỹ-kim sụt 13,6% tại thị-trường VN trong năm 1992; trong khi đó, giá hàng-hoá tăng lên 13,93%.

Vẫn theo họ Cao, sở-dĩ vàng và mỹ-kim xuống giá vì nhà nước CSVN đã biết cách "quản-lý ngoại-hối" và "quản-lý giá vàng."

Một trong những phương-cách "quản-lý", là từ nay tới cuối năm, CSVN sẽ thu-hẹp dần việc cấp giấy phép nhập vàng. Cơ-quan nào có nhu-cầu, phải mua vàng của Ngân-hành nhà nước, thay vì mua trực-tiếp của ngoại-quốc như trước kia.

TRÊN THAM-Ô, DƯỚI BUÔN LẬU

Báo *Quân-đội nhân-dân* số ra ngày 15.1 tiết-lộ, trong dịp gần Tết Nguyên-đán, các tổ-chức buôn-lậu tại Long-an đã gia-tăng hoạt-động, với nhiều thủ-đoạn tinh-vi hơn.

Các nhóm này luồn-lách qua các khe hở của mạng lưới "quản-lý thị-trường", giả dạng hành-khách, dùng xe đồ, tàu đồ chuyển lúa gạo, hàng-hóa bán dọc theo sông rạch.

Báo VC khoe, trong mười ngày cận Tết, đã phá vỡ 19 tuyến buôn lậu, bắt được hàng trăm vụ, tịch-thu 17.000 cây thuốc lá ngoại (nhập-cảng), 21 thuyền máy, 9 xe hơi.

Tại thành Hồ, công-an bắt được một xe vận-tải chở 37.680 gói thuốc lá, 729 hộp nước màu, 1.200 con dao, 5.400 chiếc muống canh và 103 thùng thuốc dưỡng cây.

Tại Thủ-đức, lực-lượng quản-lý thị-trường bắt được 1.710 chai bia ngoại, 43 quạt điện, và 2.500 hộp cá.

Vũng-tàu là cửa nhập nhiều hàng lậu nhất, vì cán-bộ hải-quan công-khai nhận hối-lộ, và tiền "mãi-lộ" tương-đối thấp, so với Qui-nhon.

Theo báo *Tuần tin tức* ngày 9.1.93, qua cửa Vũng-tàu, có người đã nhập hàng 8 tới 9 triệu mỹ-kim hàng-hóa trong một năm, gồm cả xe hơi, máy kéo, máy cày, v.v. Có hộ (gia-đình) nhận "quà" do thân-nhân gửi về, gồm 150 cái ti-vi, 250 máy radio-cassette.

Tuy-nhiên việc làm ăn của các tay buôn lậu bề ngoài trông dễ-dàng, nhưng trên thực-tế không đơn-giản. Nhà nước VC giả vờ làm ngơ một thời-gian để nhử mồi rồi tung một mẻ lưới hốt sạch bằng tiền... phạt. Báo *Tuần tin-tức* tiết-lộ, chỉ một lần phạt thôi, hải-quan đã thu được 70 tỷ đồng, tương-đương tương thuế của cả năm 1991.

VC không qui-định rõ thuế biểu

và mức độ tiền phạt do hải-quan địa-phương tự ý quyết-định, có khi lên tới 160% giá-trị món hàng.

NẠN TRỘM CẤP CỔ-VẬT VẪN TIẾP-DIỄN

Đặc san *Văn-nghệ* tháng 12.92 cho biết, nạn trộm-cấp cổ-vật tại các đình, chùa trong nước vẫn tiếp-diễn ở mức-độ nghiêm-trọng.

Trong mấy năm, kể từ khi mở cửa đón "Việt-kiều" về thăm nhà để vơ-vét ngoại-tệ, nhà nước CSVN và cán-bộ hải-quan tham-những đồng-thời cũng đã mở cửa cho cổ-vật bị trộm-cấp thất-thoát ra ngoại-quốc rất nhiều.

Những cổ-vật này gồm hàng nghìn loại khác nhau, phần lớn có giá-trị văn-hóa, nhân-văn, cổ-học và dân-tộc-học rất cao như trống đồng, tượng đồng, tượng gỗ, các vật bằng sành sứ, v.v. Có thể nói, kho-tàng văn-hóa của dân-tộc Việt đang bị xuất huyết vì bàn tay nhám nhúa của cả hai giới: Việt Cộng lẫn Việt kiều.

Xuất xứ các cổ-vật này là các đình chùa, miếu mạo, lăng tẩm ở Hà-nội, Hà Nam Ninh, Hà-tây, Hà-bắc, Hòa-bình. Đường dây buôn lậu đồ cổ lớn nhất do tên Đinh Công Lân, 53 tuổi, điều-khiển. Lân là chuyên-gia về đồ cổ, có gian

hang buôn bán cổ vật, và dĩ-nhiên, có thần-thế, vẫy cánh lớn trong chính-quyền VC.

May nhờ ăn không đồng, chia không đủ, có kẻ đi tố-cáo, công-an VC bắt buộc phải điều-tra chiếu-lệ, tịch-thu được 135 món, gồm bình sứ, tượng sứ, đĩa men thời Lý, Trần, đĩa, bát hương, kiếm, tượng người, tượng Phật, hạc đồng, v.v.

Ngoài vụ Đình Công Lân, tại Hà-nội còn xảy ra các vụ mất cấp 30 tượng Phật tại chùa Hương Tuyết, Cầu Dền; chùa Bà Đá mất trống cổ; chùa Trì Động mất 3 pho tượng đồng tam thế; đền Liễu-giai mất 3 pho tượng Cửu-long bằng gỗ; chùa Mật Dung mất 35 tượng Phật; chùa Tích Sài mất 4 tượng.

Trước tệ-trạng mất mát các cổ-vật càng ngày càng tệ, dân-chúng đặt một dấu hỏi chung: phải chăng CSVN muốn tìm cách hủy-diệt văn-hóa dân-tộc, và nhất là triệt bỏ chùa chiền, bằng cách làm ngơ cho kẻ gian đánh cắp tượng Phật, rồi cho cán-bộ a-tòng che-giấu cho đường dây trung-gian mua bán, vận-chuyển cổ-vật ra ngoại-quốc?

DÂN-SỐ VN: 71 TRIỆU

Tính tới ngày 11.1.1993, dân-số Việt-nam là 71.061.053 người. Trong năm 1992 vừa, trong nước có thêm 2,1 triệu em bé ra đời.



tin tị-nạn

BÁO ĐỘNG VỀ TÌNH TRẠNG BỘ NHÂN TẠI THÁI LAN

Ủy ban Báo Nguy Cữu Người Vượt Biển (*Boat People SOS*) hồi cuối tháng 1. 93 đã lên tiếng báo động về tình trạng của khoảng 900 bộ nhân Việt Nam trong trại Dong Rek, Thái Lan.

Đây là những đồng bào vượt biên bằng đường bộ, đến Thái Lan từ trước ngày 14.3.89. Theo Chương Trình Hành Động Toàn Diện (CPA) của quốc tế, họ đương nhiên được hưởng quyền là tị nạn và được cho đi định cư. Tuy nhiên, số đồng bào này đã bị "bỏ quên" từ lâu nay, có người đã ở trại đến gần 10 năm.

Do áp lực của cộng đồng Việt hải ngoại, quốc tế sẽ họp vào khoảng tháng 3.93 để quyết định số phận của các bộ-nhân. Hiện có hai khuynh hướng, một cho rằng bộ-nhân đương nhiên được đi định cư (theo quan-niệm của các nước Thái, Hoa kỳ, Gia-nã-đại, Pháp và Cao Ủy Tị Nạn). Khuynh hướng thứ hai, do Úc chủ trương, buộc những bộ nhân này phải qua thanh lọc như những thuyền-nhân tới trại sau ngày mốc.

Chủ trương của Úc bất công vì bộ nhân đến trước ngày mốc (*cut-off day*); nhưng Chương trình CPA là một chính sách đa phương, mọi quyết định cần có sự đồng ý của mọi thành phần. Bộ nhân tại Dong Rek có nguy cơ bị đẩy vào con đường bế tắc và có thể bị trả về VN.

Ai cũng biết việc thanh lọc ở Thái lan hết sức tệ hại. Ủy ban Cứu người vượt biển kêu gọi các tổ



chức, hội đoàn và cá nhân người Việt lên tiếng khẩn cấp để tranh đấu cho số đồng bào tị nạn này bằng cách gửi thư đến bộ Ngoại Giao nước sở tại và văn phòng Cao Ủy Tị Nạn. (KT)

HỘI VĂN HOÁ VIỆT MỸ COLORADO GỬI THƯ CHO BỘ NGOẠI GIAO MỸ VỀ VẤN ĐỀ BỘ NHÂN

Cùng mục đích vận động cho quyền tị nạn của số bộ nhân VN tại Dong Rek, ngày 6 tháng 2.93, Hội Trao Đổi Văn Hoá Việt Mỹ tại Colorado vừa gửi thư cho ông Clifton Wharton, Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, yêu cầu Bộ can thiệp nhanh chóng để những người tị nạn này được nhận quyền tị nạn của họ và được sắp xếp cho đi định cư.

Bản sao bức thư cũng được gửi tới bà Sadako Ogata, Cao Ủy Trưởng Tị Nạn tại Thụy sĩ.

Đây là một việc làm mà tất cả các hội đoàn Việt tại hải ngoại cần thực hiện khẩn cấp trước khi trại bị đóng cửa vào tháng 3.93. (KT)

THUYỀN NHÂN TẠI PALAWAN PHỦ NHẬN KẾT QUẢ THANH LỌC

Một trăm bảy mươi bốn cựu quân nhân QLVNCH tại trại Palawan bị khước từ quyền tị nạn,

đã gửi thư thỉnh nguyện đến chính phủ Phi-luật-tân và văn phòng Cao Ủy Tị Nạn, phủ nhận kết quả thanh lọc và yêu cầu được thanh lọc lại.

Theo các cựu quân nhân, các cuộc thanh lọc này đã được thực hiện không đúng theo các thể thức qui định của tài liệu "Thế thức Quyết Định Tư Cách Tị Nạn" (*Procedures on the Determination of Refugee Status*) của chính phủ Phi, trong đó, ấn định Cao Ủy Tị Nạn phải hiện diện cùng với nhân viên của sở Di trú Phi luật tân trong các cuộc phỏng vấn thanh lọc.

Việc vắng mặt này làm cho thuyền nhân bị thiệt thòi vì những trục trặc xảy ra trong khi nhân viên sở Di trú Phi làm việc tắc trách, sai sót, trong việc thông dịch qua tới hai ba thứ tiếng (Việt-Anh-Phi), trong việc có thể xảy ra hối lộ, tham nhũng.

Đồng thời các cựu quân nhân cũng phản đối Cao Ủy đã không hề thông báo và hướng dẫn cho họ về thể thức thanh lọc trước khi vào phỏng vấn dù đây chính là nhiệm vụ của Cao Ủy.

Các thuyền nhân cựu quân nhân yêu cầu đình hoãn việc xét đơn kháng cáo của họ, vì các đơn này dựa trên kết quả của các cuộc thanh lọc sai thể thức, và được thanh lọc lại.

Cao Ủy Tị Nạn đã trả lời họ có hiện diện trong tất cả các cuộc phỏng vấn và lo ngại rằng việc tái thanh lọc sẽ làm các cựu quân nhân phải chờ đợi lâu vì sẽ bị xếp xuống cuối sổ.

Hội Cựu Quân Nhân đã khẳng định Cao Ủy đã không nói thật về sự vắng mặt của họ trong các buổi phỏng vấn và tuyên bố sẵn sàng chờ đợi để được hưởng công lý. (KT)

TÌNH TRẠNG TỊ NẠN VIỆT NAM TẠI CÁC TRẠI

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng

(Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển và LAVAS) trong tâm thư gửi những người quan tâm đến vấn đề tị nạn cho biết, các biện pháp chấm dứt vấn đề tị nạn Việt Nam bằng mọi giá của các nước thực hiện Chương Trình Hành Động Toàn Diện (CPA) đang đẩy người tị nạn VN trong tất cả các trại ở các nước tạm dung vào tuyệt lộ.

1. Tại trại Dong Rek, Thái Lan, chín trăm bộ nhân đang chờ quyết định của buổi họp quốc tế về vận mạng của họ, mặc dầu họ là những người theo nguyên tắc phải được đương nhiên cho đi định cư vì đến trại trước ngày mốc điểm (xem tin trong số này).

2. Tại Tân-gia-ba, hiện có hơn 80 thuyền nhân ở trong tình trạng không có qui chế. Họ là những người được tàu Hoa kỳ, Anh, Hoà-lan, Na-uy, Thụy-điển, Đan-mạch, Đức... vớt và đổ xuống Tân-gia-ba để sau đó di chuyển đến nước định cư. Tuy nhiên, sau đó Cao Ủy Tị Nạn yêu cầu các quốc gia này chờ kết quả thanh lọc, do đó, họ bị kẹt lại ở Tân-gia-ba, trong khi chính phủ nước này lại không thừa nhận CPA và thanh lọc.

Hiện nay Tân-gia-ba đứng về phía thuyền nhân, đòi các quốc gia đã hứa cho định cư phải thực hiện lời hứa.

3. Để ép thuyền nhân hồi hương, một số trại đã áp dụng những biện pháp thắt chặt đời sống như cắt giảm lương thực, nhu yếu phẩm và điện nước.

Năm 92, Cao Ủy ở Nam Dương cắt giảm lương thực của người tị nạn nhưng sau đó đã phải tạm ngưng vì phản ứng mạnh của quốc tế.

Tại Mã-lai, từ tháng 8, chính phủ Mã ngoài việc cắt giảm điện nước và tăng giờ giới nghiêm còn đã cấm thuyền nhân đốt lửa nấu nướng làm sinh hoạt trở nên khó khăn.

4. Sinh hoạt văn hoá và việc

thông tin giữa các trại và bên ngoài đã bị hạn chế tối đa nhằm mục đích bưng bít tin tức. Việc này xảy ra từ Nam dương, Mã-lai đến Hồng Kông. Báo chí, thư từ gửi vào trại bị tịch thu trong lúc Cao Ủy Tị Nạn mua sách, báo, phim ảnh của Việt Cộng đem vào phổ biến trong trại.

Việc bưng bít thông tin ảnh hưởng lớn đến tinh thần của thuyền nhân và làm thiệt hại cho thuyền nhân trong việc thanh lọc.

5. Vấn đề bạo hành trong các trại là một việc phổ biến. Tại Hồng Kông, Nam dương, Thái-lan, Mã-lai thường xuyên xảy ra việc thuyền nhân bị đánh đập, có khi do chính cảnh sát và lính địa phương. Các thành phần bất hảo được chính quyền sở tại dung dưỡng để dùng vào việc trấn áp thuyền nhân, và Cao Ủy Tị Nạn thì làm ngơ, dù chính họ là những người được quốc tế trả lương để bảo vệ người tị nạn.

6. Theo qui định của CPA, những nạn nhân hải tặc là những người được hưởng thể thức thanh lọc đặc biệt, ưu tiên và nhanh chóng vì lý do nhân đạo. Tuy nhiên, tại Thái lan, đã có khoảng 70 trường hợp nạn nhân hải tặc, hầu hết là phụ nữ đơn côi, vẫn bị xét theo thể thức chung và mất quyền tị nạn.

7. Trẻ em không thân nhân chính là thành phần chịu thiệt thòi nhất trước chính sách hiện hành. Các em còn là đối tượng cưỡng bức hồi hương của Cao Ủy Tị Nạn. Có trường hợp các em bị cưỡng bức hồi hương dù cha mẹ ở VN đang là tù nhân chính trị. Trong lúc đó, tại các trại, các em không được giáo dục, hướng dẫn và chăm sóc, dù Cao Ủy đã nhận hàng triệu mỹ kim của Quốc Hội Hoa Kỳ (tài khóa 92 và 93) để dùng riêng cho việc cải thiện đời sống, giáo dục và thanh lọc các em.

8. Chính sách trại giam tại các trại: hiện nay các trại ở Hồng Kông

là những nhà tù đúng nghĩa, gồm các nhà tôn trờ trụ có hàng rào kẽm gai chung quanh dùng để nhốt thuyền nhân. Cần phải tranh đấu đòi hỏi cho các trẻ em được ra ngoài trại để lấy lại quân bình về thể xác và tâm hồn.

9. Về giáo dục, hầu hết các trại đã thực hiện biện pháp thắt chặt đời sống của Cao Ủy là cắt giảm các chương trình giáo dục. Việc này đã xảy ra tại Nam dương, Mã lai, Hồng Kông. Ngay cả các lớp cho trẻ em cũng bị giảm bớt, một số nơi cấm dạy sinh ngữ trong trại.

10. Thanh lọc bất công là vấn đề quan trọng nhất. Với chủ trương thanh lọc khắt khe và tạo đời sống khó khăn để đẩy thuyền nhân đến chỗ phải hồi hương. Các quốc gia tạm dung và Cao Ủy Tị Nạn đang gặp những kết quả ngược với ý muốn của họ là tình trạng ứ đọng thuyền nhân ở trại, bạo động, tuyệt thực, biểu tình, tự sát ngày càng gia tăng.

11. Vụ kiện ở Phi-luật-tân: Tại Palawan, sau cuộc biểu tình tuyệt thực hồi tháng 12 vừa qua, thuyền nhân VN trong trại đang mưu lược sự nhân quyền để đại diện cho họ thương thuyết với Cao Ủy và đồng thời đưa vấn đề ra tòa án Phi luật tân. (KT)

TRẠI TỊ NẠN THÁI LAN "NGHĨA ĐỊA CỦA NGƯỜI SỐNG"

Ký giả Hồ Ông vừa định cư tại Úc sau gần ba năm ở trong nhiều trại tị nạn tại Thái lan, đã trích dẫn lời của chính một viên chức Thái-lan nhận định rằng trại Sikhiu (Thái-lan) là một "nghĩa địa của người sống".

Trả lời cuộc phỏng vấn của báo *Việt Luận* (Úc châu), ký giả Hồ Ông đã mô tả các trại tị nạn Panat Nikhom và Sikhiu như là những "địa ngục ghê gớm mà hơn 10 ngàn đồng bào VN chúng ta đang phải

chịu đựng".

Theo nhà văn, nhà báo Hồ Ông, cựu tổng thư ký Nghiệp đoàn Phóng viên VN, những nỗi khó khăn, thống khổ vật chất và tinh thần của người tị nạn tại đây không phải do chính quyền nước tạm dung gây ra như nhiều người tại hải ngoại đã lầm tưởng, mà phần lớn chính là do Cao Ủy Tị nạn gây ra.

Ông cho biết, có nhiều viên chức quản trị trại người Thái đã thông cảm và giúp đỡ người tị nạn như tạo điều kiện cho họ cải thiện về hoàn cảnh sống, miếng ăn, sinh hoạt giải trí, văn hoá, thể thao... Ngược lại, không hiểu do quỹ cứu trợ của Cao Ủy bị giảm sút hay do áp lực nặng nề của Chương trình Hành động Toàn diện (CPA), thức ăn cấp phát dành cho một tuần chỉ đủ dùng trong một ngày.

Điều kiện ở còn tệ thảm hơn. Diện tích chỗ ở cho mỗi người trong nhà mái tôn xây thấp ở Sikhiu là ngang 50cm, dài 2 m, "nhỏ hơn diện tích một cái hòm dành cho người chết!"

Mỗi ngày, họ phải canh thức lúc hai giờ sáng để dành giạt tiêu chuẩn 20 lít nước cho mỗi đầu người.

Cuộc sống vật chất đã tồi tệ như thế, về tinh thần, người tị nạn bị áp lực của những tin tức bi quan từ các trại tị nạn, của kết quả thanh lọc bất công, của sự chờ đợi mỗi mòn... một số đã buông thả phóng túng, nảy sinh tệ nạn. Số người mắc bệnh thần kinh ngày một tăng.

Việc thanh lọc thuyền nhân, theo ký giả Hồ Ông, là một trò chơi tuyệt vọng, quái gở mà chương trình CPA bắt người tị nạn phải tham dự, giống như trò chơi ru-lét Nga, nhưng "trong ổ đạn của người Nga chỉ có một viên đạn duy nhất, còn cây súng ru-lô CPA được lạnh lùng trao cho người tị nạn khốn khổ trong trò chơi screening" với ổ đạn được lấp tới 5 viên!" (KT)

Nhận-Xét Về

Người

Tiết-Phụ

Trong

"Tiết-Phụ

Ngâm"

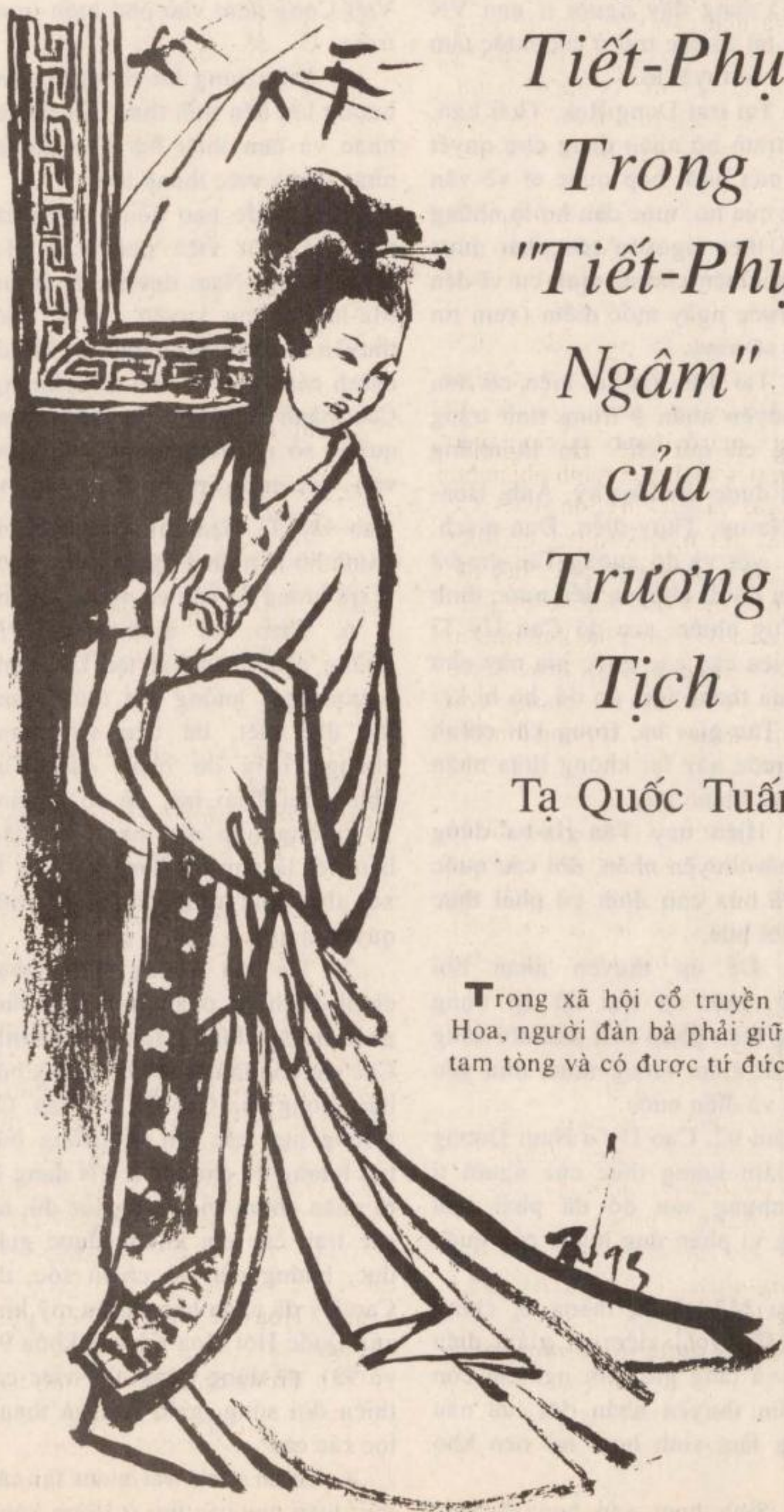
của

Trương

Tịch

Tạ Quốc Tuấn

Trong xã hội cổ truyền Trung Hoa, người đàn bà phải giữ được tam tòng và có được tứ đức. Tam



tòng là “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”, còn tứ đức bao gồm công, dung, ngôn và hạnh. Các đức tính này không thể tách biệt mà phải liên hợp chặt chẽ. Thiếu một điểm nào, người đàn bà sẽ bớt được tôn trọng. Người đàn bà chẳng những phải “xuất giá tòng phu” và nếu cần thì “phu tử tòng tử” mà còn phải cố duy trì, bảo vệ và trau dồi tứ đức, nhất là hạnh. Nếu thiếu hạnh thì dù có được ba đức kia, người đàn bà sẽ bị khinh chê.

Một trong những hình thức của hạnh là tiết. Người đàn bà bao giờ cũng phải giữ chữ tiết làm đầu. Nếu như trong lúc còn ở với gia đình người con gái đã phải bảo vệ tiết trinh của mình triệt để, dù có phải hy sinh cả tính mạng, thì khi đã xuất giá, người đàn bà lại càng phải giữ gìn tiết hạnh của mình nhiều hơn nữa, ngay cả sau khi chồng chết. Có như vậy thì mới xứng danh “tiết phụ”, đáng được xã hội kính nể. Mặt khác, dù trong hoàn cảnh nào, người đàn bà cũng phải khiêm tốn, nhún nhường, không được khoe khoang về mình, về chồng con mình, dù điều khoe khoang đúng là sự thực.

Văn chương Trung Hoa đã có nhiều bài ca tụng tiết phụ, coi là mẫu người lý tưởng của phái nữ. Các bài này không có gì khiến chúng ta phải thắc mắc, ngoại trừ bài *Tiết phụ ngâm* của Trương Tích (768-830?), một thi sĩ đời Đường (618-907).

TIẾT PHỤ NGÂM

Quân tri thiếp hữu phu,

Tặng thiệp song minh châu,

Cảm quân triền miên ý,

Hệ tại hồng la nhu.

Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,

Lương-nhân chấp kích Minh Quang lý.

Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,

Sự phu thệ nghi đồng sinh tử.

Hoàn quân minh châu song lệ thủy,

Hận bất tương phùng vị giả thi.

節婦吟

君知妾有夫
贈妾明珠
感君纏綿意
繫在紅羅襦
妾家高樓連苑起
良人執戟明光裏
知君用心如日月
事夫誓擬同生死
還君明珠雙淚垂
恨不相逢未嫁時

Ngô Tất Tố dịch:

TIẾT PHỤ NGÂM

Chàng hay em có chồng rồi,

Yêu em, chàng tặng một đôi ngọc lành.

*Vấn vương những mối cảm tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.*

*Nhà em vườn ngự kể bên,
Chồng em cầm kích trong đền Minh Quang.*

*Như gương, vâng biết lòng chàng,
Thờ chồng quyết chẳng phụ phàng thế xưa.*

*Trả ngọc chàng, lệ như mưa,
Giận không gặp gỡ khi chưa có chồng.*

Theo một số học giả, Trương Tích làm bài thơ này để tỏ thái độ chính trị của ông. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ không nghiên cứu thái độ đó vì không phải là mục đích của bài này. Ở đây chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu xem thi sĩ đã diễn tả người tiết phụ như thế nào, để xét xem nó có thích hợp với quan niệm cổ truyền Trung Hoa về người tiết phụ không.

Trần Trọng San đã phê bình bài thơ này như sau: “Đây là một bài thơ có tính cách luân lý, nhưng không khô khan, khắc khổ như nhiều bài luân lý khác, trái lại chứa

chan tình tứ, khiến cho người đọc vừa cảm thương vừa thán phục: cảm thương cho mối tình ngang trái, thán phục tấm lòng chính đính của người tiết phụ Á Đông thuở xưa”.

Bài học luân lý này có đáng theo không? Người tiết phụ của Trương Tích có đáng cảm thương không? Tấm lòng của người tiết phụ có chính đính đáng để chúng ta thán phục không? Câu trả lời sẽ là không.

Trước hết, người tiết phụ của Trương Tích không khiêm tốn. Nàng thích khoe khoang gia thế mình.

Để tỏ ra mình không phải hạng tầm thường mà là khá giả, nàng đã khoe là “thiếp gia cao lâu” (nhà thiếp ở lầu cao). Ở Trung quốc đời Đường không phải là ai ai cũng có thể ở lầu cao được, nhất là lại ở kinh đô, mà chỉ có những người thuộc hạng quyền quý hay có địa vị trong xã hội mới được ở nhà như vậy. Hơn nữa, nhà nàng không phải là một lầu cao tầm thường. Đó là lầu cao ở bên cạnh vườn ngự uyển (liên uyển khởi), nghĩa là rất gần với hoàng cung. Còn về thân phận của chồng nàng thì đó là một người cầm kích (lương nhân chấp kích), nghĩa là làm thị vệ, trong điện Minh Quang (Minh Quang lý), một cung điện trong hoàng thành. Nói cách khác, chồng nàng là một người ở gần nhà vua.

Chúng ta tự hỏi mục đích của hai câu thơ:

*Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,
Lương nhân chấp kích Minh Quang lý.*

là gì nếu không phải là để khoe về gia thế và thân phận của vợ chồng nàng?

Thực vậy, người tiết phụ đã biết là người yêu của mình cũng rõ là nàng đã có chồng và nàng cũng đã nhắc nhở sự kiện này với người yêu (quân tri thiếp hữu phu). Như vậy là đủ lắm rồi. Việc gì phải kể lẽ nào là “thiếp gia cao lâu”, nào là “liên uyển khởi”, nào là “lương nhân

chấp kích Minh Quang lý". Chúng đâu có ăn nhằm gì với việc nàng được người yêu tặng quà và việc nàng trả lại quà đó sau khi đã giữ nó một thời gian sát bên mình. Hai câu thơ 5 và 6 đã làm cho người tiết phụ của Trương Tịch trở nên con người kệt cớm, hờn mình, thiếu sự khiêm tốn.

Mặt khác, sự ngang trái của mỗi tình là do người tiết phụ tự tạo nên. Nàng là một người đàn bà đã có chồng và đã biết thốt nên lời "sự phu thê nghi đồng sinh tử" (trọng bốn phận thờ chồng, thề sẽ sống chết cùng chồng) thế mà lại còn đi yêu một người đàn ông khác.

Cứ theo chi tiết của bài thơ *Tiết phụ ngâm*, người tiết phụ của Trương Tịch đã yêu một người đàn ông không phải là chồng sau khi đã có chồng rồi. Sở dĩ chúng tôi cả quyết như vậy là vì căn cứ vào từ "quân" và từ "thiếp".

Ngoài nghĩa chỉ nhà vua, từ "quân" chỉ dùng cho những người trong gia đình thôi, như "nghiêm quân" (cha tôi, còn sống), "tiên quân" (cha tôi, đã quá cố), "phủ quân" (cha tôi, dùng ở bia mộ), "thái quân" (mẹ tôi, dùng ở bia mộ), "phu quân" (chồng tôi), "tề quân" (vợ tôi), "thiếu quân" (con trai ông hay bà). Đối với những người ngoài gia đình, "quân" chỉ được dùng trong hai trường hợp: a) gọi người khác một cách trịnh trọng hay lễ phép khi chưa quen hay mới quen sơ, thí dụ: "chư quân" (thưa quý ông); b) gọi bạn bè khi nói rõ tên người đó, chẳng hạn: "Bùi quân", "Lê quân". Còn đối với đàn bà, từ này chỉ được dùng để gọi chồng hay người yêu của mình thôi, chứ không để gọi bạn với đúng ý và nghĩa của từ "bạn".

Lại nữa, việc người tiết phụ của Trương Tịch tự xưng mình là "thiếp" với người yêu cũng đáng chú ý. Từ "thiếp", ngoài nghĩa chỉ vợ nhỏ, vợ bé, vợ lẽ ra, còn dùng khi người đàn bà muốn nói nhún về mình, ví như "tiểu thiếp", "tiện thiếp", "thiếp thân", v.v.. Tuy nhiên, người đàn bà chỉ dùng nó để

xưng với chồng hay người yêu của mình chứ không phải với bất cứ một người bạn thuần túy nào khác.

Chúng ta bảo rằng người tiết phụ của Trương Tịch đã yêu người đàn ông tặng quà sau khi đã có chồng, không phải là khi còn con gái, là do căn cứ vào hai câu "Quân tri thiếp hữu phu" và "Hận bất tương phùng vị giá thì".

Theo luân lý Đông phương, nhất là do ảnh hưởng của Nho giáo, khi một người đàn bà đã có chồng rồi, dù là trong một cuộc hôn nhân cưỡng ép, người đó không được có tư tình với bất cứ người đàn ông nào khác, không được yêu người không phải là chồng. Người đàn bà có chồng phải trung thành với chồng trong tư tưởng, lời nói và việc làm. Lẽ dĩ nhiên người đó có quyền tiếp xúc với những người đàn ông xung quanh, nhưng chỉ là trên phương diện giao tế hay nghề nghiệp, nếu có, phải hết sức dè dặt, giữ gìn và ý tứ. Việc yêu một người không phải là chồng, dù là yêu thầm yêu vụng, là một vi phạm nặng nề qui tắc tiết phụ.

Mặt khác, tuy người đàn bà có chồng có quyền nhận quà của người khác tặng mình, kể cả của một người đàn ông, nhưng nếu biết rõ người đàn ông tặng quà chỉ vì yêu mình, người đàn bà không được nhận. Đẳng này, người tiết phụ của Trương Tịch dù biết rõ tình ý của người tặng quà, "cảm quân triền miên ý", tặng vì yêu chứ không vì xã giao, mà vẫn đón nhận món quà. Tệ hơn nữa, sau khi nhận quà nàng đã "hệ tại hồng la nhu" (buộc vào trong tấm áo lụa màu hồng). Đây là một chi tiết đáng chú ý. Nó cho ta thấy người đàn bà này cũng đã yêu người đàn ông tặng quà. Thường thì nếu vì xã giao bắt buộc phải nhận món quà của người đàn ông không phải là chồng và không muốn mất lòng người ấy, một người tiết phụ chính đính sẽ cất món quà đó đi. Trái lại người tiết phụ của Trương Tịch tuy không dám đeo đôi hạt minh châu lộ ra bên ngoài sợ bị chồng hay một

người thứ ba nào thấy được sẽ hỏi do đâu mà có, nhưng cũng không muốn cất đi chỗ khác, nên đã buộc vào trong tấm "hồng la nhu" mặc luôn vào người, để ngày đêm có được tặng phẩm của người yêu sát bên mình, luôn luôn gợi nhớ đến người đàn ông tặng quà. Như vậy tình ý của người tiết phụ đối với người đàn ông đó không thể hiểu lầm được. Không những thế, nàng còn biện minh cho hành động của mình bằng cách chống chế là mình nhận quà đó không phải vì yêu người đàn ông mà chính vì vốn "Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt" (thiếp biết dụng ý của chàng sáng như mặt trăng, mặt trời) chứ không có tà ý!

Tình ý của người đàn bà này như vậy là quá rõ. Nàng đã ngoại tình, dù là ngoại tình bằng tư tưởng và bằng cử chỉ, chưa đến chỗ ngoại tình bằng xác thịt. Mãi sau này, không hiểu vì lương tâm cắn rứt, vì thẹn thùng với tà ý, hay vì một lý do nào khác, nàng mới trả đôi hạt minh châu lại cho người yêu (hoàn quân minh châu). Tuy nhiên, nàng vẫn không cương quyết trả lại quà, hãy còn quá luyến tiếc, không nỡ xa món quà, cho nên tuy trả mà lệ còn tuôn đôi dòng (song lệ thủy). Nhất là nàng đã tỏ ý hận cho số phận đen bạc, không gặp được người đàn ông đó trước khi lấy chồng (Hận bất tương phùng vị giá thì).

Để kết luận, chúng ta không thể nào xếp người đàn bà của Trương Tịch vào hàng các tiết phụ được. Bài thơ của Trương Tịch phải đổi tên là *Bất tiết phụ ngâm* mới đúng. Chúng tôi dùng từ "bất tiết" chứ không phải "thất tiết" vì, xét cho kỹ, hành động và tư tưởng của nàng chỉ mới là không xứng đáng để được gọi là tiết phụ thôi, chứ chưa đi đến chỗ đánh mất tiết hạnh để có thể bị gọi là "thất tiết" được.

Chú thích:

* Trần Trọng San, *Thơ Đường*, quyển I, nxb Bắc Đẩu, Sài-gòn 1973, tr. 159.

Kho Trầm Hương của Thầy Năm Nhà Báo

(Độc "Xóm Cũ" của Phạm Thăng)

Lê Văn Lân

LTS: "Xóm cũ", tác-phẩm mới nhất của Phạm Thăng gồm các truyện ngắn "xóm cũ" ưng ý nhất của tác-giả, Làng Văn xuất-bản, giá 12 mỹ-kim (16 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

Thế là tôi khám phá xong "kho trầm hương" của anh bạn họ Phạm!

Anh này có cái cố tật của người già - lẩn thần phần lớn - là góp nhặt đồ cũ, cũ rích cũ rang, rồi chứa kỹ trong rương! Nè, chớ có ai dụng đến hay giở trò xin nhé. Khiến cho tụi con cháu rần mắt phải kêu:

Củi mục bà để trong rương

Nếu ai hỏi đến trầm hương của bà...

Kho "trầm hương" của Phạm Thăng chứa toàn những kỷ niệm cũ. Ta phải đi giạt lùi vào khoảng đầu thập niên 50 ở vùng ven đô Sài-gòn thuở đó mới nắm được cái tính chất cũ của chúng. Cái "Xóm ga nhỏ" - có cái tên Hòa Hưng - thuở đó lại là một thứ xóm mới, qui tụ dân tứ xứ vùng quê bị bom đạn mất an ninh đến tá túc... Họ nghĩ rằng chỉ ở tạm, mai một yên ổn sẽ trở về đồng ruộng thân thương, nơi mà mọi người vẫn áp ủ trong lòng cho là những thứ xóm cũ thiệt của họ!

Qua miệng một cô gái trẻ mới lấy chồng, ta nghe nói "như nói tiểu thuyết" về lý do tại sao vợ

chồng cô đến ở cái xóm ga tân lập này: "Anh nhà tôi thích hoa kiểng lắm, nhất là cây đình lăng lá lốm đốm vàng với cây bông lông đèn màu đỏ thắm có nhụy lòng thông, lá dong đưa này. Hồi vợ chồng tôi đi kiếm nhà để mượn, tới đây ảnh thấy hàng rào cây trà của nhà chùa, ảnh sưng sờ nhớ tới hàng rào bằng cây trà có giầy tơ hồng màu vàng ngà bò quấn quít trên ngọn ở quê nhà, còn tôi thấy cây bông búp mà ngày thơ ấu, tôi cùng bạn nhỏ ngắt lấy đọt lá non để gắn lên cam, lên mếp, giả làm râu. Bây giờ hai vợ chồng tôi ra riêng, bỏ lại quê nhà cái tuổi thơ với tiếng gà gáy vít kêu, với bụi tre rì rào soi bóng bên xẻo nhỏ... bây giờ gặp lại đây hình dáng thân thương đó, chúng tôi quyết định đến ngụ cư tại xóm này cho đỡ nhớ quê nhà."

Ông già bên cạnh nói xen vô:

"- Mèng ơi, cô ba nói chuyện như "nói tiểu thuyết" vậy. Chắc thầy ba "mần nhứt trình" hay sao mà chiều nào tui cũng thấy đem dĩa nhà cả xấp báo vậy?"

Cái xóm cũ "Xóm ga nhỏ" - xóm trạm ga hàng hóa Hòa-hưng nào có gì đẹp đâu, vì dân cư ngụ -



ngoài vài ông công chức, nhân viên tòa sở hay hãng xưởng có đồng lương lèng xềng còn toàn là người bình dân, lao công, buôn bán lật vật... Cái xóm nghèo phần lớn là những căn nhà lá vách dựng bằng cà-tăng (một loại tre chẻ mỏng đan khít nhau) phập phều như muốn sụp mỗi khi có đông gió, hay vài căn che đỡ mái và ngăn vách bằng cách dựa vào tường của nhà ga (thế mà chứa đến ba, bốn con người ở). Họ không cất nhà cao cửa rộng thì lại không muốn đào hầm làm cầu xí vì tốn kém, chật chội trong nhà. Ban ngày đi làm, người lớn giải quyết tại sở làm, hoặc các cô, các bà chịu khó đến cầu cá cất trên kinh đen ngòm phía cổng Bà Xếp... Còn bọn trẻ? dễ lắm, chúng thích rủ nhau đi Đà-lạt hứng gió bằng cách ngồi trên đồng sắt làm đường rầy của sở Hỏa xa tồn trữ để giải quyết bầu tâm sự.

Cái xóm đã lụp xụp lại còn bị ồn ào vì tiếng còi tàu, tiếng đầu máy xình xịch, tiếng bánh sắt lăn trên đường rầy gây huyên náo giấc ngủ về sáng của dân cư, làm họ khó dỗ giấc ngủ trở lại, khiến họ phải "rọ rạy"... Vậy là dân số ở đây tăng mau chóng...

Ấy thế mà cái "Xóm ga nhỏ" này đeo đẳng trí óc của Phạm Thăng đến hơn bốn chục năm sau ở trên mảnh đất miền Tây xa lắc xa lơ của Gia-nã-đại. Như những người khác vô tâm hay bận rộn với cuộc sống mới thì quên hẳn đi cho rảnh trí, nhưng anh bạn họ Phạm lại giải bày ra trên mặt giấy... Cái quý giá - xem như "trâm hương" đối với những "củi mục" dĩ-vãng - không phải là tính chất hoa lệ sang đẹp của hoàn cảnh, vật chất mà ở tấm lòng.

Trong mỗi gia đình đều có một vài nơi chứa đồ tạp nhạp, một cái học tủ, một cái gác lửng, một căn nhà chứa, gọi chung là kho thập vật, bỏ thì thương, vương thì tội, để rồi một ngày đẹp trời soạn tủ, dọn dẹp gác kho, cầm vài món đồ cũ lên... ngồi thần thờ suy nghĩ...

Anh bạn Phạm Thăng của tôi - theo tôi biết - ngoài cái kho thập vật trong tâm tưởng còn có một cố tật cụ thể hơn là sưu tập đồ cổ thật sự như sách cũ, bưu hoa, tiền xưa, thậm chí đến bằng sắc của đình làng... Những món cổ vật này đương nhiên là có giá trị và nói lên cái sành điệu của sở hữu chủ của chúng. Và ở đây, anh chàng họ Phạm lại tỏ vẻ tăng tiu về cái kho thập vật tinh thần... mà tôi ví von gọi là kho trâm hương!

Hãy cho tôi coi nhà kho của anh chứa những thập vật gì, tôi sẽ nói anh là người ra sao! Vì những thập vật đó tố cáo quá khứ thầm kín của anh. Cái mục "Xóm cũ" mở thường xuyên trên tạp chí *Làng Văn*, ngó lăm rằm như vậy mà có rất nhiều người đọc, tuy rằng chỉ đăng những bài viết "tài-tử" của vài độc giả nổi hứng viết về kỷ niệm

cũ ở quê nhà. Những bài "Xóm cũ" hấp dẫn vì tính chất chân thật của tác giả. Cái "tôi" phô trương ra vẫn dễ ghét trong tai người khác nhưng loạt bài *xóm cũ* lại đưa ra nhiều "cái tôi" muôn màu, muôn vẻ, nằm trong một mẫu số chung, đó là "cái tôi" trâm hương của nhân loại!

Tôi thấy tác giả họ Phạm của tuyển truyện *Xóm cũ* đã tự lộ hình mình qua những hình bóng của thầy Năm nhà báo (*Trường đua, Trường học, Trường đời*), thầy Năm nhứt trình (*Chén trà ngày xuân*), anh chàng Văn (*Xóm ga nhỏ*). Khỏi cần nhọc công điều tra tôi cũng thấy nhiều đoạn đời của tác giả họ Phạm:

Thời thơ ấu, cậu bé Phạm Thăng ở nhà sàn trên bờ kinh Châu Đốc mà mùa nước lụt dâng tràn vô nhà ngập đến ba tấc, khiến :

"...bàn ghế tủ giường được kê lên cao từ lúc nước đang dâng lên từ từ, giờ đây cả nhà sống trên ba chiếc giường và hai bộ ván kê trên mấy cục gạch. Từ giường này qua giường kia phải lội nước nên ai cũng ngại, ngoại trừ giờ ăn cơm mới chịu khó quây quần trên bộ ván dùng làm bếp. Giang san của anh em tôi độ hai thước vuông đã chật mà còn chất đầy sách học và tủ sách gia đình..." (Những mùa thu xưa)

Cậu thích đọc sách báo và mộng mơ từ cái thuở nằm trên bộ ván trong căn nhà ngập lụt này. Cả đời cậu là... đi kiếm những nét đẹp thơ mộng của mùa thu mà không được thấy vì ở miền Nam chỉ có mưa nắng hai mùa, để đến nay về già, cậu cũng chưa được thấy rõ mùa thu ở cái đất gió lạnh, tuyết phủ của Bắc Mỹ.

Cậu bé Phạm Thăng tuổi con ngựa, Canh Ngọ mà, nên di chuyển long đong. Không tiếp tục học chữ bậc trung học, cậu vô học vẽ ở trường Mỹ-thuật Gia-định rồi ra làm việc ở nhà in, vẽ *panneau* cho rạp hát bóng, rồi đi làm báo, vẽ

biếm họa... Thời buổi loạn lạc, kinh tế khó khăn mà cái tuổi mới bước vào đời, đầu thập niên 50, không làm "thầy năm" có quan niệm chua chát hay ghen tị với người đời, trái lại thầy là người "dễ thương" chứ không "dễ ghét" khi thầy tự nói về mình rất nhiều, đặc biệt thầy là người có lòng, luôn luôn phấn đấu để cải thiện cuộc đời cho mình và những kẻ chung quanh. Cảm động nhất là thầy có cái "nhân quan" nhân hậu đối với đời...

Cái nhân hậu này khiến riêng cá nhân tôi đọc *Xóm cũ* có lúc nước mắt mờ đi vì hơi lệ sương sương... Cái nhân hậu tỏ ra trong sự tiếp xúc với bà con nghèo trong xóm (cái cô vợ trẻ của thầy cũng biết ăn, biết ở lắm, qua sự nhún nhường...) Thầy Năm thông cảm với cái phần uất không chịu nhục của họ khi phải trả tiền đất cho chà Xả-tri (*Xóm ga nhỏ*). Thầy lại quý nể những nhân vật chỉ sống theo thiên lương nhân ái tuy rằng nghèo mạt rệp, chẳng hạn như bà Năm bán bánh tét, không chồng con, sống thui thủi trong gian nhà nhỏ...

"... Ai ở xóm này đều có dịp để nhờ bà, mà bà không bao giờ lấy tiền thù lao của ai, bà nói:

- Mèng ơi, tui tứ cố vô thân, ở đây có một mình, lấy tiền bạc của bà con làm chi. Tui làm việc nghĩa là để sau này, khi tui nằm xuống, bà con không bỏ tui. Chớ lấy tiền rồi khi chết có đem theo được đâu. Hi, hi... Bà con xa đâu bằng láng giềng gần, mà tối lửa tắt đèn thì phải có... tui chớ." (*Xóm ga nhỏ*)

Thầy lại thương "chị em thằng Bốn". Thằng này con nhà nghèo đi gỡ vỏ cây trên các xúc gỗ trên các toa xe lửa để bán làm củi nấu. Con chị nó, bé Lan bán thuốc lá lẻ. Nghèo nhưng tụi nó không mánh mung. Chị em thằng Bốn thương bà Năm bán bánh tét lắm, cứ vài ngày, Bốn đem lại cho bà một bó vỏ cây... (*Xóm ga nhỏ*)

Còn bé Lan đã trở mã ở tuổi

dậy thì, biết mình đẹp, muốn làm đom bằng cách thoa phấn kín đáo, nhưng sợ cha mẹ rầy. Cô Lan hằng ngày phơi nắng bán thuốc lá lẻ giúp gia đình đã lọt vào con mắt si tình nhưng nhút nhát của anh chàng gác trật tự nhà ga, người đen đui để có hõn danh là Thổ Thần. Câu chuyện tình của hai trái tim thơ ngây này rất có "hậu".

"Nàng không mơ ước có ông chồng làm thầy thông, thầy ký... mà chỉ tưởng tượng sẽ có chồng làm tài xế để theo xe lửa bán hàng.." (Xóm ga nhỏ)

Mộng ước bình thường được thầy Năm nhà báo dựng thành một câu chuyện cực kỳ nhân hậu.

"Một làn gió từ khoảng đường rầy trống trải thổi nhẹ làm cho vài sợi tóc mai của cô gái bán thuốc lá bay bay, mơn man đôi gò má ửng hồng... Thằng Thổ Thần nhìn sống.." (Xóm ga nhỏ)...

Tôi hay trách những ông bà viết văn thích nói đến cuộc đời bi thảm, mô tả những nghịch cảnh tội lỗi, nhưng rất thích những cây bút tả những câu chuyện nhẹ nhàng dễ thương có *happy ending* (kết cuộc hạnh phúc) mà tôi gọi là bút nhân hậu. Đời dù có buồn hay đen tối thì đừng có bôi đen, rên rỉ nó thêm qua sự hư cấu tưởng tượng của mình, khiến người đọc chỉ thấy nặng chùng tơ lòng. Đọc xong một câu chuyện "nhân hậu" viết thật khéo, tôi thấy phải cảm ơn tác giả đã tốt với tôi và với đời, vì như đã cho mọi người uống nước cam-lô vậy.

Thầy Năm lại đề cao cái lương tâm anh "Bảy Thành của đoàn xiếc Tiểu La Thành" gồm hai vợ chồng, một đứa con gái, một con khỉ và một con chó.

Một số gánh sơn đông trước đây đã mưu mô làm thuốc tể giả hiệu... chỉ có vợ chồng Bảy Thành không làm vậy.

"Có hôm bà vợ gợi ý, Bảy Thành gạt đi, nói:

đợi tin hoàng việt thi (quốc-nội)

- Tui vẫn biết họ làm thuốc giả để gạt đồng bào. Mình không nên làm vậy... hại người không nên.

Thím bảy chống chế:

- Đâu có hại gì. Chỉ là com nguội mặt ong pha thêm thuốc... (Sơn đông mãi võ)

Thầy Năm họ Phạm là người có chí phấn đấu mà ý thức về cái thiên chức của mình. Năm 1950, tốt nghiệp trường Mỹ-thuật Gia-định, thầy vào làm tại rạp chớp bóng Nam Quang. Có lúc thầy cũng tủi phận chứ sao không?

"Có hôm tôi xoay trần, bò vào tấm panneau lớn để sơn phờng, tôi nghĩ thầm: đi học làm họa sĩ để bây giờ... bò ra đây bôi bôi, phết phết. Nhưng sau đó tôi hết buồn vì biết nghề nào cũng cao quý, có phải đợi vẽ tranh dầu như Renoir, Rubens mới nổi tiếng đâu, tôi mới ra trường, nghề còn non nớt, được vào đây học với thầy Tuyết tận tình chỉ bảo thì buồn nỗi gì, nhứt là học với anh họa sĩ có nét vẽ bay bướm điêu luyện." (Màu sắc cho đời)

Thầy ca ngợi các họa sĩ vô danh chuyên vẽ những hình ảnh cho người bình dân, vì họ "đã đem sắc màu yêu đời cho căn nhà tranh ở quê nghèo..." (Màu sắc cho đời)

Phạm Thăng - nhân vật Văn - thời đó còn nghèo, thích hút thuốc nhưng chỉ đủ sức mua thuốc lá lẻ hiệu Nút Chuồn, hằng ngày phải quá giang xe lửa chở nhân viên hỏa xa đi làm rồi dần dà chàng Văn nhờ "làm nhứt trình" sắm được

rít từng hơi thuốc vôi vàng
cần từng hớp rượu bàng hoàng đợi tin
tóc em xõa kín nỗi niềm
bay dài trong cõi nhớ quên bốn mùa
tôi ngồi ngày đợi đêm chờ
ngoài vườn gió thổi
hững hờ
nhện giăng

chiếc xe Lambretta đầu bò. Cuộc sống của thầy cô bắt đầu khá, có đồng ra đồng vô, Thầy Năm thích la cà chợ sách, chợ chó, chợ Cũ để săn mua sách xưa, tiền cổ... còn cô vợ thì mua chén đĩa kiểu dựng trong tủ chè...

À, có một điều rất dễ thương của chàng họ Phạm này, tuy là con người của gia đình gương mẫu, có lúc cũng "phạm tội" và phạm tội một cách dễ thương. Đó là mê cá ngựa trong một thời gian ngắn. Nói dối có cuộc họp bất thường, lấy lén tiền dành dụm của vợ dựng trong hộp *biscuit* (cẩn thận lấy những tờ bạc phía dưới) để bị ngựa đá: bảy ngàn đồng dành dụm bay tiêu theo các độ ngựa... Và cái kỷ niệm đau buồn nhứt của chàng là hôm chàng bị cháy túi...

"...Chân bước về phía chiếc xe, nơi chỗ gởi quen thuộc, tôi không dám nhìn lên vì sợ gặp người quen. Đến bên cạnh xe, tôi ngạc nhiên thấy có bàn tay phụ nữ nào đang để trên yên xe sau của mình. Nhìn lên, tôi sống sờ: vợ tôi.

Tôi cười xẻn lẻn, vợ tôi cũng cười buồn buồn. Tôi nói nhỏ:

- Nè, đi về nhà rồi muốn cần nhần gì cũng được, đừng nói om sòm ở đây nghe em.

Vợ tôi nói nhẹ nhàng:

- Ai cần nhần gì đâu." (Trường đua, Trường học, Trường đời).

Chị vợ của anh cũng thật dễ thương. Hai ông bà đã cư xử với nhau như vậy khiến ai đọc cũng thấy mùi lòng, lẽ muốn dâng lên bờ mi... vì tính chất dễ thương của nó.

Cái anh chàng họ Phạm thích sưu tập đồ xưa thì chị vợ cũng vậy.

Anh thích "mùa thu", thích đứng la cà giờ chọn sách cũ, thích tiền xưa, tem cũ, càng cũ anh càng càng khoái. Cái máu chuộng cũ của anh có từ thuở còn nhỏ, anh thích đứng ngắm bức tranh thờ, thích nhắc lại cái mùi hăng hắc của bồ-ri-dăng-tin hiệu *Đêm Thượng-hải* cũng như chị vợ nhưng nhớ chuyện gỏi đầu với nước bông bưởi... anh thích chưng trong tủ những chén con rồng, tô da diệc, nhạo đựng rượu, chị vợ cũng cùng sở thích:

"... Em cũng giống má, giống ngoại, giống các bà Việt-nam ở quê nhà thích có một tủ kiếng đựng chén bát, tô đĩa có vẽ con rồng, cái tháp... Có những tô màu da diệc, anh nhớ màu lông chim diệc không, cái loại chim có lông không trắng mà màu xanh lam đỏ. Những cái chén kiểu mỏng tanh màu da diệc, cầm lên búng tay vào nghe coong coong... rồi bộ chén con rồng mà lúc nhỏ em chỉ được đứng nhìn ông nội ăn với khách chớ tuổi em đâu được sử dụng... (Chợ Tồn Cối)

Được quen nhà văn Phạm Thăng trên điện thoại và thư từ, tôi chưa có dịp xem tận mắt các cổ vật do Phạm quân sưu tầm để thẩm định cái sành điệu thông thái của anh, nhưng tôi đã nhiều lần mẩn những kỷ niệm của anh nói về những vật hay sự kiện tầm thường của thời đại trước đây như các "cộ" cúng rằm, ông Tiều diện, các thứ bánh ếch, bánh cấp, phong tục cúng rằm Trung Nguyên ở từng xí nghiệp hay cơ sở trong Nam, phong tục giứt giàn (trong bài *Bố thí cô hồn*), ông tả rất tỉ mỉ linh động về các loại tranh thờ, bộ tứ bình, tranh *Phong thần, Tam quốc*, các đĩa hát vẽ sơn thủy, các bông hình long lân qui phụng, các nia phong cảnh:

"... Tôi đã đứng nhìn trái dừa màu nâu được gắn thêm vài trái

đậu đũa cho thành lưng con qui có vậy, cũng như há hốc miệng nhìn hai trái ớt sừng trâu cong tròn trên hai trái cà tô mát đỏ để làm đôi mắt rồng đang nhe răng bằng những tép tỏi trắng....

...Trên bàn thờ hai bên tả hữu cũng có trang trí nhưng không giống bàn thờ giữa, mà là hai phong cảnh. Lại phong cảnh, nhưng độc đáo là không phải vẽ bằng màu sắc mà kết bằng vỏ cây trầm, thân cây chuối, rong rêu, buồng cau non... trên một cái nia lớn.

Đứng gần nhìn lên qua làn khói hương, những mái nhà làm bằng mo nang cau phơi khô, những vỏ trầm làm thân, những rong rêu màu xanh kết thành lá thật tài tình. Hình ảnh quen thuộc của quê nhà được thu nhỏ trên cái nia tròn đó mà chỉ làm bằng vật liệu để tìm quanh ta. (Màu sắc cho đời).

Phạm Thăng đã nhắc những danh từ xưa của thời trước đây như: *đề-pô*, *bể ghi*, *tàu na-quét*, quen nghe trong giới nhân viên hỏa xa hay đã ghiền nghe âm thanh lộc cộc, leng keng... khi người dân ven đô di chuyển bằng xe ngựa.

"...Thầy Năm nhà báo nhẹ nhàng trả lời:

- Dạ hay chớ bà Bảy. Bà đi xe ngựa quen nên không để ý. Chớ trong đêm khuya thanh vắng nghe tiếng lục lạc ở cổ ngựa rung leng keng đều đều theo tiếng bốn vó ngựa gõ độp độp trên đường nhựa... lâu lâu nghe một tràng tiếng chuông đồng gắn theo bánh xe do bác đánh xe ngựa rà cán roi vào làm nó kêu lên cho người đi đường biết mà tránh... Những âm thanh của vó ngựa, của lục lạc, của chuông đồng vang đều đều trên đường khuya ở vùng ngoại ô tịch mịch này nghe như bản nhạc vậy đó. Người sống nơi thành thị ồn ào làm sao nghe được nó... may mà tôi được ở đây, gần bà con, mới được nghe tiếng nhạc... (Chén trà ngày

xuân).

Những cái kỷ niệm của Phạm Thăng có thể được coi như là củi mục vô nghĩa, không thú vị gì trong lời nhắc lại của người thường, nhưng lại là những chứng tích quý báu của một thời xa xưa vang bóng. Giá trị trầm hương của chúng là do ở cái ngòi bút mô tả của một người có con mắt nhận xét tinh tế, trí nhớ đặc biệt, một tâm hồn yêu văn hóa sâu sắc... Phạm Thăng vốn là một họa sĩ kiêm văn sĩ mà.

Những người thích nhắc dĩ vãng thường có tâm hồn già. Phạm Thăng hình như đã già trước tuổi. Ngay vào cái tuổi thanh niên của ông, ông đã thích ngồi uống trà tàu sớm để trầm ngâm suy nghĩ. Ông thích dĩ vãng sống lại qua thi văn mùa thu, qua thú chơi đồ cổ, qua những phút ngồi lắng nghe "tâm sự của lá trà". Cái cũ luôn luôn đeo đẳng với cái lớp tế bào xám ở vỏ đại não của ông... cái cũ không tiếc hận mà là cái cũ êm đềm, ẩn nhẫn, mộng mơ...

Cách đây non nửa thế kỷ của cuộc đời, sống ở xóm ga nhỏ tân lập tận Sài-gòn, ông nhớ miền quê cũ ngập lụt, những đề lục bình trôi lang thang trên sông Long Hồ... Bây giờ ngồi ở Gia-nã-đại ông lại nhớ về xóm này. Cái tinh thần hoài vọng của ông được giải bày không phải chỉ qua cuốn tuyển truyện *Xóm cũ* này mà còn qua rất nhiều sáng tác của ông trong các cuốn: *Xuôi dòng Cửu-long* (Làng Văn, 1990), *Tiền-tệ Việt-nam*, *Cô sáu Tân-qui* (Viên Giác, 1990).

Tâm trạng của anh chàng Phạm Thăng đã phảng phất tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều:

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng...

Nếu cho phép tôi được ví von lần nữa, trước khi dừng bút, tôi sẽ gọi Phạm Thăng là con người của trầm hương dĩ vãng...

✱

Nói Chuyện với Trường-Sơn Lê Xuân Nhị, Nhà Văn của Quân-Chúng

Đào Huy Đán



Đào Huy Đán: Xin anh cho biết một chút tiểu sử.

Lê Xuân Nhị: Tôi sinh năm 1951 tại cao nguyên Ban-mê-thuột. Học trường La-san từ nhỏ đến lớn. Tình nguyện nhập ngũ cuối năm 1969, tốt nghiệp khoá 4/70 Sĩ-quan trừ-bị Thủ-đức, trở thành phi công lái L-19 năm 1972. Sang Mỹ năm 1975. Học đang dở đại học UNO.

DHĐ: Anh có tham gia vào báo chí văn chương khi còn ở học đường và ở Sài-gòn trước ngày 30/4/1975 không? Ở hải-ngoại anh bắt đầu cầm bút từ hồi nào?

LXN: Trước 75 tôi chưa hề cầm bút. Đúng ra tôi có thử một lần năm học đệ nhị. Hồi đó, tôi có viết một truyện ngắn gởi cho ông Duyên Anh để đăng trong tờ Tuổi Ngọc nhưng chờ mãi chẳng thấy bài mình đâu. Biết thân phận mình, tôi quẳng bút luôn.

Sang Mỹ, tôi cũng chẳng bao giờ nghĩ mình sẽ cầm bút trở lại. Chuyện viết lách của tôi cũng tình cờ như sau: hồi mới sang Mỹ, thỉnh thoảng, gần đến những ngày 30 tháng 4, lòng đau đốn uất hận vì

việc thua trận phải bỏ chạy nhục nhã, tôi có viết thơ gởi cho tờ nhật báo địa phương *The Times Picagune* để đăng trong một mục tương tự như là mục "Ý kiến độc giả". Những bài viết này tôi kể lại sự chiến đấu anh dũng của quân đội VNCH và vạch trần những sai lầm của dư luận Hoa-kỳ đối với cuộc chiến Việt-nam. Dưới mỗi bài viết tôi đều ký tên là "Nhị Xuan Le, Pilot VNAF." Tôi ngạc nhiên và mừng rỡ vô cùng vì lá thư nào tôi gởi cũng được họ đăng tải sau khi biên-tập, dù nhiều lá thư tôi viết rất cay đắng với những kẻ phản chiến. Một hôm hội Không-quân địa phương làm tờ đặc san, có vài người đọc được bài của tôi trên báo Mỹ nên bảo tôi viết. Đó là lần đầu tiên tôi cầm bút.

Tôi nhớ hôm đó là ngày thứ sáu. Tôi ngồi vào bàn giấy lúc 8 giờ tối, nghĩ sao viết vậy, viết một lèo cho đến 3 giờ sáng. Đó là đoạn văn "*Phi-đoàn 114*". Viết xong đứng lên đọc lại, tôi thấy tờ giấy ướt thì mới biết là mình đã khóc không biết từ lúc nào...

Bài đó được nhiều người thích,

bạn bè gọi tới khuyến khích. Tôi tiếp tục viết thêm vài truyện nữa, chỉ toàn chuyện lính hay chuyện tiểu lâm để đăng báo biểu. Bạn bè tôi trong giới... báo biểu nhiều, nhiều khi phải dãi dằng cho chúng nó ăn nhậu để được đăng truyện. Rồi nhân một truyện dài của tờ báo biểu địa phương vừa chấm dứt, tôi năn nỉ người bạn chủ báo cho tôi viết thử vài kỳ về một câu truyện *mafia* về Al Capone. Tôi không ngờ truyện tôi trở thành ăn khách ngay từ trang đầu tiên.

Viết lai rai được chừng một năm, thấy vừa đủ dài cho một cuốn sách, tôi bỏ tiền túi ra in đại thử 1000 cuốn đầu tiên. Cuốn này do một mình tôi bao dàn nên có nhiều lỗi chính tả (dù tôi đã đọc đi đọc lại bản thảo đến sáu lần), và trình bày rất đơn sơ.

Sách in xong, sáu tháng đầu tiên, vừa cho vừa bán tôi tiêu thụ

được khoảng... 100 cuốn. Nản quá, tôi đã biên thư cho một người bạn và tâm sự rằng: *"Viết văn là một thú giải trí thanh tao nhưng... khá tốn tiền."*

Chẳng ngờ, sáu tháng sau, nhờ chuyện của tôi đăng trên nhiều tờ báo, tôi bán vèo một cái hết 900 cuốn còn lại. Nghề viết văn của tôi bắt đầu như vậy.

DHĐ: Nếu không làm, nguyên-quán của anh cũng ở Ban-mê-thuột, nơi anh ra đời. Xin anh cho biết những nét khái quát về quê hương anh. Xin cho biết luôn những kỷ niệm của anh trên cố hương.

LXN: Nhiều người cứ tưởng Ban-mê-thuột là đất toàn người thượng ở, nhưng sự thực không phải vậy. Người thượng chỉ ở trong buôn, cách xa thành phố, còn trong thành phố toàn là người Việt. Đa số dân ở đây sống bằng nghề trồng-tría cà-phê. Gia đình tôi cũng sống bằng nghề làm rẫy. Nếu nói về những nét khái quát thì đây là một vùng cao nguyên trù phú, rất đẹp, khí hậu tốt, thích hợp cho những ai muốn sống bằng nghề trồng tría.

Ở đây có một loài hoa lạ chưa bao giờ nghe ai nói đến là hoa... Cà-phê. Nhà thơ Đặng Thị Quế Phượng có bài thơ nói về hoa này rất tình và rất đẹp, nhưng riêng tôi, mỗi năm nhìn thấy hoa cà phê nở là lòng tôi lại thấy... buồn phiền vô cùng. Buồn phiền vì khi cà phê đơm hoa, chúng tôi phải tiếp tục tưới nước liên tục, tưới bất kể ngày đêm cho đến hoa đậu trái. Mùa nào hoa nở mà không tưới kịp thì coi như mùa đó đi đoong, tét nhút khỏi có ăn! Nhiều khi nửa đêm máy bơm hư, đàn ông con trai cả nhà phải làm việc tới sáng. Có khi hai ba ngày không được ngủ. Vì thế mùa cà-phê đơm hoa là mùa thơ mộng của thi sĩ nhưng lại là mùa cực khổ và cũng là mùa... bị đòn nhiều nhất cho những thằng con trai làm biếng như tôi.

Tuy nhiên, tôi nhớ ngày xưa có

một lần theo thân phụ ra rẫy tưới cà-phê, đi ngủ rồi sáng trở ra thì bỗng nhìn thấy cả một rừng hoa trắng xóa trước mặt mình. Đẹp kinh khủng. Đi giữa rừng hoa trắng mới thấy lòng mình dịu lại và gần gũi thiên nhiên, với đất với trời làm sao.

Một kỷ niệm khác mà tôi nhớ nữa, tuy xưa cũ rồi nhưng có liên quan đến chuyện viết văn của tôi như sau: năm lớp nhì, thầy giáo ra bài luận tả con bò, bắt phải viết đủ ba trang giấy. Tôi về nhà cắn bút hì hục mãi mà viết đến phần kết luận chỉ được có được hơn một trang. Bí quá, trong phần thân bài, tôi tả thêm... một con bò nữa. Con này khác hơn con kia, dĩ nhiên. Nhưng thêm con bò này rồi mà cũng chưa đủ ba trang giấy để nộp bài. Thế là tôi cho hai con bò húc nhau một trận trời sập đất thấm. Lần này thì tôi viết tới năm trang giấy.

Sáng hôm sau tôi hí hửng đem bài đi nộp, tưởng bài mình thầy sẽ đọc cho cả lớp nghe, nào ngờ lại được hai quả trứng vịt, thêm năm roi vào đít và một lời phê như sau: *"lạc đề, không lo học hành, chỉ được cái tưởng tượng bậy bạ."*

Bây giờ mỗi lần cầm bút, tôi cứ bị... con bò ấy ám ảnh mãi.

DHĐ: Là một sĩ quan Không quân, anh có kỷ niệm lớn nào trong quân-ngũ và binh-chúng?

LXN: Tôi ra trường vào mùa hè đỏ lửa năm 72, tham gia nhiều trận đánh khốc liệt nên có rất nhiều kỷ niệm. Một phần những kỷ niệm này đều đã trở thành những ý tưởng chính hoặc đề tài của tôi trong hai cuốn truyện ngắn vừa xuất bản là *Đất khách trời quê* và *Trôi theo vận nước*.

Nói về kỷ niệm thì đáng nhớ nhất là những ngày ở biệt đội, khi đi tăng phái cho các đơn vị bộ binh. Nơi đó, xa mặt trời, xa mọi thủ tục phiền phức linh kinh, chúng tôi sống thoải mái như những tráng-sĩ thời xa xưa, thương yêu và

đùm bọc lẫn nhau như anh em trong nhà. Một cái nhớ nữa là nhớ những bạn bè, những anh em trong phi đoàn. Trong phi đoàn tôi đầy đầy những nhân vật lắm cảm như thằng Hạnh (trong truyện *Ba người phi công di-tấn*), ù lì như thằng Tiến và xông xáo nhưng vụng tính như tôi...

DHĐ: Anh cho biết về những nhà văn Không-quân như Toàn Phong, Đào Vũ Anh Hùng, Dương Hùng Cường, v.v.

LXN: Các nhà văn anh nhắc đều không ít thì nhiều đã nổi tiếng khi còn ở Việt-nam. Trong Không quân tôi thuộc hàng sinh sau đẻ muộn nên không được quen nhà văn nào cả.

Về nhà văn Toàn Phong, hồi muốn xuất bản tập *Đất khách trời quê*, dù chưa hề quen biết ông, tôi cũng đã đánh liều gửi bản thảo và xin ông ta viết cho lời giới thiệu. Ông nhận lời và gửi cho tôi ngay.

Tôi mới được quen biết nhà văn Đào Vũ Anh Hùng ở Mỹ khi anh phụ trách tờ báo *Lý-tướng* của Tổng Hội Không-lực.

Còn Dương Hùng Cường, như anh biết, đã chết ở Việt-nam. Đó là một nhà văn chống cộng có tài. Tất cả những tác phẩm của ông ta tôi đều đọc.

DHĐ: Theo anh, một tác phẩm có đủ kích thước nghệ thuật phải như thế nào?

LXN: Với kiến thức nông cạn của tôi, tôi thấy khó để mà nhận định, nhưng tôi nghĩ một tác phẩm nếu có đủ kích thước nghệ thuật không những phải vượt thời gian mà phải vượt cả không-gian.

DHĐ: Quyển *"Đất khách trời quê"* anh bắt đầu viết từ năm nào? Anh muốn gửi gắm những gì với độc giả. Khi được trình làng, nó có gây ảnh hưởng gì với độc giả không?

LXN: Bắt đầu viết khoảng năm

1988, in năm 1990. Điều tôi muốn gởi gắm, nhất là trong truyện "*Tự truyện của một phi công*", là sự đau đớn uất hận vì mình là người chiến binh, nhận lãnh trọng trách của nhân dân giao phó mà không giữ được nước, để quê hương bị rơi vào tay Cộng-sản. Tuy nhiên, dù thua trận nhưng cũng không vì thế mà nản lòng đầu hàng. Đây là nỗi lòng của tôi, nhưng tôi nghĩ, đó cũng là nỗi lòng chung của những người chiến binh quân-lực VNCH.

Tôi không biết có gây được ảnh hưởng gì với độc giả hay không nhưng nghe bạn bè cho biết đa số người đọc đều rất thích. Tôi cũng nhận được nhiều lá thư gởi tới khen ngợi.

DHĐ: *Quyển "Đất khách trời quê" có bao nhiêu phần trăm sự thật, bao nhiêu phần trăm tưởng tượng? Phần tưởng tượng bắt nguồn ở vận sự nào?*

LXN: *Tự truyện của một phi công, Người bạn TQLC, Phi-đoàn 114* thật 100%. *Phi-vụ diệt pháo* 75%. *Anh hùng vô danh* khoảng 50%.

Có điều, lúc tôi viết đoạn văn *Phi-đoàn 114*, bạn bè từ Việt-nam qua nói rằng ông Tám đã chết nhưng sau đó mới biết là ông còn sống.

Phần tưởng tượng cũng dựa trên những địa danh, và những yếu tố chiến trường có thật thời ấy. Những chuyện hào hùng như chuyện quân ta gọi phi cơ dội bom hay pháo lên đầu mình là những chuyện đã xảy ra mà tôi đã từng chứng kiến.

DHĐ: *Sau Đất khách trời quê, anh có viết thêm cuốn truyện ngắn nào nội dung như vậy nữa không?*

LXN: Đó là quyển *Trời theo vận nước*. Đa số những truyện quyển này đã đăng trên *Làng Văn*.

DHĐ: *Bộ "Xếp Al Capone" do anh phóng tác hay sưu tập tài liệu rồi tưởng tượng thêm ra?*

LXN: Hồi mới đến Mỹ, vì ngày xưa say mê cuốn *Bố già* và vì muốn trau dồi thêm khả năng Anh văn nên tôi đã vào thư viện sưu tập rất nhiều sách báo thuộc loại *non-fiction* viết về *mafia*. Trong số những "con cá mập", có hai nhân vật nổi bật, được báo chí nói tới nhiều nhất là Al Capone, vua dĩ điểm cờ bạc và một người nữa là Jimmy Hoffa, vua nghiệp đoàn của Mỹ. Hai nhân vật này đều có thật và có rất nhiều tài liệu để khai thác.

Mười bốn năm sau tôi mới bắt đầu viết về Al Capone, sau khi coi phim *Untouchable*. Với mớ "kiến thức" sẵn có về Al Capone, tôi nghĩ tôi có thể khai thác được đề tài một cách sâu rộng hơn để cống hiến độc giả Việt-nam. Thế là cuốn *Xếp Al Capone* ra đời.

Sau khi hoàn-tất bộ *Xếp Al Capone*, tôi sẽ viết lại bằng tiếng Anh; và đồng thời sẽ viết tiếp bộ Jimmy Hoffa tức "*Ngài chủ tịch nghiệp-đoàn*" như đã quảng cáo trước.

DHĐ: *Bộ Xếp Al Capone ăn khách kinh khủng, theo anh nhờ yếu tố nào?*

LXN: Trước hết, tôi nghĩ là đề tài. Thế giới Mafia là một thế giới bí-mật và hấp dẫn không phải chỉ đối với người Việt-nam thôi mà ngay cả với người Mỹ và nhiều dân tộc khác trên thế giới.

Tiếp theo, tôi nghĩ là truyện *Al Capone* sống động, có nhiều *action*. Khi dựng nên một nhân vật nào, tôi đặt cho nó một cái tên, cho nó một số mạng, một hoàn cảnh và cá tính riêng biệt. Thế rồi cứ để cho nhân vật đó tự sống, tự hành động lấy, tự suy nghĩ lấy theo bản năng của mình. Tôi chỉ đứng ngoài quan sát rồi viết lại chuyện họ làm.

DHĐ: *Không khí ở "Xếp Al Capone" dữ dằn sát máu, trong khi không khí ở "Đất khách trời quê" tuy có nhiều pha căng thẳng nhưng*

tự trung rất thiết tha. Anh nghĩ sao về nhận xét này?

LXN: Thưa anh đúng. Như tôi đã nói, *Đất khách trời quê* là nỗi lòng uất hận của một người chiến binh không giữ được nước. Còn *Al Capone* là một truyện hoàn toàn để giải trí và để... kiếm tiền.

DHĐ: *Từ khi cầm bút ở hải ngoại tới giờ, anh có những kỷ niệm sâu-dậm nào?*

LXN: Mới đây, do đề-nghị của tạp-chí *Làng Văn*, Hội-đồng Việt-nam tự-do đã ghi tên tôi vào danh-sách các nhà văn được tuyên-dương tại trụ-sở Quốc-hội Hoa-kỳ. Tôi cảm tờ giấy tuyên-dương rung rung cảm động. Tôi quả thật thấy mình chưa xứng đáng để nhận lãnh vinh dự ấy. Tôi cầm bút vì tâm tư uất nghẹn đốn-đau, muốn nói với đồng bào và thế giới biết về cuộc chiến đấu bi hùng của dân tộc và quân đội, kêu gọi lật đổ chế độ độc tài phi nhân đang tàn phá quê hương tôi. Tôi không ngờ những việc làm nhỏ bé của tôi đã được một số người lưu ý.

Đã nhận bằng tuyên-dương, tôi càng phải cố gắng để không phụ lòng trông cậy của những người mến mộ. Đồng thời, tôi cũng muốn xin mượn trang phòng vấn này để gởi lời cảm ơn về sự thương-yêu, tin cậy.

DHĐ: *Giao tình của anh với các văn hữu ra sao?*

LXN: Vì bận rộn với nghề-nghiệp riêng, chẳng mấy khi đi đâu nên tôi ít giao thiệp. Qua điện thoại, tôi quen với các bác Hoàng Văn Đức, Lê Văn Lân; các anh Hà Huyền Chi, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Du Miên; chị Nguyễn Hương,... Qua thư từ, tôi liên lạc được anh Cao Tân, các chị Đặng thị Quế Phụng, Lê Thao Chuyên, linh-mục và cũng là nhà văn Lã Mộng Thường.

Nơi tôi ở, tôi có người bạn nhậu là Nguyễn Lập Đông làm thơ và Lý

Tống, viết văn.

DHĐ: Anh thích những nhà văn Việt-nam nào nhất? Lý do? Anh thích tác giả ngoại quốc nào nhất? Lý do?

LXN: Như đa-số độc giả hải ngoại bây giờ, nhà văn Việt-nam mà tôi thích nhất là Nguyễn Ngọc Ngạn. Lý do đầu tiên, anh Ngạn là nhà văn có lập trường, có đạo-đức chính-trị. Thứ hai, văn anh nhẹ nhàng, kỹ. thuật cao, dễ hiểu dễ đọc, lại tếu. Các cuốn *The Will of Heaven*, *Nước đục*, và *Truyện gần Nguyễn Ngọc Ngạn*, tôi đọc đến hai ba lần. Tôi cũng say mê *Thép đen* của Đặng Chí Bình. Dĩ nhiên, đây là những tác giả mà tôi thích nhất, còn đọc thì hầu hết những nhà văn Việt-nam hải-ngoại, từ mới cho đến cũ, hễ có sách bán tôi đều đọc.

Về sách ngoại quốc thì từ khi

sang Mỹ đến nay, 95% những sách tôi đọc là loại *non-fiction*. Về *fiction*, tôi đọc không nhiều và chỉ đọc loại cổ-diễn. Tôi có đọc vài truyện của Hemingway nhưng không thích bằng John Steinbeck. Tôi đọc gần hết những tác phẩm của ông này. Văn Steinbeck viết rất giản dị và có nhiều chất tếu.

DHĐ: Anh thích đọc thơ không? Nếu có, các nhà thơ nào anh thích nhất? Lý do? Các nhà thơ ngoại quốc nào anh thích nhất? Lý do?

LXN: Nói thật với anh, theo tôi, thơ hay rất quý và khó kiếm hơn vàng. Nhiều khi, đời một người thi sĩ chỉ làm được một hay hai bài thơ hay. Cho nên, hễ đọc được một bài thơ nào hay thì tôi chép liền và cố gắng học thuộc lòng để ngâm nga. Những bài thơ nổi tiếng như *Tha-la xóm đạo* của Vũ Anh Khanh, *Anh*

hùng vô danh của Đặng Phương (Nguyễn Ngọc Huy), và một số thơ hay của các thi sĩ tiền chiến tôi đều thuộc lòng.

Sang đây, tất cả những bài thơ của Cao Tần tôi cũng thuộc. Tôi rất tiếc là không hiểu vì sao sau này anh Cao Tần bị... tịt ngòi nên không còn được đọc sáng-tác mới của anh ấy nữa.

Bài *Vũ a ngày xưa bọn chúng mình...* của nhà thơ Không-quân Bằng Phong (Đặng Văn Mu) tôi cũng nhớ nằm lòng.

Gần đây nhất, tôi cũng đã thuộc lòng bài *Ngày ta về*, rất dài, của Tô Thùy Yên, và bài *Thư gửi Ban-mê-thuật* của Đặng thị Quế Phượng.

Về thơ Mỹ, tôi chẳng bao giờ đọc. Nhiều khi, tôi còn tự hỏi, chẳng biết người Mỹ có ai biết làm thơ và đọc thơ không?

DHĐ: Anh thân với Lý Tống, xin cho độc giả biết những nét tiêu biểu về chiến-sĩ anh hùng này. Giao tình giữa hai người ra sao? Xin cho biết cảm nghĩ của anh về chuyến trở về nước của Lý Tống.

LXN: Ở Việt-nam, dù cùng là phi công với nhau nhưng tôi chỉ mới quen Lý Tống tại hải-ngoại. Nhà thơ Nguyễn Lập Đông, Lý Tống và tôi thường ngồi uống rượu với nhau trong những khi rảnh rỗi.

Như tôi đã viết trên *Làng Vắn* số 100, ngoài lòng yêu nước, con người Lý Tống có hai điểm làm tôi cảm-phục: thứ nhất, con người ấy không hề biết hận thù là gì; thứ hai, anh là người coi rất trọng chữ tín.

Cảm nghĩ của tôi khi Lý Tống trở về, tôi xin lập lại một câu nói của Thủ tướng Churchill năm 1941. Hồi đó, không quân Đức quốc-xã bay sang oanh tạc Luân-đôn hằng ngày. Mỗi lần như vậy là các phi công của Royal Air Force cất cánh lên nghênh cản. Các trận không chiến đẫm máu đã diễn ra trên bầu trời của thành phố, ngay

còn thơm hương cũ thu nào

Trong lòng em dịu dàng
Chút hương còn thơm mãi
Mấy khóm hoa băng khuâng
Những sáng mùa thu ấy.

Và áo xưa còn trắng
Những sớm mai sương hồng
Em chờ bên đường vắng
Ta bơi thuyền qua sông...

Thuở ấy đời khuyh đảo
Mà trái tim thanh bình
Biết bao là thân ái
Vẫn chưa hề điêu linh.

Còn trắng như màu áo
Chút tình xưa thơ ngây
Một thời xưa diễm ảo
Con đường xanh bóng cây.

Sáng nay lòng gợn gợn
Đất trời chừng mệnh mang
Em ơi, mùa thu cũ
Đã về trong không gian.

lãm thúy



trước mắt hàng triệu người dân Luân-đôn. Một ngày, tình cờ, ông Churchill chứng kiến một loạt ba bốn phi cơ của Royal Air Force bị Đức bắn rơi. Ông úa nước mắt và tuyên bố trên đài phát-thanh về những phi công anh-hùng này, một câu nói đã đi vào lịch sử: *"Never before in the history of human conflicts, have so many owed so much to so few..."*

Tạm dịch là: *"Trong chiến sử của nhân loại, thật chưa bao giờ có quá nhiều người mang nợ quá nặng đối với một số ít người như hôm nay..."*

Tôi nghĩ, tất cả những người Việt quốc gia chúng ta đều mang nợ Lý Tống. Và bốn phận của chúng ta là không thể để sự hy sinh cao đẹp của anh chấm dứt tại đây. Chúng ta phải tiếp tục con đường đi của Lý Tống.

DHĐ: Anh nghĩ gì về nhà văn cộng sản như Dương Thu Hương, Phan Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo?

LXN: Họ là những nhà văn cộng sản nên cách suy nghĩ, cách viết, cái gì cũng rập theo khuôn mẫu đã định sẵn. Tôi chỉ có đọc vài truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, vì trong nhóm đó, về mặt văn chương, tôi thấy chỉ có Nguyễn Huy Thiệp là được nhất. Về Dương Thu Hương, tác phẩm duy nhất mà tôi đọc là... lá thư của bà ấy gửi cho bác sĩ Bùi Duy Tâm. Lá thư làm tôi bật cười mấy lần và thấy tội nghiệp cho người đàn bà ấy. Còn hai nhà văn kia, tôi chưa đọc một truyện nào của họ cả. Đã có lần, tôi mượn được cuốn *Ly thân* mang về nhà và cố gắng đọc để tìm hiểu, nhưng đọc được khoảng mười trang thì đành chịu!

DHĐ: Anh nghĩ sao về hiện tượng hợp lưu văn hóa do nhóm Văn Học, Hợp Lưu, Trăm Con chủ trương?

LXN: Cám ơn anh đã hỏi một

câu đúng nọc. Thật ra, vấn đề này tôi đã muốn lên tiếng từ lâu nhưng chưa có dịp.

Trước hết, "giao-lưu" là một chuyện tưởng tượng. Sức mấy mà cộng sản dám giao lưu văn hóa với chúng ta! Tôi thách chúng nó dám để cho sách báo hải-ngoại được lưu hành rộng rãi trong nước. Tôi sẽ tình nguyện in và phát không cho đồng bào quốc nội.

Những tờ báo mà anh nói, tôi ở xa lại rất hiếm thì giờ nên tôi chưa được đọc. Riêng *Hợp Lưu*, hình như hồi năm ngoái có gửi tặng cho tôi một số.

Tuy không được đọc ba tờ trên nhưng tôi có theo dõi và cũng nắm vững được họ. Tôi có hai giả thuyết dành cho các tờ báo này. Thứ nhất, vì họ táo bón đề tài, không đủ bài viết, không có khả năng hoặc không biết làm gì để câu độc giả nên mới lượm lặt bài vở của các nhà văn trong nước để mong câu khách. Dù sao thì những chuyện và tin tức trong nước vẫn có sức hấp dẫn đồng bào hải ngoại phần nào. Chuyện phát hành các sách của tác giả trong nước cũng vậy.

Giả thuyết thứ hai là họ nhận tiền của cộng sản để làm báo.

Và cũng có thể cả hai giả thuyết trên cùng đúng.

Tóm tắt, chỉ vì miếng ăn mà họ đành đem bán linh hồn cho quỷ. Có thể thôi. Tôi cũng mong những người ấy biết rằng cộng sản rồi chúng nó cũng chẳng có thêm xài họ đâu. Khi chanh vắt hết nước thì sẽ thấy được lòng dạ chúng nó.

DHĐ: Anh nghĩ sao về chuyện hòa hợp hòa giải?

LXN: Tôi xâm chiếm nhà anh, phá tan nát nhà cửa, giết gần hết gia đình anh, nhốt anh em của anh mười mấy năm không thả, vẫn bắt con của anh làm nô lệ, rồi mở miệng đòi hòa giải với anh, kêu-gọi anh về giúp tôi, anh thấy thế nào?

Hơn nữa, đối với cộng sản, chẳng bao giờ có chuyện hòa hợp hay hoà giải. Tất cả chỉ là âm mưu, là giai đoạn. Người quốc gia đã bị lừa bao nhiêu lần rồi mà cuối cùng cũng còn có người còn đâm đầu vào rọ!

DHĐ: Xin anh cho biết ý-kiến về hiện tượng Trịnh Công Sơn.

LXN: Bỏ ra ngoài chuyện tài năng, tôi thấy Trịnh Công Sơn trước 1975 là một con người phản bội, một tên vô ơn; sau 1975 là một con người khiếp nhược hoặc vô lương-tâm.

Tội phản bội của TCS trước 75, có thể tha thứ được, tạm coi như anh ta lầm lạc vì bị tuyên truyền và vì chưa biết cộng sản là gì. Nhưng sau bao nhiêu năm sống trong chế độ cộng sản, anh ta đã biết rõ bộ mặt trái của chế độ phi nhân ấy, đã thấy đồng bào đau thương đói khổ bị đàn-áp đến thế nào rồi mà vẫn còn cam tâm đi làm mọi cho quỷ thì anh ta đúng là khiếp-nhược, hoặc vô lương.

Tuy nhiên, nếu anh ta muốn trở về với quốc gia dân tộc thì cũng chẳng ai nợ xưa-duối, miễn là anh ta đừng có trá hàng để thi-hành nguy-kế. Tôi nghĩ người quốc gia mình luôn luôn mở rộng vòng tay chào đón những người biết cải tà qui chánh.

DHĐ: Anh nghĩ gì về hiện trạng của văn chương ở hải-ngoại?

LXN: Rất lạc quan, về lượng và cả về phẩm. Về lượng, tôi có thể nói, chưa bao giờ chúng ta nhìn được thấy nhiều sách như ngày hôm nay. Dù mọi thứ đề tài, từ chính trị cho đến văn học, tiểu thuyết, hồi ký, khảo luận, v.v.

Về phẩm, so với thời trước 75, tôi thấy nhiều cuốn truyện, nhiều tác phẩm và nhiều hồi ký viết rất hay, làm rung động người đọc.

Tuy nhiên, tôi chưa biết có nhà văn nào ở hải-ngoại sống nổi bằng nghề cầm bút hay không. Tôi nghe

nói có ba người sống được nhờ ngòi bút là các nhà văn Mai Thảo, Xuân Vũ và Hồ Trường An nhưng chưa kiểm chứng được. Nhà văn ăn khách nhất hiện thời là Nguyễn Ngọc Ngạn, xuất bản được 20 cuốn sách, có nhiều cuốn tái bản đến mấy lần mà viết vẫn chưa phải là nghề tay phải, thì người khác làm sao sống nổi? Có thể anh tiêu nhiều quá, hoặc nặng gánh gia đình quá chăng?

Theo tôi nghĩ, các nhà văn hải ngoại cầm bút phần lớn chỉ để giải trí, hoặc hay lắm thì cũng coi như một cái *job* phụ sau cái *job* chính ở hăng.

Một vấn đề nữa tôi đã suy nghĩ và sẵn đây tôi cũng xin trình bày luôn là ở hải-ngoại, chúng ta chưa có một cơ quan hay tổ chức nào để hàng năm, có thể vô tư và công bằng mà thẩm định hay đánh giá một tác phẩm nào hay, tác phẩm nào có số bán nhiều nhất, có giá trị nhất, tư tưởng mới nhất, v.v. để thông báo cho công chúng biết. Tôi nghĩ Văn Bút hay một nhóm nhà báo đứng đắn có thể làm được việc này.

DHĐ: Anh nghĩ gì về tình trạng báo chí ở hải ngoại hiện giờ?

LXN: Báo chí hải ngoại, ngoại trừ các đặc san của các hội đoàn, có thể chia ra làm hai loại: báo biểu và báo bán.

Về báo bán, ngoài những tờ như phát hành hàng ngày ở Cali như *Người Việt*, *Đồng-nai*, ở Úc như *Chiêu-dương*, v.v. các báo bán chạy nhất hiện giờ tôi thấy có ba tờ, đều nằm ở lục địa Bắc Mỹ là *Văn nghệ tiền phong* ở D.C, *Phụ nữ diễn đàn* ở Cali, và *Làng Văn* ở

Canada. Cả ba tờ này đều chống cộng, tuy mức độ và phương cách có hơi khác nhau.

Tờ *Văn-nghệ tiền-phong* sau khi ông Lê Triết bị ám-sát, có vẻ hơi xuống dốc. Ông Tú Phơ nhảy vào rồi lại nhảy ra. Ông Tú Gàn hôm trước đập thì hôm sau lại xin lỗi.

Phụ-nữ diễn đàn nhờ cao thủ Chữ Bá Anh "nhất kiếm trấn ải" vẫn ra đều đều.

Thường báo nặng về văn chương rất khó bán, nhưng tờ *Làng Văn*, nặng về cả văn chương lẫn chính trị nhưng số độc giả dài hạn và số bán lẻ ngang ngửa với hai tờ kia. Đây cũng là tờ báo có minh-họa cùng biếm-họa đẹp nhất và trình bày sáng sủa nhất trong các báo. Tranh và truyện của *Làng Văn* "tái xuất giang hồ" nơi các báo khác là chuyện rất thường.

Nói về báo biểu, tôi không biết hiện tại có bao nhiêu tờ. Con số này thay đổi hàng tháng nếu không nói hàng tuần. Có một điều làm tôi lạc quan là tất cả hoặc đa số đều có lập trường, hay ít nhất, họ cũng tỏ ra chống cộng.

Khoảng một hay hai năm trở lại đây, một chiều hướng mới xuất hiện cho báo biểu là thay vì chỉ phát hành ở địa phương, họ đã thành lập chi nhánh hay phát hành qua các tiểu bang khác trên lục địa Hoa-kỳ như tờ *Thời báo* của Du Miên ở Cali, tờ *Thế-giới* của Đặng Phương Linh và Trương Sĩ Lương ở Houston, tờ *Chiến-sĩ tự-do* của Làng Văn và vài tờ khác.

Một điểm khác tôi để ý nữa là cứ giờ mười tờ báo biểu ra thì anh thấy đã có đến sáu, bảy tờ đăng lại truyện dài của Nguyễn Ngọc Ngạn.

DHĐ: Anh có thích du lịch không? Nếu có, xin cho biết địa danh nào, xứ sở nào mà anh thích nhất?

Một người muốn du lịch cho thoải mái phải hội đủ hai điều kiện: có thì giờ và có tiền bạc. Hai thứ này hiện tại tôi chẳng có thứ nào

cả. Tôi làm việc trung bình một ngày từ 12 đến 14 tiếng, bận việc đến nỗi có dư được chút thì giờ nào thì chỉ khoái... ngủ. Tuy nhiên, từ năm 1977, tôi đã từng mơ ước, nếu có thì giờ và tiền bạc để đi du lịch thì tôi sẽ đi thăm một vòng các trại tị nạn ở Đông Nam Á để làm việc giúp đỡ đồng bào mình mỗi nơi khoảng vài tuần lễ hầu xoa dịu và chia sẻ phần nào những đau thương của họ. Tôi nghĩ, không có danh lam thắng cảnh nào trên thế giới này đẹp bằng con người cả. Con người là đẹp nhất. Và, không có niềm an ủi nào to lớn bằng được chia sẻ nỗi thống khổ của những người đồng loại bất hạnh hơn mình.

Đây là ước vọng thật sự từ đáy lòng tôi.

DHĐ: Nếu được làm lại từ đầu, anh sẽ nghĩ sao?

LXN: Bắt đầu từ lúc nào đây? Nếu bắt đầu lại từ lúc mới sinh ra, tôi sẽ xin trời cho tôi có được một trái tim độ lượng hơn và một ý chí sắt đá hơn. Trái tim độ lượng để yêu được nhiều hơn và tha thứ dễ dàng hơn. Một ý chí sắt đá hơn để kiên quyết trong công việc mưu đồ giải phóng quê hương.

Nếu bắt đầu lại từ lúc mới vào lính, tôi sẽ học lái khu-trục. Tôi có một ước nguyện riêng của đời tôi mà nếu tôi lái khu-trục, tôi có thể làm được.

Nếu bắt đầu lại từ ngày sang Mỹ, tôi sẽ cố gắng để học hết đại học.

DHĐ: Anh muốn nói gì với độc giả *Làng Văn* trước khi chấm dứt cuộc nói chuyện hôm nay?

LXN: Nhân dịp xuân về, xin kính chúc quý vị độc giả được một năm mới an lành và thịnh vượng. Hy vọng rằng mùa xuân dân tộc chẳng bao lâu nữa sẽ về trên quê hương nghèo khổ đau đớn của mình.

DHĐ: Xin cảm ơn nhà văn Trường-sơn Lê Xuân Nhị.



Chuyện Ba Phi-Công Vào Đời

Trường Sơn
Lê Xuân Nhị

*Khuy áo cũ có thời gian chứng giám
Sút nút từng giai đoạn truan chuyên
Con đồ chở giai nhân đời trước
Chở luôn người thất thế sang sông...*
(Thơ Cao Đông Khánh)

Thành phố đầu tiên chúng tôi đặt chân tới khi ra khỏi trại tị nạn là một thành phố nhỏ tên là Grandview, nằm kế cận thành phố lớn Kansas City ở tiểu bang Missouri. Tháng 7, mùa hè năm 1975, tôi đặt chân xuống phi trường Kansas City, có gia đình người bảo trợ Mỹ và... thằng Hạnh ra đón tôi.

Nhìn cái khuôn mặt với mái tóc đen và nụ cười toe toét của nó giữa đám người tóc vàng ở một nơi đất khách xa lạ, lòng tôi cảm thấy vui mừng xen lẫn yêu thương. Ôi quý hóa thay khi nhìn thấy được những người đồng hương trên đất khách...

Tôi phải cất nghĩa vì sao lại có chuyện lạ lùng là thằng Hạnh ra đón tôi ở phi trường cùng với người bảo trợ.

Hồi đó, ở trại tị nạn Fort Chaffee tiểu bang Arkansas, sau

khi bị một cú tạm gọi là... thất tình, thằng Hạnh rủ tôi rời khỏi trại tị nạn càng sớm càng tốt. Nó bảo tôi: "Tao với mày phải rời khỏi đây chứ không thì có ngày có thằng ngã lăn ra chết vì... đau khổ. Tao không muốn chết trẻ nhưng hể cứ nhìn thấy mặt thằng Tiến đi cạnh em Trang là tao thấy xây xẩm mặt mày."

Tôi đồng ý ...

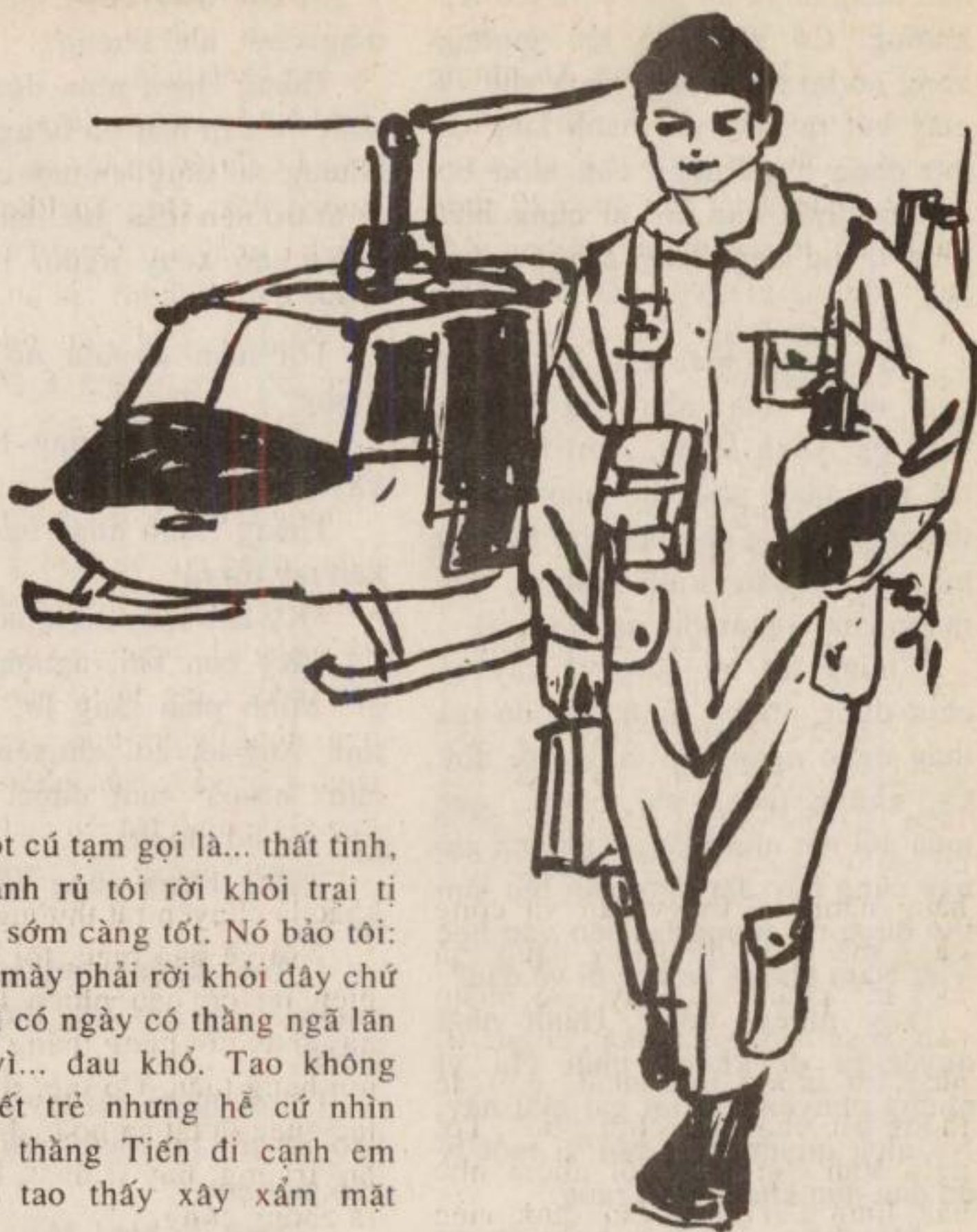
Thằng Tiến bây giờ đã trở nên xa cách chúng tôi lắm rồi. Giường ngủ nó vẫn còn đó nhưng ít khi thấy nó lộ đầu về trước khi chúng tôi đi ngủ. Có lẽ nó bị "mặc cảm tội lỗi" dày vò. Cũng có thể nó muốn tránh những "ánh mắt căm thù" của chúng tôi. Chúng tôi đều cảm thấy mình tự dưng bỗng trở nên những nhân vật ngay thẳng lương thiện vừa bị kẻ phản bội "đâm một con dao lút cán đằng sau lưng," dù trong thâm tâm đứa nào cũng biết rằng thằng Tiến chẳng làm gì bậy. Hơn nữa, em Trang chưa là của riêng của ai cả, người nào khéo tay thì bắt được. Còn ai vụng về chậm chạp như thằng Hạnh và ai chỉ khoái lo làm ăn kiếm tiền như tôi thì rần chịu.

Biết vậy nhưng ban đêm, cứ nhìn lên cái giường trống trơn của thằng Tiến là chúng tôi lại thấy...

đau khổ. Chúng tôi biết nó từ ngày ở phi đoàn là một thằng ăn no rồi chỉ khoái... nằm. Giờ này mà nó không chịu nằm nhà thì nó ở đâu? Hỏi tức là trả lời. Nó đang vi vút ở bên cạnh em Trang chứ còn ở đâu nữa? Chỉ có "tiếng gọi con tim" mới lôi thằng đại làm biếng này ra khỏi giường được.

Những ngày "tang thương" đó, chúng tôi đi ngủ rất khuya. Cứ thức nói chuyện đời mãi có thể đến 12 giờ đêm mới leo lên giường. Và lần nào cũng vậy, khuya hơn chúng tôi, hể mọi người sắp sửa chìm vào giấc ngủ là lại nghe tiếng huýt gió yêu đời của thằng Tiến dưới lầu một vọng lên. Tiếng huýt gió yêu đời của một kẻ "tiểu nhân đắc chí", thế là chẳng ai ngủ nghe gì nổi nữa.

Tắm rửa xong, nó lục đục soi gương nặn mụn và chải đầu đến cả



nửa tiếng đồng hồ mới chịu leo lên giường. Có khi, leo lên giường xong nó lại tụt xuống, xách ghế và giấy bút ra ngồi nơi hành lang cả giờ đồng hồ. Không cần nhìn bộ mặt táo bón của nó, ai cũng biết rằng thằng ngố đang nặn óc làm thơ.

Tôi không biết các thi sĩ lớn của nước nhà như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng... khi làm thơ thì mặt mày như thế nào nhưng thằng phi công này làm thơ thì mặt mày coi chán kinh khủng, chỉ muốn chạy ra tát cho nó một cái.

Chúng tôi im lặng và cay cú chịu đựng những hình ảnh đó mà thấy ngao ngán cho cuộc đời. Ôi, những thằng phi công... quê mùa dốt nát như thằng Tiến mà giờ này cũng bày đặt ngồi cắn bút làm thơ được thì tương lai nền văn học Việt Nam không biết sẽ đi về đâu?

Tuy nhiên, thằng Hạnh nhất quyết ra đi không phải chỉ vì những chuyện trái tai gai mắt này. Nó nhất quyết ra đi bởi vì một lý do đau đớn khác: em Trang.

Một hôm, khi nỗi buồn trong lòng hai đứa chúng tôi vừa tạm lắng xuống, buổi trưa, hai đứa đang đứng xếp hàng lãnh cơm thì em Trang xuất hiện.

Tôi lệ tay lạnh mất hết nên nhìn thấy em đầu tiên, liền thò tay thúc mạnh vào hông thằng Hạnh đang đứng xếp hàng trước tôi. Nó quay lại nhìn tôi thắc mắc. Tôi bảo nhỏ: "Em Trang của mày kia!". Thằng Hạnh nghe nói vậy thì tái mặt đi, lắp bắp hỏi:

- Đâu, đâu, em đâu?

- Ngay cửa sổ hai, mặc áo cánh màu xanh. Hình như em đang đi tới phía tụi mình.

Thằng Hạnh rồi lên, lập lại câu hỏi mà giọng lạc đi:

- Đâu, đâu?

Tôi suýt phì cười. Chưa gì mà đã cuống lên thế kia rồi thì chả trách gì bị thằng Tiến cuỗm mẹ nó đào.

- Chậm như rùa, em đang hướng

1 giờ của mày đó. Chiếc áo cánh màu xanh, nhớ không?

Thằng Hạnh nhìn đón dác một chút rồi cặp mắt nó bỗng sáng lên. Nhưng chỉ sáng lên một chút rồi lại từ từ trở nên thần thờ, đau đớn. Đột nhiên, nó xoay người bỏ đi như chạy.

Tôi nắm áo nứ nó lại, sẵn giọng:

- Thằng khi, mày bỏ đi đâu vậy?

Thằng Hạnh nhăn nhó, đưa tay kéo tay tôi ra:

- Kỳ lắm mày ơi, ngượng chết.

- Kỳ con khi, ngượng cái chó gì! Mình phải tâng lờ, phải phớt tỉnh Äng-lê, coi chuyện mất đào như "nơ-pa" mới được. Đừng để con gái nó khinh.

Thằng Hạnh vùng vằng gỡ tay tôi ra:

- Tao không muốn... không muốn.... gặp em, vậy thôi. Mày để tao đi.

Tôi dùng cả hai tay lấy hết sức kéo nó trở lại hàng, nói như quát vào mặt nó:

- Đừng có hèn! Mày ở lại đây, có... chết thì tao chết với mày.

Ngay lúc ấy, Trang vừa đi đến chỗ chúng tôi. Giọng nói nhẹ nhàng êm ái của nàng bay ra bao phủ lấy hai thằng phi công tị nạn khốn khổ:

- Anh Hạnh, anh Nhị, trời ơi, tưởng mấy anh ra trại rồi, cả mấy tuần nay Trang mới gặp mấy anh! Trang tìm mấy anh... muốn chết.

Chúng tôi quay nhìn Trang, dĩ nhiên, kèm theo những nụ cười tươi tắn trên môi để đón tiếp nàng. Em Trang cũng mỉm cười thân thiện đáp lễ. Em đẹp quá, vẫn khuôn mặt kiều diễm, vẫn đôi mắt hiền lành ngơ ngác như nai. Em mới tắm xong, tóc còn ướt, không hiểu em xài thứ xà bông gì mà thoang thoang bay ra một mùi thơm rất dịu dàng... Em mặc áo cánh để lộ hai cánh tay trắng trẻo, dài và thật là "quí phái".

Trước sắc đẹp đó, thằng Hạnh ứ

ở không nói được một câu, nhưng tôi mở miệng liền. Xưa nay nghề đấu vẫn là nghề của tôi mà. Tôi trách móc xa vắng:

- Tưởng em đi ra trại thì có chứ tụi anh đâu thì đi đâu. Nghèo khổ xấu xí như bọn anh thì ai thèm đón mà đi?

Trang nguyệt tôi một cái:

- Nói chuyện! Phi công hào hoa phong nhã như các anh thì thiếu gì người?

Chúng tôi trao đổi vài câu chuyện xã giao. Rồi Trang đột nhiên đưa mắt nhìn cái đầu của thằng Hạnh ra vẻ hơi chú ý. Chúng tôi tái mặt nín thở chờ một lời "phê bình trung thực" hay một trận cười của nàng tiếp theo đó. Nhưng nàng chẳng nói gì cả. Hình như đối với nàng, tất cả những cái đầu của đàn ông đều giống nhau, kể cả cái đầu ngán quá khổ gần như trọc của thằng Hạnh. Nàng bình thần hỏi tiếp thằng Hạnh một câu mà nghe xong thì tôi xém té ngựa ra sà nhà:

- Thằng Tuấn làm xong mấy bài toán anh cho, chờ mãi chẳng thấy anh đến chấm cho nó. Nó cứ nhắc anh mãi...

Trời ạ, con vừa khám phá ra thêm một điều bí mật của thằng Hạnh. Hèn gì nó cứ một hai đòi bỏ đi cho được. Giai đoạn một trong chiến dịch chinh phục người đẹp của nó tưởng ghê gớm ra làm sao, hóa ra lại là đi kèm toán miễn phí cho em trai của người đẹp. Đẹp mặt phi công thật! Thảo nào tôi thấy ở đầu giường của nó có cuốn sách toán bằng tiếng Mỹ. Nhìn thái độ của nó thì tôi ngờ ngợ nghĩ rằng chưa chắc nó đã dám mở miệng ra tán tỉnh nàng.

- Tôi... anh ... anh bạn quá Trang ạ.

- Bạn thì cũng phải nhớ bốn phận của mình chứ, mà anh có gì để mà bạn. Bộ anh quên hết em út rồi sao?

- Không, anh bạn thật. Tính qua mấy lần nhưng rồi thôi.

- Anh cứ làm khó chị em Trang. Chiều nay rảnh anh ghé qua nhé. Anh Tiến cũng có thử dạy nó nhưng thằng Tuấn không thích. Nó đòi anh cơ. Anh Tiến chả có khoa ăn nói chút nào cả, lại làm biếng nữa, làm sao bằng anh được. Anh Tiến thì lúc nào cũng chỉ thích dắt tụi em đi uống cà phê và đi chơi thôi...

Chúng tôi vừa nói chuyện vừa bước theo hàng người xếp hàng lãnh cơm. Thằng Hạnh hỏi một câu đái bói:

- Thằng Tuấn lúc này thế nào?

Em Trang nương vào câu hỏi đó, bám cứng mục tiêu:

- Ở trại chẳng có việc gì làm, bố em sợ nó lêu lổng rồi hư thân lắm, cứ nhắc đến anh mãi. Nếu không có anh thì Trang sợ nó sẽ hư đi đấy. Anh đã giúp đỡ, phải giúp cho xong, anh Hạnh nhé...

Em Trang nói những lời này với thằng Hạnh một cách tự nhiên, thật thà. Tôi lắc đầu và thấy tội nghiệp giùm cho thằng bạn xấu số nhưng đồng thời cũng thấy đáng kiếp cho nó. Hết cách để chinh phục người đẹp hay sao rồi mà lại vào nhà người ta dưới cái võ "nhà giáo" khả kính. "Dạy em tán chị" là một chiến thuật xưa như trái đất, chỉ thích hợp cho những kẻ bất tài hay nhút nhát. Nó bất tài hay nó nhút nhát thật? Tôi suy nghĩ tìm câu trả lời. Tài nghệ thì nó có thừa. Còn nói về nhút nhát thì càng không phải là thằng Hạnh. Tôi biết nó tán gái bạo và tán nhanh như máy, nói dối như cuội. Có lẽ cuộc đời bất ngờ đã làm nó xuống giá.

Có thể lắm. Nghĩ vậy, tôi bỗng cảm thấy buồn buồn trong lòng. Buồn cho nó và cũng buồn luôn cả cho mình...

Đột ngột, em Trang buông thằng Hạnh ra, chìa mũi dùi tấn công sang tôi:

- Chúc mừng anh Nhị, nghe nói anh mở cửa tiệm hớt tóc. Làm ăn có khá không anh?

Tôi cười tươi, trả lời như một

ông chủ tiệm hớt tóc đang thành công trên thương trường:

- Khá chứ, không khá sao được. Khách vào như điên đuổi đi không hết...

- Anh hay thật. Mà anh học hớt tóc hồi nào vậy?

- Chẳng cần học, có gì khó đâu mà học. Anh chỉ để ý coi qua một lần là anh biết liền. Tàu bay khó lái như thế kia, có mấy chục cái đồng hồ mà anh còn lái được thì xá gì học lái cái... tông-đơ bé tí tẹo.

Thằng Hạnh nhìn tôi nháy mắt, ý nó muốn tôi khóa cái miệng ba hoa lại. Nhưng làm sao khóa được. Máy khi được dịp phét lác trước mặt một người đẹp, tội gì không nói cho thỏa chí? Tôi đang thao thao về sự thành công tương tượng của mình thì Trang bỗng cắt ngang:

- Hay quá, thế thì chiều nay em nói bố em cùng thằng Tuấn sang nhờ anh hớt tóc nhé?

Tôi giật thót mình nhưng lấy bình tĩnh lại ngay, lạnh lùng đáp:

- Không được!

Em Trang tròn mắt:

- Sao vậy anh?

Tôi đáp tỉnh bơ:

- Tiệm anh đóng cửa rồi.

- Anh vừa bảo là đang làm ăn khá mà, sao lại đóng cửa?

- Khá nhưng phải đóng cửa vì trái luật. Ban chấp hành không cho bọn anh mở tiệm trong nhà, mất vệ sinh. Thật ra nếu muốn, anh có thể mở được mà chẳng ai dám làm gì anh nhưng anh không muốn. Anh là một người tôn trọng luật pháp. Mình đang ở Mỹ, phải tập giữ luật pháp của Mỹ như một người văn minh. Mới đầu phải tập giữ luật nhỏ rồi sau mới giữ luật lớn được.

Em Trang hít hà tiếc rẻ:

- Uống quá nhĩ. Trang thấy phi công như mấy anh tài thật, đi đến đâu cũng sống được, cũng vui đùa được. Mai mốt ra trại, giỏi như các anh thế nào cũng có người thành triệu phú.

Được người đẹp tặng bốc, tôi

khoái chí nhe răng ra mở một nụ cười tự đại chẳng cần che giấu:

- Còn phải nói! "Ôi phi công danh tiếng muôn đời" mà.

- Hôm nào thành triệu phú anh đừng quên bé Trang này nhé?

Tôi nửa đùa nửa thật:

- Quên em làm sao được, anh có già khụ rồi chết cũng không thể quên em được, nhất là nụ cười...

- Hay nhĩ, nói cứ như thật.

Rồi em Trang mỉm cười, liếc tôi một cái thật dài bằng đuôi mắt. Dù biết rằng em là hoa đã có chủ, tôi cũng cảm thấy lòng mình lâng lâng vì cú liếc ấy.

Hàng xếp cơm đã gần đến chỗ chúng tôi, tôi nói luôn với Trang:

- Trang ăn cơm chưa, vào đây xếp hàng luôn với tụi này đi.

Trang nhìn quanh rồi e ngại nói:

- Kỳ chết, Trang tới sau làm vậy người ta nói chết...

Tôi chưa kịp nói gì thì thằng Hạnh đã bí mật thúc vào hông tôi một cái rồi nói xen vào:

- Trang nói đúng em vào hàng chỗ này người ta nói chết!

Tôi trở mắt ngạc nhiên nhìn thằng Hạnh. Tôi biết nó nói câu đó mà lòng đau như cắt nhưng không ngờ nó có đủ can đảm để đuổi nàng đi. Nhưng em Trang đâu phải là hạng dễ bị ăn hiếp bởi một ông thầy kèm toán bất đắc dĩ. Em không đi, vẫn đứng yên liếc thằng Hạnh rồi quay sang nhìn tôi, giọng có hơi chanh chua:

- Anh Hạnh muốn đuổi Trang đi đấy anh Nhị. Thôi để Trang đi...

Miệng thì nói vậy nhưng chân nàng cứ đứng yên. Vốn là một kẻ rất dễ mềm lòng với phụ nữ, nàng đã nhìn tôi nói thế thì tôi đâu có thể để cho nàng đi được. Mặc thằng Hạnh muốn nghĩ sao thì nghĩ, tôi hùng dũng bên cạnh Trang ngay:

- Mày đừng có ngớ ngẩn! Để Trang ở đây với tụi mình. Em cứ vào đứng đây, phía sau anh toàn là bạn anh không à!..

Chẳng cần ngưng ngừng hay e dè, em Trang nhẩy tót vào ngay. Tới chỗ múc cơm, tôi để ý thấy tay thằng Hạnh run run. Chờ một lúc khi Trang không để ý, tôi ghé sát tai nó bảo nhỏ: "Mày yếu quá. Phải tỉnh bơ đi như tao mới được. Nhớ lời tao dặn. Đừng để nó biết mày thất tình nó, nó khinh mày, khinh luôn cả tao nữa." Thằng Hạnh vẫn thần thờ cầm khay ăn cơm đi như người mộng du. Tôi lắc đầu ngán ngẩm, biết tâm hồn nó bị giao động nặng.

Lấy cơm xong, chẳng cần ai mời, em Trang tự động kéo ghế ngồi chung bàn với chúng tôi. Tôi chẳng nói gì nhưng con nhà Hạnh thì khó chịu thấy rõ. Như đổ thêm dầu vào lửa, em ăn uống tự nhiên và cười nói tíu tít, say sưa kể chuyện thằng Tiến. Toàn là những chuyện làm biếng và chẳng ra gì của nó nhưng dưới mắt em thì thật là dễ thương lạ lùng như: "Mấy anh biết không, anh Tiến dăng trí dễ sợ. Có lần dắt bọn em đi mua đồ, anh ấy quên cả lấy tiền thối..." Hay "Anh Tiến... thi sĩ dễ sợ. Có lần chúng em ngồi dưới gốc cây thông, anh ấy cầm cùi mật ba tiếng hồ mới làm xong bài thơ để tặng cho em..."

Em Trang ngưng nói, nâng ly nước ngọt lên uống, đặt ly xuống, dùng nĩa xúc một tí cơm, rồi cầm nĩa trong tay và nói tiếp: "Thành thật mà nói, lời thơ thì tạm được không có gì xuất sắc nhưng ý rất hay, cao vời vợi như mây, lại rất lãng mạn và trữ tình. Em nghĩ anh ấy có tài thật, nếu chịu khó luyện tập, gặp đúng môi trường sẽ trở thành một nhà thơ lớn."

Tôi thấy hai lỗ tai mình bùng bùng như ngày nào nằm dưới hầm trú ẩn ở phi trường Pleiku nghe pháo giãc. Rồi em quay sang thằng Hạnh:

- Anh có bao giờ đọc thơ anh Tiến chưa?

Tôi nhìn thấy được rõ ràng nét đau khổ trên mặt thằng bạn hiền.

Hình như nó cố gắng lắm mới nói được một câu:

- Ủ, anh có đọc qua vài bài. Thơ nó làm chỉ thua Nguyên Sa một chút xíu.

Hay quá, tôi phục thằng Hạnh. Chửi tình địch thì dễ, khen mới là khó. Em Trang gật gù, quay sang tôi:

- Em thấy thơ anh ấy phảng phất tâm trạng của một kẻ chán đời, không, một kẻ coi đời bằng vùng thì đúng hơn. Anh Nhị thấy thế nào?

Cả hai đứa chúng tôi chưa bao giờ đọc thơ thằng Tiến vì nó chẳng bao giờ dám khoe thơ nó với chúng tôi. Nhưng là một kẻ lăm mưu nhiều kế, nghe em Trang hỏi vậy thì tôi bỗng nảy ra một kế độc, gật gù đáp:

- Thơ thằng này siêu, biểu lộ được tinh thần vừa chán đời vừa... làm biếng, anh chỉ sợ vài năm là nó vượt qua cả Nguyên Sa... Chỉ tiếc rằng anh đọc mà quên nhiều, hôm nào em đưa mấy bài thơ của nó để anh xem lại coi.

Em Trang nhìn tôi nhíu mày với một thoáng thắc mắc và ngờ vực trong ánh mắt rồi nói:

- Để em hỏi anh Tiến đã...

Tôi gật gù thầm khen thằng Tiến huấn luyện đào hay thật. Kế độc của tôi coi như hỏng. Em Trang lấy thức ăn đầy đĩa nhưng chỉ ăn hết một nửa rồi đột ngột đứng lên:

- Thôi, mấy anh ngồi đây, Trang đi về trước. Hôm nào anh Hạnh ghé sang em đây? Thằng Tuấn và bố em cứ nhắc anh mãi?

- Anh sẽ ghé. Anh hứa anh sẽ ghé nhưng hôm nay thì chưa được.

- Nhớ nha!..

Tiếng "nha..." kéo dài theo bước chân nhún nhẩy của nàng...

Em Trang vừa ra khỏi nhà ăn, tôi quay sang hỏi thằng Hạnh:

- Mẹ mày, lần sau đi tán gái, tán được thì tán, không tán được thì về đây gọi tao bằng thầy tao chỉ cho vài cách, đừng có bày đặt giờ

trò dạy học miễn phí lắm lắm. Chẳng ăn cái giải gì cả mà bây giờ lại mang một cục nợ. Mày làm mất mặt không quân, tao chán mày quá...

Cơn bức tức bao nhiêu ngày ở trong lòng bây giờ được dịp bốc ra, thằng Hạnh nhìn tôi nói như quát:

- Bố mày, thằng con nít mất dạy. Tao chưa chán mày mà mày đã dám chán tao à? Cứ như bình thường, nếu cái đầu tao không bị mày... phá hoại thì đã chắc gì thằng Tiến đã cuốn được em? Cái vụ này rốt cuộc tao thấy trăm sự là tại mày mà ra hết. Nói thật, nhiều khi tao còn ngờ là mày và thằng Tiến âm mưu với nhau để hạ tao đo ván. Dù mẹ tao nghi quá...

Ôi cuộc đời thường là như vậy. Khi người ta thất bại thì ít có ai bình tâm nghĩ là mình thất bại là bởi mình dở, mình thiếu tài, mà lại đi đổ tội cho thiên hạ. Đồng ý là cái đầu trọc của nó phải làm nó bỏ đi hết mấy ngày, nhưng nếu đầu nó



không trọc thì cái chiến thuật "day em tán chị" cổ điển của nó ở miền đất văn minh này chưa chắc đã đi đến đâu. Biết vậy nhưng tôi không muốn đổ thêm dầu vào lửa. Ai có đủ can đảm để xài xể người bạn mình trong những trường hợp "tang thương" như vậy?

Tôi xuống nước ngồi võ-về nó một lúc. Sau vài câu trao đổi, cuối cùng chúng tôi đồng ý với nhau ở một điểm: cả hai đứa đều là kẻ chiến bại. Có cãi nhau cho tới tét, kẻ đúng cũng chẳng sờ được cái móng đít của em Trang mà kẻ sai cũng vậy.

Thằng Hạnh đốt điều thuốc rồi đưa cho tôi:

- Tao nghĩ kỹ rồi, chắc mình phải đi khỏi nơi đây này a, mày thấy sao?

- Tao biết ra khỏi trại sớm ngày nào thì cực ngày ấy nhưng ở đây chẳng còn thoải mái nữa.

- Vậy thì mình đi. Cái vụ giấy tờ hôm nọ mày lo đến đâu rồi?

Câu nói của thằng Hạnh làm tôi sực nhớ ra một chuyện...

Hồi ấy, ở trại tị nạn Fort Chaffee, đáp lời kêu gọi của chính phủ Hoa Kỳ, có rất nhiều các cơ quan thiện nguyện của các tôn giáo vào trại thiết lập văn phòng để lo định cư, tìm người bảo trợ cho các người tị nạn.

Ngay từ ngày đặt chân tới trại tị nạn Fort Chaffee, tôi đã đi khắp các nơi để điều tra và nghe ngóng tình hình. Sau vài tuần lễ, tôi biết hết các phương thức, cách làm việc của các cơ quan thiện nguyện này. Tôi mơ hồ biết rằng một ngày nào đó, tôi cần phải vào đây gặp họ để... xin xỏ.

Quả vậy, sau khi tiệm hớt tóc bị sập, nhân một lúc buồn chán, tôi đã vào cơ quan thiện nguyện USCC xin được bảo trợ ra khỏi trại. Xong ngay! Cô thư ký mòm mẫm trong dàn máy điện toán một lúc rồi cho tôi biết tìm được một gia đình chịu bảo trợ thanh niên độc thân. Tên

ông ta là KK. Tôi điền đơn rồi nhưng bỏ quên mớ giấy tờ cần thiết, hẹn hôm sau trở lại.

Nhưng về nhà, hỏi ý kiến thằng Hạnh thì nó khuyên tôi chờ. Tôi nghe lời và không trở lại nữa cho đến ngày hôm nay. Thằng Hạnh nhắc tôi:

- Mày còn nhớ cái ông KK gì đó không?

- Nhớ chứ. Mày muốn đi với tao không?

Dĩ nhiên, thằng Hạnh mau mắn gật đầu:

- Không đi với mày thì đi với ai?

Ngày hôm sau, tôi lên văn phòng USCC gặp lại cô thư ký tóc vàng. Dùng mớ kiến thức Anh-văn nghèo nàn của mình, tôi xin cô cho hai đứa chúng tôi được bảo trợ một lần. Cô ta liền dùng điện thoại liên lạc thẳng với người bảo trợ nói chuyện một lúc rồi gác máy lên, nhìn tôi cười thân thiện:

- Có tin mừng cho anh, họ đồng ý rồi, nhưng vì bất ngờ, họ không thể đón hai người các anh cùng một lúc được. Tuần tới họ có thể nhận một người, tuần sau mới nhận được một người nữa.

- Vậy cũng được, cảm ơn cô lắm.

- Bây giờ anh đem giấy này về cho bạn anh điền vào. Sáng mai trở lại đây gặp tôi để tôi sắp xếp chuyến bay.

Thằng Hạnh nhất định đòi đi trước. Suốt cả chiều hôm qua, nó đi đâu cũng thập thò như thằng ăn trộm vì chỉ sợ gặp em Trang. Tôi đồng ý.

Ngày khởi hành, tôi dậy sớm đưa thằng Hạnh ra trạm xe buýt, dặn dò đủ thứ. Dù chỉ là cuộc chia tay ngắn ngủi nhưng sao cũng thấy lòng mình cũng xúc động lạ thường.

Tuần sau, tôi được thằng Tiến, em Trang, và bọn thằng Hưng, thằng Hùng thức dậy đưa lên đường. Tôi đưa thằng Tiến cái địa chỉ, bảo:

- Địa chỉ của nhà bảo trợ đây, mai mốt mày ra trại và có làm đám cưới, nhớ gọi cho tao cái thiệp hay biên cho tao vài hàng...

Thằng Tiến kéo tôi ra chỗ xa em Trang, ngậm ngùi nói:

- Đời mình có số cả. Tao mong mày và thằng Hạnh đừng buồn tao. Gặp nó nhớ nói như vậy. Ngày mai đây, nước Mỹ to lớn, chúng mình sẽ như chim trời cá biển, không biết chừng nào mới gặp nhau lại được.

Rồi dưới sự ngạc nhiên của tôi, nói dúm vào tay tôi 10 đô la:

- Cho tao gửi mày cái này để đi đường có tí tiền tiêu. Tao chán chúng mày quá, mấy tuần nay tao thừa tiền dư bạc mà chẳng đứa nào thèm hỏi tao một điều thuốc. Chẳng lẽ tao tự nhiên lại đem thuốc lá dâng cho chúng mày...

Tôi cầm món quà của thằng Tiến và thấy cảm động. Đúng ra, nó chẳng có lỗi với ai cả. Trước khi lên đường mà thông cảm được với nhau vậy là hay quá rồi...

Chiếc xe buýt lăn bánh, tôi nhìn lui và thấy thằng Tiến, Hùng, Hưng cùng em Trang đứng thành một hàng đưa tay vẫy. Tôi cũng đưa tay ra vẫy vẫy cho đến khi bọn họ khuất bóng...

Bây giờ, sau mấy tiếng đồng hồ ngồi trên phi cơ, tôi đang bước xuống và nhập vào một thế giới xa lạ, khác hẳn thế giới mà tôi vừa sống sáng hôm nay, và càng khác hẳn cái thế giới đầy chiến tranh và hận thù mà tôi rời bỏ cách đó chừng gần ba tháng. Tôi biết, kể từ nay tôi phải tập để sống một cách khác...

Tôi khoa tay múa chân mãi thằng Hạnh mới nhìn thấy tôi. Nó cười tươi rồi dắt ông bà bảo trợ cùng một lô mấy đứa con trai của gia đình họ chạy đến tôi. Chúng tôi bắt tay nhau mừng rỡ, làm như xa cách lâu lắm, dù rằng chỉ mới cách nhau có một tuần.

Ông bà bảo trợ người Mỹ gốc Ba-lan, lập nghiệp ở Mỹ đã mấy đời, tính tình rất dễ thương. Gặp họ, những câu Anh văn xã giao học thuộc lòng và thực tập trong mấy tuần qua liền được tôi xổ ra ào ào như gió. Thành Hạnh đứng nhìn tôi tròn mắt thán phục. Những người Mỹ tốt bụng này nghe tôi xổ cũng đáp lại rào rào, văn chương... tiếng Mỹ bay đầy trời đất. Nhưng chỉ sau một lúc trao đổi, tôi đau lòng khám phá ra rằng tôi nói tiếng Mỹ thì chỉ có mình tôi hiểu được, thậm chí đến thành Hạnh cũng không hiểu tôi muốn nói gì, và họ nói tiếng Mỹ thì cũng chỉ cha con họ hiểu được với nhau, còn tôi thì đành chịu.

Thành Hạnh đi ra trước một tuần lễ cũng chẳng khá hơn gì, chỉ biết đứng đó mà ngó, chẳng giúp gì được.

Cuối cùng, người bảo trợ và người bị nạn chẳng biết trao đổi gì với nhau ngoại trừ mấy câu "How do you do? - I am fine, thank You..." nhập môn của lớp Anh văn. Dĩ nhiên, khi mình không nói được nhiều thì mình nên cười nhiều để bày tỏ sự quý mến. Tôi và mấy người bảo trợ cứ nắm tay và nhìn nhau mà mỉm cười mỗi cả miệng.

Đang "how do" tung bùng, miệng cười đến méo hàm ra thì bỗng thành Hạnh thúc vào hông tôi, khẽ tai hỏi nhỏ:

- Em nào xỏ tóc thề đi chung chuyến bay với mày mà coi đẹp đẽ và ngon lành quá vậy?

Tôi giật mình ngẩn người ra một lúc và rồi bỗng phát cáu lên, muốn tát cho thành Hạnh mất dạy một bạt tai. Quả đúng là thứ dâm tặc. Lòng tôi thì rối bưng với hàng trăm chuyện lo chưa giải quyết được như chuyện ăn chuyện ở chuyện mượn nhà, chuyện xin việc, v.v. và gần nhất là chuyện gia đình ông ta cho chúng tôi ở tạm nhà bao nhiêu lâu trước khi tống cổ ra thì thành này chỉ nghĩ đến gái...

Tuy vậy, vì bản tính tò mò, tôi

xoay người và nhìn thấy em bé xỏ tóc thề. Tôi nhận ra em ngay. Đúng ra, em cùng gia đình gồm mẹ già và mấy đứa em trai ngồi sau tôi vài hàng ghế. Em bé coi cũng xinh xắn, có vẻ còn ở tuổi học trò, có thể trở thành một mục tiêu được lắm nhưng lúc ấy, phần thì ăn mặc quần áo do chính phủ phát rộng thùng thình thô kệch, thậm chí chẳng có dây thắt lưng cho cái quần quá khổ phải lấy dờ dây thung buộc lại ở bụng, giày thì xin được ở Salvation khổ 12 rộng gấp hai lần bàn chân coi chẳng giống ai nên tôi mang mặc cảm... nghèo, phần thì tâm trạng ngổn ngang hàng trăm mối lo nên chẳng nghĩ đến việc tán tỉnh em. Bây giờ nhìn lại, tôi thấy hơi giật mình.

Con nhà Hạnh tiếp luôn:

- Mày đi chung chuyến phi cơ với em, có sơ mũi gì được không?

- Sơ mũi cái cần câu tao! Đẹp mày đi. Mẹ, ngày đầu tiên xuống đất Mỹ, chưa lo gì cả đã lo đến gái rồi...

- Chỉ có mày xuống ngày đầu tiên chứ có phải tao đâu. Tao xuống đây một tuần rồi. Mẹ, ngu như bò lại còn lên mặt.

Tôi trừng mắt:

- Mày nói ai ngu?

- Tao bảo mày ngu đấy. Chuyện làm ăn, chuyện nhà cửa không hỏi bây giờ thì lát nữa về nhà hỏi cũng còn kịp, có mất đi đâu mà sợ. Còn con bé này, nếu không hỏi địa chỉ của nó, lát nữa nó lấy đồ xong nó đi mất biệt thì biết đâu mà tìm. Đất Mỹ rộng lắm, không phải như Việt-nam đâu. Mày không đi thì ông đi đây...

Nói xong nó bỏ tôi hùng hổ tiến về phía đám người bị nạn đang chờ lấy hành lý. Tôi nhìn theo và tự nhiên thấy hơi... tiếc. Thật ra, nó nói cũng đúng đấy chứ. Con gái Việt-nam quý và hiếm như lá mùa thu, để chạy vượt đi thì biết đường nào mà tìm.

Trước khi quay mặt đi để trả lời một câu hỏi của người bảo trợ, tôi

nhìn thấy ông phi công gật đầu chào mẹ nàng. Và tôi thấy một nụ cười thật tươi nở trên khuôn mặt của người đàn bà để đáp lễ...

Tôi quay mặt đi, lắc đầu ngao ngán...

Trên đường về nhà, ngồi trong chiếc xe van, thành Hạnh thúc vào hông tôi, cười, khoe cái số điện thoại của người bảo trợ gia đình nàng. Tên nàng là Trinh.

Ồi, vừa hết Trang rồi lại đến Trinh, những cái tên con gái... oan nghiệt bắt đầu bằng chữ Tr.

Xe chạy cả tiếng đồng hồ qua các phố xá, cuối cùng ngừng lại ở một khu ngoại ô sang trọng, nhà cửa to lớn. Chuyện làm tôi nhớ nhất ngày hôm đó là trước khi vào nhà, tôi muốn cởi giày mà bà bảo trợ thì không cho, còn tôi phần thì nhìn thấy cái thảm mới tinh nên hãi quá, phần thì sợ thất lễ nên cứ nhất định phải cởi ra cho bằng được. Vì thế cứ kèn cựa nhau cả mấy phút đồng hồ. Cuối cùng, tôi phải chịu thua khi bà bảo trợ bảo: "You are not in Vietnam anymore."

Tôi đành mang giày bước... nhẹ nhàng vào nhà, chỉ sợ hư thảm của người ta. Vào trong nhà thì nhìn thấy thành Hạnh đã ngồi chễm chệ bên bàn ăn không biết từ lúc nào, giày vớ hia mao nghênh ngang và tay thì đang cầm một hộp bia, cười cười nói nói cứ như một ông Mỹ con...

Ngay tối hôm đó, nó gọi điện thoại nói chuyện được với em Trinh ngay. Tôi ngồi bên cạnh nghe rõ. Theo đúng thủ tục, mới đầu nó nói chuyện với mẹ nàng, rồi sau đó lễ phép xin nói chuyện với em Trinh. Lúc gác máy lên, nhìn khuôn mặt hớn hở của nó, tôi hỏi móc lỏ:

- Mày chắc vừa xin được một chân kèm toán mới?

Trái với sự ước đoán của tôi, nó vênh mặt lên trả lời:

- Kèm con khỉ. Tao làm một lần chứ không làm đến lần thứ hai.

- Tốt, vậy mày đang ở giai đoạn

mấy vậy?

Thằng Hạnh mời điếu thuốc, cười hề hề, trả lời tỉnh bơ rất yêu đời, cái yêu đời mà tôi không được nhìn thấy kể từ khi bị mất em Trang:

- Tao thấy các chiến-thuật cũ bên nhà không thể áp dụng được ở đất nước văn minh này. Tao xài chiến thuật mới.

- Chiến thuật mới ra sao?

- Đánh thẳng vào mục tiêu, không chần chờ, không nhân nhượng đứa nào hết.

- Ở đây chỉ có mình tao, không lý tao lại đi giành em Trinh với mày à?

Kinh nghiệm đau thương vẫn còn nặng trong ký ức nên nó lắc đầu:

- Ai biết được, thời buổi bây giờ khó tin ai lắm. Nhớ vài hôm nữa có vài thằng khác về đây thì sao?..

Những ngày đầu tiên ấy nơi đất Mỹ thật huy hoàng. Chúng tôi được người bảo trợ dắt đi mua sắm quần áo. Chưa bao giờ được mặc quần *jean*, tôi mua liền một lúc hai cái. Rồi những danh lam thắng cảnh của thành phố đều được người bảo trợ chở đi xem. Ngày chủ nhật đi xem lễ, lại được dắt lên để giới thiệu với cả nhà thờ. Rồi hết nhà này mời ăn đến nhà kia mời uống, được tiếp đãi bằng những bàn tay rộng mở...

Tuần sau, màn tiếp đón ban đầu chấm dứt, người bảo trợ hỏi tôi có muốn đi xin trợ cấp của chính phủ để tiếp tục đi học hay muốn đi làm? Tôi phạm phải một lầm-lỗi đầu tiên của cuộc đời tị nạn, bảo: tôi muốn đi làm, không muốn nhận trợ cấp để đi học.

Cái lỗi này cho đến bây giờ tôi vẫn còn thấy tiếc rẻ. Thật ra nhận trợ cấp của chính phủ để đi học lúc mình chưa đủ khả năng để làm việc đâu có gì xấu. Cái đầu óc... phi công của tôi lúc ấy nghĩ rằng đường đường là một sĩ quan phi công mà phải ngửa tay nhận tiền

chính phủ là nhục lắm. Thằng Hạnh thì đầu óc đang còn mải mê với chiến thuật chinh phục người đẹp nên chẳng có ý kiến gì, để tôi quyết định lấy mọi chuyện.

Sáng hôm thứ hai, chúng tôi khăn gói đi thi lấy bằng lái xe. Đã lái xe từ Việt-nam, học trở lại không khó. Cả hai đứa đều thi đậu vào đợt đầu tiên.

Cất bằng lái tạm vào túi xong, 10 giờ sáng, ông bảo trợ chở chúng tôi đi xin việc. Tôi còn nhớ mãi những lá đơn xin việc đầu tiên như mới vừa hôm qua. Vào chỗ nào cũng vậy, sau khi cúi đầu chào thật tươi và hỏi xin việc làm, tôi được phát cho mấy tờ đơn để điền vào.

Đơn xin việc luôn luôn có phần bắt chúng ta kê khai bằng cấp và kinh nghiệm. Thế là tôi cùng thằng Hạnh ngồi nghiêm trang loay hoay kê khai tất cả những bằng cấp từ ngày còn học tiểu học ở Việt Nam, bằng tú tài, bằng lái tàu bay khi đi lính, thậm chí đến cả bằng trung đội trưởng của trường Bộ-binh Thủ-đức cũng điền vào. Thằng Hạnh còn ghi cả những huy chương mà nó có trong quân đội nữa để hù chúng nó.

Bằng cấp hàng đồng như thế này và chúng nó chỉ cho có vài hàng làm sao đủ mà khai? Tôi sốt sắng ra xin thêm mấy tờ giấy trắng để điền cho đầy đủ. Con nhỏ thư ký Mỹ nhìn chúng tôi bằng một cặp mắt lạ lùng.

Cả tiếng đồng hồ sau, hoàn thành xong tác phẩm... đơn xin việc, chúng tôi đứng lên trình trọng đưa cho cô thư ký, miệng cười cười, chờ đợi những lời ngợi khen. Nhưng không, cô ta chỉ liếc qua một cái rồi để hai lá đơn trên bàn, mỉm cười lịch sự nói: "*Thank you. If we need you we will call you.*"

Chỉ chừng vài ngày sau là tôi được biết câu "*If we need you we will call you*" tức "nếu tôi cần tôi sẽ gọi anh" là một câu nói kinh hoàng nhất mà người Mỹ nào đi xin việc cũng sợ nghe. Nếu được

dịch nghĩa bóng của câu nói ấy, tôi sẽ dịch như thế này: "*chẳng ai thêm muốn các anh đâu, cút cha các anh đi chỗ khác mà kiếm việc...*"

Một tuần lễ xin việc trôi qua dài như một năm biệt phái. Những lá đơn điền xin việc cũng từ từ ngán lại vì chúng tôi biết, chẳng ai cần một người rửa chén hay quét nhà có bằng lái tàu bay

Sang tuần thứ hai thì tôi kinh hoàng thật sự bởi tất cả những hãng xưởng, những nhà hàng cùng công sở ở thành phố đều đã được chúng tôi ghé qua mà chẳng kiếm được việc. Người bảo trợ nhìn chúng tôi có vẻ lo lắng. Buổi tối, tôi cố thức thật khuya để thực tập nói chuyện tiếng Mỹ với hai ông bà. Nói họ không hiểu thì viết ra giấy, rồi nói lại, nói cho đến khi họ hiểu thì thôi. Nhờ đó, tiếng Mỹ tôi tiến bộ rất mau, đã bắt đầu biết nói và nghe thế nào để có thể hiểu được.

Cuối tuần lễ đó, tôi cùng thằng Hạnh đang ngồi chơi *scrabble* (một thứ trò chơi ráp chữ để học thêm ngữ vựng) thì điện thoại reo. Bà bảo trợ bốc máy nghe một lúc rồi gác máy, nhảy cẫng lên: "Đi theo tao, có việc rồi!"

Trên đường đi, bà nói cho tôi biết là người quản lý của khách sạn Sheraton gần đó là một cựu phi công của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đã từng bay F-4 ở Việt Nam. Ông ta mới đọc thấy đơn của chúng tôi và muốn mượn chúng tôi liền. Người bảo trợ còn nói với tôi: "Bên nước các anh không biết như thế nào chứ TQLC bên này họ tốt với nhau lắm." Câu này tôi thấy đúng thật.

Như mọi quản lý nhà hàng khác, ông Gregg rất bận rộn nhưng nhìn thấy chúng tôi là cho cô thư ký gọi chúng tôi vào văn phòng liền. Tôi để ý nhìn thấy trên bàn giấy ông ta có một tấm *plaque* với chiếc cánh bay bằng bạc có cái mỏ neo ở phía sau.

Ông bắt tay hai đứa chúng tôi,

mời ngồi ghế và nói chuyện thân tình. Lúc này tiếng Anh tôi hơi vững rồi nên có thể vi vút được. Ông kể chuyện Đà-nẵng, Sài-gòn, v.v. độ chừng 15 phút rồi đứng lên bắt tay tôi nói: "Anh thấy cánh cửa phòng này không, bất cứ lúc nào anh cần gì anh cứ việc vào đây gặp tôi. Bây giờ, để tôi đưa anh gặp ông Jack."

Ông bấm máy gọi người phụ tá vào, giới thiệu chúng tôi rồi bảo cho chúng tôi làm thủ tục nhận việc...

Tôi và thằng Hạnh nhìn nhau mừng rỡ, đầu óc đang suy nghĩ đến việc phải tiêu cái số lương đầu tiên như thế nào thì đã nhìn thấy ông Jack lắc đầu nói với chủ: "Thưa ông, hai người này dư khả năng lắm nhưng chẳng còn công việc nào ở đây cả."

Chúng tôi tái mặt nhìn nhau. Ông quản lý lại nói tiếp:

- Thì anh... sáng chế ra hai việc cho họ làm đi. Tôi nghĩ, người nào trong khách sạn này cũng sẽ rất vui mừng khi có được những người phụ việc tài giỏi như họ.

- Nhưng thưa ông, ngân quỹ của ban chúng tôi hết rồi.

Ông quản lý nghiêm sắc mặt:

- Anh để chuyện ngân quỹ lại tôi lo, tôi sẽ tăng ngân quỹ cho ban của các anh. Bây giờ, tôi muốn anh kiếm cho hai ông này mỗi người một việc làm. Ngày mai tôi muốn thấy hai ông ấy làm việc ở đây.

Dân Thủy Quân Lục Chiến ăn nói có khác. Dứt khoát và rõ ràng. Tôi cùng thằng Hạnh thở phào nhẹ nhõm.

Tôi muốn kiếm một lời cảm ơn nhưng lưỡi rú lại, không biết nói gì. Lúc bắt tay từ giã, ông Gregg đưa hai tay ôm vai hai đứa chúng tôi, nói: "Uynh-Đê-Chi-Bin."

Chúng tôi ngạc nhiên đến sững sờ. Câu "*Huynh đệ chi binh*" nghe được từ miệng một cựu phi công Mỹ làm tôi muốn chảy nước mắt.

Ngày hôm sau, tôi được chức "phụ tá" giặt đồ trong nhà giặt,

thằng Hạnh chức "phụ tá" lái máy rửa chén. Công việc chẳng phải dễ dàng sung sướng nhưng đã chuẩn bị tư tưởng từ trước, chúng tôi hoan hỉ làm việc.

Kiểm được việc làm rồi, chủ nhật tuần đó, thằng Hạnh nhờ người bảo trợ chở chúng tôi đi thăm em Trinh. Con nhà Hạnh diện bộ đồ chiến nhất, lại còn vào siêu thị mua một mớ táo và cam để làm quà cho mẹ nàng. Tôi bảo với nó:

- Mày muốn điếu đóm thì phải coi người ta cần cái gì chứ bom và táo thì bên Mỹ này thiếu gì mà phải mua.

Nó bình thản trả lời:

- Tao cũng biết vậy nhưng mình chỉ muốn chứng tỏ tấm lòng. Tấm lòng mới quý và quan trọng hơn hết.

- Nói được vậy thì tao chịu thua mày. Chỉ sợ người ta nhìn thấy được tấm lòng... dâm dục của mày thì người ta sẽ đuổi mày ra khỏi nhà.

- Mày con nít, biết mẹ gì!

Thằng Hạnh chỉ lớn hơn tôi vài tuổi, nhưng xưa nay ở phi đoàn hề có chuyện gì cãi nhau mà đuối lý thì nó cứ đem cái luận điệu "con nít" để phủ đầu tôi.

Nhìn thấy tôi bỏ hai xâu bia vào xe đẩy, nó hỏi luôn:

- Mày tới nhà người ta, đem bia theo làm gì?

- Đem theo để uống.

Thằng Hạnh lộ vẻ khó chịu ngay:

- Mày cho tao xin. Vào nhà con gái người ta để thăm chớ có phải đi dự party đâu mà đem bia theo. Mày không sợ người ta mắng cho là đồ bê bối rượu chè à?

Tôi trả đũa:

- Mẹ, thằng nào đi dè con gái người ta thì mới sợ bị chê là bê bối rượu chè. Còn tao, tao đi dè con nào cả, tao có "chính nghĩa", tao dèch sợ. Tao thêm nói tiếng Việt nên đi thăm đồng hương, tao buồn rồi tao nhớ nhà là tao uống rượu cho nó vui vậy thôi. Ai chứa thì tao

ở, ai không chứa thì tao về, tao dèch sợ thằng nào con nào cả...

Thằng Hạnh tức hộc máu ra và... đau khổ lắm nhưng chẳng làm gì được tôi. Cuối cùng, trên đường đi, biết tôi là một người ưa ngọt chứ không ưa đắng, nó xuống nước năn nỉ:

- Nhị à, tao biết mày rượu vào lời ra, ăn nói văng mạng. Tao lay mày! Mày có uống, trước hết đừng khai quá khứ của tao ra, thứ hai, đừng có gây gổ chửi bới ai trong cái nhà đó cả. Tao lay mày!

À, tôi đã nắm được tẩy thằng này rồi. Dĩ nhiên, bạn bè với nhau, ai lại đi phá đám như vậy nhưng tôi cũng phải lên mặt với nó một lần cho bõ ghét:

- Cái đó là còn tùy.

- Tùy cái gì?

- Tao phải coi em có dễ thương không đã, mấy thằng em trai của em có đảng hoàng không đã. Và cả mẹ của em nữa. Thông báo cho mày biết, cả cái nhà đó mà có đứa nào lảng tránh thì tao phang cho bõ mẹ liền.

Thằng Hạnh tái mặt nhìn sững tôi, nói như sắp khóc:

- Tao biết mày ngon rồi. Tao lay mày. Mày đã hại tao một lần ở trại Fort Chaffee rồi, tóc tao đến giờ này vẫn chưa mọc dài ra được mà tao cũng chưa đòi nợ mày... Tình nghĩa trong phi đoàn cũ bây giờ tao chỉ xin mày một điều là uống rượu vào thì rán mà giữ gìn mồm miệng, coi như là để trừ nợ cho tao đi vậy.

Nhớ tới vụ nó bị cạo trọc đầu, tôi liền cảm thấy hối hận, đổi giận làm lành, vui vẻ bắt tay nó. Tôi còn đề nghị:

- Mày nói đúng, tao còn mang nợ mày cái... đầu trọc. Tao sẽ giúp mày vờ em Trinh. Mày có muốn tao bốc cho mày vài câu không... Đại khái như là khen mày ngày xưa ở phi đoàn rất... đẹp trai, hiền lành, bay bổng tài giỏi, ai cũng mê, ai cũng thích...

Thằng Hạnh suy nghĩ một chút

rồi lắc đầu xua tay lia lịa:

- Thôi, thôi, con lạy bố, bố cho con xin. Tao chỉ cần mày khoá cái họng của mày lại cho tao là được. Nhiều khi lời khen của mày còn bằng năm lời chửi. Hối mày, nếu tao đẹp trai ngon lành, ai cũng thương ai cũng thích như vậy thì tại sao cho đến giờ này vẫn còn chưa vợ? Mày cứ để tao lo chuyện riêng của tao. Mày chỉ cần ngồi uống bia và cầm lại là được.

Tôi bắt tay nó lần nữa, đưa bàn tay quẹt ngang miệng làm dấu khóa, hứa chắc:

- Coi như xong, tao chỉ ngồi uống bia và khóa họng lại.

Thằng Hạnh chụp tay tôi, mừng rỡ lắc lắc:

- Được thế thì tao... đội ơn mày lắm. Nhớ đừng có nổi nóng bậy bạ. Chuyện gì không vừa ý mày, mày

để tao lo. Đừng gây gỗ lôi thôi với ai nhé, Nhị nhé?

Chữ "Nhị nhé..." của nó kéo dài nghe thật thê thảm. Tôi tự hỏi lòng, công lao để lấy được một con vợ... Việt Nam ở đất Mỹ này sao mà vất vả quá. Vừa phải chịu đựng vợ tương lai, chiều cả nhà vợ, rồi lại còn phải lạy lục cả bạn bè thân thiết nhất để nó khỏi phá đám. Chả bù với những ngày còn ở Việt Nam, trai thiếu gái thừa, lại mang cái mác phi công thì muốn gì lại chẳng được. Thôi, ầu cũng là luật bù trừ của thượng đế.

Nhà của gia đình em Trinh tuy cũ nhưng ngăn nắp đẹp đẽ, lại ở trong một khu rất yên lặng, sạch sẽ. Những hàng cây sồi hay cây gì không biết to lớn vĩ đại mọc cao như muốn lên tới trời. Trời chớm vào thu nên lá vàng bắt đầu rơi lác

đác trong không khí gây gây rét. Lá rụng phủ đầy sân, ngập đường đi. Khung cảnh xinh đẹp như trong một bức hoạ vẽ về phong cảnh Âu châu mà tôi thường thấy hồi còn ở quê nhà.

Người bảo trợ chở chúng tôi tới, vào nhà chào cho phải phép lịch sự rồi bỏ đi cho chúng tôi được tự do, hẹn khuya sẽ trở lại đón. Thằng Hạnh lễ mễ đưa bịch táo và cam đưa cho mẹ em Trinh kèm theo một câu thủ tục: "Cháu lên thăm bác, sẵn đi ngang chợ, có tí quà mọn, v.v."

Mặc nó muốn tán gẫu thì tán, tôi tự nhiên như một thằng Mỹ con, bình thần sách hai xâu bia bỏ vào tủ lạnh. Rồi tôi lấy một lon, lắc lắc ra ngồi trước sân nhà nhìn trời nhìn đất, để mặc cho thằng Hạnh cùng mẹ Trinh, Trinh và đám em quây quần với nhau, nói đủ thứ chuyện.

Phong cảnh hữu tình quá, tại sao lại phải ru rú trong nhà để tán gái nhỉ? Tôi cứ tì tì làm hết lon này đến lon kia, mắc tiểu thì khệnh khạng đi vào, tiểu xong thì lại ra ngồi uống tiếp, chẳng để ý gì đến chuyện thế sự chung quanh... Lúc mẹ Trinh cho mời tôi vào ăn cơm thì tôi không nhớ đã uống đến mấy lon. Tôi ăn uống tự nhiên, "chan gấp liền tay như một hảo hán", thậm chí có phần hơi... thô bạo vì mẹ Trinh nấu thức ăn ngon quá, mà tôi thì ăn đồ Mỹ đã hơi lâu. Dĩ nhiên, khỏi cần nhìn tôi cũng biết thằng Hạnh ăn uống chẳng thể nào như tôi được. Đã chẳng dám mạnh tay, nó uống bia còn làm bộ kêu đáng làm tôi muốn lộn ruột.

Lúc người bảo trợ đến đón chúng tôi về, tôi không nhớ mình đã uống bao nhiêu bia, cũng chẳng biết gia thế nhà em Trinh như thế nào, có bao nhiêu đứa con, quá khứ làm sao, v.v. Nhưng mà lo gì, có pho tự điển là thằng Hạnh đây, ngày mai cứ tóm cổ nó hỏi là xong hết.

Sau chuyến đi thăm ấy trở về,



tôi thì chẳng có gì thay đổi nhưng thằng Hạnh yêu đời ra mặt. Vào sở, tuy làm cái công việc cực nhọc là rửa chén nhưng nó làm một cách rất... âu-yếm. Từ khu giặt đồ, thỉnh thoảng đi lên khu nhà bếp để lấy khăn bàn về giặt, tôi thấy ông phi công vừa lái... máy rửa chén vừa huýt gió vung vít...

Hai tuần sau, chúng tôi góp tiền lại mua chung một chiếc xe. Đó là chiếc Chevy màu đen sáu máy, tuy đã 10 tuổi nhưng còn chạy rất tốt. Thế là mỗi cuối tuần, tôi cùng thằng Hạnh lóc cóc lái xe cả tiếng đồng hồ để lên thăm em Trinh.

Thật ra, gia đình em chẳng có gì hấp dẫn với tôi nhưng nếu không lên đây thì cũng chẳng biết đi đâu. Và lần nào cũng vậy, hễ đi xuống nhà em chơi thì tôi luôn luôn thủ hai xâu bia.

Được vài tuần thì tôi kiếm được người bạn nhậu mới là thằng Thắng, em trai của nàng. Nó nhỏ hơn tôi năm tuổi, chưa nhập-ngũ nhưng khoái... đời lính lắm, nhất là đời phi công. Gặp phải một thằng quí sứ đang thiếu bạn nhậu như tôi thì tôi đâu có tha. Tôi dốc lòng tập cho nó... uống bia. Tôi bảo:

- Chú muốn biết đời lính hả, ngồi xuống đây ngồi xuống đây anh kể cho nghe, nhưng phải làm với anh một ly cái đã...

Thằng nhóc cầm ly bia lên một cách e dè như cầm ly thuốc độc. Tôi lắc đầu than thở:

- Hồng, thế thì hồng!

- Sao thế anh?

- Chú nói với anh là chú muốn làm phi công, chú biết mấy "thằng" bác sĩ nó khám phi công như thế nào không?

- Khám thế nào?

- Kinh khủng lắm. Nói thật với chú, không biết uống la-de không qua màn khám sức khỏe phi hành được. Trước khi vào trung tâm y khoa, mình phải vào cái gọi là "tiền... khám nghiệm". Ở đó, có một đám bác sĩ mặt mày hung ác. Trước hết chúng nó bắt mình nốc cạn hai chai bia. Xong rồi, nó cho mình lên cái ghế xoay chạy bằng điện, nó quay cho chừng vài chục vòng, xong bắt mình đứng thế nghiêm, uống thêm hai chai bia nữa. Đứa nào mà ngã bò càng ra nhà là bị đuổi ra khỏi Không quân ngay lập tức...

Tôi làm một ngụm bia. Thằng

Thắng hỏi:

- Còn anh, anh có bị ngã không?

Tôi vênh mặt:

- Ngã thì làm sao mà anh còn lái tàu bay được. Có điều uống một lúc bốn chai bia, anh mắc đái quá mà cũng chẳng dám đi, chỉ sợ chúng nó đánh rớt... Nhưng đây là Không-quân Việt Nam, còn hiền, anh nghe nói Không-quân Mỹ còn bắt người ta uống huyết-ky thay vì uống bia như mình...

Thằng Thắng ngồi trợn mắt nhìn tôi khiếp đảm. Tôi chỉ nói phét nên quay mặt đi, không có can đảm nhìn thẳng mặt nó. Tôi đưa cho nó ly bia, giục:

- Đúng vậy! Muốn làm phi công để chinh phục không gian, trước hết phải biết chinh phục... mấy lon bia này. Uống đi em. Uống không được một ly thì nửa ly...

Chẳng bao lâu, chúng tôi trở thành đôi tri kỷ bên bàn nhậu. Sau vài lần thực tập, thằng Thắng bắt đầu uống bia có nét lắm. Có khi, nó say, cũng vung tay múa chân chửi bới tùm lum y hết một... phi công thứ thiệt. Nó nói: "Địt mẹ, em mà lớn chút nữa, em đi lính lái tàu bay như anh thì sức mấy mà Việt Cộng vào thành phố được..." Lúc khác, nó nhớ bố mất-tích trong cơn di-tàn, khóc hu hu.

Bà mẹ Trinh nhìn thấy con mình như vậy thì rầu lắm nhưng tôi tàng lờ. Tôi có dè con gái bà đâu mà cần phải làm bộ đạo đức. Cái làm tôi thích nhất là con nhà Hạnh, sau một thời gian đóng vai thầy tu, nhìn thấy chúng tôi nhậu nhẹt thêm quá, thỉnh thoảng cũng lén bỏ em Trinh ra ngoài uống ké ngụm bia, mắt la mày lét như thằng ăn cắp...

Vài tuần sau nữa, chúng tôi mượn được nhà, dọn ra ở riêng. Lúc ấy mới càng thấy tội nghiệp gia đình người bảo trợ. Họ lo cho chúng tôi đầy đủ từ cái ấm nước sôi đến cái mền cái gối. Thậm chí

thơ phạm quang ngọc

sám hối

cúi đầu xin sám hối
kể tội lỗi niềm đau
người bảo dắt dìu nhau
kết thành dây oan trái.

điều hiu

có một thoáng điều hiu
trong nắng vàng rực rỡ
bướm ngủ quay lưng chiều
hàng hiên trắng vừa tỏ.

phủi đời

gió gửi hồn mây bay
sao mùa đông tuần tiết
sống gửi thể gian này
phủi đời thân nhiên hết.



không quên treo cho chúng tôi mấy bức tranh ảnh ở phòng khách để coi cho ra vẻ.

Dọn về nhà mới, thằng Hạnh càng yêu đời hơn nữa. Nó có đủ thứ lý do để yêu đời bởi vì chuyện tình nó lần này tiến triển rất tốt đẹp, lại vừa được lên chức "rửa chén chính" và được tăng lương. Mẹ Trinh đã cho Trinh đi phở với thằng Hạnh. Nhưng bà cũng còn giữ ý, bắt tôi đi theo làm... kỳ-đà cản mũi. Tôi thì chỉ khoái ngồi nhà chén chú chén anh hay đi bắn chim với thằng Thắng nên mặt-mày cứ chảy thiu ra suốt buổi đi chơi. Con nhà Hạnh sợ tôi phá nát "gia cang" nên nhần nhục nghe tôi mát-mẻ, cần-nhần.

Cũng thời gian đó, tôi ghi danh học thợ máy ở trường đại học cộng đồng quận. Tôi đã rủ thằng Hạnh đi nhưng nó từ chối, viện lẽ Anh vẫn còn kém...

Cuộc đời tị nạn trôi qua êm đềm. Trời đã quá thu, gần sang đông. Cảnh tượng mùa thu đất khách làm cho những thằng Việt Nam sinh trưởng ở miền Nam như tôi và thằng Hạnh cảm thấy thích thú. Cây trọi lá đứng chờ vợ như những ông già hom hem gần xuống lỗ. Lá vàng rơi đầy, phủ kín vạn vật. Và bầu trời mới thật là lạ lùng, lúc nào cũng cứ xam xám, ít khi thấy được mặt trời...

Hồi mới định cư, thỉnh thoảng có một nhà báo đến phỏng vấn chúng tôi về công việc làm ăn, sự hội nhập với đời sống mới. Đã lâu rồi họ không trở lại nhưng tôi tính, nếu họ trở lại, tôi sẽ chỉ thằng Hạnh mà nói đó là hình ảnh của người tị nạn thành công sớm nhất và hạnh phúc nhất ở đất người...

Chứ không à! Công việc và tình yêu là hai thứ quan trọng nhất của đời tị nạn mà nó đều có đủ...

Một buổi chiều đi làm về, tôi mở thùng thư và ngạc nhiên khi nhận được lá thư của thằng Tiến. Lá thư nó gửi về người bảo trợ và

được chuyển qua cho tôi. Tôi ngạc nhiên vì nhiều lý do. Trước hết, thằng chúa lười này tôi biết nó, nó có bao giờ thêm thơ từ với ai. Sau gần năm tháng trời "dầu biển", lá thư vẫn đóng con dấu của trại Fort Chaffee, chứng tỏ rằng nó vẫn còn ở đó. Thư nó ngắn và gọn. Đầu đuôi chỉ thăm hỏi chúng tôi sơ sơ rồi thông báo rằng nó vẫn thường. Ngoài ra chẳng có gì thêm. Nó tuyệt không hề đá động đến em Trang, hay đến những chuyện quan trọng như chừng nào nó sẽ ra trại và sẽ đi đâu, v.v. Trong khi đó, tôi đọc báo Mỹ và biết rằng cuối tháng 12 năm đó, trại Fort Chaffee sẽ đóng cửa...

Tôi và thằng Hạnh ngồi thẩn mẩn về lá thư. Tôi suy nghĩ và mơ hồ nhận ra có điều gì không ổn đang xảy ra với thằng Tiến.

Thằng Hạnh không có thì giờ để nghĩ nhiều về ai cả. Mỗi tình Hạnh-Trinh càng ngày càng thấm thiết. Dù đã già đầu, nó vẫn sống lại được quãng thời gian của những thuở còn đi học. Thật ra còn có phần thơ mộng hơn vì ở đây không có chiến tranh, chẳng sợ đi quá giờ giới nghiêm để có thể lờ thôi với cảnh sát, chẳng sợ quân-cảnh, lại có xế hộp chờ đào đi chơi vi vút.

Mọi người trong nhà, kể cả mẹ Trinh đã từ từ coi nó như con rể tương lai. Tôi biết chuyện này vì một hôm, mẹ Trinh nhờ thằng Thắng điều tra giùm xem thử ở Việt Nam "ông phi công" đã vợ con gì chưa? Dĩ nhiên, tôi đánh mùi được ngay và lắc đầu lia lịa: "Bọn anh ở Việt Nam... dâng hiến tuổi xuân của mình cho tổ quốc, đánh giặc như điên, làm gì có thì giờ đi o mèo mà nói chuyện vợ con."

Tôi nói vậy và tránh không dám nhìn thẳng vào cặp mắt nó. Thật là khó khăn khi phải nói láo những chuyện quan trọng với những người mà mình quý mến. Nhưng thằng Thắng cũng tinh lắm, có vẻ

không nuốt nổi cái lối giải thích này. Nó cật vấn:

- Anh nói thế nào ấy chứ, các anh phi công ở Việt Nam nổi tiếng hào hoa phong nhã, đào địch rầm rầm, có đâu lại yếu như anh nói.

Bình thường mà được nghe người ta nâng cao như vậy thì tôi đã theo đà mà nhảy tót một cái lên tới trời liền, nhưng bây giờ vì ăn nghĩa bạn bè, tôi đành phải nén lòng làm bộ mặt nghiêm và buồn:

- Em nói đúng, phi công là phải hào hoa rồi nhưng đó là phi công... thời xưa, lúc mà chiến tranh còn nhẹ. Bọn anh sau này đâu có được vậy. Thời vàng son đã qua rồi! Phi công lúc sau này... xệ lăm, đâu còn ai mê nữa...

Những gì tôi nói cũng có phần nào sự thực nên thằng Thắng xiêu lòng, khai công tác bí mật ra:

- Nói thật với anh, mẹ em cũng có ý muốn cho chị Trinh với anh Hạnh cưới nhau nên chỉ lo xa vậy. Em biết các anh không lừa bọn em.

Nghe nó nói vậy là tôi ghen hòng và cảm thấy muốn chửi cho thằng Hạnh một trận. Tiên sư mày Hạnh, tao đâu phải là con người như vậy. Từ đó trở đi, tôi cứ bị câu nói "*em biết các anh không lừa bọn em*" của thằng Thắng ám ảnh.

Trong khi đó, thằng Hạnh lại khéo giữ lễ, đi thưa về trình, làm gì cũng nhất nhất nghe lời "mẹ dạy" nên ai cũng hả hê sung sướng.

Có lần thằng Thắng bảo với tôi rằng: "Mẹ em bảo phi công cũng có năm bảy thứ phi công chứ, đâu phải ông nào cũng uống rượu tì tì và ăn nói văng mạng như ông Nhị." Rồi sợ tôi buồn, nó nói luôn: "Nhưng anh đừng lo, em khoái anh hơn. Nom ông ấy chán bỏ mẹ..."

Tôi chỉ gật đầu cười cười...

Sang tháng 12, một buổi chiều chủ nhật đi chơi nhà em Trinh về, thằng Hạnh thông báo cho tôi biết hai đứa chúng nó sắp cưới nhau. Nó đang lái xe, nói xong mà còn quay sang liếc nhìn tôi như một kẻ

có tội.

Đã biết chuyện gì phải tới sẽ tới, tôi lắc đầu, giọng buồn buồn:

- Mà suy nghĩ kỹ chưa?

Thằng Hạnh mời điếu thuốc rồi nhún vai:

- Chẳng có chuyện gì phải suy nghĩ cả. Tình yêu trên hết. Chúng tao yêu nhau.

- Tao biết chúng mày yêu nhau rồi. Ý tao muốn hỏi mày về... hai mẹ vợ còn ở lại Việt Nam...

Chạm nọc, con nhà Hạnh cảm hòng. Tôi tiếp:

- Biết đâu chừng mai mốt, lỡ vợ mày qua được thì mày tính sao?

Thằng Hạnh lăm lăm. Một lúc sau nó hỏi:

- Vậy mày bảo tao phải làm gì? Ở vá như thế này để chờ vợ cho tới chết à?

Men rượu từ hồi chiều lại bùng bùng trong đầu khiến tôi không thể suy nghĩ được. Tôi dụi điếu thuốc, ngã người ra sau, bảo:

- Nói là nói vậy thôi, còn cưới em là phải cưới rồi. Nếu tao là mày, chắc tao cũng phải làm vậy thôi. Lái xe cho cẩn thận, tao ngủ một giấc...

Mẹ Trinh tính cho chúng nó cưới nhau vào dịp sau Tết. Đắt khách quê người, lại ở vào một chỗ không có nhiều gia đình Việt Nam nên chẳng ai muốn bày vẽ làm gì. "Chỉ cần cho hai đứa chúng nó được hạnh phúc bên nhau là đủ", bà bảo tôi.

Thằng Hạnh, như tất cả những thằng đàn ông may mắn được cưới vợ... lần thứ ba trên cõi đời này, càng ngày càng vui vẻ và hồn nhiên yêu đời như một đứa trẻ. Nhưng tôi, vốn là một kẻ lo xa, bắt đầu chuẩn bị lo cho thân mình. Mình nên bước ra khỏi nhà trước khi bạn mình rước vợ về.

Đã có công ăn việc làm, tôi đặt cọc một cái *apartment* không khó lắm. Một buổi chiều, tôi thông báo cho thằng Hạnh biết là sau Noel tôi

sẽ dọn nhà ra. Thằng Hạnh bùi ngùi nhưng không ngăn cản...

Tôi thuyết-phục thằng Hạnh chuẩn-bị tổ-chức một bữa tiệc giáng-sinh gia-đình, vừa để đánh dấu lần "chia tay" sắp tới của hai đứa, vừa để mời gia-đình người bảo-trợ để cảm ơn. Hạnh đồng ý và giao cho tôi toàn quyền lo-liệu.

Từ hôm đó, mỗi ngày một chút, tôi âm thầm dọn dẹp đồ đạc để chuẩn bị ra đi. Tôi lục lọi trong cái gác xép, đem mấy thùng quần áo nhà binh cũ của tôi và thằng Hạnh xuống phòng, gom góp lại những vật dụng của ngày xưa để đem theo làm kỷ niệm.

Trong mấy túi áo bay cũ, tôi moi ra một đồng giấy tờ: này là thẻ lãnh lương, này là chứng chỉ tại ngũ, sổ quân trang, v.v.

Tôi đọc lại từng tờ, giờ tới giờ lui ôn lại kỷ niệm, xong xếp gọn lại để vào góc phòng. Đã toan đem chiếc áo bay đi giặt nhưng nhìn thấy chiếc áo bay của thằng Hạnh nằm meo mốc dưới đáy thùng, tôi đem giặt hộ nó luôn. Tôi cũng lúi lúi trong các túi áo của nó ra, xếp gọn lại đặt bên cạnh mớ giấy tờ của tôi.

Hôm đó chúng tôi đang chuẩn bị cho bữa tiệc thì nhận được thư thằng Tiến. Thư này dài hơn thư trước, giải thích rõ ràng về những gì xảy ra trong trại. Nó viết:

"Nhị ạ, mày vừa đi không tới hai tuần thì gia đình Trang cũng được giấy bảo trợ ra khỏi trại. Tao "cố gắng" nhiều lắm nhưng không đi theo em được. Hai đứa chỉ là bỏ nhau thôi, không có tư cách gì để theo gia đình em hết. Mà có muốn đi cũng chẳng ai cho. Trước khi chia tay, em Trang hứa viết thư cho tao. Tao chờ từng ngày, đếm từng tuần, nhưng chờ mãi đến hôm nay đã bốn năm tháng rồi, chẳng thấy thư từ gì của em Trang cả. Tao có gởi cho em mấy lá thư theo địa chỉ em cho ngày ra đi nhưng đều bị trả về vì không người nhận. Thế là từ đó đến nay, tao trở thành người cô

đơn. Chỉ tiếc bọn mày đã đi rồi, thằng Hưng thằng Hùng cũng đi, tao chẳng còn ai cả.

"Fort Chaffee bây giờ thay đổi nhiều lắm. Người ta đi gần hết. Doanh trại càng ngày càng trở nên hoang vắng. Chiều hôm qua, ngồi một mình trong phòng nhìn ra cảnh tuyết rơi, tao chợt có cảm tưởng như tao là anh chàng Omar Sharif trong phim *Doctor Zhivago*... Tao là người duy nhất còn lại trong cái building này. Theo luật của trại, hệ building còn có 5 gia đình thì phải lên ban điều hành để xin dời đi nơi khác. Người ta hối thúc mấy lần nhưng tao không muốn đi. Có lẽ tao không muốn đi vì nằm đây, tao có thể nhìn rõ cái cửa sổ của building 1708. Nơi đó, tụi mày biết, mỗi buổi sáng tao thường nhìn thấy em Trang thập thò hong tóc. Nơi đó, chúng tao đã nhìn nhau... Nơi đó, chúng tao đã yêu nhau... Không, tao phải nói là nơi đó tao đã yêu nàng. Tao không biết nàng có yêu tao không? Chắc không đâu. Bởi vì nếu nàng yêu tao, nàng đã biên thư cho tao từ lâu rồi..."

"Bây giờ trở về thực tế, để tao hỏi chúng mày cái này. Trại tị nạn sắp sửa đóng cửa mà tao mãi lo chơi nên không kiếm được người bảo trợ, bây giờ muốn kiếm cũng chẳng có ai. Nếu tụi mày cho tao ở với tụi mày, chính phủ sẽ mua vé máy bay cho tao tới đó, cộng thêm 300 đô-la tiền túi. Nếu tụi mày muốn "bảo trợ" tao thì biên thư cho tao còn không thì khỏi viết thư từ chối và cắt nghĩa làm gì cho mất thì giờ. Tao tuy cần chúng mày nhưng cũng tự lo lấy thân tao được. Và tao cũng không trách chúng mày đâu. Nếu trong vòng hai tuần tao không nhận được thư thì tao sẽ tự động kiếm chỗ đi nơi khác..."

Đọc xong lá thư, tôi thấy bùi ngùi thương cảm. Thương cảm cho thằng Tiến, cho thằng Hạnh và cả... cho tôi. Tôi hỏi thằng Hạnh:

- Mày thấy thế nào?

- Phải lo cho nó chứ còn "thấy" gì nữa. Dù mẹ cái quân yêu-tinh bạc tình!

- Ai bạc tình? Ai yêu-tinh?

- Con quỷ Trang chứ ai nữa. Tội nghiệp thằng Tiến, mày để tao biên thư an ủi nó, bảo nó về đây.

Tôi cảm phục thằng Hạnh vô cùng. Chỉ mới cách đây mấy tháng, lúc còn ở trại tị nạn nó nhất định không thém nhìn mặt thằng tình địch mà bây giờ đã trở nên một con người độ lượng, tha thứ.

Văn chương con nhà Hạnh vốn ít ỏi mà tình cảm thì nhiều, nên nó cặm cùi mấy tiếng đồng hồ rồi đưa cho tôi coi một lá thư chẳng đầu đuôi, nham nhở như sau:

"Hỡi người bạn phi công là Tiến, (bạn của Nguyễn Văn Hạnh phi đoàn 114).

Sách có nói rằng: "Một trăm con gái thời nay ấy, đừng nói ân tình với thủy chung..."

"Hoa nở để mà tàn, trăng mọc để mà khuyết, mưa rồi để mà... nắng. Sách cũng có nói rằng giữ người ở chẳng giữ người đi, nó đi thì mày cho nó đi luôn giữ làm mẹ gì. Mà cũng đừng có buồn có chán như Doctor Zhivago làm chi. Mày thấy như tao đây, đại trượng phu sinh nhằm thời loạn, mặc áo chinh nhân để thỏa mộng sông hồ, ngon lành như vậy mà xui xẻo gặp thằng Nhị bị nó cạo trọc đầu tao râu lấm nhưng cũng chẳng lấy gì làm buồn. Tao ra trại và tao đã gặp người tình trong mộng, tình yêu chúng tao thỏa chí tang bồng.

"Nàng Trinh của tao mất bờ câu mũi dọc dừa, cầm trái tim, cười một cái như vầng nguyệt nguyệt v.v..."

Đọc đến đó thì tôi ngưng, không thể nào tiếp tục được. Đóng đến chức quan một tàu bay mà văn chương chữ nghĩa như thế này thì mất nước kể cũng phải. Tôi thấy dù sao thằng Tiến cũng còn có máu thơ phú trong người, còn lá thư này, chẳng có đầu đuôi, đầy khoe-

khoang hợn hĩnh, thậm chí không quên lời cổ tôi ra mà sĩ-vả. Tôi trừng mắt nhìn thằng Hạnh:

- Mày muốn an ủi thằng Tiến mà viết như thế này thì hóa ra chửi cha người ta nó. Thư từ gì mà từ đầu tới đuôi sặc mùi cái lương. Dù mẹ, "tình yêu chúng tao thỏa chí tang bồng" là cái cần câu gì?

Thằng Hạnh đáp yếu ớt:

- Thế à? Tao đâu biết, có bao giờ viết thư cho ai đâu mà biết, thấy câu đó hay thì viết vào cho nó hay, vậy thôi.

- Mẹ, nó đang đau khổ, chỉ cần mày vắn tắt là có cho nó về đây ở hay không thôi. Mày có tài, sắp lấy vợ đẹp thì kệ cha mày, mắc mớ gì tới nó. Có ngứa mồm muốn khoe vợ mới thì cũng từ từ chờ nó về đây hãy khoe được không?

- É! Tao... quên. Ý tao chỉ muốn tả lại cho nó nghe những việc xảy ra ngoài này thôi mà... Hơn nữa, tao là người đang sung sướng, mày phải cho tao le lối cuộc đời một tí chứ.

- Con Trang bỏ nó, nó còn chịu được chứ nếu đọc được lá thư này của mày thì chắc nó nhảy lầu.

- Thế thì mày sửa lại cho tao đi. Đại khái khuyên nó đừng buồn. Nói rằng tao ngày xưa cũng buồn vậy nhưng bây giờ tao... sướng rồi.

Tôi ngồi xuống sửa lại toàn bộ lá thư, chép lại đăng hoàng rồi dán tem gửi đi...

Chiều thứ bảy, tiệc giáng-sinh diễn ra nhộn nhịp tại nhà chúng tôi. Thằng Hạnh nấu một nồi thịt lớn rất ngon, đúng điệu *roast beef* trong nhà hàng nó vẫn làm. Tôi làm một chảo cơm chiên lớn và ra tiệm tàu đặt mua mấy chục cái chả giò. Chả giò ba tàu nấu ăn chẳng giống ai nhưng cứ phải mua về để trên bàn cho nó có mùi vị ...Á-đông. Thức uống thì khỏi nói. Chục két bia và một lô nước ngọt đủ loại chất thành núi ở góc nhà.

Đúng điệu gia-chủ, tôi và thằng Hạnh ăn mặc chỉnh tề, thất cà-vạt

để chào mừng quan-khách. Thằng Hạnh trông áo vét, chiếc áo "gia bảo" duy nhất mới mua để chuẩn bị cho ngày lễ cưới.

Đúng năm giờ chiều, đồ ăn thức uống đã chuẩn bị đầy đủ, chúng tôi thấp thỏm đi ra đi vào để chờ khách. Thằng Hạnh lo lắng, gất nặng lên dù chẳng biết gì để mà gất:

- Cái ti-vi này, sao mà nằm trơ trên như vậy? Mày lấy cái khăn phủ lại, rồi lấy cái bình hoa này để ...lên trên cho nó mỹ-thuật.

- Mày nhà quê thì có. Bên Mỹ này mày có thấy ai lấy đồ phủ lên ti-vi không?

- Thế thì thôi. Còn cái gì nằm một đống ở đây?

- Mẹ, ngổ vừa chứ. Đó là thùng không để đựng rác.

- Ủ, cũng được! Mày coi lại cái cầu tiêu xem sạch sẽ không? Em Trinh là gái nhà lành, không quen ở dơ và bê bối như bọn mình...

Không hiểu do đâu mà cái thằng phi công này lại mang cái thành kiến là hể cái gì của "gái nhà lành" thì cũng sạch sẽ và thơm tho, còn lính tráng như chúng tôi thì cái gì cũng dơ dáy và bê bối.

Đại khái tôi phải chịu đựng những cái lăm cắm như vậy của nó cho tới 5 giờ rưỡi. Gia đình người bảo trợ tới trước hết. Rồi lai rai các bạn Mỹ lẫn bạn Việt. Tối tới mịt, thằng Thắng lái xe chở nguyên gia đình mẹ Trinh sang.

Thằng Hạnh ngồi trong nhà, mặt tươi rói, hãnh diện nói với người bảo trợ: "Gia đình vợ tôi tới đây." Nói xong nó lảng xãng chạy ra làm đón tiếp. Bà bảo trợ nghe tiếng đã lâu nhưng chưa được nhìn thấy vợ tương lai của nó, tò mò đưa mắt ra nhìn rồi khen nặng lên: "Oh, she is so beautiful. Her hair is so charming..."

Lần đầu tiên được làm "chủ nhân" một bữa tiệc sang trọng với khách khứa quan trọng, có bò bí-tết, có thịt gà, có la-de uống thả đàn, tôi vui vẻ cười nói luôn

miệng. Đây cũng là lần đầu tiên thằng Thắng đến nhà tôi nên nó rất thích chí. Hai đứa chúng tôi rất tương đắc, uống nhiều nhất và ăn nói to mồm nhất. Rượu phùng phùng, tôi kéo nó vào phòng, chỉ cái áo bay cho nó coi:

- Áo phi công của anh đấy, em thấy đẹp không?

Thằng Thắng khoái quá, xin mặc thử. Tôi đồng ý. Nó tròng chiếc áo bay vào, ra đứng trước gương soi rồi suýt soa ầm lên. Tôi đưa thêm cái khăn quàng và mũ ca-lô. Nó đội mũ quàng khăn vào rồi đi khoe đủ mọi người, làm đủ mọi thứ động tác chào kính, đi đứng như cơ-bản thao diễn.

Tôi nhìn nó và tưởng tượng ra hình ảnh của mình thời xưa cũ, nước mắt ứa ra.

Đó là một buổi tối thật vui. Ông bảo trợ cũng say mèm. Bà vợ ngồi bên cạnh cứ nháy nhó mãi nhưng ông cứ tỉnh bơ uống tì tì hết lon này đến lon khác.

Mẹ em Trinh thì khỏi nói, sung sướng ra mặt. Bà ngồi nhìn hai đứa chúng nó bên nhau, với ánh mắt triu mến và chấp thuận. Ánh mắt ấy hình như muốn nói cho thiên hạ biết: "Đâu phải lúc nào cũng kiếm được một thằng rể quý ngon lành như vậy..."

Khác với tôi, thằng Hạnh uống rượu rất ít. Nó quán quít bên cạnh em Trinh, làm đủ thứ việc linh kinh của một thằng sắp lấy vợ: lúc rót miếng nước, lúc lấy thức ăn cho lũ trẻ, v.v.

Thôi thì cũng đành phải thông cảm với nó vậy. Mần sắp hạ rồi, nó chỉ cần chịu khó vài tuần nữa thôi...

Tối hôm đó thằng Thắng mặc luôn chiếc áo bay của tôi về nhà. Nó không hỏi tôi, nhưng dù có muốn hỏi cũng không được, vì tôi say quá, đã lên phòng mà gục tự bao giờ.

Sáng chủ nhật hôm sau, đến trưa mới dậy nổi. Ra mở tủ lạnh kiếm nước uống, tôi ngạc nhiên vô

cùng khi thấy nhà cửa đã được dọn dẹp sạch boong không biết từ lúc nào. Càng ngạc nhiên hơn nữa khi nhìn thấy thằng Hạnh đang ngồi thừ ra như xác chết chưa chôn ngoài phòng khách.

Cứ như bình thường thì ngày chủ nhật như hôm nay, nếu không bị gọi đi làm bất tử thì thằng Hạnh giờ này phải đang ở nhà em Trinh...

Dù đầu óc còn choáng váng bởi cơn say, linh cảm cho tôi biết có chuyện gì đó xảy ra. Tôi giạt mình đến thót một cái. Hay là tối hôm qua uống rượu say tôi đã lỡ miệng nói điều gì thất lễ làm cho nhà em Trinh giận chăng? Chắc là không! Vì nếu tôi lỡ miệng như vậy thì thằng Hạnh đã réo tên tôi ra mà chửi từ lúc nhìn thấy cái bản mặt ngái ngủ của tôi.

Nghĩ không ra...

Tôi nấu nước pha cà-phê. Đứng chờ nước sôi, tôi thấy thằng Hạnh chốc chốc bốc điện thoại lên nói với ai vài câu rồi lại bỏ xuống. Nó đốt thuốc lá liên miên, đứng lên ngồi xuống, dáng điệu bồn-chồn khổ sở.

Tôi bưng ly cà phê ra, hỏi:

- Mày dọn nhà lúc nào sạch sẽ vậy. Sao không gọi tao dậy phụ?

Thằng Hạnh trả lời, không thèm nhìn tôi:

- Tao sốt ruột quá, chẳng có chuyện gì làm nên dọn hết nhà cửa cho mày rồi. Làm cho nó đỡ sốt ruột...

- Tại sao lại sốt ruột?

- Tao gọi em Trinh từ sáng sớm, bên đó bảo em không có nhà.

Tôi bỏ một muống đường vào ly cà-phê, khuấy đều:

- Chắc em đi mua quà giáng-sinh. Sao mày không lên đó chơi?

- Tao tính lên từ sáng sớm nhưng thằng Thắng bảo đừng lên.

Ngậm cà phê tôi vừa uống xém chút nữa thì phun ngay ra ngoài. Tôi ho lên sằng sặc:

- Thằng Thắng nói sao?

- Nó bảo tao đừng lên nhà. Tiên

sư cái thằng con nít mất dạy, nó quyền hành gì mà lại ra lệnh cho tao?

Tôi nói như không tin được điều mình vừa nghe:

- Thằng Thắng à?

- Ờ! Thằng lỏi con mất dạy.

- Mày để tao.

Tôi đặt ly cà-phê lên bàn, chụp liền ống nói. Ai trị thằng Thắng không được chứ tôi biết tôi trị được:

- Số nhà... con vợ mày bao nhiêu...

Thằng Hạnh đọc số cho tôi quay. Người nhắc máy lên chính là thằng Thắng. Tôi bảo:

- Thắng đấy hả, anh đây!

Trái với sự niềm nở dành riêng cho tôi thường ngày, thằng Thắng trả lời bằng một giọng lạnh lùng:

- Gì đấy anh?

Sợ nó chưa nhận ra, tôi nói thêm:

- Anh đây, anh Nhị đây!

- Biết rồi, có gì không?

Mẹ, thế này là có chuyện thật rồi. Mà phải là chuyện rất lớn chứ chẳng chơi. Thằng Thắng chưa bao giờ dám ăn nói với tôi như thế này.

- Anh muốn hỏi em là ở nhà... có gì lạ không?

- Không! Anh có gì không?

- Không, không, anh chỉ gọi chơi vậy thôi...

Chữ "thôi" tôi chưa nói hết thì đầu máy bên kia đã cúp cái cúp. Tôi hoa mắt. Như vậy nhất định là phải có chuyện lớn rồi. Đầu óc còn choáng váng, tôi cảm thấy cần phải tắm một phát để tinh thần được sáng sủa mà "đối phó với tình thế mới." Tôi đứng lên lấy áo quần vào phòng tắm mở nước...

Câu đầu tiên tôi hỏi thằng Hạnh khi tắm xong mặc quần áo trở ra là:

- Hạnh, anh em với nhau mày nói thật với tao đi. Tối hôm qua uống rượu say, tao có nói gì bậy bạ với "bên đó" không?

Thằng Hạnh lắc đầu:

- Tối hôm qua mày say đẹp lắm, ai cũng thích. Mày chỉ vui đùa

với mọi người, mệt quá thì rút lên phòng, không nói gì bầy bả hết.

Tôi thờ phào nhẹ nhõm như trút được gánh nặng ngàn cân. Nếu vậy thì chuyện gì đã xảy ra hoàn toàn không phải do lỗi tôi. Đầu óc bớt căng thẳng, tôi bùng ly cà-phê, ngâm-ngẫm rồi lý luận:

- Gần Noel, em đi shopping sớm là chuyện có lý. Nhưng thằng Thắng tại sao lại không cho mày lên nhà? Đó là một ẩn số mà tao phải tìm cho ra.

- Bố tao cũng không biết được.

Không hiểu tại sao, tôi nghĩ ra một chuyện, bỗng bật cười lên:

- Mẹ, tao nghĩ ra rồi, mình chỉ lo nhầm. Chẳng có gì đâu. Tao nghĩ như thế này. Nàng đi shopping sớm, không gọi mày đi cùng cũng là chuyện dễ hiểu vì nàng biết mày bận. Còn thằng Thắng không cho mày lên thì bất quá đó chỉ là hành động của một thằng con nít. Tao biết hình như nó không ưa mày. Có thể tối hôm qua mày vui miệng phê bình một câu gì đó làm nó buồn lúc nó mặc áo bay, nó giận nên nó không thèm mời mày lên...

Mặt thằng Hạnh tươi rói lên ngay theo lời giải thích của tôi:

- Có thể lắm. Nhưng tao đâu chấp nó. Tao là anh nó mà.

- Chẳng có gì phải lo cả. Nó chịu tao lắm, từ từ rồi để tao tìm lời giải thích cho nó hiểu...

Tuy nói cứng như vậy nhưng không hiểu sao, hình ảnh thằng Thắng mặc áo bay lại cứ trở về lơnh trong trí tôi. Phương trình toán học hình như còn một ẩn số chưa thể giải được.

Tôi nhìn đồng hồ rồi nói với thằng Hạnh:

- Đồ nhảm và bia tối hôm qua còn lu bù, hôm nay mày lại được một ngày nghỉ ở nhà mà chẳng phải đi hầu hạ em Trinh. Mày có muốn nhậu tiếp với tao một trận không?

Đang chán đời, thằng Hạnh nổi máu giang hồ gật đầu đồng ý ngay:

ru em

*Đỡ em một chút quà xuân
Trái yêu thương muôn ngọt chường này thôi
Long lanh đáy mắt em cười
Hơi men sóng sánh rạng ngời thủy tinh*

*Đưa nhau suốt cuộc hành trình
Kiếm cung này vỡ tan thành giọt thơ
Em ơi ngày tháng đông đưa
Trăm năm đã hẹn cho vừa lòng nhau.*

*Em ơi sợi nắng chìm mau
Nụ xuân còn lại xanh xao héo gầy
Ru em nằm thiếp trên vai
Má môi ướp mật tóc cài chiêm bao.*

*Em ơi vào mộng thật lâu
Để thơ anh dệt đủ màu yêu thương.*

t.t. mây trên ngàn

- Ý kiến hay. Lâu quá rồi, kể từ ngày đi theo em, tao chưa uống với mày một trận nào ra hồn cả. Để tao uống với mày một lần cuối cùng trước khi leo lên xe hoa...

- Vậy thì dọn đồ ra đi, để tao gọi thêm mấy thằng gần đây tới cho vui...

Tôi bốc máy lên, nhìn bảng "niên giám điện thoại" trên tường, gọi lia lịa mấy số. Chỉ một lúc sau, hai ba chiếc xe cũ thắng kít kít trước nhà. Thôi thế là đủ cả: từ phi công cho tới nhảy dù, thiết giáp, thậm chí có cả giáo sư đại học nữa đều ngồi xếp bằng với nhau nơi phòng khách mà chén thù chén tạc...

Ai cũng biết thằng Hạnh sắp lấy vợ nên cứ nâng ly chúc tụng nó lia lịa. Mỗi lời chúc tụng là một ly bia nên con nhà Hạnh cứ mềm môi uống mãi. Tuy vậy, dù cuộc đấu đang vui đến đâu, cứ khoảng nửa tiếng một lần, thằng Hạnh không quên bốc điện thoại gọi lên nhà em Trinh để hỏi em về chưa...

5 giờ chiều, tiệc gần tàn vẫn chưa thấy em về. Hoảng quá, thằng

Hạnh tỉnh cả rượu, quay nhìn tôi cầu cứu:

- Nhị à, tao nghi có chuyện quá.
- Chuyện gì?
- Sao mãi đến bây giờ "vợ tao" vẫn chưa về...

Tôi nghe nói vậy thì giật mình và cũng muốn tỉnh rượu luôn, nói "mày để tao" rồi bốc máy lên gọi nhà em.

Thằng Thắng trả lời điện thoại. Có chút men yểm trợ tinh thần, tôi sẵn giọng:

- Trinh đâu rồi?
Có lẽ đã bị quấy rầy mãi suốt từ sáng đến giờ nên thằng Thắng bực mình, trả lời cộc lốc:

- Chị Trinh ở đây chứ ở đâu?
Tôi thấy gáy mình lạnh lạnh:
- Sao ai bảo là cô ấy đi shopping?

- Không muốn gặp thì nói vậy chứ chả đi đâu cả...

Ôi, thế này thì chết rồi.
- Cho anh gặp chị Trinh chút được không?

- Không!
- Sao vậy...
- Chị Trinh không muốn gặp ai



cả, nhưng có mẹ em muốn nói chuyện với anh...

Tôi hốt hoảng ra dấu cho đám bạn bè đang ồn ào im lặng. Chúng nó chưa nghe, tôi phải bịt ống nói quát âm lên như sấm: "Chúng mày im hết! Có chuyện quan trọng... Mẹ vợ thằng Hạnh muốn nói chuyện với tao..."

Tưởng đem mẹ Trinh ra dọa chúng nó được, nào ngờ có thằng lại cười lên hô hố, đùa:

- Con là nợ, vợ là oan gia, hai ông bà gia là hai con khỉ già khốn nạn...

Nhiều tiếng cười vang lên sặc sụa cùng với một giọng nói rất nghiêm trọng, rất nhẹ nhàng của mẹ Trinh vang lên trong ống nghe:

- Anh Nhị đấy hả. Tôi muốn gặp riêng anh một chút có được không?

Thế này thì bỏ mẹ rồi. Lúc ấy, thằng Hạnh đã dẹp được những tiếng ồn ào của bàn tiệc cho tôi nói:

- Thưa bác... cháu...

-Ừ, tôi muốn gặp riêng anh một chút thôi...

- Nhưng thưa bác cháu... cháu có... gì đâu?

- Anh ngại hả. Thôi thế thì anh cùng anh Hạnh lên gặp tôi một chút nhé?

Tôi thấy chóng mặt. Mẹ Trinh không bao giờ ăn nói như vậy với thằng Hạnh. Tôi lắp bắp "Vâng, chúng cháu lên liền" rồi gác máy.

Thằng Hạnh nhìn sững tôi:

- Chuyện gì thế mày?

- Đù mẹ đù biết nữa. Mày thay đồ đi ngay với tao lên gặp bác liền. Có chuyện rồi.

Chỉ nghe có vậy là thằng Hạnh lính quính, chạy ra chạy vào, mặc quần quên gài cả cửa sổ, làm cả bàn rượu lại cười âm lên. Tôi nói với chúng nó:

- Tụi tao có việc phải đi trình diện bà già vợ thằng Hạnh. Tụi mày ở nhà tiếp tục nhậu, tụi tao về liền. Nhớ nghe điện thoại giùm tao.

Tôi phóng ra xe, mở máy nhấn

lút ga xăng, sang số ào ào. Thằng Hạnh ngồi bên cạnh mặt cứ tái đi như gà cắt tiết. Cả hai đứa không ai nói với ai lời nào nhưng hầu như đều biết cái vụ mời gặp bất tử như thế này dữ nhiều lành ít.

Đường từ nhà tôi lên chỗ nhà em Trinh bình thường đi mất cả 45 phút, bây giờ tôi chạy mau lắm cũng mất hơn nửa tiếng. Khoản thời gian đó, tôi vận hết trí khôn, tập trung tư tưởng để đoán những gì đã và sẽ xảy ra...

Queo khỏi xa lộ để vào khu thị tứ, hình ảnh thằng Thắng trong chiếc áo bay của tôi lại hiện ra. Và tôi bỗng nghĩ ra một chuyện.

Tôi đạp hết chân thắng, xem tí nữa thì thét lên một tiếng kinh hoàng... Thằng Hạnh gât:

- Mẹ! Chuyện gì nữa vậy?

Tôi buông thắng cho xe chạy

tới, lăm-nhăm ôn lại. Ôi, có thể là tôi đã giết thằng bạn tôi một lần nữa rồi...

Tôi nhớ là lúc dọn đồ đạc, tôi đã đem hai chiếc áo bay của tôi và của thằng Hạnh đi giặt. Trước khi giặt, tôi đã cẩn thận lấy hết giấy tờ của hai đứa ra để hai đồng bên cạnh nhau. Đi giặt về, tôi đã bỏ giấy tờ lại và đưa áo cho thằng Hạnh.

Điều làm tôi thắc mắc là không biết tôi có bỏ đúng giấy tờ của người nào vào áo của người này hay không! Nếu tôi bỏ giấy tờ của thằng Hạnh vào áo bay của tôi thì lúc thằng Thắng mặc chiếc áo đó về nhà, có thể nó đã tò mò lục hết mớ giấy tờ trong túi ra coi.

Nếu nó làm vậy thì chẳng những nó biết thằng Hạnh có vợ ở Việt Nam mà còn biết hai đứa con



của thằng Hạnh tên gì, sinh ngày nào tháng nào, được hưởng bao nhiêu tiền phụ cấp của chính phủ... Tay tôi lạnh ngắt, không dám suy nghĩ thêm...

Sự kinh khủng nhất định phải hiện ra trên nét mặt tôi vì thằng Hạnh hỏi dồn:

- Gì vậy mày? Mày nghĩ ra chuyện gì?

Tôi đành thú thật:

- Có thể... có thể tao đã hại mày một lần nữa rồi, Hạnh à...

Thằng Hạnh rít lên:

- Hại làm sao?

- Mày có nhớ cách đây một tuần, tao giặt giùm mày chiếc áo bay không?

- Ừ, rồi sao?

Tôi kể chuyện mớ giấy tờ trong hai chiếc áo bay cho nó nghe. Kể vừa xong câu chuyện thì xe cũng vừa quẹo vào đường nhà em Trinh. Thằng Hạnh mở miệng than lớn một câu đau đớn mà mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa thể quên được: "Ôi số mạng! ái cuộc đời!..."

Tôi giảm tốc độ trước nhà em Trinh nhưng chưa quẹo vào, chờ phản ứng của thằng Hạnh. Nó nói luôn:

- Quẹo vào đi, đừng có hèn! Nếu phải chết thì đành chết vậy, cứ coi như ngày xưa mình... cất cánh đi bay hành quân, đừng để người ta khinh....

Rồi nó lặp lại câu nói lúc nãy: "Ôi số mạng, ôi cuộc đời!..."

Tôi nghiêng răng quẹo chiếc xe vào nhà em Trinh, đạp thắng ken két...

Người đứng chờ trước cửa là mẹ Trinh. Trông bà hôm nay như con hổ cái đứng trước cửa hang, sẵn sàng xông chết để bảo vệ con. Mối bà điểm một nụ cười... lạnh ngắt.

Hai đứa chúng tôi bước vào nhà. Thằng Hạnh muốn tỏ chút sĩ khí nên can đảm bước đi trước, tôi leo theo sau. Mãi cho đến khi ngồi xuống nơi ghế xa-lông, nó cũng chẳng mở miệng được để nói lấy một câu, dù chỉ một câu xã

giao bình thường.

Tôi không nhớ rõ lắm buổi gặp gỡ kinh hoàng đó đã diễn ra như thế nào, nhưng có một lúc, mẹ Trinh đưa cho tôi một tờ giấy, bảo tôi:

- Bác có tuổi rồi, đọc chữ không được rõ, cháu đọc hộ bác xem tờ giấy này nói gì. Cái này thằng Thắng nó tìm thấy trong chiếc áo bay của cháu...

Vậy là đúng rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi đã làm hỏng hết mọi chuyện rồi. Tôi cầm tờ giấy, mắt cả hồn vía, run run đọc tất cả những gì ghi trong đó:

- Việt-nam Cộng-hoà, bộ Quốc-phòng, bộ Tổng Tham mưu quân-lực Việt-nam Cộng-hòa, Không-quân...

Mẹ Trinh gất nhẹ:

- Bỏ phần trên đi, cháu đọc xuống dưới coi đó là cái gì vậy...

Tôi lấy lại hồn, nhìn xuống phần dưới và đọc tiếp:

- Tham chiếu đơn xin số.... Về việc đơn xin của thiếu-úy Nguyễn Văn Hạnh về việc nói rộng thêm căn phòng phía sau của cư xá sĩ quan....

Càng đọc mắt tôi càng hoa lên. Đáng lẽ tôi không nên đọc nữa nhưng không hiểu tại sao, tôi cứ bô-bô lên:

- Xét về tình trạng gia cảnh của đương sự, một vợ hai con, ban cư xá chúng tôi nhận thấy rằng: Thứ nhất, chiếu theo luật số... ngày... thứ hai, chiếu theo nghị định của bộ quốc phòng ngày...

Đại khái, đó là lá đơn của thằng Hạnh ngày xưa xin xây thêm một căn phòng trong cư xá sĩ quan nhưng bị từ chối.

Tôi đọc một lèo đến hết rồi ngồi im, cúi mặt xuống. Cả nhà chìm trong bầu không khí im lặng nặng nề. Thằng Hạnh chậm rãi đốt điếu thuốc lá đầu tiên kể từ khi bước vào nhà này. Mãi một lúc sau, mẹ Trinh mới nói:

- Tôi có lời cảm ơn ông Hạnh, không, phải nói là thiếu úy Hạnh

mới đúng, đã ngỏ ý muốn thành thân với cháu Trinh của chúng tôi. Đây thật là một vinh hạnh rất là to lớn cho gia đình chúng tôi. Nhưng tôi nghĩ, một người đã có vợ con, ở Việt Nam, không nên đeo bông thêm nữa. Cháu nó còn trẻ, v.v.

Mẹ Trinh nói một thôi rất dài, đủ thứ danh từ lễ nghĩa, giọng điệu nghiêm-trang, nhưng một lời nói bay ra là một nhát dao đâm thấu vào trái tim chúng tôi. Tôi chẳng có sơ mủi gì trong cái vụ này nhưng cũng cảm thấy có tội vì đã đồng loã che dấu, thậm chí còn phét lác để giúp thằng bạn tán em Trinh. Tôi ngồi im thín thít.

Mẹ Trinh nói xong, thằng Hạnh dúi điếu thuốc đứng dậy, mắt đỏ ngầu, nói:

- Cháu cảm ơn bác đã dạy cho chúng cháu một bài học quý giá. Thú thật rằng cháu là người đã có vợ. Tuy nhiên, bác cho cháu nói một lời cuối cùng.

- Xin ông cứ dạy.

- Nếu yêu là có tội thì mọi người trên cõi đời này, ai cũng có tội hết cả. Cháu có tội vì cháu đã yêu Trinh. Nhờ bác nói với em như vậy. Dù sao thì cháu cũng xin cảm ơn bác, gia đình bác và Trinh đã cho cháu những giây phút thật ấm cúng. Bác cho cháu xin lại tất cả những giấy tờ của cháu.

Thằng Thắng từ đâu không biết chạy ra dúi vào tay Hạnh xấp giấy tờ. Thằng Hạnh đứng lên, giọng hơi khan:

- Cháu xin cảm ơn bác, và xin chúc gia đình bác và em Trinh được mọi điều may mắn.

Mẹ Trinh nhìn theo chúng tôi, không nói thêm lời nào.

Hai đứa bước mau ra xe. Tôi quay nhìn lui lần cuối cùng chỗ hiên nhà mà tôi hay ngồi uống rượu với thằng Thắng. Thật bất ngờ, tôi nhìn thấy tấm màn cửa gần đó khép lại thật mau.

Đứng trước xe, tôi đưa chìa khóa cho thằng Hạnh:

- Mày lái?

- Mày không sợ tao đâm đầu vô cầu xa lộ tự tử à?

Tôi nhún vai:

- Mày chết thì tao cũng chết với mày, sợ mẹ gì!

Tôi hối hận quá nên nói vậy và sẵn sàng ngồi im nếu nó húc xe vào bất cứ chỗ nào. Thành Hạnh đứng yên một lúc rồi lắc đầu, mở cửa xe bên kia leo lên:

- Tao còn trẻ lắm, mày lái đi...

Tôi lên xe rồi máy. Trời đã về đêm. Ánh đèn xe chiếu xuống trên mặt đường vàng vọt.

Tôi nói với thành Hạnh:

- Hạnh ơi, tao cứ hại mày hoài!

Thành Hạnh thở dài.

- Bây giờ mày tính sao?

Hạnh im lặng.

Tôi tôn trọng sự im lặng của nó nên lẳng lẳng lái xe, chẳng hỏi gì thêm nữa. Đột nhiên, nó mở miệng, giọng náo nê:

- Nhị à.

- Gì?

- Mày đừng lo chuyện em Trinh nữa. Ấu cũng là số mạng. Dù sao, tao cũng phải cảm ơn mày vì mày đã giúp tao hết lòng. Chuyện xảy ra hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát của mày, tao không trách mày. Cũng chẳng thể trách gia đình em Trinh...

Nghe nó nói tôi ngạc nhiên quá đổi. Một lúc lâu sau, tôi nói:

- Mở miệng ra nói được như vậy thì mày đã trưởng thành rồi...

Thành Hạnh chồm dậy thò tay vào túi tìm thuốc:

- Chạy ra tới đây mà chưa trưởng thành thì chừng nào mới trưởng thành được...

Queo xe vào nhà, tôi biết tiệc rượu đã chấm dứt vì bãi đậu trống vắng, nhưng hơi ngạc nhiên khi thấy đèn phòng khách còn sáng và một bóng người ngồi lù lù ngay trên ghế sofa. Tôi thắng xe tắt máy, đoán chừng đây là một tay hơi quá chén nên phải ngủ lại, nhưng thấy hơi lạ là thành Hạnh đó chưa lăn ra ngủ mà còn ngồi lù lù giữa phòng khách.

Tôi vừa tra chìa vào ổ khóa thì cánh cửa bật mở ra.

Thành Tiến. Nó hiện ra sau cánh cửa, toét miệng cười:

- Dù mẹ hai thành quý sứ, đi đâu mà tao gọi mãi không được, làm tao phải đón taxi về đây, mất toi nó mấy chục đồng bạc...

Tôi sửng người nhìn nó. Ngày hôm nay quả có nhiều chuyện bất ngờ...

Vào nhà, chúng tôi bắt tay nhau, hỏi đủ thứ chuyện và quên luôn "tai nạn" thảm khốc vừa xảy ra.

Tôi lại ngạc nhiên thêm một lần nữa khi thấy nhà cửa đã được dọn dẹp, chén dĩa rửa sạch, hai ba bao rác chất một đống trong góc nhà. Tôi hỏi thành Tiến:

- Ai dọn dẹp nhà cửa vậy?

- Mẹ, không phải là tao thì ai vào đây nữa. Mấy thành bạn mày say be bét hết rồi. Tao phải đưa chúng nó ra xe, chỉ định thành nào lái được, thành nào chỉ nên nằm ngủ...

Tôi và thành Hạnh cùng nhìn nhau ngạc nhiên. Thành đại làm biếng này hôm nay được như vậy thì nó cũng đã... trưởng thành rồi.

Tôi bắt tay nó:

- Mày làm tao cảm động quá, tao không ngờ mày "đổi tính" mau như vậy...

- Mẹ, không muốn cũng phải rán mà đổi. Tao mà cứ như hồi xưa thì thế nào cũng bị bọn mày tổng cổ ra khỏi nhà...

Thành Hạnh mở cửa tủ lạnh nhìn vào và hỏi:

- Tao đang thèm rượu. Tụi mình uống mừng ngày sum-họp chứ?

Thành Tiến nói một câu vô tình:

- Theo truyền thống Không quân, tất cả mọi chuyện vui buồn đều đáng cho chúng ta... ăn nhậu hết...

Trời lúc ấy đã khuya rồi nhưng ba đứa chúng tôi cứ ngồi uống bia. Mai là thứ hai phải đi làm nhưng chẳng đứa nào thèm nghĩ tới. Một

lúc sau, thành Tiến mở miệng bắt chuyện, hỏi:

- Tụi mày đi lo chuyện đám cưới hả? Sao, ngày cưới của mày là ngày nào?

Thành Hạnh lắc đầu:

- Cưới kiếc mẹ gì. Dù mẹ tao lại bị... mất vợ lần nữa rồi.

Thành Tiến nghe vậy xem tí nữa thì sặc. Nó phải đưa tay lên bụm miệng lại rồi quay nhìn tôi như dò hỏi. Tôi gật đầu xác nhận rồi nâng ly bia lên uống cạn. Thành Hạnh chợt lắc đầu đứng lên kéo màn cửa nhìn ra ngoài.

Dưới ánh đèn đường, tuyết đã bắt đầu rơi không biết từ lúc nào. Cảnh vật mới đó mà bây giờ đã thấy trắng xóa.

Chúng tôi ngồi im lặng một lúc. Rồi tự nhiên thành Tiến vỗ lấy cây đờn trong góc nhà, so dây rồi cúi đầu dạo nhạc và cất tiếng lên hát nhẹ nhàng: *"Once upon a time there was a tavern... Where we used to raise a glass or two..."*

Tiếng hát của nó làm hồn chúng tôi ngưng lại. Đây là một bài hát mà ngày xưa đi biệt đội chúng tôi thường ngồi hát với nhau. Bài hát kể chuyện một nhóm bạn bè ngày xưa còn trẻ hay tề tựu ở một cái quán rượu nhỏ, nâng ly lên uống với nhau và cùng bàn những chuyện vá trời lấp biển. Rồi thời gian trôi qua... Một ngày nọ, có một ông già trở lại đứng nhìn vào quán cũ, buồn-bã nhớ lại thời son trẻ đã đi, chỉ nấc được lên một câu tiếc rẻ: *"Those were the days my friends..."*

Câu hát thật là bình thường, mà sao nghe vời vợi...

Tiếng hát của thành Tiến bây giờ dồn dập:

"Those were the days my friends, we thought they never end, we sing and dance, for ever and a day..."

Cả ba đứa chúng tôi cùng gào lên: *"Those were the days my friends, we thought..."* *



Chuyện Một Người Đàn Bà Bình Thường

Nguyễn Mạnh An Dân

Tùng thẳng thốt hỏi theo thói quen.

— Hai, một nam một nữ. Hai mẹ con.

Tùng phân vân khó xử. Việc sắp xếp chỗ ở cho người mới đến trại là một vấn đề phiền toái và phức tạp cho nhà trưởng. Nguyên tắc có qui định số người tối đa cho mỗi nhà nhưng chỗ ở thiếu thốn, kế hoạch chuyển trại từ Bidong sang tiến hành ồ ạt, việc chia sẻ, đùm bọc nhau trong hoàn cảnh này là điều cần thiết nhưng không mấy ai chịu hiểu điều đó. Trình độ nhận thức giới hạn, đời sống khó khăn và tâm lý hoang mang buồn chán trước một tương lai đen tối đã làm cho lòng người như khép lại, ích kỷ và tính toán, so đo hơn. Tùng lo ngại sẽ có những va chạm làm đau lòng người mới đến xa lạ và cô thế nên bỏ ý định đi uống nước, quay vội về nhà.

Thực sự Tùng cũng chưa biết sẽ phải giải quyết ra sao cho ổn thỏa. Nhà có mười chiếc giường hai tầng sắp kín bốn bên vách, chỉ còn trống những khoảng nhỏ đủ làm lối ra vào, biết làm sao để có thêm hai chỗ nằm? Còn căn cứ vào qui định để từ chối thì chưa chắc đã được mà lương tâm lại không cho phép. Tùng bước vào nhà với một tâm

Dạy xong bốn giờ Việt văn, Tùng mệt phờ người. Buổi trưa Mã Lai trời nắng gắt và những cơn gió như lửa từng mảng hơi nóng ập vào người. Tùng kiên nhẫn đứng chờ cho đám học sinh đông đặc chen nhau ủa xuống hết khối chiếc cầu thang gỗ nhỏ và tản về các khu mới chậm rãi xuống lầu. Tùng men theo các hàng cây nép bóng đi về phía *canteen*. Chàng muốn uống một ly nước ngọt, ngồi riêng tư thoải mái một chút trước khi trở về căn *longhouse* chật chội đông đúc.

Nhà hộp, tiếng gọi nôm na mà tượng hình, chính xác, dành chỉ chỗ ở của mọi người trong trại. Những dãy nhà tiền chế mái bằng

như những cái hộp chữ nhật dài ngăn ra nhiều khoang nhỏ cho từng đơn vị hai mươi nhân khẩu. Nhà có lẽ được thiết kế cho xứ lạnh hay để gắn máy lạnh, nhưng đến người tị nạn sử dụng thì thực sự đã trở thành những cái hộp đúng nghĩa đầy ắp người, đồ đạc và rệp. Tùng rất sợ phải về nhà vào giờ trưa nóng này. Chàng đi rất nhanh nhưng chưa kịp đến quán nước thì đã nghe có tiếng người gọi lớn tên mình. Một thanh niên cùng nhà từ bên kia đường chạy đến vừa thở vừa nói:

— Anh về ngay đi, nhà có thêm đồng bào mới.

— Mấy người? Nam? nữ?

trạng phân vân. Chàng lướt mắt quan sát khắp nhà và hình ảnh trông thấy làm chàng vừa cảm động vừa buồn cười. Hai người mới đến đã chọn chiếc giường tận cùng, sát vách phía trong để làm chỗ ở. Họ trải một tấm nhựa mỏng dưới gầm giường. Hai mẹ con mê mệt ngủ, nằm sát vào nhau thẳng góc với chiều dọc của chiếc giường, hai phần người luồn hẳn vào trong chỉ thừa từ vai trở lên lộ ra ngoài, không chiếm bao nhiêu diện tích. Phần còn lại của tấm nhựa để ngay ngắn mấy bao ni-lông đồ đạc ít ỏi và có lẽ không mấy giá trị.

Tùng im lặng ngồi lên giường. Chàng cố giữ thật nhẹ nhàng để không phá giấc ngủ người mới đến và định chiều sẽ nói chuyện với họ nhưng người thanh niên cùng về với Tùng đã nhanh nhẩu ngồi xuống lay vai người đàn bà và nói lớn:

— Chị gì này, dậy đi! Có nhà trưởng đây, nói gì thì nói đi!

Người đàn bà mở bừng mắt, ngơ ngác một chút rồi như hiểu ra, chị quay lại lay lay đưa con. Hai mẹ con vội vàng trườn người chui ra khỏi gầm giường. Thằng bé đứng thẳng, lễ phép:

— Chào chú.

Người đàn bà cũng tươi cười, vồn vã:

— Chào thầy Hai nhà trưởng, tui bấy quá. Hai má con tính chờ thầy về mà không được. Hai năm trên đảo không đi đâu, mới bước xuống “bu-đát” ra tới đảo Cá Mập là say sóng, ăn chực nằm chờ thanh lọc ở Ma-răng, qua đây lại hư xe dọc đường thức suốt đêm qua chịu không nổi. Thầy bỏ qua cho tui nghe thầy Hai.

Tùng mỉm cười. Chàng nhìn kỹ người đàn bà. Chị khá đầy đặn, chưa nhiều tuổi lắm nhưng tóc búi cao, mặc chiếc áo bà ba nâu cùng cái khăn dài vắt vai khiến trông có vẻ mộc mạc và chững chạc như những bà dì, bà má thường thấy ở miền Nam. Sự lễ phép của đứa trẻ cùng cung cách ăn mặc và nói năng của người mẹ đã làm Tùng tự nhiên thấy gần gũi. Hoàn cảnh phức tạp

trên phần đất tạm dung xô bồ này đã biến đổi rất nhiều con người, biến đổi đến mức lạ lùng chua xót, giữ được một chút Việt Nam không phải là điều ai cũng làm được.

Người đàn bà nhìn Tùng, nồng nhiệt nói tiếp:

— Thầy Hai cho má con tui ở đây há! Tui xếp vậy thầy Hai coi được không? Ăn nhiều chớ ở bao nhiêu! Hai má con tui nằm nửa giường phía trong thôi, nửa còn lại thầy với chú ở giường trên có chỗ lên xuống. Đồ đạc tui để hết trong này. Có gì đâu, chút áo quần, mền gối với sách vở của thằng nhỏ, không phiền gì thầy với mấy chú ở đây đâu!

Người đàn bà ngừng lại một chút. Chị nhìn mấy người chung quanh:

— À, cảm ơn mấy chú nghe. Không có mấy chú xếp giùm đồ đạc chắc giờ còn lu bu lắm! Bị tui mệt quá!

Tùng ngược nhìn khắp phòng. Cả nhà gần như tập trung đầy đủ bên mẹ con người đàn bà. Tất cả đều là thanh niên. Đầu tiên nhà cũng có nhiều gia đình đầy đủ nam nữ nhưng rồi họ lần lượt ra đi và tình cờ một đợt thanh niên đến thế chỗ, nâng số đàn ông lên thành mười mấy, không còn thích hợp để nhận thêm phụ nữ vào ở chung. Người đàn bà này là ngoại lệ đầu tiên, có lẽ vì kẹt chỗ và cũng vì số tuổi đáng cô bác của chị.

Người đàn bà cười với mọi người. Chị nói tự nhiên, thân tình như đã quen biết lâu đời:

— Chút rồi mấy đứa cho dì biết tên để kêu. Quần áo bây có sút chỉ, đứt nút gì đưa hết đây dì sửa cho. Thanh niên mấy đứa làm sao sống một mình!

— Nghe dì nói sao con nhớ má con quá! Thôi dì nhận con làm con nuôi đi nghe! Con có áo quần cho dì giặt, bữa bái cho dì xếp, bê bối cho dì la...

Một thanh niên sà xuống ôm vai người đàn bà đùa giỡn thân ái. Tất cả đám trẻ còn lại nhao nhao hưởng ứng:

— Con nữa! Con nữa dì Hai!

Con hiền lành dễ thương hết sẩy!

Người đàn bà cười, trách mà như nựng, bằng những lời lẽ bao dung, nhân hậu, đuôi mắt ánh lên nét vui âu yếm:

— Tui bây nghịch như quỷ, ai mà lo cho nổi!

Tùng thấy vui và an tâm. Tình hình đã rất thuận lợi và dễ dàng cho chàng. Thái độ chân tình gần gũi của người đàn bà đã giúp chàng khỏi phải giải thích, vận động mọi người trong nhà. Tất cả đã hầu như chấp nhận sự hiện diện của hai mẹ con người mới tới một cách vui vẻ, tự nhiên. Phần Tùng, chàng rất vui nhưng cũng thấy áy náy cho người đàn bà. Nhà toàn những người chưa thanh lọc, còn chờ kết quả hay đã rớt, có nghĩa là đều phải chờ đợi lâu dài, không ai sắp rời trại để có giường trống, chả lẽ bắt hai mẹ con ở mãi dưới gầm giường!

Tùng nói với đám đông:

— Thôi, mấy chú về chỗ đi, để chị ấy nghỉ một chút.

Người đàn bà khoát tay cản lại:

— Không sao đâu thầy Hai, để mấy chú ngồi chơi cho vui. Vậy là thầy Hai cho má con tui ở rồi há, cảm ơn thầy Hai nghe.

Tùng nghiêm giọng:

— Tôi có hai điều nói với chị, tạm thời chị ở đây nhưng thư thả rồi tìm chỗ khác chuyển nhà. Tôi không khó để gì đâu nhưng làm sao chị ở lâu dài dưới gầm giường được. Thứ hai là tuổi tôi chỉ đáng em út chị thôi, tị nạn cả, không thầy Hai thầy Ba gì hết, chị bỏ giùm tôi tiếng đó đi.

Người đàn bà ngắt lời Tùng, hấp tấp nói:

— Ý đâu được thầy Hai! Giấy rách cũng phải giữ lấy lề chớ! Trước tui nấu cơm cho mấy thầy viết báo, dạy học thiếu gì, đâu có bừa càn ai cũng anh anh tôi tôi như bọn họ được! Sau 75 tui gặp lại mấy thầy, thời thế mà, đập xích lô, bán hàng cực nhọc đủ thứ mà tui đâu có xử khác.

Người đàn bà ngừng lại, chị lấy tay vỗ vỗ vào trán vẻ phân vân:

— À, mà thầy nói với tui hai chuyện là chuyện gì nữa hè? Phải

chỗ ở không thầy? Tui ở đây được mà, thầy đừng ngại gì hết, miễn có tình có nghĩa là vui rồi. Tui tui sao cũng được. Hồi đó ba má con tui ở kinh tế mới trốn về, từng ngủ trên gò má ba bốn năm mà thầy. Vậy là tốt rồi chứ còn đòi gì nữa. Tui cũng từng có nhà cửa đảng hoàng, nhưng không may mất nước thì phải chịu chứ muốn sướng sao được thầy Hai. Bao giờ có nước trở lại muốn gì thì muốn!

Tùng im lặng lắng nghe. Lời lẽ người đàn bà mộc mạc nhưng chân tình, không màu mè khách sáo mà vô cùng cảm động. Chàng ngạc nhiên hỏi lại:

— Chị nói ba mẹ con, vậy còn cháu nữa đâu, kẹt lại à?

Người đàn bà tự nhiên khựng lại. Chị rơm rớm nước mắt, vừa trù mến xoa đầu đứa con trai vừa trả lời:

— Đâu có thầy Hai. Con chị thằng này nè. Con nhỏ hăm hai, biết phải quấy, được người được nết lắm thầy, nhưng số nó không may. Tội nghiệp không biết nó có theo trời theo Phật được không hay vất vưởng đói lạnh trên biển. Tàu gặp nạn mà thầy!

Tùng vô cùng áy náy. Câu chuyện đã đi quá xa và Tùng vô tình gợi đến một điều đau lòng nhất trong đời tị nạn. Người đàn bà nhận thấy vẻ bối rối của Tùng, chị nói chậm rãi, có chút bằng lòng, hãnh diện một cách xót xa:

— Con nhỏ quyết định xa má con tui trước khi bị bắt qua tàu Thái. Nó cứng đầu lắm, thà chết chứ không chịu nhục. Tui dạy nó mà thầy Hai, nó có được đi học đảng hoàng chứ đâu phải thứ cầu bơ cầu bất...

Tùng choàng thức sau giấc ngủ dài yên tĩnh. 6 giờ rưỡi sáng, loa phóng thanh trong trại đang phổ biến danh sách gọi nhân lực. Tùng nhìn xuống chỗ hai mẹ con người mới tới. Đứa bé nằm co một góc ngủ mê mết. Chỗ người mẹ bỏ trống, chị đã thức dậy và ra ngoài từ bao giờ. Tùng bước xuống giường, chàng lấy kem đi đánh

răng. Người đàn bà đang quét dọn, sắp xếp trước sân nhà nhìn Tùng cười. Tùng chào lại và nói thành thật:

— Chị mới đến cứ nghỉ đi, nhà có phân công trực vệ sinh, cứ để đó chốc mấy em nó làm.

— Phân công chi thầy, để đó tui lo cho, làm một chút chứ bao nhiêu! Để tui con trai quét dọn tội nghiệp bọn nó.

Tùng định nói thêm nhưng người đàn bà đã tiếp tục quét. Chị coi đó như một công việc bình thường, không có gì để bàn thảo.

Sau khi làm vài động tác thể dục và làm vệ sinh buổi sáng, Tùng trở vào thấy người đàn bà đang chế nước sôi vào một cà-men đựng mì, đây nắp và để cẩn thận vào một chỗ riêng, có lẽ chị để phần cho đứa con. Chị ta đến bên Tùng, nói nhỏ:

— Thầy chỉ giùm tui văn phòng quân cán chính. Tui muốn ghi tên vô chi hội bộ binh, ba sắp nhỏ trước ở sư đoàn Trấn sơn bình hải, Hắc tam sơn bạch nhị hà.

Tùng cười và thật sự cảm động. Chàng cũng là một người lính và cũng từng sinh hoạt với nhiều anh em trong hội. Chàng biết những nhược điểm cố hữu của các hội đoàn ở trại cũng như biết những khả năng rất giới hạn của họ. Chưa có ai nghĩ đến chuyện sinh hoạt hội ngay khi vừa đến trại, cũng chưa từng thấy ai nhắc đến đơn vị cũ của chồng một cách trân trọng và đầy hãnh diện như vậy. Trường hợp người đàn bà này là một ngoại lệ đáng quý. Tùng ôn tồn trả lời:

— Cũng gần đây thôi chị. Trại như bàn tay, cái gì cũng gom lại một chỗ hết. Nhưng từ từ chứ vội gì chị. Hội mỗi tuần họp một lần vào chiều thứ sáu, chị tới là gặp đủ cả. Hôm nay chị đi làm thể gia đình đi, hơi phiền đó, ký đủ sáu chỗ mới họp lệ.

— Chu choa, sao dữ vậy thầy? Bộ như làm hộ khẩu bên mình hả thầy?

Người đàn bà hỏi với vẻ lo âu. Tùng lấy một miếng giấy nhỏ viết mấy chữ theo thứ tự: Khu, Nhân lực, Hành chánh tổng quát, Nhà ở, An ninh, Văn phòng trại và giải

thích:

— Không có gì đâu, chị cầm giấy này tìm tới các nơi tôi đã ghi, người ta sẽ chứng cho chị ngay không khó để gì cả, chỉ là thủ tục giúp các nơi theo dõi nhân số vì những trách nhiệm liên hệ đến họ mà thôi.

Người đàn bà cầm tờ giấy. Chị nhắm đọc lại những địa chỉ và vội vã ra đi nhưng cũng mất gần cả ngày mới hoàn tất những thủ tục cần thiết. Buổi tối, chị nấu một ấm trà lớn, làm một thứ bánh chiên bằng bột mì và trứng gà, sắp ra mấy đĩa lớn mời cả nhà “uống nước cho vui”. Tùng bận rộn ở trường về nhà rất trễ. Chàng ngạc nhiên và vui mừng thấy không khí trong nhà hết sức vui vẻ, thân tình. Người đàn bà mời ép, rầy rà bằng giọng điệu trưởng thượng, cô bác ầu yếm và gần gũi. Đám thanh niên cười nói ồn ào, dì dì con con ngọt xớt. Tùng cũng ngồi xuống sàn. Người đàn bà bưng ra một phần bánh dành riêng, cầm một miếng lớn đưa tận tay Tùng, cười rạng rỡ:

— Mời thầy ăn miếng bánh lấy thảo. Tui định chờ thầy về nhưng mấy đứa nhỏ đòi ăn như giặc, thầy thông cảm.

Tùng cười, chàng nói sau khi đã ăn hết miếng bánh:

— Chị phải nghiêm với mấy ông tướng này mới được, hiền quá loạn hết bây giờ!

Đám trẻ nhao nhao tranh nhau nói. Người đàn bà vui vẻ thật tình. Chị có cái vẻ tự tin, quán xuyến của một người chủ gia đình, một người mẹ hiền hậu và bao dung. Chị ôm chặt đứa con trai đã cao bằng mẹ vào lòng, trù mến và bảo bọc. Suốt buổi tối, nhiều lần chị đã định nói với Tùng một điều gì đó nhưng có lẽ thấy không hợp nên dừng lại. Tùng biết nhưng không tiện hỏi. Mãi đến gần giờ giới nghiêm, mọi người đã vào chỗ nghỉ, người đàn bà mới đến ngồi trên sàn ngay đầu nằm của Tùng và nói nho nhỏ:

— Thầy Hai nghĩ coi tui làm có đúng không? Tui dạy con thà chết chứ không chịu nhục. Giờ tui cũng không biết mình làm có phải không nữa!

Tùng ngạc nhiên nhồm dậy. Anh chưa hiểu người đàn bà muốn nói gì và phải trả lời ra sao. Nhận thấy vẻ bối rối của Tùng, chị giải thích:

— Vụ con cháu nhảy xuống biển đó thầy Hai. Tàu có mười mấy cô chớ đâu phải mình nó. Mấy cô kia vẫn còn đây nè. Có cô buồn rầu lắm mà cũng có cô tỉnh bơ, bỏ bịch tùm lum. Nhiều lúc tui nghĩ có khi tại tui mà con cháu nó không giống người khác được. Tui đã nói với cháu ba nó là chiến sĩ xuất sắc được choàng vòng hoa, đến chết vẫn anh dũng. Nghe nói ống tử thủ trong lô cốt với một trái lựu đạn, chết cùng tiểu đội giặc. Tui dạy nó phải sống sao đừng để tử vong linh ba nó...

Chị ngừng lại một chút rồi nói tiếp:

— Thầy không biết chớ con nhỏ ngoan và được người lắm, ai thấy cũng thương. Có thằng cán bộ quản lý thị trường mê nó lắm mà nó đâu có chịu. Nó nói thằng này cùng bọn với tui giết ba nó, lấy thằng thì cũng như lấy đứa giết ba nó sao!...

Người đàn bà rơm rớm nước mắt, chị kéo chéo khăn vắt vai lau mặt và ghen ngào:

— Tui đi chuyển này cũng vì mong chị em nó học hành nên người, có dịp đền ơn đất nước. Tội nghiệp con nhỏ. Bữa đó nó có hỏi ý tui mà! Ngó cái cách nó ôm thằng em và ánh mắt nó là tui hiểu nó đã quyết định không qua tàu Thái nhưng hình như nó vẫn muốn biết ý tui. Nó nghe lời tui lắm, nếu tui nói “tai trời ách nước, ai sao mình vậy” chắc con nhỏ đã rán sống. Tui không biết mình sao nữa thầy ơi...

Người đàn bà gục xuống nức nở. Tùng cố an ủi nhưng có lẽ chị không nghe thấy gì. Tiếng chàng lạc lõng giữa những tiếng nấc ghen ngào “Con ơi! Con ơi!”...

Ngoại trừ những lúc nhắc đến con gái, người đàn bà sống rất bình thản, đôi khi còn tỏ ra lạc quan quá đáng. Chị quán xuyến mọi việc trong nhà, hâm nấu thức ăn, la rầy, can ngăn, khuyên giải mọi bất đồng xích mích của đám trẻ. Sự quan tâm chăm sóc mọi người bằng tình

thương thật sự đã tạo cho chị một ảnh hưởng tuyệt đối với cả nhà. Chị vẫn đi họp thường xuyên vào mỗi thứ sáu ở hội Quân Cán Chính. Những lần như thế, bao giờ chị cũng đi sớm cả tiếng đồng hồ để quét dọn văn phòng, nấu nước pha trà và khiêm tốn ngồi nghe mọi người bàn thảo công việc. Khi được đề nghị làm ủy viên xã hội, chị rút rè từ chối và thành thật cho biết trình độ giới hạn của mình. Nhưng khi được giải thích công việc chỉ là thăm viếng giúp đỡ những hội viên bệnh tật, neo đơn, chị vui vẻ nhận lời và lao vào công việc với tất cả nhiệt tình. Chị mua một quyển tập nhỏ, dẫn đưa con đến văn phòng hội ghi chép lại danh sách và địa chỉ tất cả hội viên, ghi chú cẩn thận bằng mực đỏ những thương phế binh và người già với đầy đủ tuổi tác và mức độ tàn phế. Rồi chị bắt đầu đi thăm từng người. Bao giờ chị cũng dẫn theo đứa con trai và hai mẹ con đã thực sự trở thành niềm an ủi của rất nhiều người trong hội. Tất cả mọi người đều gọi chị là chị Bảy và đều cảm thấy chị như một người thân trong gia đình.

Có lần đi họp về, chị Bảy hớn hờ đem khoe với Tùng một tờ giấy chứng nhận tình trạng cô nhi, quả phụ tử sĩ của mẹ con chị. Chị cảm động đến mức run rẩy chân tay và giọng nói bỗng ghen ngào:

— Mấy ông chỉ huy phe mình cũng tình nghĩa và chu đáo lắm. Cả triệu quân làm sao biết hết, má con tui như hạt cát mà mấy ông cũng nhớ tới. Tui gởi đơn chỉ muốn báo cho chỉ huy biết vợ con của chiến sĩ chồng tui cũng biết sống chết cho tự do chớ có mong được giấy chứng nhận gì đâu! Thầy coi giấy có ghi tên chồng tui với đầy đủ số quân, đơn vị nè. Phe tự do đâu có bỏ mình phải không thầy Hai?

Tùng vô cùng áy náy và cảm thấy thương hại người đàn bà. Tâm hồn chị đơn giản và trong sáng quá. Chị yêu thương và tin tưởng vào con người, vào cuộc đời. Chị thủy chung đôn hậu nên nghĩ ai cũng thế. Chị không cần biết những đổi thay tráo trở, những toan tính lạnh lùng,

những cấu kết vì quyền lợi và điều gọi là nhân đạo, đồng minh, chiến hữu... chỉ là những danh từ hết sức trừu tượng và càng ngày càng trở nên trơ trẽn, lộ bịch.

Tùng không muốn làm chị Bảy thất vọng. Chàng âm ừ góp chuyện. Một đôi khi Tùng định nói đôi điều về hoàn cảnh thực tế của người Việt tị nạn để chị bình tĩnh lại và bớt đi những ảo tưởng. Chàng sợ chị sẽ thất vọng lớn một ngày nào đó và điều này sẽ đánh gục trái tim nhạy cảm của chị nhưng rồi Tùng đành bỏ ý định ấy. Người đàn bà quá đơn giản và dễ tin. Chị không hề tỏ vẻ lo âu hay nghi ngại gì về kết quả thanh lọc. Chị là quả phụ tử sĩ. Chồng chị chiến đấu chống cộng và hy sinh. Mẹ con chị bị đầy ải hành hạ, và điều quan trọng là lập trường yêu chuộng tự do cùng tinh thần chống cộng thấm nhuần đến tận máu tim của ba mẹ con chị. Việc thả ăn độn, ngủ gò mả mà không chấp nhận thẳng rể cán bộ chẳng phải là một bằng chứng sao?

Tùng không nói gì nhưng chàng thực sự lo cho chị Bảy. Những điều chị có, đủ không? Người ta có hiểu được và chấp nhận không? Máy tính điện tử sẽ cho điểm ra sao về trái tim của một người đàn bà chân thật?

Tùng hồi hộp chờ đợi suốt thời gian chị Bảy được gọi lên văn phòng Task force như chính chàng đang chờ nhận kết quả thanh lọc. Kinh nghiệm của nhiều lần trước đã khiến Tùng đứng thật xa chờ nghe qua trung gian tin tức những người thân. Tùng không muốn trực tiếp chứng kiến nỗi đau đớn và thất vọng của những người rớt thanh lọc trong những giây phút đầu tiên. Mọi lời an ủi đều vô nghĩa trong những trường hợp như thế.

Tin chị Bảy rớt thanh lọc Tùng biết từ những anh em ở cùng nhà. Đám trẻ bu lấy Tùng, nói gần như cùng lúc:

— Dì Bảy “ao” rồi anh ơi! Làm sao bây giờ? Dĩ hết biết rồi!

Tùng im lặng một lúc lâu. Chàng đã mừng tưng tưng ra giây phút này từ đầu. Tội nghiệp! Niềm tin của

chị Bảy bị sút mẻ đường nào! Việt Nam Cộng Hoà, cô nhi tử sĩ, tinh thần chống cộng, nạn nhân cộng sản, thế giới tự do, vòng tay nhân đạo... chị đã từng hy vọng và tin tưởng tất cả những cái đó sẽ giúp mọi người chấp nhận chị, đón chào chị một cách trân trọng và tự nhiên. Chị đã lầm! Máy tính điện tử không biết xúc động. Phải cụ thể. Đóng kịch cũng được nhưng phải cụ thể và đánh lừa được những luật lệ cứng ngắc. Việt Nam cộng hoà chung chung: không có điểm. Cô nhi tử sĩ chung chung: không có điểm. Tinh thần chống cộng, chỉ tinh thần thôi: không có điểm. Nạn nhân cộng sản: phải coi lại. Nạn nhân thế nào, bao nhiêu năm tù, bị đánh đập tra khảo ra sao? Không có cái gọi là nạn nhân tinh thần, cho

dù là chung thân nạn nhân. Đồng minh, nhân đạo... Lâu quá rồi, tình thế và quan hệ thế giới thay đổi cả rồi! Chỉ có quan tòa và bị cáo; chỉ có thân chủ và khách hàng thôi, không còn gì nữa cả.

Chị Bảy không hề biết những điều này, không thể tưởng tượng ra được điều này. Người ta đã dạy chồng chị hy sinh tính mạng để bảo vệ tiền đồn của thế giới tự do. Chị đã chấp nhận và hãnh diện chia sẻ mọi gian khó với chồng. Chị đứng một phía với chồng chị, dứt khoát và hoàn toàn tin tưởng vào lý tưởng chồng chị phục vụ.

Tình thế thay đổi, biết bao đau khổ, biết bao người đón gió trở cờ, chị không là cái gì hết, không có gì hết ngoài trái tim chung thủy biết liêm sỉ. Chị sống và dạy con chị sống xứng đáng. Chị không phụ ai nhưng đời đã phụ chị.

Tùng bảo anh em trong nhà về trước, đừng bàn luận, phê phán gì nhiều. Tất cả đều có thể gọi cho nạn nhân những nỗi đau lòng. Hãy để cho chị buồn, khóc được càng tốt, rồi chị sẽ bình tĩnh trở lại, nhìn kỹ vấn đề hơn, cẩn trọng và thực tế hơn và còn một hy vọng cuối cùng: làm đơn xin tái xét. Tùng sẽ nói chuyện với chị nhưng không phải bây giờ. Chính chàng cũng đang đau đớn và bối rối không khác gì chị. Chính chàng cũng đang ngỡ ngàng và thất vọng mặc dù chàng không quá ngây thơ tin tưởng như chị Bảy.

Tùng ngồi rất lâu ở quán nước. Quán độc nhất hợp pháp của trại đầy đặc người. Chàng ít khi đến đây vì vị thế độc quyền đã khiến cho từ chủ quán đến nhân viên đều có những thái độ làm Tùng liên tưởng đến những cửa hàng quốc doanh ở quê nhà. Nhưng hôm nay chàng muốn ngồi đây lâu để suy nghĩ và tìm một thái độ thích hợp trước khi gặp và nói chuyện với chị Bảy. Tùng biết chị Bảy có nhiều thiện cảm và dành cho chàng một sự tôn trọng đặc biệt. Chị có thể tin tưởng hoàn toàn vào những điều Tùng nói và chính điều này đã làm chàng khó

xử. Chàng không thể nói rõ thực tế phũ phàng vì điều này sẽ làm chị đau đớn thất vọng lắm. Nhưng đồng thời chàng cũng không có quyền để chị sống trong ảo tưởng, tin vào những điều không thật, không còn giá trị thực tế. Tùng ghét cay ghét đắng những người chối bỏ quá khứ, mĩa mai, chê trách và đứng dưng trước sự sụp đổ bi thảm nhưng không thiếu hào hùng của miền Nam; nhưng đồng thời Tùng cũng khó chịu và thương hại những người quá tin vào cái quá khứ đó. Chị Bảy là một thí dụ điển hình, biết nói sao để chị hiểu bây giờ? Tùng cứ loay hoay mãi cho đến giờ quán đóng cửa mà vẫn chưa tìm được lời giải đáp thoả đáng.

Người đàn bà ngồi trên giường, đưa con nhỏ mệt mỏi dựa vào lòng mẹ. Ngọn đèn 40 watt toả ánh sáng vàng mờ không đủ soi sáng căn phòng rộng. Nhà có buồn và vắng hơn mọi ngày. Chị Bảy nhìn Tùng cười như mếu. Chị có vẽ thần thờ, gượng gạo. Tùng vừa nói vừa ngồi xuống cạnh chị:

— Hồi chiều tôi có đón chị ở cổng Task force. Tôi biết chị không may, tôi rất buồn.

— Tui biết, tui có thấy thầy nhưng không thể đứng lại được. Tui sợ phải khóc ở đó, khóc ồ ồ người ta cười mình chết.

Chị Bảy nói mà rơm rớm nước mắt. Chị lặng lẽ vo vo ba tờ giấy trong tay. Tùng đã từng đọc nhiều lần những tờ giấy như thế và gần như thuộc lòng nội dung ghi trong đó. Chàng im lặng và chờ nghe những lời phân trần, than thở như vẫn thường nghe trong những trường hợp tương tự. Người đàn bà đã làm Tùng ngạc nhiên. Chị hỏi:

— Mã Lai là đồng minh cũ của mình phải không thầy Hai?

— Đúng chị, trước có nhiều sĩ quan mình đến đây học tình báo, tác chiến trong rừng.

— Mỹ có biết chuyện thanh lọc không thầy?

— Biết chứ chị. Liên Hiệp Quốc giám sát thanh lọc mà. Mỹ là nước quan trọng nhất Liên Hiệp Quốc.



77

— Có khi nào phái đoàn làm không thấy? Đây, thầy đọc giùm tui mấy tấm giấy này coi. Sao họ không nhận tui? Cỡ tui tới chết cũng đâu có lái được xe hơi mà nói tui đi kinh tế? Hai năm nay ở đảo tui thêm mắm ruốc chớ có thêm thịt heo đâu! Họ không cấm tui cũng không đựng tới. Tui xẻ ruột ra nói với họ mà, sao họ lại chê tui?

Nói một hơi dài như nhẹ được phần nào nỗi buồn, chị Bảy trở nên bình tĩnh hơn:

— Chắc tui không làm đơn xin xét lại đâu thầy. Tui nói thiệt với họ hết rồi, hồng lẽ bây giờ thêm mắm dặm muối. Tui không làm được chuyện đó đâu! Trước cũng có người chỉ tui mảnh mung này nọ nhưng tui không làm. Nói láo mà bị nạn chánh trị cái gì phải không thầy!

Tùng im lặng nhìn người đàn bà. Chàng rất hiểu và thương chị vô cùng. Trái tim trung thực của một tâm hồn đôn hậu đã bị xúc phạm quá nặng nề. Tùng định nói để chị bỏ ý định buông xuôi nhưng thấy chưa cần thiết. Chị còn bảy ngày để thông báo quyết định và một tháng để làm đơn xin tái xét. Hãy để chị nghỉ ngơi, bình tĩnh trở lại. Tùng biết chàng có đủ lý lẽ để thuyết phục chị tiếp tục chiến đấu. Điều quan trọng không còn là việc bị từ chối hay được công nhận, cái chính là niềm tin vào cuộc đời của người đàn bà đã bị thương tổn nặng nề, đó là một điều đáng tiếc, vô cùng đáng tiếc. Phải giúp chị.

Chị Bảy không nói gì rất lâu, chị lặng lẽ vuốt tóc con rồi đột ngột quay sang hỏi Tùng:

— Tui nghe nói có căn cứ gì của mình ở Thái Lan, thầy có biết chỉ giùm tui. Tui lo sao cho thằng nhỏ vô được một chỗ nào của mình là an tâm, họ có bắt về thì tui về, ở tù là cùng chớ gì! Họ không nhận mà mình cứ theo xin xỏ hoài coi nhục nhã quá! Tui già rồi ở đâu không được, như vậy sao đau đớn quá, thầy coi giúp giùm tui...

Chị Bảy vừa nói vừa khóc, giọng nghẹn ngào. Tùng đặt tay lên vai chị, dịu dàng:

— Chị bình tĩnh đi, chính sách chung chị à. Họ cũng khó khăn lắm mới phải khó với mình. Thiếu tá Tài, đại úy Phùng còn bị rớt chị không thấy sao? Chị yên chí, tôi sẽ làm hồ sơ cho chị, sẽ cố gắng hết sức. Phải chiến đấu chứ chị, giống như người lính ngoài mặt trận vậy mà!

Người đàn bà không nói gì, chỉ thở dài. Chị không sợ kẻ thù nhưng chị thất vọng vì những người bạn. Chị không biết gì nhiều, nếu hiểu rõ mọi chuyện có lẽ chị sẽ không thất vọng nữa, chị sẽ chấp nhận thực tế hoặc chị sẽ hoàn toàn tuyệt vọng vì không chịu đựng nổi.

Hồ sơ tái xét của chị Bảy bị giữ rất lâu. Suốt thời gian thiết lập hồ sơ, Tùng đã cố gắng giải thích cho chị về luật tị nạn 1957, về nghị định thư 1967, về năm tiêu chuẩn tị nạn, về sự ngược đãi và phân biệt đối xử. Chàng cũng trình bày để chị hiểu những khó khăn của quốc tế về vấn đề tị nạn, về thái độ thờ ơ và một số việc làm không tốt của những người đi trước, kể cả việc hồi hương đú đởn của một vài thành phần thiếu lương tâm đã tạo nên cái nhìn rất xấu về người Việt tị nạn. Người đàn bà chăm chú nghe. Chị có vẻ suy nghĩ căng thẳng lắm và cuối cùng rụt rè đề nghị với Tùng:

— Hay là thầy đừng làm hồ sơ cho tui nữa. Tui nghĩ kỹ rồi, đáng lẽ tui không nên đi. Tui ngu quá không chịu nghĩ là không ai cứu được mình hết, kẻ thù mình thì mình phải lo, không diệt được nó thì chịu chết, chạy đi đâu cho người ta xua đuổi!

Chị Bảy nói giọng từ tốn nhưng thái độ có vẻ rất dứt khoát. Tùng lại phải mất nhiều thì giờ thuyết phục. Công việc đang trôi chảy thì Cao ủy tị nạn gọi một số người lên gặp đại diện bốn phái đoàn Mỹ, Úc, Gia nã đại và Pháp. Chị Bảy có tên trong số người đó. Mọi người được giải thích về chương trình hành động tổng hợp và được phát bốn tờ tuyên bố của đại diện các nước.

Chị Bảy đọc từng chữ nội dung

các bản văn có lời lẽ rất nhã nhặn và trau chuốt. Tất cả đều khuyên người tị nạn hồi hương bằng nhiều cách diễn đạt khác nhau vì “không còn cách nào khác”, vì đó là “sự lựa chọn khôn ngoan và thích hợp nhất”, là “phương cách tốt nhất cho quý vị bảo toàn an toàn và danh dự”. Khi xem đến đoạn ghi số tiền cấp phát cho mỗi người trở về, chị bỗng cười khan nhưng hai mắt đầy lệ. Chị đưa tờ giấy bảo Tùng đọc và nói:

— Hồi chiều ông Tây ông Mỹ gì đó nói cộng sản bây giờ tốt lắm, không bắt bớ giam cầm gì người trở về hết, họ đã hứa như vậy. Tui nghe sao mắc cười quá! Mấy ông học cao hiểu rộng sao nói mà không nghĩ! Chớ hồi đó họ ký với mấy ông cái hiệp định gì đó ở bên Pháp mà họ có thêm làm theo đâu! Rồi mấy người Mỹ bị bắt ở ngoài Bắc đó, có được thả về hết chưa mà tin họ nói!

Chị ngừng lại một chút, lấy khăn lau nước mắt, xếp mấy tờ giấy kẹp vào quyển vở rồi tiếp:

— Mà họ không muốn nhận mình, họ nói sao cũng được. Mình làm mình chịu, không trách gì họ, nhưng họ đem chuyện tiền bạc ra dụ dỗ mình thì họ coi thường mình quá. Có nhiều thứ quý hơn tiền bạc chớ!

Tùng lắng nghe người đàn bà nói. Chàng thầm phục nhận xét tinh tế và sự chân thật của chị. Chị Bảy hoàn toàn có lý về một khía cạnh nào đó, tuy nhiên vấn đề có nhiều phức tạp tế nhị khác. Chàng cố gắng giải thích cho chị hiểu. Chị không cãi, đồng ý tiếp tục hoàn tất hồ sơ tái xét nhưng không còn cái háo hức, tin tưởng như những ngày đầu. Chị làm cho có, làm để chiều ý Tùng nhưng có lẽ trong đầu chị đã có ý định khác.

Tùng đầu thanh lọc. Chàng may mắn gặp đợt Úc vào nhận nhân đạo và phá lệ nhận các sĩ quan cải tạo không cần chờ ý kiến của phái đoàn Hoa kỳ. Sáu năm tù tội đã giúp Tùng rút ngắn thời gian tìm hiểu của phái đoàn và chàng được lên đường đến vùng chuyển tiếp đi Úc sau đó không lâu.

Trước hôm Tùng rời trại, chị Bảy mua đồ làm một bữa cơm đãi cả nhà. Chị vui vẻ thật sự, chia sẻ niềm vui với chàng bằng tất cả tấm lòng. Tùng ái ngại định tìm lời an ủi nhưng chị đã biết ý, ngăn lại:

— Thầy đừng lo gì cho tui hết. Thầy cũng đừng gởi tiền bạc gì về, tui biết thầy thương má con tui nhưng tiền bạc không cần thiết lắm đâu. Tui xin thầy một việc khác kìa, thầy phải hứa với tui.

Tùng thực sự muốn giúp chị:

— Chị cần gì nói đi, bất cứ điều gì có thể làm được, tôi xin sẵn sàng.

— Hơi khó đó thầy, không biết tui có làm phiền thầy quá đáng không! Thầy biết đó, tui chỉ còn mình thằng nhỏ này, thầy bảo trợ nó giùm, chỉ đường cho nó đi...

Tùng ngơ ngàng, chàng chưa kịp

có phản ứng gì trước đề nghị quá mới mẻ này thì chị đã nói tiếp:

— Đó là tui nói trường hợp nó đi được, trường hợp không có tui bên cạnh nó. Mà thôi, tui nói lung tung quá, khỏi nói tui cũng biết là thầy sẽ lo cho nó nếu còn gặp lại. Thôi, bỏ đi, biết sao mà nói trước!

Chị Bảy chỉ nói chừng đó, chị không để Tùng kịp nói gì thêm, chuyển hướng sang chuyện khác, cười đùa vui vẻ và ép mọi người ăn uống. Chị bỏ thức ăn đầy chén Tùng và sau đó lẳng xẵng giúp chàng sắp xếp đồ đạc. Tùng chỉ mang một xác tay nhỏ, chàng để lại toàn bộ đồ đạc cho anh em. Chị Bảy hoàn toàn không nhận một thứ gì, chỉ khi Tùng soạn mấy quyển tự điển và mớ sách văn phạm đưa cho đứa bé, chị mừng rỡ cảm ơn.

Tùng viết thư về trại rất thường, nhưng bao nhiêu thư viết cho chị Bảy đều không có hồi âm. Chàng lo ngại viết thư cho những anh em khác trong nhà để hỏi thăm về chị, thư trả lời cũng chỉ đề cập những chuyện chung chung trong trại và bao giờ cũng kết bằng câu “mẹ con đi Bảy gửi lời thăm”. Không ai cho biết điều gì rõ ràng, cụ thể. Sự im lặng của chị đã là một cách trả lời.

Không còn nghi ngờ gì nữa, thế giới đã ngoảnh mặt với chị Bảy. Tùng nghĩ đến đoạn đường thăm thăm, truân chuyên, gian khó và vô vọng của chị và những đồng bào như chị. Chàng nhắm hai mắt lại, cảm thấy lạc lõng, cô đơn giữa nhịp sống đầy ánh sáng và tiếng cười của một thành phố xa hoa, lạ lẫm: xứ người!

giấc mộng

Rồi giữa cỏi chiêm bao ta thấy lại
Bao mảnh đời lồng lộng sáng trong gương
Khuôn gương nhỏ hiện từng bầu cảnh giới
Tuổi ấu thơ, thời mới biết yêu đương.

Ta trở lại bên bóng đèn trứng vịt
Một đêm hè, miền bùng trũng thôn quê
Trên mái lá êm đêm, mưa rả rích
Ta đợi ai vòm sông cái quay về...

Dù tuổi mới mười lăm, tim sớm đập
Điều trữ tình, theo tiếng hát giao duyên
Theo trăng sáng, tiếng bên trời xa tắp
Cõi thực hư, nhịp cầu nhỏ nối liền.

Đây ảng nước có vài bông cau rụng
Mây trắng chìm dưới đáy gợn trong veo
Ồi ảng nước, có bao lần soi bóng
Một nụ cười răng loé, nắng vui reo.

Ta đã gặp giữa trùng trùng giấc mộng
Rồi tưởng thành con bò hống nhai rơm
Trên cánh đồng, ta thả dài cuộc sống
Hoa trái đời chan chứa mật ong thơm.

Đây rãnh nước len trong lùm cỏ sắc
Rồi trôi dài, kéo ước vọng đi xa
Ồi thuở ấy, ta muốn lên cỏi Bắc
Ngắm hoa đào, nghe tiếng hát sơn ca.

Và đây bóng ngọc lan bên cửa sổ
Bóng hoàng lan toả mát cuối sân nhà
Hai thứ hương trộn vào mùa hoa rộ
Báo tin vui: người thăm đến từ xa.

Người bạn lòng lại về miền Đất Đỏ
Giữa một ngày mộc lan nở trắng hoa
Ta đã mất một thiên đường từ đó
Để chiều chiều ra ngõ ngóng phương xa.

Gì nữa đó? À, đây cây trứng cá
Bóng đông đưa vườn kỷ ức long lanh
Trái mộng chín mời lũ chim phương lạ
Người không về, ta bỏ cảnh quê xanh.

Rồi có những chiêm bao về bất chợt
Ta thăm quê, bên hàng giậu xương rồng
Cổng khép kín, đường bên ngoài gió lốc
Con mèo mun lượn bóng dưới trăng trong.

Ta thấy lại một chiều ra cửa biển
Mảng phù sa trong nước đại dương xanh
Ta không khóc, nhưng lòng rời từng phiến
Ồi phiến nào cũng đậm mối thâm tình.

Từng hạt phù sa, từng huyết cầu thấm đỏ
Chảy trong dòng kinh rạch, mạch quê hương
Cố thổ đỏ từng nuôi cây bé nhỏ
Dầu hoa sầu trái khổ vẫn thân thương.

Mảnh đất cũ, bao cuộc tình sương khổ
Vẫn ngọt ngào, vẫn thân ái, bao dung
Ta bỏ đất, bởi bị dồn tuyệt lộ
Theo bước đi, câu vọng cổ ngân buồn.

Có thể lắm, mộng xứ người bao lúc
Hiện lên từng mảnh vụn tuổi yêu đương
Cõi lòng tang tím u buồn hoa cúc
Ta lạc loài mất đốm lửa trong sương.

hồ trường an



Nỗi Sợ Khôn Rời

(Phụng Sơn Tự)

Tần Vy

Có khi trong giấc mơ, tôi thấy mình đang đi lại nói năng làm việc trong thành phố cũ. Một thành phố mà lúc tỉnh giấc tôi vẫn còn bàng hoàng vương vấn. Trong tận cùng tiềm thức, những dự tính, sắp đặt công việc ngày hôm sau vẫn lẫn lộn trong cảm giác những thay đổi tưởng chừng không thật. Căn nhà với bụi bông giấy trước cửa. Tấm bảng trống đồng của chương trình truyền hình lúc bảy giờ tối. Tiếng xe lửa và hồi còi dài nửa khuya. Tiếng chó sủa, tiếng đập cửa dồn dập... Tôi nghe rõ tim mình co thắt, đưa cảm giác sợ lan khắp thân thể.

Tôi vẫn thấy những dòng xe cộ chạy dài trên đường. Qua khỏi ngã sáu, những chiếc xe đạp già cỗi, bên cạnh dòng xe Honda đời mới. Những chiếc áo lao động xanh xám bạc màu chen chúc với đám áo đầm dạ vũ. Cái ngược chiều của đám người mệt mỏi trở về từ các xưởng máy, của đám người bắt đầu giờ làm việc ở nhà hàng, vũ trường. Hoàng hôn nhập nhoà trên đường. Những hàng quán mới được mở cửa mở khắp thành phố bên hông tường các trại lính cũ...

Con đường Trần Quốc Toản thật dài. Những mái tôn, vách gỗ cất xô lệch dọc hai bên. Cánh cổng quét vôi vàng ngà, nằm cách khoảng với những đám cây lá xanh lá ứa rả rác. Dòng chữ màu đỏ thắm trên cao "Phụng Sơn Tự". Cánh cổng bằng gỗ nửa mở nửa khép.

Tôi không hiểu vì sao trong giấc mơ tôi hay thấy lại cảnh Phụng Sơn

Tự. Ngôi chùa gò cheo leo buồn tẻ trong mờ ký ức rời rạc ấy nhắc nhở điều gì?

Lần đầu tiên nhớ đến chùa gò là lúc tôi đặt chân đến trụ sở Air Vietnam đóng bốn mươi lăm ngàn để lấy tấm vé dài màu xanh, cái ước mơ của mấy chục triệu người Việt trong nước. Lúc ấy, căn phòng chỉ còn lèo tèo một nhóm người: Da đen, da trắng, những con người tự tin, bệ vệ; mấy ông H.O. ở tỉnh về, mắt mở to, hồi hộp cúi dò danh sách chuyến bay; vài thiếu niên con lai ngơ ngác cầm tấm vé... Tôi không biết tại sao tôi lại nghĩ đến ngôi chùa gò lúc đó. Có phải vì bao năm qua, Phụng Sơn Tự đã là nơi giúp tôi cân bằng lại lòng mình?

Tịnh cười cười mỗi khi nghe tôi tâm sự:

— Em tưởng vậy sao? Cái chùa gò, đám người trong tù và bữa cơm có gà của em nơi xứ này có liên quan đến vậy sao, cô bé?

— Anh không định nhắc lại bó hoa em mang lên nhà thờ Chúa Cứu Thế ở Kỳ Đồng là để làm người nổi ấy này về hai chỉ vàng em mới mua đó chứ?

Tôi gay gắt, nhưng Tịnh vẫn cười:

— Thời buổi tranh tối tranh sáng này, luật là luật rừng, quan thì

tham ô, những người như chúng ta không làm gì hết ở đây cũng đã có tội rồi. Còn nếu em cảm thấy áy náy vì em ăn miếng ngon khi hàng triệu người đói thì hãy đem đến cho chị Ngọc, chị Diễm, chị Hằng một ít để các chị ấy đi thăm nuôi chồng. Anh thấy như thế có lẽ tốt hơn là em bỏ đây cái thùng trước bàn thờ Đức Mẹ hay ông thánh đen Martin. — Tinh cao giọng, vẻ nghiêm trang hơn — Anh cũng không muốn bị em bắt chớ đi chùa Phụng Sơn, chờ em hàng nửa buổi để rồi về lại nghe em cần nhần thầy Tư.

Tôi lắc đầu:

— Em không hiểu tại sao không làm gì hết mà anh bảo là mình có tội. Em cũng không hiểu nổi thầy Tư. Ngoài bảy chục rồi mà suốt năm này qua tháng nọ thầy cứ cầm đơn đi gõ cửa hết cơ quan văn hoá này đến thành ủy nọ để kiện địa phương ức hiếp ông. Thời buổi này chùa chiền có nghĩa gì mà kiện thưa cho mất công...

— Em cũng có máu cầm đơn như thầy Tư đó. — Tinh vừa nói vừa cười — Anh thấy em thấp nhang vừa nói vừa khóc với Trời Phật trước bàn thờ coi cũng giống thầy Tư kể chuyện lắm!

Bực dọc làm tôi nhần nhó:

— Thiệt bực mình! Em có khiếu nại với ai đâu!

Tôi đã ở năm cuối cùng của tuổi ba mươi. Ba mươi chín tuổi có được xem là chín chắn chưa? Năm 75 tôi còn ngồi ở đại học. Mười mấy năm qua tôi không biết tôi đã thực sự sống, và sống đúng? Không có cả thì giờ xét mình trước khi xưng tội. Tôi đi chùa lần nhà thờ. Những va chạm thực tế với mọi thứ tù tội, pháp luật, công bằng xã hội rối loạn làm lòng tôi mềm hẳn trước thần linh.

Hàng trăm ngàn người lần lượt vào trại cải tạo. Những tiếng gõ cửa xét nhà đêm đêm làm nhịp tim tôi đập nhanh hơn. Đầu tháng 5.75, Tinh đưa tôi hàng chục cuốn sách bìa đỏ do Sở Thông Tin ấn hành. Những câu chuyện bên kia bức màn sắt, chuyện Tàu, chuyện Hà Nội... những quyển sách làm "sáng mắt

sáng lòng" hay chỉ làm ngập thêm cái buồn, cái nản của một phiên chợ chiều lác đác vài bó rau muống héo, một dúm tôm khô, dăm cái trứng vịt...

Khu chợ Lãng Cha Cả gần nhà tôi đã biến thành một cái chợ trời rộng lớn lan dọc theo hai dãy phố, tràn cả vào cây xăng hoang vắng. Những chiếc ly thủy tinh trong suốt của bữa tiệc nhà ai nằm đìu hiu cạnh mớ tách cũ, mỗi cái một loại bông khác nhau. Một mớ muống nĩa đủ kiểu, cái radio thời ấp chiến lược màu đỏ vàng; những tô, chén, đĩa cộc cạch; quạt bàn, quạt trần, đồng hồ để bàn, treo tường... Xa hơn chút nữa là đám áo quần cũ, giày dép lộn xộn...

Khác nhau cả những khuôn mặt. Loại thập thành già dặn của đám con buôn chuyên nghiệp. Mặt ngơ ngác của những bà nội trợ lần đầu đem bán một món hàng nhà, vừa xấu hổ vì phải đem trình trước muôn người những cái nhỏ bé trong gia tài còn lại, vừa sợ hãi bị lừa trước đám con buôn...

Tôi thường ngồi với Tinh trên sân thượng, nhìn xuống khu chợ phía dưới. Cái khác nhau giữa người mua và người bán bị Tinh mai mỉa:

— Đó là khác biệt của người thua và kẻ thắng.

— Miệng lưỡi phóng viên của anh nên để dành để miêu tả lại cái chợ trời dưới kia vào lịch sử sau này.

Tôi đánh đá trêu chọc nhưng Tinh vẫn trầm ngâm. Anh đã không còn đủ sức để ý đến lời châm chọc. Cái lo lắng đã nuốt chửng anh và lan cả vào tôi.

Tiếng hát Giao Linh, Mai Lệ Huyền cất cao trong buổi xế chiều nghe lạc lõng.

— Nghe nhạc kiểu này...

Tinh cắt ngang lời tôi:

— Còn được nghe loại nhạc "dỏm" đó là còn tự do đó em. Lúc không nghe được nữa mới lo.

Tôi là học trò của Tinh, nhưng mười mấy năm sau tôi mới hiểu thấm thía câu nói ấy. Sự tự do mà một đứa con gái vừa bỏ trường như

tôi không thể hiểu tại sao có thể mất.

Ngoài các chợ trời mọc tràn lan trong thành phố, các quán cà-phê của văn nghệ sĩ cũng thi nhau mở dọc hai bên đường Pasteur, hồ Con Rùa, đại học Khoa học... Họ cần tìm một chén cơm, một việc làm hay chỉ để ra đường nhìn cho rõ? Tinh không giải thích cho tôi điều đó. Chàng bỏ xe Honda, đi mua phụ tùng về ráp lấy cho mỗi chúng tôi một cái xe đạp.

Mấy ngày đầu đạp xe đi chơi, tôi thích lắm.

— Đi xe đạp cũng được, phải không anh?

Tinh lắc đầu:

— Trẻ như em thì được, anh đau lưng quá! Tập làm người mới khổ quá!

Trong ánh mắt Tinh chỉ thấy một áng mây mù.

— Anh đã bỏ cái nhà khu Bắc Hải.

— Tại sao?

— Tại vì đó là khu cư xá.

Tôi vừa đạp xe tránh một ổ gà, vừa quay lại hỏi:

— Vậy anh dọn hồi nào, rồi về ở đâu?

Tôi không quên cái gốc di cư của anh, nhưng ở Sài Gòn dù có rộng lớn anh cũng đâu có bao nhiêu người thân!

— Không dọn gì hết, chỉ có mấy bộ quần áo.

— Bỏ hết à?

— Đành vậy và không có chỗ ở nhất định.

Một chút gì xót xa trong tôi:

— Nghiêm trọng vậy sao, có chuyện gì vậy?

Anh lắc đầu, cười buồn:

— Chưa có gì, nhưng anh không còn đang đi học, anh không có tổ lớp để sinh hoạt chính trị như em. Sắp tới, lớp anh sẽ có cả triệu người đó em!

Cái thông minh của một cô học trò như tôi thời đó không hình dung nổi cái lớp học to lớn mà Tinh đề cập. Nhưng qua câu chuyện của Tinh với ông chú, ông bác ngoài Bắc vào, tôi cũng đã hiểu được vài điều. Tôi lo lắng nhưng Tinh vẫn

chìm sâu trong suy tưởng riêng của anh. Dầu là vợ sắp cưới nhưng tôi vẫn chỉ là con bé con hời hợt được gia đình nuông chiều. Tôi biết gì về hai chữ “quốc gia” hay “cộng sản” ngoài những trang sách đọc được! Anh bảo tôi:

— Em cứ đến trường sinh hoạt bình thường, đừng để ý gì đến anh. Nếu có gì nói được với em anh sẽ nói. Không gặp anh cũng đừng đi kiếm.

— Anh định làm gì vậy?

— Sau này em sẽ biết.

Thật vậy, tôi đã biết vài tháng sau, khi Yến đến nhà tôi khóc nức nở. Tôi chỉ biết lơ mờ những người bạn và anh đã cùng chui đầu vào một chiến khu giả. Một loại mật khu có coca, có xe hơi chở đi lòng vòng, mắt bịt kín nên sau khi vào đã trở về rủ thêm một số bạn nữa để làm đầy thêm cái nhà tù khổng lồ của bọn người chiến thắng.

Vài năm sau khi nhận được giấy thăm nuôi, dầu gặp mặt Tịnh cũng không kể gì thêm. Nếu không vì đường dây giả này anh cũng bị đi học tập cải tạo như những sĩ quan khác, đảng nào cũng đến một chỗ! Có lúc tôi tự an ủi mình như vậy sau khi lê lết thăm nuôi anh qua cả chục cái nhà tù khác nhau gần mười năm.

Nghe lời Tịnh, tôi rán ngồi tiếp hai năm ở trường Cao đẳng Sư phạm. Tôi cũng đạp xe chở mười mấy ký gạo tiêu chuẩn giáo sinh, cũng chia nhau ống kem đánh răng, cũng đếm từng đồng phụ cấp đi học để nộp lại mua đường sữa, cũng đi lao động thủy lợi đắp mương mỗi năm, cũng cầm giấy tốt nghiệp đi nhận nhiệm sở ở huyện Nhà Bè...

Khi được phân công đến cái xã giáp Long An, sáu tháng nước lụt, nước phèn không thể trở về thành phố, tôi bỏ nhiệm sở, trở thành người không hộ khẩu, không việc làm. Cả nhà tôi áy náy nhưng chị tôi thì mừng: “Thôi kệ, ở nhà đi, có gì ăn nấy! Xuống cái xứ Việt cộng đó, mày ăn nói bậy bạ ở tù còn khổ hơn”.

Thoát khỏi nỗi khổ phải đối mặt với những người mình không

thích, phải làm việc, nói năng, suy nghĩ khác nhau; Tịnh thật đã thành công trong việc làm tôi có hai cái nhìn: Đôi mắt của một đứa bé vừa ra đời và cái nhìn tuyệt vọng của một người hấp hối! Ngày tháng đó gây khó khăn cho tôi không ít. Dầu là con gái không hộ khẩu, đêm đêm tôi vẫn chấp chờn sợ tiếng chó sủa, tiếng gõ cửa.

Những lúc đi ngoài đường, đôi khi tôi lặng người trước tấm biểu ngữ kẻ dọc theo đường phố: “Sống, suy nghĩ, làm việc theo hiến pháp và pháp luật”. Kẻ ngoài lề như tôi, sống, suy nghĩ và làm việc đều ngoài vòng... Tôi cay đắng, khổ sở như kẻ đi ngược đường một chiều trước cặp mắt xã hội. Tôi có cảm giác như đang lái xe vào đường cấm.

Chiều chiều, nhìn ngoài đường người ta đi làm về, tôi thêm có một việc làm dầu chỉ để lãnh ba bốn chục đồng. Tôi thêm ngủ một giấc không lo lắng bị kiểm tra hộ khẩu. Ngày trước tôi đọc ở đâu đó một câu nói: là đàn bà thì không nên khổ quá, sự khổ sở quá độ sẽ biến người đàn bà thành một cái gì đó tôi không còn nhớ, nhưng tôi biết sự khổ sở tràn ngập đã làm tôi không còn cảm giác.

Tịnh đã trở về. Chàng bước vào nhà tôi năm tám năm. Tay cầm cái túi vải, bộ đồ nhà binh bạc màu rách nát.

Khi đối mặt, chúng tôi nhìn nhau. Trong mười năm qua, chúng tôi vẫn gặp nhau vài tháng một lần, khi thì một năm. Cái cảm giác vẫn gặp mặt không làm chúng tôi xa nhau và lạ lùng. Trong cái bóng tối của trại giam, giữa những con người gầy yếu đau ốm, giữa tiếng động quen thuộc của nhiều trại cải tạo khác nhau, chúng tôi thấy nhau thật quen. Nhưng lúc này, căn nhà và những người bình thường bên cạnh làm ánh mắt trở nên thoáng chút xa lạ.

— Em không vui khi nhìn thấy anh sao?

Tịnh có vẻ trách móc.

— Chỉ bất ngờ thôi. Em chưa chuẩn bị tinh thần là anh sẽ được về.

— Nhất là rách như bây giờ phải không?

Tôi gượng gạo:

— Anh tức cười quá! Bộ em không từng gặp anh trong bao năm nay sao?

Ánh mắt Tịnh buồn buồn:

— Em còn nhận anh là may lắm rồi. Anh không phải tự tử trong tù như Lê, không bị vợ đem trả con như Quang đã là tốt rồi. Anh có thể vào chào ba mẹ em không?

Tôi kéo ghế cho Tịnh ngồi rồi bật khóc. Mười năm đi tù nhà tù này qua trại giam khác, Tịnh chỉ có ngồi chờ. Nhưng tôi ở đời sống này, mười năm nặng nề biết bao! Tôi phải làm việc để kiếm sống. Tôi phải đi lại nói năng với bao nhiêu người trong khi tôi chỉ nghĩ đến người duy nhất còn nằm nơi trạm giam. Tôi được vào hộ khẩu năm 83, trước khi gia đình tôi lần lượt xuống tàu vượt biên. Tôi vẫn ở lại buôn bán để chờ Tịnh. Có ai hiểu tôi chờ gì ở bộ xương đối diện tôi giờ đây? Có phải Tịnh ngày nào? Tôi cúi xuống nhìn lớp bụi mốc trên đôi dép vá vuu và bàn chân bẩn của Tịnh.

— Sao em không cho anh vào chào ba mẹ?

— Ba mẹ em không có nhà. Không còn ai ở nhà này nữa hết!

Tịnh ngơ ngàng nhìn tôi:

— Em nói vậy là sao?

— Anh không nhìn thấy tấm bảng hợp tác xã mua bán phía trước nhà sao? Nhà nước đã lấy ngôi nhà này, trừ căn phòng của em phía sau. Anh hèn lắm đó. Em tính đi chợ nên bước ra đây anh mới nhìn thấy em. Thôi, vào phòng em đi rồi nói chuyện.

Tịnh đi theo tôi vào phòng. Lối dọc theo hành lang chất đầy củi và mấy bao muối làm lối đi càng hẹp và tối.

— Anh đi tắm đi! Thay đồ rồi nói chuyện. Chắc có nhiều chuyện lắm. Bộ đồ của anh may mà em còn cất, giờ chắc vẫn mặc được.

Tôi đưa bộ quần áo trong xách tay Tịnh gửi tôi giữ từ bảy năm. Có mấy tấm bằng chuyên môn, bằng tú tài và một số hình bạn bè cũ. Có cả

một khẩu súng nhỏ mà tôi tình cờ thấy được. Lúc thấy nó, tôi vừa giận vừa sợ. Tôi im lặng bỏ vào giỏ, đợi đêm tối đi ngang bãi rác vứt vào đó rồi đạp xe đi.

— Có lúc em giận lắm khi nghĩ anh là tai họa của em. Nếu không có anh, chắc em sẽ nhẹ nhàng hơn, thoải mái hơn.

— Xin lỗi em, anh biết.

Tôi lắc đầu chán nản:

— Không, anh không biết! Có nhiều thứ anh không biết lắm! Ba mẹ và cả nhà em đều đã đi và đã đến nơi. Không phải một lần, mà từng người một. Anh có biết cảm giác của em, người ở lại cuối cùng? Mỗi lần có người đi là tim em thất lại, đập nhanh theo tiếng gõ cửa, tiếng điện tín, những ngày chờ đợi dài. Vậy mà em đã chịu như vậy bao lần. Em đã thăm nuôi anh từ Biên Hoà Suối Máu, Long Khánh K4 đến Z20, Z30 Tuy Hoà... Em cũng phải thăm nuôi người nhà em ở Vũng Tàu, Bà Rịa, Duyên Hải, Tây Ninh, ngay cả Chí Hoà, Phan Đăng Lưu, cảng Sài Gòn, Nhà Bè... Nhưng rốt cuộc cả nhà em đều đến nơi an toàn và đã định cư. Anh đã về và mọi người đều ổn định. Đó có phải là phần thưởng của em?

Tịnh ôm tôi âu yếm:

— Anh thấy em lạ lắm! Tất cả đều là tin mừng, sao em không vui chút nào?

— Qua biết bao chuyện như vậy, anh biết em vui rất khó.

— Em còn điều gì cần cho anh biết nữa không?

Tịnh nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi chợt hiểu:

— Không. Thấy anh về em chỉ lo thôi. Không có gì thay đổi trong tình cảm giữa anh và em.

Mấy hôm sau tôi đã thu xếp cho Tịnh một chỗ ở. Sài Gòn năm 85 cũng có nhiều thay đổi. Theo làn sóng Việt kiều từ Pháp và các nơi khác về, không khí lo lắng hơn và cái màu đỏ cũng nhạt hơn. Các chú khu vực đã biết xoè tay nhận tiền cho những cư trú dân bất hợp pháp, đám cải tạo mới từ trại tù về hay những người dân ở tỉnh xa chạy về thành phố để thở.

thư gửi về nhà

Tặng bạn bè tôi ở Nguyễn Hoàng

*Em có nhớ về thăm Thạch Hãn?
Chiều qua đò chắc có mưa thưa
Gió sẽ thổi từ bên tả ngạn
Như lòng anh thổi mãi một tình xưa.*

*Em có nhớ về thăm chợ Sài
Qua chùa Tỉnh Hội nón nghiêng che
Đi ăn bánh ướt chiều mưa nhỏ
Để thấy môi ai đỏ lịm về.*

*Chiếc tráp ngày xưa chị để đâu?
Những thư tình cũ có phai màu
Ngọc lan ép giữa hai bài hát
Chắc vẫn còn thơm trong đêm thâu?*

*Anh có về đi qua gác trọ
Hỏi thăm bè bạn những phương nào?
Hỏi chí lớn những tà dương cháy đỏ
Mộng tưởng vì mấy đóa rụng ngang đầu.*

*Gỗ nhịp mà ca dạ lý hương
Mười năm rồi lại mười năm trường
Những cánh cửa đêm nay vẫn thức
Đất nước dài như khói một nhành hương.*

*Hoa trong hội theo ngày xanh biển biệt
Tình thiên thu còn một bến giang đầu
Em có nhớ mặc áo vàng như nguyệt
Đêm qua đò trắng hỏi tuổi thơ đâu?*

nguyễn đức tùng

Tôi đã trở thành một bà chủ tiệm nhỏ, một cửa hiệu mỹ nghệ bán đồ gỗ chạm trên đường Nguyễn Huệ. Những cái tượng gỗ cam nín nằm yên trong tủ kính, không cần phải bán nhưng tiền chạy vào túi tôi rất nhiều. Tôi là người xuất nhập cho đám chợ trời cò con ngoài kia. Những bao tiền nằm trong giỏ lát lẫn lộn trong đám thùng gỗ dưới chân tôi.

Một mình, tôi đã là đối tượng của công an thành phố, có thể bị bắt giữ bất cứ lúc nào. Tôi ở giữa sự chọn lựa. Phải ngưng hay tiếp tục chờ bị bắt. Nếu ngưng tôi phải rời khỏi đây. Nếu ở lại, chỉ cần đám cò con kia gặp chuyện là nó sẽ khai

ngay. Một mình tôi đã lắm phiền toái, vậy mà Tịnh lại trở về! Cái gốc “mười năm cải tạo tội phản động” của anh cộng với trùm buôn lậu cỡ tôi, thật là “hai cây hợp lại nên hòn núi cao”! Tịnh có biết tôi không vui khi đang ở trên triền núi đó!

Đến năm 88, khi chuyển sang nghề khác, ở một cửa tiệm khác, tôi vẫn không hiểu sao tôi qua khỏi những năm tháng đó. Cái chợ trời ngoại tệ trước cửa Imexco lần lượt bị gọi tên như rút số. Nay người này vào tù, mai kẻ kia bị bắt khi vừa đến nhà khách hàng. Có người bị chụp ở đầu hẻm, vội vứt hết bạch tiền, bỏ của chạy lấy người. Tôi như ngồi trên lửa, không biết sẽ bị



thieu cháy lúc nào! Tịnh phân vân hỏi tôi:

— Hay là em còn nghèo quá, có bất cũng không bỏ công, chúng nuôi em thêm ít lâu nữa?

— Anh nghĩ mình đang ở trong chuồng gì mà nuôi cho mập? Em không biết trong giới này có bao nhiêu đầu nậu, có điều em cũng chỉ là con tép lớn hơn những con lêu bêu đầu siêu thị mà thôi!

— Không biết sự ngu xuẩn của tụi anh hồi tháng 5.75 có ý nghĩa gì hơn bấy thiêu thân chợ trời lẫn lượt xếp hàng vào Chí Hoà bây giờ?

Tôi cười:

— Khác nhiều lắm! Hồi đó họ không có danh sách như bây giờ. Còn ý nghĩa thì khác xa. Chén cơm đâu phải lý tưởng. Nhưng tại sao anh không chịu vượt biên?

— Anh sợ ở một nhà tù ra rồi lại rơi vào một nhà tù khác.

— Vậy anh thấy bây giờ mình sống tốt lắm sao?

— Ít nhất anh cũng có thể đóng cửa phòng lại, ăn ngủ theo ý mình, dầu cảnh chim lồng cá chậu.

Những lúc theo tôi đến chùa Gò, cảnh bên ngoài Phụng Sơn Tự mỗi lúc một xơ xác. Ven đường đầy những rác. Trước sân chùa lác đác mấy ông lão đến tập dưỡng sinh. Con đường vào chùa không còn xanh bóng cây. Tịnh thở dài ảm đạm. Anh tắt máy xe bước xuống:

— Xã hội mình cũng trần trụi như vậy, nghèo nàn như vậy. Anh rất ngại phải nhìn thấy điều này, nhưng anh cũng không thể bắt chước lũ tượng khỉ của em để nhắm mắt, che tai, bịt miệng...

— Thôi em vào một mình, anh giữ xe kéo ra không có gì đi về.

Tôi men theo mấy bậc tam cấp bằng gạch đã sạm màu vào chùa. Ngôi chùa trống vắng, vài tượng Phật cũ kỹ. Chiếc bàn gỗ cần ọc sáng loáng trước bàn thờ. Đầu óc con buôn của tôi thực thà tính toán giá trị những đồ cổ còn lại trong chùa mà nhà nước sẽ được hưởng khi thầy Tư nằm xuống...

Gặp tôi, thầy Tư đem khoe xấp đơn vừa thảo. Lại yêu cầu bảo vệ di

tích lịch sử, văn hoá của một ngôi chùa cổ đã mấy trăm năm, phản đối chuyện đem chia đất chùa cho phường... Thầy kể là chùa không còn tiền. Tôi cười:

— Hay thầy bán bớt mấy thứ đồ cổ kia đi, kéo thầy có bề gì thì cũng đâu để cho ai!

— Mô Phật, con nói gì lạ vậy? Thầy còn sống thầy sẽ giữ.

— Nhưng thầy có gì thì sao? Thầy đâu còn trẻ nữa!

— Đành vậy! Nhà nước không cho thêm thầy nào ở đây.

Tôi nhìn lên tủ kính đóng bụi. Ngôi chùa rộng quá sức chăm sóc của một người. Thầy kể lẽ dài dòng về một vụ kiện nào đó với phường. Tôi ngồi nghe với đầu óc lơ đãng. Ngôi chùa vừa thân thiết vừa xa lạ. Như thành phố này. Như tôi với Tịnh.

Cuối cùng, tôi đã cầm vé máy bay để ra đi. Ra đi một mình và Tịnh ở lại. Tôi không chạy nổi tấm giấy "trả quyền công dân" cho anh, cũng không chạy nổi cái giấy hộ khẩu thường trú nên không thể lo cho anh đi cùng.

Những ngày chạy tới chạy lui trước khi lên đường, tôi đọc trong một tờ báo: "...Đã đào được những di tích thời Ốc Eo ở bên ngoài chùa Phụng Sơn. Sở Thông tin Văn hoá và viện bảo tồn đã kiểm tra..."

Thầy Tư đã đạt được điều thầy mong ước: Phụng Sơn Tự là di tích văn hoá của thành phố. Tôi cũng đã bước đến đích của tôi: Ra khỏi sự sợ hãi thường xuyên từ 16 năm nay. Tịnh vẫn ở lại chỗ cũ.

Ngày lên đường, chúng tôi không nói được điều gì. Cái mệt ở những ngày cuối trước khi đi dần lại. Khi máy bay cất cánh rời Tân Sơn Nhất, tôi vẫn còn chưa tỉnh. Vẫn có một cái gì đó chưa sáng, chưa rõ trong tôi. Cả những ngày lăm lăm trong thành phố mới.

Tôi đến Sydney vào tháng bảy. Trời còn lạnh. Không phải là cái lạnh của những đêm thức dậy lúc ba giờ sáng, loay hoay ra bến xe để đi thăm nuôi. Cũng không phải cái lạnh sợ hãi hằng ngày của sự bị theo

dõi rình rập...

Cuối cùng, tôi đã tới nơi, dầu để biến đổi từ một bà chủ tiệm thành một người làm công nghèo khổ, một người cầm đơn đi xin việc đến sung chân. Nhưng tôi đã thoát khỏi ám ảnh về nỗi sợ. Cái sợ lúc nào cũng ở cạnh, ngay cả lúc ngồi ăn uống với bạn bè trong một quán, tiệm đông người.

Cái áo không làm nên thầy tu. Bao nhiêu năm tu hành cũng không diệt được những sân si trong lòng người. Tôi không quên những gói tiền nhỏ đem đến từng ngôi chùa, đến từng phòng giáo xứ của các nhà thờ lớn nhỏ. Sống trong sự bất trắc, con người lúc nào cũng quay về nương tựa nơi các đấng thần linh và những người khuất mặt.

Tôi không tin mình đạt được ước vọng nhờ ăn năn hối lỗi, hết lòng cầu nguyện, hay nhờ sự thành kính của đức tin, của những việc làm phúc cho những người khổ sở bên cạnh tôi và như tôi.

Trong cái cùng quẫn, túng thiếu của một xã hội nghèo đói; dưới sự ngu dốt của những người cầm quyền chỉ biết cai trị bằng bạo lực, nhà tù và công an; Phụng Sơn Tự trong tôi là cái am để tưởng nhớ đến sự ngu dốt của mình và của cả dân tộc. Nó là một sự thực, một địa chỉ, con người có thật, một bằng chứng giữa những ngang trái éo le của các hoàn cảnh xã hội chung quanh.

Tôi cũng đã để lại Sài Gòn tình yêu của tôi, cuộc sống mà tôi hằng quen thuộc. Để lại hết chỉ để ra khỏi những sợ hãi thường xuyên.

Phụng Sơn Tự cuối cùng đã đào được ngay trong sân chùa những mảnh đồ cổ vô giá từ ngàn năm trước. Thầy Tư chắc vẫn tiếp tục soạn thêm những lá đơn, cầm đi gõ cửa xin được bảo vệ, xin được giữ nhà chùa thanh tịnh... Nhưng chùa mỗi ngày một hiu quạnh với lớp bụi thời gian, với sự vắng vẻ của khách lui tới.

Trong tôi, một lớp bụi xa cách dày thêm. Tôi chia sẻ gì với những người còn ở lại đang còng lưng trên đường gió bão?

Buổi Dạ Tiệc

Mona Gardner
Trương Mỹ Vân (dịch)

LDG: Mona Gardner (1900-1981) là một văn sĩ Mỹ sinh tại Seattle, tiểu bang Washington. Bà thường chọn những quốc gia bà đã viếng thăm như Ấn Độ, Mã Lai, Thái Lan, Hương Cảng, v.v... làm bối cảnh trong hầu hết các tác phẩm. Một trong những tác phẩm của bà mang tựa đề "Hongkong".

Truyện ngắn "Buổi Dạ Tiệc" sau đây được dịch từ nguyên tác "The Dinner Party", một đoạn văn điển hình của loại truyện thật ngắn, một trong những khuynh hướng truyện ngắn hiện đại, trong đó tác giả chỉ sử dụng những chi tiết thật cần thiết có liên quan đến cốt truyện để xây dựng một bố cục ngắn, gọn.



Truyện xảy ra tại Ấn Độ lúc quốc gia này còn là thuộc địa Anh, trong buổi dạ tiệc tại tư gia một vị tùy viên ngoại giao thuộc toà đại sứ Anh. Thụ khách gồm các vị tướng lĩnh quân đội, các nhân viên trong ngoại giao đoàn và một nhà sinh vật học người Mỹ; tất cả quây quần quanh bàn tiệc trong phòng khách khang trang của một ngôi biệt thự sang trọng tại thủ đô Ấn Độ. Sàn nhà lát đá cẩm thạch, trần nhà để trống ngoại trừ những cây cột kèo chống đỡ mái ngói và cửa phòng ăn mở rộng thông ra mái hiên bên ngoài.

Trong lúc mọi người đang trò chuyện, một thiếu nữ người Anh và một vị trung tướng tranh luận về một đề tài sôi nổi. Thiếu nữ cương quyết bảo rằng phụ nữ ngày nay là những người cương nghị, đầy tánh tự chủ; nhưng vị trung tướng khẳng khái cho rằng đàn bà vẫn là những kẻ yếu đuối, rụt rè, chỉ cần thấy bóng một chú chuột nhắt lấp ló sau kết tử là đã nhảy tuốt lên ghế lên bàn kêu la ầm ĩ!

Vị trung tướng cao giọng:

— Đàn bà bao giờ cũng thế! Hễ có chuyện gì sợ hãi là chỉ biết la hoảng lên mà thôi. Còn đàn ông thì khác. Dầu run sợ đến đâu họ vẫn bình tĩnh hơn đàn bà. Chính tánh tự chủ này mới là điều quan trọng.

Nhà sinh vật học người Mỹ này giờ yên lặng theo dõi nhưng không hề góp phần vào cuộc tranh luận này. Vừa lúc đó, ông ta liếc nhìn bà chủ nhà và thấy diện mạo bà đổi khác, đôi mắt trùng trùng nhìn thẳng và nét mặt bà bỗng đứng đanh lại. Bà ra dấu gọi cậu bé giúp việc lại gần, thì thầm vào tai nó điều gì không rõ, chỉ thấy nó trở mắt kinh ngạc và tức tốc chạy ra khỏi phòng.

Tất cả đám thực khách không ai để ý điều này ngoại trừ nhà sinh vật học. Phút chốc cậu bé giúp việc trở lại, mang theo đĩa sứ đựng đầy sữa đặt ngoài mái hiên.

Điều này khiến nhà sinh vật học giật nảy mình. Ở Ấn Độ người ta

rót sữa vào đĩa với một mục đích duy nhất: để làm mồi cho rắn hổ mang. Vì thế ông ta biết ngay có một con rắn hổ mang trong bàn tiệc. Ông nhìn lên trần nhà, nơi rắn thường hay ẩn trốn nhưng không thấy gì. Ngay cả ba góc phòng cũng trống trơn và trong góc phòng còn lại, đám gia nhân đang bận rộn chuẩn bị dọn món ăn kế tiếp. Ông biết chỉ còn một chỗ duy nhất trong phòng là dưới bàn tiệc.

Phản ứng tự nhiên nhất của nhà sinh vật học là nhảy lùi về phía sau, chạy ra khỏi bàn tiệc và hô hoán lên để đám thực khách biết, nhưng ông thừa hiểu rằng làm như vậy sẽ gây náo động và chỉ khiến con rắn hoảng sợ, cắn ấu những người chung quanh mà thôi. Bằng một giọng hùng hồn, ông bảo đám thực khách:

— Tôi muốn thử xem ai là người có tánh tự chủ nhất trong bàn tiệc này. Vậy bây giờ tôi bắt đầu đếm từ một tới ba trăm. Trong khoảng thời gian đó mọi người phải ngồi yên. Ai nhúc nhích sẽ bị phạt năm mươi ru-pi tiền Ấn Độ. Nào, sẵn sàng chưa? Tôi bắt đầu nhé!

Tất cả đám hai mươi thực khách ngồi yên như tượng đá trong lúc nhà sinh vật học đếm đến số hai trăm tám mươi. Bỗng qua khoé mắt, ông ta thấy một con rắn hổ mang từ dưới gầm bàn tiệc hiện ra và bò thẳng đến đĩa sứ đựng đầy sữa ngoài mái hiên. Mọi người sợ hãi rú lên khi thấy ông chạy đến đóng ập cửa kính lại.

Lúc bấy giờ ông chủ nhà mới lên tiếng:

— Ban này trung tướng nói đúng đấy. Chúng ta vừa chứng kiến một gương bình tĩnh hiếm có của phái nam.

Nhưng nhà sinh vật học vội quay sang hỏi bà chủ nhà:

— Hãy khoan! Thưa bà, ban này tại sao bà biết có con rắn hổ mang trong phòng?

Với nụ cười tuy yếu ớt nhưng cũng đủ làm rạng rỡ gương mặt, bà Wynnes đáp nhẹ:

— Vì lúc đó con rắn đang bò ngang chân tôi. *

Giấc Hoàng-Lương Điện-Tử

Huy Kiều
(phóng-tác)



Duy Mộng chiêm một giấc xi-gà hảo hạng dài ngoằng trước khi quyết định bước vào đại sảnh của biệt thự Uyển Lan. Chàng lắng nghe những tiếng cười nói ồn ào, hoan lạc từ bên trong vọng ra, và bất giác cũng tủm tỉm cười một mình. Chàng biết sự xuất hiện của mình sẽ gây một đợt huyên náo mới gồm những lời săn đón, hoan hô, chúc tụng từ mọi phía đổ dồn về mình. Đây là buổi dạ tiệc thứ tư

trong tháng do thân hữu tổ chức để chào mừng kiệt tác điện ảnh đánh dấu thêm một thành công mới của nhà đạo diễn trẻ tuổi, tài ba Nguyễn Duy Mộng. Sự hân hoan lẫn với chút nhảm chán khiến Duy Mộng không khỏi khẽ thở dài khi đưa tay bấm nút chuông điện.

— Duy Mộng kìa! Duy Mộng đến rồi!...

Tiếng kêu lãnh lút của một phụ nữ lập tức khơi mào cho chuỗi náo động, xôn xao dồn dập tiếp theo.

Trong khoảnh khắc, Duy Mộng bị vây kín tứ phía giữa đám đông những đôi vai trần ngà ngọc với miệng cười đỏ thắm như san hô của nữ giới, những khuôn mặt rạng rỡ quen thuộc, những bàn tay nam giới niềm nở giờ ra chờ đợi. Ngay cả mấy người bồi bàn đồng phục trắng tinh cũng cố len vào để nài ép chàng chiếu cố đến chiếc khay trên tay họ đang bày sẵn món trứng cá ca-vi-a đắt giá và ly sâm-banh hạng nhất như một đặc ân vinh dự.

— Duy Mộng ơi, cuốn phim ấy quả là một siêu phẩm!

Chàng nhận ra tiếng reo của một trong số những mệnh phụ giàu nhất Mỹ quốc.

— Lại chấn động dư luận nữa há, ông bạn!

Một giọng trầm trầm cất lên ngay bên cạnh và Duy Mộng nhận ra mình đang bắt tay nam diễn viên nổi tiếng nhất nước Anh. Một giọng khác xen vào:

— Tính đâu trúng đó, phải không bạn?

Duy Mộng nhận ra một chút ghen tị thân mật trong lời nhận xét của tay đạo diễn số một tại kinh đô điện ảnh Hoa-lê-ước, người mà đôi khi chàng phải gặp mặt để thương lượng, dàn xếp chuyện làm ăn.

Trong vòng vây sẵn đón, Duy Mộng vừa nói vừa cười đã lã, tay bắt mặt mừng khắp mọi người, vừa cố gắng len chân để tách khỏi họ nhưng thật khó mà thoát. Chàng đành khẽ nhún vai dừng lại, tươi cười hân hoan tiếp nhận sự ái mộ qua những tràng pháo tay hoan hô, những nụ hôn, những vòng tay thân hữu ôm xiết và đèn *flash* loé sáng từng chớp từ mọi góc đại sảnh hướng về chàng. Phần lớn người hâm mộ là nữ giới. Thân hình dong dỏng cao của Duy Mộng, mái tóc dày, quần tự nhiên và hơi rối của chàng xoã trên vầng trán rộng với khuôn mặt có những nét cương nghị duyên dáng đầy nam tính có sức hút mạnh như nam châm đối với phái đẹp. Tuy buổi họp mặt hôm nay rất đầy đủ nhưng Duy Mộng vẫn nhận thấy sự thiếu vắng người chàng đang mong đợi: Uyển

Lan, người chủ trì buổi dạ vũ này và cũng là minh tinh chánh của cuốn phim do chàng đạo diễn vừa đoạt giải nhất trong đại hội điện ảnh kỳ rồi.

Chàng sắp sửa lên tiếng hỏi về nàng thì chợt trông thấy một người đàn ông lạ mặt len lỏi qua lại trong đám đông rải rác khắp đại sảnh. Hắn mặc bộ đồng phục công nhân dơ bẩn, màu xám. Dáng người lùn và chậm chạp. Hắn có vẻ như một người thợ tạp dịch được gọi đến để sửa chữa một hư hỏng bất ngờ nào đó của ngôi biệt thự. Tuy nhiên, sự hiện diện của hắn với bộ quần áo dơ dáy đó trong đám đông quan khách phục sức trang trọng coi thật chướng mắt và như một sự sỉ nhục. Thậm chí hắn không đáng được đứng chung với những người hầu bàn tươm tất đang lăng xăng phục vụ ở mọi chỗ. Duy Mộng lấy làm bất bình thay cho Uyển Lan nhưng chưa biết làm thế nào. Chàng nhận ra hắn đang ve vẩy trong tay một thứ dụng cụ kỳ quặc như đồ nghề của thợ sửa ống nước. Đó là một cái gậy bằng kim loại, một đầu được móc bằng sợi dây xích nối liền với sợi thắt lưng da to bản đeo ở ngang hông; đầu kia gắn một quả bóng nhỏ làm bằng cao su xốp, tựa một miếng bọt biển để thấm nước. Hắn đi len qua mọi người, tay đóng đưa chiếc gậy, miệng lầm bầm lặp đi lặp lại một câu nói nghe rõ mồn một, bất kể sự huyền ảo, ồn ào của buổi dạ vũ: “Cứ từ từ thôi, bà con!... Vừa phải thôi nào!...”

Duy Mộng há hốc miệng kinh ngạc, rồi tặc lưỡi trước sự thô lỗ trắng trợn đến độ hỗn láo của gã đàn ông. Chàng toan chỉ cho một bà bên cạnh thấy điều đó thì gã đã lẩn đâu mất. Hơn nữa, chàng nhận ra Uyển Lan vừa xuất hiện. Nàng đang lướt như mây trôi về phía chàng trong chiếc áo dạ vũ bóng bẩy, mong manh như tơ trời lấp lánh ngân nhũ. Trông nàng bây giờ còn đẹp hơn chính nàng trong cuốn phim vừa đoạt giải.

Nàng thì thầm qua nụ hôn đặt lên má chàng:

— Duy Mộng, anh yêu...

Như mọi khi, Duy Mộng lại thấy xao xuyến khó hiểu mỗi lần Uyển Lan ép thân thể vào người chàng. Khắp mọi nơi, người ta đang vây gọi nàng, chủ nhân của buổi dạ tiệc. Trước khi miễn cưỡng quay đi, nàng khẽ thì thầm:

— Mình gặp nhau trong thư viện, anh nhé? Mười phút nữa, nhé?

Khi chỉ còn hai người với nhau, Uyển Lan đắm đắm nhìn ngọn lửa trong lò sưởi của thư viện. Nàng khẽ nói, dịu dàng:

— Cảm ơn anh, Duy Mộng. Cảm ơn mọi điều anh đã làm cho em...

Chàng đáp:

— Chính anh phải cảm ơn em mới đúng. Tài diễn xuất của em, Lan ạ.

— Anh yêu, anh là người hào hoa nhất trên đời này. Chính anh đã đưa em lên ngôi vị minh tinh, cũng như anh đã đưa biết bao người khác lên. Em sung sướng vô ngần...

Nhưng hình như những giọt lệ trong mắt nàng không hẳn hoàn toàn do niềm hạnh phúc thật sự:

— Em có chuyện gì buồn?

— Buồn ư? Không đâu! Bây giờ em có đủ mọi thứ trên đời rồi...

Những lời cuối cùng được thốt ra trong tiếng nấc nghẹn ngào. Duy Mộng lo lắng, chuyển sang ngồi sát cạnh nàng:

— Có chuyện gì vậy, Uyển Lan? Nói cho anh nghe đi!

— Em hoàn toàn mãn nguyện rồi... Ngoại trừ một điều...

— Điều gì vậy, cưng?

— Ôi, Duy Mộng, sao anh ác thế? Em chỉ còn thiếu... chính anh mà thôi!

Duy Mộng tưởng như khắp phòng bỗng tràn ngập tiếng hoan ca rộn rã, tiếng vĩ cầm réo rắt và dàn nhạc giao hưởng ngân nga rung chuyển bốn bề. Chàng đặt tay lên đôi vai ngà ngọc và nhìn thật sâu vào mắt nàng, đôi mắt nhung huyền đắm đuối, thăm thẳm trời tình. Họ hôn nhau nồng thắm, miệt mài, thì thầm qua hơi thở:

— Uyển Lan, em yêu!

— Tối nay em đến với anh nhé?

Đừng bắt em phải chờ lâu thêm nữa!

— Ừ, đêm nay...

Khi đôi môi hai người miễn cưỡng rời nhau trong khoảnh khắc cho nhịp thở, Duy Mộng chợt nhìn thấy gã đàn ông đó lần nữa. Vẫn bộ đồng phục xám dơ bẩn ấy. Gã đang đi lết bệt băng qua thư viện, tay ve vẩy cây gậy sắt với miếng bọt biển cao su ở đầu và sợi xích nối ngang hông như lúc này. Uyển Lan vẫn đang níu lấy chàng, chờ đợi nụ hôn tiếp theo, nhưng sự có mặt không đúng lúc của gã nọ khiến Duy Mộng bức tức cực độ. Gã đang lết đôi giày bẩn thỉu trên lớp thảm nhung thanh lịch, miệng lầm nhảm: “Vừa vừa thôi, bà con!... Đừng làm quá nhé!...” Duy Mộng quát:

— Này! Tên kia! Đứng lại đó!

Uyển Lan có vẻ kinh ngạc, quay vội theo hướng Duy Mộng đang nhìn, nhưng hình bóng gã nọ đã mất hút. Nàng hỏi dồn:

— Sao thế anh? Chuyện gì vậy?

— Cái gã người làm của em, cái gã bận đồ xám ấy...

— Người làm nào cơ?

— Cái gã thợ ống nước hay tạp dịch gì đó! Gã mới bước ngay vào phòng này...

— Trời đất ơi!...

Nàng kêu lên rồi phá ra cười khi thấy bộ mặt xanh nhợt vì giận dữ của Duy Mộng.

— Làm gì mà anh cáu dữ vậy? Mặt anh xanh mét y như lúc anh liệng bài báo dâm chê anh làm phim dở ra ngoài cửa sổ vậy!

Duy Mộng sa sầm nét mặt, giận dữ nhìn nàng, nhưng rồi tự thấy mình vô lý, chàng cũng bật cười lớn, và cả hai cùng đứng dậy rời thư viện quay lại buổi dạ hội.

Chàng rời biệt thự Uyển Lan lúc mười giờ với lời hẹn hò nửa khuya cùng nàng. Chỉ còn hai tiếng đồng hồ cho chàng giải quyết một số việc hệ trọng trong việc tung cuốn phim mới quay ra thị trường. Chàng định sẽ đọc các chỉ thị cho việc này vào máy thu băng ngay khi ngồi vào chiếc limousine tân kỳ đang đợi sẵn bên dưới.

Khi người tài xế vừa bật chìa khoá công-tắc và Duy Mộng chỉ mới ngả người ra nệm sau, với tay

cầm chiếc micro, thì chàng lại nhìn thấy gã đàn ông mặc đồng phục xám hồi nãy. Gã đang băng qua đường ngay trước mũi xe, tay vẫn vung vẩy chiếc gậy kỳ lạ có quả banh cao su gắn ở đầu. Lập tức, chàng bấm máy nội đàm. Người tài xế ngạc nhiên, ngoái lại:

— Vâng, thưa ngài?

Duy Mộng ra lệnh:

— Hạ cửa sổ xuống, gọi gã kia lại đây!

— Gã nào ạ?

— Gã mặc đồng phục xám, vừa mới băng qua mũi xe mình.

— Ô, thưa ngài, tôi không thấy hắn đâu cả ạ!

Duy Mộng nhìn ra ngoài cửa xe, và đúng như lời người tài xế, gã đàn ông ấy lại đã biến mất. Chàng bức bối nói:

— Thôi, được rồi! Đưa tôi về nhà.

Chàng đặt chiếc micro trở lại ngăn kín và bỏ ý định đọc chỉ thị vào máy thu băng trên đường về.

Khi bước vào phòng, Duy Mộng thấy dễ chịu hẳn. Toà biệt lâu chàng ở xây trên nóc một building, bên trong trần thiết hoàn toàn theo ý chàng nhằm tạo được bầu không khí thanh thản, bình yên trọn vẹn trong bối cảnh xa xỉ, huy hoàng. Phòng ngủ được tự động hoá tối đa. Từ chiếc giường phủ gấm đến các ngăn tủ kín, hệ thống đèn thấp và gương phản chiếu đều có thể vận hành theo ý muốn một cách êm ả, nhẹ nhàng bằng điện tử qua hệ thống nút điều khiển ở đầu giường. Chàng thay y phục và khoác lên chiếc áo ngủ lụa, xỏ chân vào đôi dép lông đà mã. Với ly Martini cay nồng trong tay, chàng bước ra ngoài sân thượng. Trước mặt chàng là toàn cảnh mệnh mông của đô thị hoa lệ về đêm với muôn vàn ánh sáng đủ màu lung linh, nhấp nháy như trân châu bảo ngọc trải trên tấm thảm nhung bát ngát một màu đen huyền ảo của dạ thần. Chàng hít thật sâu để tận hưởng làn gió đêm tinh khiết, mát rượi và cảm nhận sự thoải mái, an nhiên thấm dần vào từng tế bào trong cơ thể. Giờ đây Duy Mộng đã đạt mọi điều

lũ chúng ta

tặng Trần Hoài Thu

*Lũ chúng ta
Tóc đã điểm sương
Tuổi đời sáu chục
Thuở thanh xuân
đã vay nợ cung tên
Bây giờ
lòng đâu có muốn quên
Kỷ niệm
vẫn về trong giấc ngủ.
Kiếm quân trường
trơ vơ trên vách cũ
Mảnh chiến y
xếp lại dấu đầy tim.
Ai an ủi giùm ta
cơn vận bĩ nước nhà?
Gắn bó khoảng đời là
Chịu phong ba.*

*Bến Ô giang
Ngọn sóng đào uất hận
Ta thương anh hùng Hạng Võ
Dũng mãnh có thừa
mà thua trí gã Trương Lương.
Cảnh ngộ vẫn vương.*

*Rượu cô đơn
Độc ẩm
bản Hồ Trùng.
Sông Dịch Thủy
trách Kinh Kha bất trí.
Khánh Kỳ
Yên Ly,
ôi hai chàng dũng sĩ
giết nhau chỉ để được cái gì đây?*

*Bọn chúng ta,
những áng mây
Kết tụ lại để thành mưa,
tươi cho quê hương cỏ hoa tươi thắm.
Còn chút sương thừa,
nuông theo gió bay xa.*

trung nhân

sở nguyện: tài sản thịnh vượng, công danh thành đạt, và lời hẹn hò yêu đương. Uyển Lan đang dâng hiến.

Chợt nhớ đến giờ hẹn với nàng, Duy Mộng vội nhìn đồng hồ, nó là món quà tặng của người bạn cố tri nay đang đặt đến tận đỉnh quyền uy ở toà Bạch Ốc. Chỉ còn năm phút nữa đến mười hai giờ. Chàng mỉm cười quay trở lại phòng khách. Gã đàn ông mặc bộ đồng phục màu xám dơ bẩn đang lê bước đi về phía cửa ngoài: "Vừa phải thôi, bà con! Đừng làm quá!..."

Duy Mộng chờ người ra, chết đứng tại chỗ, trán trời nhìn kẻ xâm nhập. Trong chớp mắt, chàng bừng tỉnh và phản ứng ngay, nhưng vài giây chậm trễ cũng đủ cho gã biến đi y như mấy lần trước. Chàng quát gọi người hầu, rồi lại nhớ ra đã cho hắn nghỉ phép tối nay để chàng tiếp riêng Uyển Lan. Chàng kinh hoàng nhận ra mình đang hoảng sợ, một cảm giác mà chàng chưa từng biết đến. Chẳng phải chàng đã từng bắn hạ tên giặc ở châu Phi sao? Những huy chương thời kỳ chiến tranh vẫn còn đó! Và mấy ai đã có gan đầu tư vào màn ảnh nổi để phản công sự cạnh tranh ráo riết của hệ thống tivi như chàng? Vậy mà giờ đây, đứng chắn ngoài cửa, sẫm soi nhìn từng khoảng tối của khách sảnh để truy tìm tung tích kẻ xâm nhập bí hiểm, Duy Mộng thấy xương sống mình ớn lạnh.

Trong lúc cân thăng ấy, cửa thang máy bỗng mở lướt sang hai bên và Uyển Lan yếu điệu bước ra. Chiếc áo dài bằng lụa đen mỏng dính bó sát thân hình nàng, phô diễn mọi đường cong nét lượn từ bộ ngực nảy tròn xuống đến chiếc eo thon, vùng tam giác phẳng phiu của phần bụng dưới gọn gàng, cặp đùi lẳn như búp hoa quỳ ẩn hiện, uyển chuyển theo mỗi bước chân đi, mặt hoa tươi cười hơn hờ. Duy Mộng bỗng thấy sự sợ hãi lắng xuống, và nóng bừng lên một cảm giác rạo rực, khát khao.

— Anh yêu, anh có biết đã bao lâu em mong đợi giây phút này...

— Uyển Lan, anh cứ tưởng...

— Anh vô tình thì có! Anh có thêm để ý gì đến em đâu!...

Trong phòng ngủ, Duy Mộng bấm nút điều khiển và ánh sáng màu hồng phấn ấm cúng bừng lên, chan hoà. Uyển Lan cười khúc khích, xoay mình vượt khỏi vòng tay chàng. Trong tích tắc, đôi cánh tay nàng đã thoát khỏi lớp vải lụa, trần trụi và trắng nõn như ngà voi, vươn lên quăn quít ra sau cổ Duy Mộng, vít xuống. Cặp nhũ hoa tròn căng, thơm ngát ưỡn lên chờ đợi...

Chàng bấm nút mở nhạc, và trong tấm gương chạy suốt theo vách tường đầu đẳng kia phòng ngủ, Duy Mộng chợt thấy một bóng xám chập chờn, lẫn trong những hình ảnh phản chiếu của mọi thứ đồ đạc. Gã đàn ông mặc đồng phục dơ bẩn màu xám lại đang lê bước trên lớp thảm dày trắng tinh, tay ve vẩy chiếc gậy thô bỉ một cách khả ố, sợi xích đồng đưa nổi xuống chiếc thắt lưng da ngang hông: "Vừa phải thôi, nào, bà con!... Đừng..."

Duy Mộng gào lên. Uyển Lan kinh hãi nhìn chàng nhảy xuống sàn trong tiếng thét chiến đấu man rợ, cuồng nộ. Lại một lần nữa, phản xạ của chàng vẫn quá chậm so với chuyển động của bóng ma màu xám. Khoác vội chiếc áo ngủ lên thân hình trần truồng, Duy Mộng chạy bay ra phòng khách, nhưng kẻ xâm nhập đã biến mất. Chàng xông ra lối đi chính, mở tung hai cánh cửa để kịp thời nhận thấy cửa thang máy ở cuối hành lang vừa lướt khép lại. Duy Mộng lao theo, bấm như điên đại vào nút điều khiển, làm như chàng có thể dừng được nó. Vừa khi ấy, chiếc thang máy thứ nhì đã tự động lên đến nơi. Duy Mộng nhảy vào, ấn nút cho xuống ngay tầng cuối cùng. Chàng nghiêng rãng, toàn thân run rẩy, lạnh buốt, không ý thức được vì sợ hãi, vì giận dữ hay bởi lý do nào.

Người gác cửa ngạc nhiên kêu lên:

— Ngài Duy Mộng! Có chuyện gì thế ạ?

Duy Mộng thở dốc:

— Cái gã mặc đồ xám... đâu rồi?

— Gã mặc đồ xám ư, thưa ngài? Ờ... chú mày có thấy ai vừa xuống không?

Người gác cửa thứ nhì ngẩn mặt ra rồi lắc đầu.

— Rõ ràng hắn vừa xuống đây mà! Tay hắn cầm một cái que sắt!...

Người thứ nhì khẳng định:

— Thưa ngài không ạ! Không có ai xuống lầu trong mười phút vừa qua cả!

Người thứ nhất nói:

— Thưa ngài Duy Mộng, ngài không nên đi ra ngoài với chiếc áo phong phanh đó! Ngoài kia đang gió lạnh!

Duy Mộng bước ra phía cửa, nhưng người gác níu chàng lại:

— Đừng, thưa ngài Duy Mộng! Trời ơi, ngài đang... ở trường mà!

— Buông ra! Phải bắt cho bằng được tên đó!

— Vâng, vâng... Xin ngài trở lại lầu trên, rồi chúng tôi sẽ...

Duy Mộng gào lên:

— Đồ ngu xuẩn! Chúng bay biết tao là ai không?

— Dạ dạ, vâng ạ, thưa ngài!

Trước sự kinh ngạc của Duy Mộng, hắn khẽ nháy mắt ra hiệu với tên thứ nhì. Duy Mộng vùng vẫy tuyệt vọng trong thế khoá tay của hai tên gác cửa lực lưỡng, nước mắt nước mũi ràn rụa vì đau và tức tối. Rồi nhận thức được họ chỉ hành động theo bốn phận vì lợi ích của chàng, Duy Mộng thôi không kháng cự. Quả thực chàng không thể đi ra ngoài trần truồng trong tấm áo ngủ khoác hờ như vậy. Chàng nhìn xuống và chợt thấy đôi ống quần rách rưới thùng thình của mình với hai miếng vá to tướng ở hai đầu gối. Duy Mộng nhũn người ra:

— Cái gì thế này? Tôi mặc quần hời nào vậy?

— Đúng rồi! Đúng rồi!

Người gác cửa tặc lưỡi. Duy Mộng nhìn hắn và nhận ra y phục của cả hai người gác đều đã thay đổi kỳ lạ. Họ mặc vải xanh tằm thường chứ không phải lễ phục nỉ đỏ như lúc này. Cặp ngà vai kim tuyến có tua vàng cũng biến đâu mất. Thay vào đó là hàng chữ trắng

“trật tự viên” được thêu nổi trên vành mũ của họ. Điều cuối cùng chàng ý thức được là cả hai đều không phải là nhân viên gác cửa của hãng phim. Chàng kêu lên:

— Quý quái gì thế này? Các anh đâu phải là người làm của tôi!

Một người đáp:

— Dĩ nhiên rồi! Đây không phải nhà chủ mày đâu! Chỉ một phút là tỉnh táo lại thôi! Áo tưởng sau cơn mơ đây mà...

— Mơ à? Áo tưởng gì?

— Bình tĩnh lại nào! Chú mày bị kích động quá đấy! Đôi khi vẫn có trường hợp như vậy. Đừng tính chuyện đi kiện rạp hát nhé!

— Rạp hát ư? Rạp hát nào vậy?

Người thứ hai lo lắng xen vào:

— Có lẽ ta nên gọi bác sĩ đi thôi! Gã này coi bộ lậm quá rồi...

Người kia trề môi khinh bỉ:

— Cái bọn lang thang này đưa nào cũng vậy, chúng chìm vào giấc mơ sâu nhất. Mình cứ tổng cổ hẳn ra ngoài là xong. Hẳn tỉnh lại ngay

đấy mà!

Duy Mộng kinh hãi hỏi gặng:

— Ra ngoài là thế nào? Tại sao lại ra ngoài?

Họ xốc nách chàng, lôi chàng đến cánh cửa sơn màu xanh lục rồi đẩy chàng ra. Bên ngoài là một khu phố nhỏ với dăm ba ngôi nhà gạch đỏ nâu, một tiệm y phục phụ nữ, một cửa hàng bán hoa tươi và một rạp hát. Những dây đèn sặc sỡ đủ màu đang nhấp nháy, chớp tắt dọc theo tấm phông lớn dựng đứng trên nóc ở mặt tiền của rạp. Duy Mộng đọc được hàng chữ:

Rạp hát Mộng Mơ

Hiện thực hoá mọi ước mơ của bạn bằng kỹ thuật điện tử tân kỳ, hiện đại.

Vé vào cửa: \$2.50

Trẻ em nửa giá.

Chàng nhìn chòng chọc vào từng chữ một, ngẩn người hồi lâu, rồi đâm bổ trở lại cửa vào. Trong phòng vé lộng kính, một mục sồn sồn đang gãi đầu bằng cây bút chì.

Duy Mộng thoáng thấy ảnh phản chiếu của chính mình trong gương: mặt gầy vêu, mũi nổi gân xanh, râu ria tua tủa và mái tóc không đội nón, rối bù. Mục bán vé sảng giọng:

— Một vé hả?

— Cái gì cơ?

— Có mua vé không?

— Ồ... tôi phải quay trở lại, vào trong đó...

— Hai đồng rưỡi!

— Nghĩa là làm sao?

— Tiền vé, chứ còn gì nữa!

Duy Mộng nấn thử túi sau. Có vật gì đó cộm lên. Đó là một cái ví cũ nát đựng bốn tờ một đồng. Chàng đưa cho mục bán vé ba tờ và nhận năm mươi xu thối lại với một tấm vé màu vàng. Chàng nhìn tấm vé một cách ngây độn. Mục đàn bà nhìn chàng ghê tởm, phẩy tay ra hiệu:

— Cửa vào kia kia!

Chàng đi theo ngõ đó.

Khi mắt đã quen với bóng tối, Duy Mộng nhận ra một thính đường rộng mênh mông bao bọc trong một mái vòm lộ thiên bằng kính. Hàng hàng lớp lớp ghế dựa nối tiếp nhau, nhưng chỉ một số ít ghế có người ngồi. Họ đều đang say ngủ. Cổ tay họ được gắn những điện cực nối với vô số dây điện chằng chịt chạy sâu vào lòng ghế. Không phải tất cả đều an hưởng giấc ngủ yên lành. Vài người vận mình trên ghế, rên rĩ. Có những người lại reo hò. Số người khác phá lên cười sảng khoái. Rải rác đó đây là những tấm thân đang oằn oại trong cơn hoan lạc lạ lùng, các mối dây điện bị kéo ra, căng thẳng...

Rồi chàng bỗng thấy người đàn ông trong bộ đồng phục dơ bẩn màu xám. Ông ta đang thủng thẳng đi dọc theo những dãy ghế có người ngủ, tay ve vẩy chiếc gậy kim khí có cục bốt biển cao su ở đầu. Thỉnh thoảng ông ta dừng lại trước một người đang bị kích động quá độ, đưa đầu gậy cao su khê điểm vào người đó để hấn dju xuống, rồi lại tiếp tục bước đi, miệng ê a lời khuyến cáo:

— Vừa phải thôi nào, bà con! Đừng làm quá nhé!...

Ở đây thành phố

*Ở đây thành phố, biển đâu em
đôi mắt em đầy nước mắt lên
tóc biếc tại sao vờn mấy sợi
cho lòng thương nhớ áng mây nghiêng*

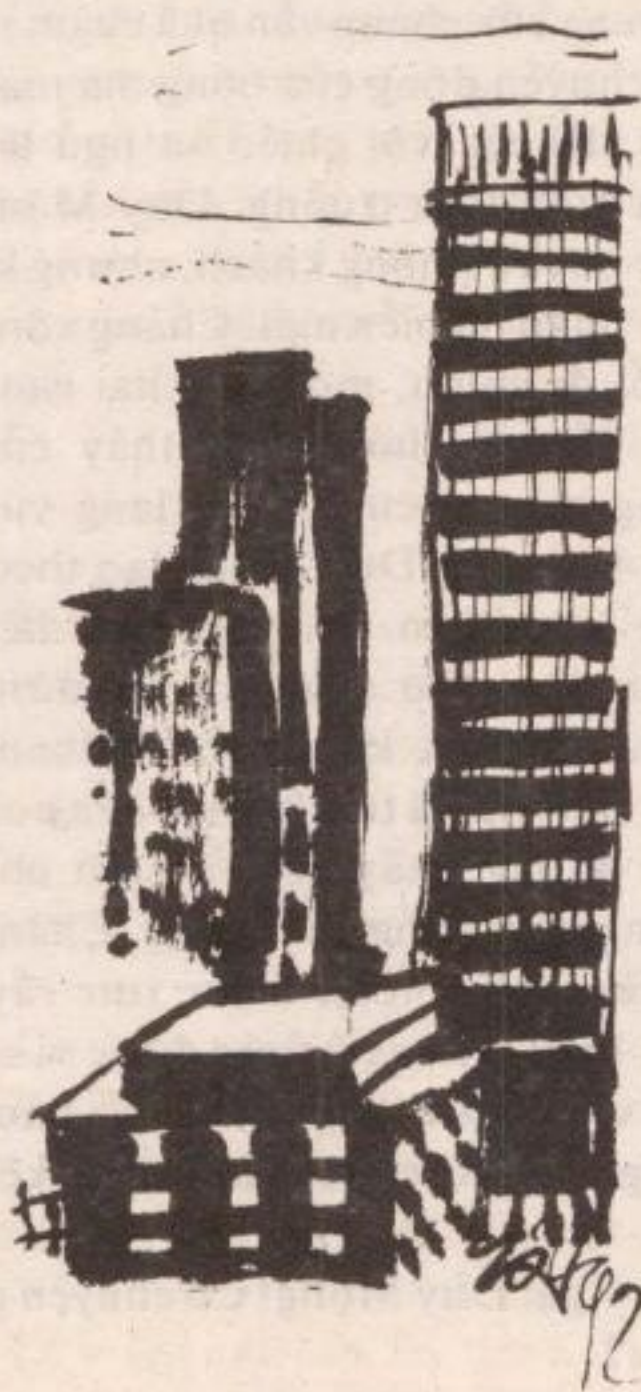
*Ở đây thành phố, Nhà chen chúc
còn chút thềm rêu ngấm cỏ hoa
được thấy trăm năm dài khoảnh khắc
quê hương còn lại giọt sương sa*

*Ở đây thành phố, Ừ em khóc
cho cạn lòng anh bớt nỗi sầu
sầu cũng như mây rồi sẽ tản
trắng trơ rồi khuyết một mai sau*

*Ở đây thành phố, Mình mơ ước
thấy được gì em? Kia bướm bay
thấy được gì em? Làn sóng gợn
cảm ơn đôi mắt biển em đầy*

*Ở đây thành phố, Xa trời biển
muôn dặm mơ hồ cuộc viễn du
trợt bước thềm rêu ta ngã xuống
quê hương ràn rụa nét xuân thu.*

trần văn lệ



Thêm Nồi Xót-Xa

Lê Thị Ngọc Sương



Rời Sikiew một sáng cuối đông, hương xuân phảng phất trong gió, e ấp trên cành bàng trở nụ xanh non và nhảy múa reo vui trong tia nắng đầu ngày. Bạn bè ra tiễn An phải đứng lại sau cánh cổng sắt của văn phòng bộ Nội vụ. Chàng xách túi quần áo đến xếp hàng cùng với những người đầu thanh lọc chung đợt vừa được công bố kết quả ngày hôm qua.

Chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa An rời Sikiew vĩnh viễn. Chàng quay nhìn một lượt cùng khắp, cố in vào trí não những hình ảnh sau cùng của một trại cấm nổi tiếng nhiều biến động.

Đi hết con đường trải nhựa, giữa hai hàng cây rợp mát là đến cánh cổng sắt đầu tiên. Bước qua là văn phòng thuộc bộ Nội vụ Thái quân lý trại. Thêm một cánh cổng sắt thứ hai, ranh giới ngăn cách khu vực thuyền nhân. Không biết với ẩn ý gì mà khi xây cổng sắt, người Thái còn làm thêm một cánh cửa phụ chỉ cao độ 1m40 khiến thuyền nhân khi vào trại bắt buộc phải cúi đầu chui

qua. Cảnh tượng trông giống như các tù nhân nô lệ trong phim La Mã. Bọc xung quanh trại là vòng rào xi-măng bít kín cao khoảng 4m, thêm 1m kẽm gai. Thuyền nhân ở cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài. Đêm đêm nghe tiếng chó sủa, tiếng xe Honda chạy vào đường nhỏ, tiếng gà gáy văng vẳng... khiến An nhớ Việt Nam vô tả.

Trại nằm trong thung lũng, tiếp giáp cái hồ nước ngọt bọc vòng một dãy núi. Phía sau trại, thêm một dãy núi khác, xanh đậm cao lừng mịt mù. Thời tiết vì vậy thật khắc nghiệt, thay đổi nhanh chóng và bất thường. Trời đang nóng hừng hực, như đổ lửa thì bỗng đông bão nổi lên, bụi bay mù mịt, mây kéo đến, mưa tuôn ào ạt. Tháng ba, tháng tư trời nóng như thiêu như đốt, để đến tháng 12 lạnh cắt thịt cắt da. Bình thường cứ ban ngày nóng, đêm đến ngủ lại phải đắp mền.

Sikiew có ba khu gồm 27 nhà chứa thuyền nhân. Khu B nhà lầu khang trang sạch sẽ. Khu A và C

nhà thấp, dờ dáy bẩn thỉu. Nhà thờ, nhà nguyện hội thánh Tin Lành kề cận chùa và thánh thất Cao Đài. Giữa trại là một công viên nhấp nhô những đá. Bệnh viện nằm sau văn phòng. Một con đường nhỏ trải đá xanh đỏ dốc đến nhà thờ, được viền bởi hai hàng bạch đàn cao vút. Phượng vĩ đỏ thắm, cây bàng long xanh điểm rải rác các con đường quanh trại. Đặc biệt vùng này có một loại trà hoa vàng, lá cong như vành trăng lưỡi liềm, hoa có tua như những chùm pháo bông rực rỡ. An rất thích loại trà bông vàng này, chàng gọi nó là hoàng kim hoa. Viết thư gửi người bạn bên Pháp, An nói về hoàng kim hoa như nói về người tình trong mộng. Đã từ lâu chàng chìm mình trong mộng để quên đi thực tại.

Chiều đến, cái nóng nhiệt đới bị những cơn gió mát đẩy lui. Thuyền nhân tụ tập ở bãi đá bàn chuyện thanh lọc, đề tài sôi động nhất của trại cấm. Càng về đêm, hơi lạnh của núi rừng Sikiew phủ khắp không gian. Ấm trà được bắc lên bếp. Quanh ánh lửa, người ta tiếp tục bàn chuyện ở hay về. Tổng thống Bush vừa lên tiếng chống cường bách hồi hương. Hoa kỳ tuyên bố chống cường bách hồi hương không có nghĩa là Hoa kỳ đón nhận thuyền nhân định cư trên đất Mỹ. Thuyền nhân vẫn phải trải qua một cuộc thanh lọc, tự biện hộ cho hành vi chính trị khi bỏ nước ra đi của mình.

Hơn một năm sống giữa chốn lao xao này, An lẻ loi chiếc bóng. Thường, chàng dậy từ 4 giờ sáng, tập thể dục ở bãi đá, đi một vòng các con đường quanh trại, thở hít không khí trong lành của buổi sớm mai. Tiếng chim hót líu lo trong nhánh hoàng kim hoa gợi nhớ kỷ niệm ngày nào nơi quê nhà.

Nhập trại, An không may bị đưa vào khu C. Một nhà ngang 10m, dài 30m chứa 400 người. Mái tôn thấp lè tè. Khí hậu tháng ba khiến căn nhà nóng như cái lò bánh mì vĩ đại. Đêm ngủ, hơi người xông lên đẩy lui khí lạnh của núi rừng. Chung một trại, người khu B ngủ phải đắp

mền, ngược lại người khu C ngủ phải mở banh áo. Buổi trưa An phải treo võng trên hai gốc bạch đàn, nằm tòn ten đến chiều tắt nắng. Đêm phải cả tiếng sau giờ giới nghiêm chàng mới có thể nhắm mắt được. Học hành viết lách thật vô cùng khó khăn. Những cặp vợ chồng già trẻ, mới cũ, bất kể nóng nực cỡ nào, cứ tối đến, họ treo bốn cái mền chung quanh cái mùng lưới, thoải mái yêu nhau. Kể từ ngày Mai bỏ chàng theo người khác, An không còn quan tâm đến đàn bà nữa. Nhưng phải chứng kiến cảnh vợ chồng người khác mãi, An không khỏi xốn xang. Chàng xin chuyển từ nhà C3 qua C5, ở chung với đám thanh niên độc thân. Sinh hoạt của chàng từ đó tạm yên ổn.

An chán nản nhịp sống đơn điệu nơi đây. Ở trong nước thì sợ bạo quyền, sợ áp bức, sợ nghèo đói và ngu dốt. Vượt thoát qua đất nước tự do, nếu không vui thấy nơi biển Đông, thì cũng bị đưa vào trại cấm, tiếp tục sống với nỗi lo sợ khiếp đảm hơn. Lo sợ bị dán nhãn “di dân kinh tế”. Cho dù có những thuyền nhân ra đi vì lý do kinh tế, nhưng khi trả về cũng sẽ bị chính quyền CS tròng lên đầu cái án phản quốc. Nỗi ám ảnh khiến mọi người tập tành nói láo. Các em thiếu nhi được chỉ dạy chứng minh lý lịch bằng cách chôn sống cha mẹ ở Việt Nam. Bản tự khai rập khuôn đến độ người Thái phải phì cười: Thanh niên Việt Nam nổi tiếng yêu nước. Phần đông đều tham gia các tổ chức phục quốc. Nhiều người sẵn sàng chống cộng quên mình, không sợ chết. Lời khai gây ngạc nhiên cho người Thái. Họ tự hỏi, sao người Việt Nam anh dũng đến thế mà lại để mất nước vào tay Cộng sản? Khi các hội đoàn chính trị ở hải ngoại kêu gọi hợp tác trở về giải phóng quê hương thì chẳng mấy ai ghi tên tham dự, nhưng hề có một văn thư “mật” hứa hẹn đưa đi định cư thì hôm sau cả hàng trăm người chen nhau năn nỉ xin vô.

Thế giới tự do ngoảnh mặt, việc này đau lòng, nhưng vẫn không

chưa xót bằng việc những người Việt ham bả vinh hoa đến độ bán rẻ liêm sỉ. Các thanh niên Việt tị nạn tuổi khoảng trên dưới ba mươi, sanh vào thập niên 60, trẻ người non dạ, có những hành động nông nổi đã đành. Những cựu sĩ quan cấp tá, cấp úy mơ ước thiên đàng Mỹ quốc đến độ sẵn sàng làm tay sai cho nước tạm dung, biến ban đại diện thuyền nhân thành công cụ cho người Thái. Đồng bào thay vì được giúp đỡ đã khốn khổ vì họ.

Dòng suy tưởng đang miên man trôi chảy, bỗng một bàn tay chụp vai An. Chàng giật mình quay lại:

— Ô Hiệp, em cũng đi chuyển này à?

— Dạ. Em may mắn không ngờ. Hành lý của anh đâu? Có gì nhiều không? Lên Panat em phụ cho.

— Không. Anh chỉ có cái túi này.

An nhìn Hiệp sững sốt. Chàng không tưởng tượng nổi sao Hiệp có thể đậu thanh lọc. Bạn bè lính tráng của chàng đau khổ nhận giấy rút. Không một người nào được công nhận quyền tị nạn. Cọp Ba Đầu Rắn, Bông Ma Biên Giới, Anh hùng mũ đỏ, Quân cảnh, Bộ binh, Thiếu sinh quân, v.v.. rút hết. Hôm công bố kết quả, chàng xót xa không dám nhìn thẳng bạn bè. Tự nhiên chàng có cảm tưởng mình lọt về phe đối nghịch. Buổi chia tay, tụi nó chúc mừng chàng một cách thờ ơ, chiếu lệ. Chàng biết tụi nó buồn vì bị sỉ nhục. Thằng nào cầm súng mà không một lần cận kề cái chết. Thất trận, mỗi thằng mang một bản án. Cộng sản hành hạ đến bầm dập thể xác, tan nát tinh thần, bào mòn ý chí đến hồn trí phải ngẩn ngơ. Mang tấm thân tàn ma dại qua đây để bị đồng minh phủ nhận. Đau khổ biết là dường nào!

An không có họ hàng thân thích, chỉ có bà chị bên Mỹ. Cuộc đời hai chị em tách biệt trước 75. An không biết chị có mấy đứa con và chồng chị là ai. Sau ngày biến động 75, An đi cải tạo 5 năm. Thả về, chàng sống hẩm hiu với Mai, người vợ mới cưới mấy tháng đã phải chia tay. Tính tình An thay đổi hẳn. Chàng thờ ơ với tất cả nên không nhận

thấy Mai thay đổi. Mai đẹp hẳn ra, ăn diện rực rỡ hơn, nếp sống vượt hẳn mức lương của một giáo viên xã hội chủ nghĩa. An chạy đôn chạy đáo vẫn không tìm được việc làm. Hàng ngày, chàng lúc thúc nấu cơm, giặt quần áo, chấp nhận đời sống hèn mọn. Năm 81, nghe lời bạn bè, An xuống Cà Mau tìm đường vượt thoát. Mai đồng ý ngay. Không may An bị bắt, cải tạo thêm 5 năm.

Năm đầu, cứ ba tháng một lần Mai đi thăm An. Năm thứ nhì, chị Thanh con nhà bác vào thăm chàng với một bức thư của chị chàng bên Mỹ gửi tiền và những lời an ủi. Mai viết thư trả chàng lại cho bà chị để bước đi bước nữa. Kể từ đó cho đến ngày vượt biên lần thứ hai, chàng không hề gặp Mai lần nào nữa. An về theo địa chỉ của thằng bạn tù mãn hạn chung ngày. Nhiều lần quẫn trí, An muốn tự sát cho xong. Bà chị thương thằng em khốn khổ, viết thư khuyên lơn an ủi, khuyến khích An tìm đường vượt thoát. Mười lăm năm, hy vọng tàn lụi theo năm tháng, chàng còn làm được gì, giúp được gì cho ai đây? Chẳng thà cam chịu sống thui thủi, quạnh hiu với đám người lao động chân tay cho qua một kiếp. Bà chị An không chán nản, vẫn tiếp tục viết thư khuyên dụ. Cuối cùng An xiêu lòng. Chàng theo đường Nam Vang lên Komongsom. Tại nhà trọ ở xóm Gà, chàng gặp Hiệp.

Hiệp có bộ mặt dữ tợn, cặp mắt tí hí gian xảo dưới đôi lông mày rậm như chổi xể, dáng thấp lùn, đi nặng bước, ăn nói rồn rảng, chửi thề luôn miệng. Gã dẫn đường đưa An và Hiệp đến xóm Gà trọ ở nhà một ông già Miên. Căn nhà sàn rộng khoảng hai thước vuông. Cái cầu thang duy nhất lên xuống ngay cửa. An nhìn xuống gầm sàn, bùn nhão lúc nhúc những con trùn đỏ. Mùi nước tiểu, mùi sinh non, mùi ẩm mốc xông lên ngạt thở. Ông già queo quắt như bộ xương khô, lật bước lui nhường chỗ cho An và Hiệp tranh nhau chun vào. Gã dẫn đường nói một tràng tiếng Miên

với ông già rồi quay sang bọn An:
— Ở đây tui đi mua cơm với thuốc lá.

Hiệp vắng liền:

— Dù mẹ! An toàn hôn đó cha?

— Bảo đảm, tui đi mười phút quay lại liền. Khuya nay mình xuống bãi.

Rủi cho hai đứa, chiều hôm đó trời nổi cơn bão bất chợt, giam An và Hiệp năm ngày tại địa điểm này. Trong thời gian chung đụng bất đắc dĩ, An biết thêm về cái lý lịch không mấy sáng sủa của Hiệp. Hắn trên dưới 30, dĩ nhiên không thể là lính trước 75. Ở Sài gòn, Hiệp là tay “phe phẩy”. Hắn huênh hoang khoe khoang với An về sự giàu sang của mình:

— Chừng một năm nữa là tui sắm xe hơi được rồi. Xui quá, bị vớ này nên phải đi.

An rất muốn hỏi hắn vợ này là vợ gì, nhưng nhìn mặt hắn dữ như quỷ sứ, An ngại nên thôi. Không biết nghĩ sao, tự hắn khai ra:

— Dù mẹ, đánh độ bi-da với một thằng công an, ăn nó hai cây vàng. Nó không chung còn bắt nhốt. ĐM! Nó không biết tui nên giỡn mặt tử thần. Tui đập nó một trận nên thân, lỡ tay nó chết luôn. Tui dọt qua Nam Vang tuần trước. Không muốn vượt biên rồi cũng phải vượt...

Hiệp kể xong, biết lỡ lời nên nhìn trừng trừng vào mặt An dò phản ứng. An lặng người. Chàng giả lơ như không chú ý, nhìn ra màn mưa mù mịt bên ngoài, chép miệng:

— Mưa gió như vậy làm sao ra khơi!

Hai người im lặng đến lúc gã dẫn đường đưa vào hai bịch cơm, hai túi cà phê đá và một gói thuốc “Giải Phóng”. Hiệp chụp gói thuốc, móc ra một điếu đưa cho An, bật quẹt lửa đưa tận miệng chàng và nói:

— Hút đi anh. Tụi mình bây giờ là anh em, sống chết có nhau. Em xin kiếng anh làm anh của em.

Hiệp còn định dài dòng nhưng thấy An tảng lờ, hắn cụt hứng quay ra cầu nhậu thời tiết.

Mưa tối trời tối đất. Mưa bít kín mặt trời. Bão càng ngày càng

hoành hành dữ dội. Hiệp buồn ra mặt. Hắn có ý định quay lại tìm một tỉnh lẻ sinh sống:

— ĐM! Đợi thêm vài ngày nữa không dứt bão, tui quay về, ra Đà Nẵng sống. Nằm một chỗ chịu trận như vậy, đ. chịu nổi.

Qua đến ngày thứ ba, xảy ra một việc khiến hắn mất ngủ quay về. Xóm Gà có khoảng 100 nóc gia, phần lớn là người Việt. Họ nghèo đói, làm đủ nghề linh tinh, theo chân bộ đội Việt Nam xâm chiếm Kampuchea năm 78, trôi nổi đến đây. Kompongsom là cảng lớn. Thành phố xây cất dọc bờ biển. Dân chúng tự túc mọi thứ. Tiện nghi văn minh vật chất vắng mặt ở thành phố này. Phiền nhất là vấn đề vệ sinh và nước uống. Cả khu chợ và các vùng lân cận, dân cư trên dưới mười ngàn người chỉ có một cầu tiêu công cộng mười căn, đông nghẹt người xếp hàng từ sớm tinh mơ đến tối mịt. Ngoài ra tự tiện ai muốn “đi” đâu tùy thích. “Đi” trên thành cầu gậy vắt ngang suối. “Đi” nơi cái lỗ tự đào. “Đi” trong bụi lùm dọc mương... An sợ cảnh phiêu lưu này nên hai ngày đầu chàng nhịn đói, chỉ uống nước. Đêm đó Hiệp tìm miếng giấy, vò nát trong tay. Hắn đi khoảng một tiếng, quay về mặt méo xẹo, hỏi mượn hộp quẹt. Hắn nói với An:

— Anh đi với em ra ngoài này một chút. Em “đi” ra cái khau 5 chỉ, tìm hoài không được.

An mượn ông già Miên cái đèn. Ra đến sân, gió thổi tắt, nước mưa bọt ướt tim, đốt lại không cháy. Chàng đi theo Hiệp một khoảng xa. Vòng quay quẹo lại, quanh co một hồi, hắn dẫn An đến một bãi cỏ gấu cao đến đầu gối. An hỏi hắn:

— Anh có làm dấu không?

— Có.

An giơ tay ra dấu, hỏi hắn:

— Lấy cái gì? Không lý dùng tay à?

Hiệp lén quynh:

— Anh đợi tui chạy kiếm cái cây. Hồi nãy tui có cầm cái cây làm dấu mà.

Đứng xa thấy cây cỏ rậm rì nhưng đến gần có một lối mòn.

Hiệp rẽ cỏ, cúi mặt dòm dòm kiếm kiếm. Mùi phân người xông lên nghẹt thở. Hắn vừa tìm vừa nói:

— Chắc chắn là ở đây. ĐM! Cái cây tui cầm ở đây đâu mất tiêu rồi!

Hiệp quần nát một vùng rộng. An đứng trên lối đi, khuyến khích hắn:

— Từ từ, trước hết anh kiếm cái cây làm dấu. Gặp cái cây rồi, anh kiếm tiếp. Anh quơ rập cỏ như vậy cây nào đứng vững.

— ĐM! Không lẽ có thằng ác ôn nào rình tui đi về, nó lượm mất.

An gần giọng:

— Ai biết nó “ra” giờ nào mà rình lượm. Hay anh quơ trúng nó vắng ngay lúc đầu.

— ĐM! Mất là kẹt lắm, muốn về tiền đâu mà về!

An nhìn hắn quần trong đám cỏ, muốn cười mà không dám cười:

— Mà có “đi” ra không đó?

Hắn chống nạnh, hai mắt lão liên:

— ĐM! Nó chui ra muốn rách thịt luôn, sao lại không phải. Như vậy là hết đường về. Nói thiệt với anh, tui không muốn đi đâu. Tui chán cái cảnh đợi chờ hồi hộp như vậy lắm!

Lần lựa rồi năm ngày cũng trôi qua, đủ để An biết rõ Hiệp hơn. Sự thật bao nhiêu phần trăm, An không thể khẳng định. Có điều chắc chắn Hiệp không là cộng sản, cũng không phải quốc gia. Hiệp ít học, không biết gì về quê hương tổ quốc. Cả đời hắn chưa bao giờ cầm đến tờ báo. Hắn chỉ biết một điều đơn giản cần thiết là “tiền”. Hắn luôn luôn nhắc đi nhắc lại:

— Tiền là quan trọng nhất. Không có tiền anh không thể sống được. Không có mấy cha lãnh tụ anh vẫn sống nhăn răng.

Hiệp xuất thân là tay anh chị ở bến xe. Hắn tự đắc:

— Anh đến bến Bạch Đằng hoặc đường Tôn Thất hời tui, thằng nào cũng biết, nhứt là trong giới chạy mánh. ĐM! Công an cấm nghề gì tui làm nghề đó. Mấy thằng công an ngu chết mẹ, thấy tiền là tối mắt. Không có súng lựu chớ nếu có, tui chớ đi bán mấy chả cũng đ. biết.

— Anh chưa bị bắt bao giờ à?

— Có chứ. Nhưng sau khi bắt của tui, mấy cha phải lo thương lượng để trả lại. Nếu không rán mà trốn. Tui cho đàn em “quần” một trận phải nằm nhà thương thôi. Biết điều mỗi tháng lãnh lương.

— Lần này sao anh không lo?

— ĐM! Lo sao được! Nó về châu Diêm chúa rồi sao lo? Không chạy là vô Chí Hoà ngay. Tui sơ sơ mới ba án, kỳ này vô nữa chắc mút mùa. Nói thiệt với anh, không đâu bằng đất mình. Đất của tui, tui rành đường đi nước bước, dễ làm ăn lắm. Qua Mỹ tui làm gì để sống đây? Năm 80, ra Chí Hoà lần thứ nhứt, thằng Hùng Siu rủ tui đi, tui từ chối. Biết cơ sự như vậy, tui đi lúc đó giờ ngon ăn rồi.

May mắn, chuyển đi sông sê. Đến Thái, An và Hiệp ở trại nhỏ một tháng, cùng nhau lên trại Panat một ngày. Ngồi ở hội trường trại cấm khu S2, nghe trưởng ban trật tự người Việt lập lại 84 điều nội qui trại, An, Hiệp và 115 thuyền nhân mệt mỏi rã rời.

Hiệp theo sát An, một điều anh hai điều anh. Hắn muốn tỏ cho mọi người biết hắn và An là anh em ruột thịt. An không đồng ý nhưng cũng không tiện nói. Đang ngồi xếp dưới đất trong hàng, bỗng Hiệp nhảy dựng lên la lớn:

— Ê Tân, Tân! Phải mấy hôn Tân?

Tên trưởng ban trật tự và đám lính đứng chung quanh cùng hướng mắt về Hiệp. Hắn quát qua loa cầm tay:

— Ê, anh kia! Hít đất 30 cái. Phá hoại trật tự hả? Đây chứ đâu phải Việt Nam!

Hiệp sựng lại. Hắn lúng túng nhìn An. Chuyện xảy ra quá nhanh, An thoáng nghĩ, chỉ còn cách vâng lời là thượng sách. Chàng nháy mắt cho Hiệp. Hắn bước ra khỏi hàng, ánh mắt long lên kỳ lạ. Hiệp cúi mình sát đất, mắt nhìn thẳng tên cầm loa, nâng tấm thân lên xuống nhẹ nhàng. Có ai đó đếm một, hai, ba... Gã cầm loa vẫn chưa vừa ý. Hắn ra lệnh tiếp:

— Ngưng, phải tự mày đếm,

không ai được đếm giùm. Thế tháo gia hả? Ngon à con.

Hiệp mỉm cười, cái cười đáng sợ của một tên du đảng. An bất mãn khi thấy người Việt dày xéo người Việt. Dù Hiệp có làm lỗi đi nữa, trong phút đầu bỡ ngỡ, họ cũng không nên có hành động quá đáng như vậy. Đám người Việt đi trước này đang diễn lại cái trò cộng sản, lấy quyền lực và bạo tàn để trị dân. An rung mình với ý tưởng mình chạy nhưng chưa thoát!

Nhận chỗ ở, xếp đặt đồ dùng, lãnh lương thực tạm ổn định, An và Hiệp bắt đầu thả quanh trại tìm quán cà phê. Đêm đó ngồi quán, Hiệp kêu hai ly cà phê sữa đá, ngồi tán dóc mãi đến gần 10 giờ mới đi về. Hiệp mê tiếng hát Khánh Hà, luôn miệng ba hoa:

— ĐM! Tui mà đi Mỹ được, tui kiếm ca sĩ Khánh Hà xin làm nô lệ nuôi em suốt đời. Mỗi ngày em chỉ cần hát cho tui nghe. Kỳ này viết thư về Việt Nam cho con bồ của tui, tui biểu nó mua băng nhạc Khánh Hà nghe. Hay nhứt là cái bản gì... có mấy câu “Anh đi rồi còn ai vuốt tóc.. Anh đi rồi còn ai chiêm ngưỡng...” ĐM! Hay đ. chịu được! Con bồ của tui nghe chắc nó khóc chết.

An nghe hắn nói, không nhịn được phải mỉm cười. Hắn được nước, làm tới:

— Ông già bà già tui hồi đó nuôi con không biết cho ăn cái gì mà tui ngu quá lể! Chơi cái gì tui cũng hay hơn thiên hạ mà học thì dốt không ai bằng. Ngộ một cái, tui đọc chữ không chạy vậy chứ ca cải lương ngọt sót. Út Trà Ôn đóng vai ông cò Hương trong *Tuyệt Tình Ca* vô sáu câu vọng cổ lúc vợ sắp lâm chung mùi cỡ nào, tui bắt chước cũng mùi không kém! Vọng cổ tui ca được, mà tân nhạc sao tui bắt chước thành Chế Linh muốn đứt hơi cũng hổng giống. Bởi vậy tui phục tui tân nhạc lắm.

Chun vô mừng rồi, Hiệp vẫn chưa chịu yên. Còi báo giới nghiêm thối đã lâu, hắn cứ lải nhải:

— ĐM! 6 bath một ly cà phê sữa đá uống được quá chứ anh. Ngày

mai...

Hắn chưa nói hết câu thì sát vách chỗ hai đứa này, tiếng tu-huyết thối cái hoét như xé màng tang. Có tiếng nói vọng vào:

— Ai mới nói 6 bath một ly cà phê sữa đá, yêu cầu bước ra.

Trong bóng tối, ánh đèn vòng rào trại hắt vô chiếu rõ ánh mắt Hiệp long lên như hôm nào bị phạt hít đất. Hiệp lúng túng hỏi nhỏ:

— Bộ giới nghiêm rồi à? Sao tui không nghe tu-huyết báo giờ?

An thì thầm:

— Thôi bước ra đi. Giới nghiêm này giờ, tại anh mê Khánh Hà quá nên không nghe.

Tiếng nói ngoài hè lại vang lên, gắt gỏng:

— Anh nào đó, bước ra đi! Giờ giới nghiêm mà ồm sòm không để ai nghỉ ngơi.

Hiệp bước ra, sau lưng An theo sát. Tên cầm loa hôm trước cùng với mười tên khác cầm đèn pin chớp lia lịa. Ánh đèn soi thẳng tới cả hai rồi dừng lại nơi mặt Hiệp:

— Anh này phải không? Cũng anh nữa, “đại bàng” hả? Tóc dài chấm vai, ngày mai anh cắt tóc cho tui. Bây giờ anh hít đất 30 cái, vừa hít vừa đếm.

Hắn vừa nói vừa quét cây đèn pin lên xuống thân hình Hiệp. Hiệp cười xã giao, móc gói thuốc đưa cho hắn:

— Dạ, đàn anh thông cảm, em không nghe tiếng còi báo giờ. Dạ, anh đi kiểm soát giờ này lạnh, hút thuốc cho ấm. Xin anh một lần, lần sau em không dám làm phiền.

Hắn ngưng nói, đèn pin tắt ngấm. Một tên trong bọn đưa tay chụp gói thuốc, miệng nói:

— Thôi chỗ anh em, anh đi ngủ đi, lần sau đừng có vậy nữa, lộn xộn quá!

Hiệp quay vội vào trong. Sau khi đám người rút đi khá xa, Hiệp cầu nhàu nho nhỏ:

— ĐM! Tụi nó y như mấy thằng công an ở Việt Nam. Chán quá, tránh thằng cộng sản qua đây gặp thằng cộng đồng!

An vỗ vỗ đùi Hiệp:

— Thôi ngủ đi ông bạn, thù hằn chỉ cho mệt.

An khuyên Hiệp ngủ mà An thức trắng đêm. Nỗi xúc động chán chường choáng ngợp tâm tư. Thói hoạn hoạc tham nhũng vừa qua ai chịu trách nhiệm? Từ sai trái nhỏ nhặt này sẽ dẫn đến tội lỗi gì trong tương lai? Chàng có cảm tưởng mơ hồ nhưng chắc chắn, trại tị nạn này không thiếu bất công, đàn áp, bao che, hối lộ, tham nhũng... cả đến các tệ nạn xã hội cũng không thiếu. Hồi chiều, lúc đang xách nước từ bồn về nhà, tình cờ An nghe được câu chuyện của hai cô gái cũng xách nước như chàng:

— Ê, xách nước về tắm sớm, tối nay anh Tư rước qua Transit chơi. Thắng cha Tư này “sộp” thiệt. Đêm qua hần cho tao 500 bath, hần khen bộ ngực tao đẹp nhưt trại Panat.

An cầm cùi xách đôi thùng nước. Tánh tò mò bất chàng đi chậm lại tìm cách liếc nhìn cô có “bộ ngực đẹp nhất trại Panat”. Cô bé trắng nõn nà, mười móng tay sơn đỏ chói, khuôn mặt non choẹt, tuổi đời nhiều lắm độ đôi mươi, thể mà son phấn đã nhạt nhòa khoé mắt. Em tinh ý nhận ra An đang nghe ngóng nên cong môi lại, chanh chua:

— Đi mau mầy để quỷ nó rình.

Một tháng sau Hiệp dời ló, “ép phom” với bà Lan, có chồng bên Mỹ. Bà Lan đi với thằng con út. Trong lúc đợi đoàn tụ với chồng, để không “cái ấy” cũng buồn, kiếm bạn cho “nó vui”. An xa Hiệp từ lúc đó. Hiệp bắt đầu thắng bộ trở lại, lộ vẻ một tay anh chị đúng mức. Hần dùng tiền của bà Lan, chui qua rào khu Transit (khu những người đầu thanh lọc), khu người Lào, mua bán bất cứ loại hàng nào có lời. Có tiền, Hiệp mua đứt hàng rào luật pháp trại. Dân giang hồ thảo khấu quy hàng dưới trướng Hiệp, tôn hần làm Đại bàng. Bộ Nội vụ Thái Lan thu nhận các tay anh chị làm nhân viên, mời Hiệp cộng tác. Hần khôn ngoan từ chối, nhưng cho đàn em vô kiểm soát. Ban Trật tự Cộng đồng người Việt cũng kết nạp một số du đảng làm tay chân. Chỉ có

ngợi ca thời tiết

*chiều ta còn đọng màu sương trắng
ngày ơi ngày ơi đừng tiễn đưa
vấy chi lá rụng trong vườn lặng
xô thời gian trôi mùa nổi mùa.*

*đêm ta còn ảm gương trăng cũ
cửa thịt da nào ứa máu tươi
sông trần trường nhớ cơn mưa lũ
sóng ngập ngừng dâng mắt lệ người.*

*thủy triều ta đã quên nước lớn
phơi giữa triền một bể đá khô
đá ơi đá ơi cho ta mượn
giọt nắng trong tim tuổi ấu thơ*

*đã hiền biệt xa ta với gió
tưởng đã ứa theo nắng hạn mù
ngờ đâu mộng nhẩn ta đêm nọ
giải đoá thanh xuân vào thiên thu.*

ngô nguyên dũng

người dân lương thiện lãnh đủ.

Đám người tị nạn khốn khổ không có thân nhân tiếp tế, thường ngày lén chui rào mua bán linh tinh, trái ớt, cộng hành, con cá, miếng thịt kiếm sống. Rủi gặp các quan cộng đồng là bị sỉ vả tơi bời, bị bắt giải qua MOI (bộ Nội vụ Thái). Hình phạt thường là đánh đập, nhốt tù. Có những em bé bị cạo đầu, cùi đánh, quỳ gối trước mặt cha mẹ. Thảm cảnh làm đau lòng người chứng kiến. Trong khi đó Hiệp sống như ông vua, ngồi không hưởng lợi. Đàn em chạy chọt mang về chia chác. Trưởng ban Trật tự Cộng đồng sợ Hiệp ra mặt. Dân uống rượu bị nhốt tù, Hiệp say được Cộng đồng dìu về nhà ngủ. Khốn khổ cho dân lành, ở quê hương bị đề đầu bóp cổ, trốn ra nước ngoài tiếp tục lao đao. Dân bản xứ khinh bỉ thuyền nhân Việt Nam, thường bêu môi phê bình: “Tụi nó hại tụi nó. Người Việt các anh không thương nhau, bảo sao người Thái thương được các anh!”

Trại Panat, khu O, một ngày đầu tháng ba. Thuyền nhân đứng lên phản đối Cao ủy và bộ Nội vụ Thái



di chuyển người rớt thanh lọc đi Sikiew. Sự phản đối lan dần thành một cuộc biểu tình rầm rộ với sự tiếp ứng tích cực của toàn thể thuyền nhân khu S2, khu đông nhất trại. Hàng rào tôn của trại bị phá sập. Mười ngàn thuyền nhân tuôn hết ra đường, chặn xe khách di chuyển ngang, lưu thông tắc nghẽn. Một thuyền nhân tắm đầu tự thiêu, được cứu kịp. Cảnh sát Thái đứng nhìn, không dám can thiệp.

Qua ngày hôm sau, cảnh sát Thái bắt đầu đàn áp. Hàng rào được dựng lên, đòi hỏi của thuyền nhân không được giải quyết thỏa đáng. Làn sóng phản nộ dâng cao. Cảnh sát nổ súng, hai bị thương. Thuyền nhân mổ bụng tự sát. Qua ngày thứ ba, Cao ủy Tị nạn từ Bangkok xuống thị sát. Biểu ngữ, khẩu hiệu, cờ vàng ba sọc đỏ trương lên. Bàn thờ khổi nhang nghi ngút trưng hình thuyền nhân tự sát.

Từ giây phút đầu, vị chủ tịch Cộng đồng S2 rí tai nhân viên đứng ngoài cuộc tranh chấp. Ông lý luận sợ liên lụy, sợ mịch lòng người Thái. Ông mang cấp bậc thiếu tá trong quân đội Việt Nam Cộng Hoà

ngày xưa, nay vượt biên ngồi ngất ngưỡng trên ghế chủ tịch Cộng đồng. Ông quên hết lý do tại sao ông phải ra đi và tại sao thuyền nhân tin tưởng giao ông trách nhiệm quan trọng đó. Ông chắc chắn cấp bậc thiếu tá sẽ giúp ông vượt cửa ải thanh lọc dễ dàng. Vậy ông cần gì phải đếm xỉa đến đám thuyền nhân khốn khổ kia. Họ có bị chèn ép, có bị đối xử như thú vật cũng mặc xác họ, việc gì đến ông mà ông phải quan tâm! Buổi sáng ngày thứ hai, An thấy ông phì phà thuốc lá dưới gốc bạch đàn ngay hội trường khu Transit. Ông đứng theo dõi diễn tiến với bộ mặt kênh đời như chế nhạo đám dân ngu dốt dám chống lại nước tạm dung.

Cuộc biểu tình thành công. Thuyền nhân đã đảo, hạ bệ các ban đại diện Cộng đồng ở các khu S1, S2, O. An không biết quá khứ binh nghiệp của ông ra sao, nhưng căn cứ vào thái độ hiện tại, An chắc chắn ông không thể là một chiến sĩ đúng nghĩa, một công dân tốt. Vị thiếu tá này đã qua cuộc thanh lọc đợt đầu, đi trước An năm chuyến. Rồi đây qua đến Mỹ, ông sẽ làm đông thêm đám chính khách xôi thịt, chính khách đô-la, chính khách cò mồi...

Buổi tối chiến thắng đầu tiên, các tay du đảng thừa dịp đập phá rửa hận. Trận đòn thù nhắm vào đám Cộng đồng cũ. Hiệp cho đàn em "dẫn" tên trưởng ban Trật tự một trận nên thân. Các vị đại diện Cộng đồng lúc đó run như thắt lằn đứt đuôi, kéo nhau di tản lánh nạn sang khu người Lào. Thuyền nhân được dịp cười hả hê. Để văn hồi trật tự, trưởng an ninh Thái vây bắt, tổng giam 40 tên du đảng và 20 người ăn có. Thấy yên, đám Cộng đồng cũ mò về, vào ngục diễn trò tra tấn người bị bắt. Cứ thế, người Việt cẩu xé người Việt. Trại thông báo dời bàn thanh lọc về Sikiew, An đăng ký ngay buổi sáng đầu tiên. Hiệp đi theo chuyến ưu tiên của Cộng đồng cũ.

Đến Sikiew, trận nội chiến còn ác liệt hơn. Đàn em của Hiệp, một số đăng ký hồi hương, không còn

ngán sợ luật pháp Thái. Tội nó hoành hành, tác oai tác quái. Hèn nhất là các ông lãnh đạo Cộng đồng. Sợ ăn đòn, sợ đâm chém, các ông đích thân đi năn nỉ, quỳ gối góp tiền bạc của đồng bào cùng cho bọn du đảng ăn nhậu. Thừa thắng xông lên, đâm côn đồ ra mặt tổng tiền, vàng của đồng bào. Tình hình trở nên nguy ngập. Cuối cùng lính Thái phải nổ súng, 1 chết 1 bị thương. Tạm yên được đôi chút. Nhưng con rắn mất cái đầu chánh, đầu con mọc ra tua tủa. Bọn cô hồn hăm he trả thù còn hơn. Dân lương thiện lo sợ ngày đêm như sống cận núi lửa, không biết nham thạch sẽ phun lúc nào. Các vị cựu quân cán chính co đầu rút cổ, không ai dám đứng ra đối đầu dẹp loạn nhưng lại tranh đua ráo riết cái ghế chủ tịch Cộng

đồng trại Sikiew. Loạn sứ quân tái diễn.

Một ông cựu sĩ quan cũ, đáng tuổi cha chú Hiệp, đề nghị Hiệp ra nắm ghế chủ tịch. Ông ta khẳng định chỉ có Hiệp mới đủ bùa phép trấn yên quái cho Sikiew. An lạnh người khi biết đề nghị kinh khủng đó. Chàng đến thăm Hiệp, nói thẳng, khuyên Hiệp không nên ra. Hắn trả lời thẳng thừng:

— ĐM! Tui có ngu cũng chưa chỗ cho thằng khác ngu bớt. Nói thiệt với anh, tui thấy mấy ông mà bắt mửa. Tui dốt nát, du côn, lấu cá như vậy mà mấy chả khúm núm năn nỉ tui đứng ra dẹp tội hồi hương. Mấy con chim se sẻ đó nhằm nhò gì mà mấy chả cũng sợ! Ai biểu ngày xưa còn nắm Cộng đồng, hà hiệp tội nó, bây giờ đối



đời tui nó chơi lại chơi sao! Tui đâu thể cấm tui nó được. Tui đứng ngoài không can dự là thông cảm lắm rồi. Đối với thằng cha mà anh nói đó, tui biết tận tim gan ông lận. Một mình ông đề nghị tui đâu ai nghe. Chẳng qua ông tâng bốc tui đặng dựa hơi. Ông nhận tui làm con để nhậu chùa chớ có giúp tui được sự gì đâu! Đẹp ông qua một bên đi. Anh đừng sợ thằng em của anh đi lạc đường. Ông nội tui sống lại cũng không dám làm chủ tịch, nói gì tui!

Đám côn đồ đánh hơi được hàng ngũ quân cán chính chia rẽ, rục rịch nổi lên vét cú chót trước khi trở về Việt Nam. Giữa lúc mọi người tuyệt vọng không tìm ra giải pháp thì lực lượng Phục Quốc ra tay.

Năm 75, Cộng sản chiếm miền Nam, các anh đã rời bỏ gia đình, học đường, hy sinh tuổi xuân, lao vào công cuộc phục hưng đất nước. Đó là những chiến sĩ vô danh, chiến đấu vì lý tưởng tự do, hoàn toàn không vì đảng phái hay tiền bạc. Họ có tất cả khoảng 20 người, luôn luôn đoàn kết, chia sẻ, thương yêu, đùm bọc nhau. Trống trại, các thanh niên này sống đơn giản, hoà nhập với mọi người, không kiêu căng tự phụ, không ỷ công với đất nước. Hoàn toàn khác với các cựu quân nhân, các thanh niên này không được yểm trợ hay chứng nhận bởi một hội đoàn chính trị nào ở hải ngoại. Họ phải tự chứng minh lý lịch của mình trên bàn thanh lọc. Chính nhóm thanh niên này đã đứng ra dẹp loạn.

Ba người đứng đầu nhóm là Châu, Linh, Chánh đã trực tiếp nói chuyện với lãnh đạo Thái để xin lệnh hành động. Họ tập hợp, đồn đốc anh em, kết hợp thanh niên, phân chia nhiệm vụ trong tổ trật tự. Phụ nữ, trẻ nít, bô lão được đặt trong tình trạng báo động. Khu C với 1500 thuyền nhân đối đầu khoảng 300 côn đồ hồi hương.

Trong một tuần lễ, nhóm Phục Quốc đã vận hồi được trật tự, đưa đời sống thuyền nhân vào quy củ. Nhóm người hồi hương được Cao ủy và bộ Nội vụ Thái cấp tốc

chuyển qua Panat.

An nhìn Hiệp loay hoay cột sợi dây, ghệt bao hành lý giùm một chị có con nhỏ. Hiệp biết cách xử sự, sống với xóm giềng không làm rách lòng một ai. Đời dạy Hiệp sự gian trá cộng với tài ăn nói khéo léo nên hần đậu thanh lọc dễ dàng. An ngoắc Hiệp đến gần, hỏi nhỏ:

— Thanh lọc khai sao hay vậy?

Hiệp cười toe toét, kê sát tai An:

— Đừng nói lớn. Minh anh trong trại biết em. Dễ ợt, em lái tù hình sự qua tù chính trị như lái xe. Chỉ Hoà em rành như nhà em.

Hần cúi đầu vạch tóc chỉ cho An một cái thẹo dài năm phân, vắt xéo trên tai:

— Đánh lộn giành gái chớ có thằng Việt cộng nào đánh đâu! Đại gì không mượn cơ hội làm bàn. Em thề ông thần đình Sikiew, ông thổ địa Thái Lan chứng giám, nếu em nói sai cho em khỏi đi định cư. — Hần cười hô hố — Lúc đó em nói thầm là “khỏi định cư ở Việt Nam”.

Cũng như dân miền Nam trước kia, người Thái chỉ biết Cộng sản qua sách vở. Ta không thể trách họ trong việc phán đoán ai là nạn nhân thực sự của Cộng sản. Họ chỉ dùng lý luận, dấu tích rõ rệt để suy đoán: anh này là tị nạn chính trị, chị kia là tị nạn kinh tế... Thực ra, thế giới tự do bày trò thanh lọc có phần đúng mà cũng có phần sai. Đúng ở chỗ thuyền nhân sau này trộn lẫn như đậu đen đậu đỏ. Sau 15 năm nghèo đói rách nát, cán bộ Cộng sản hoặc những người không bị đe dọa vì chính trị cũng tìm đường ra đi. Nếu dễ dãi thu nhận thì chỗ đâu mà dung chứa cho hết! Nhưng sai ở chỗ thanh lọc không sâu sát, để xảy ra trường hợp những kẻ tị nạn chính trị thật thì bị rớt, còn những tên du đảng căn bã xã hội lại đậu thì chưa xót quá! Tuy nhiên, An nghĩ, những đứa loại như Hiệp dù xấu xa nhưng cũng chỉ quấy phá linh tinh, không tệ hại bằng những kẻ trí thức đội lốt yêu nước, mang bằng cấp giả cũng như thật ra loè nhau, tranh giành chỗ ăn trên ngồi trốc trong Cộng đồng.

Bọn họ không là cộng sản nhưng sẵn sàng ngả theo cộng sản nếu đánh hơi thấy mùi xôi thịt. Trong trại, thành phần này chơi thân với lãnh đạo Thái. Bia lon 1 hộp bằng 8 ký gạo, rượu Mai-côn chai nhỏ bằng 16 ký gạo. Mỗi dịp lễ lạc, đầy tháng, thôi nôi, sinh nhật, họ uống hàng hai, ba thùng bia và cả chục chai Mai-côn. Trong khi thuyền nhân mỗi người có 7 tác chiều ngang để nằm, nhà họ ở kang trang, đèn điện sáng choang, Noel có nhảy đầm, xuân về có pháo nổ. Phần nước mùa nắng, thuyền nhân có 20 lít. Đủ nấu ăn thì không đủ tắm giặt hoặc ngược lại. Họ có bồn riêng chứa nước tha hồ tắm giặt thoải mái. Được ưu đãi như vậy, lẽ ra họ phải biết thương đồng bào cùng cảnh ngộ nhưng kém may mắn. Ngược lại, họ sẵn sàng dựa hơi người Thái, đàn áp thẳng tay nếu đồng bào vô tình phạm lỗi. Dân lương thiện chỉ biết câm lặng chịu đựng. Còn gặp du đảng như Hiệp và đồng bọn thì chúng đâu chịu để yên. Thanh toán xảy ra liên miên, oán thù chồng chất. Cộng sản đàn áp dân đâu không thấy, hàng ngày người Thái chỉ thấy người Việt đàn áp người Việt. Người trí thức dùng đầu óc, trí tuệ, khôn khéo nịnh bợ để được vinh thân. Kẻ ngu dốt dùng sức mạnh, mượn thời cơ làm chó săn hưởng lợi. Đám dân hèn khổ sở vì cộng sản, chạy qua đây những mong được đổi đời. Đời chưa đổi được đã thấy chìm sâu trong cuộc tang thương cầu xé.

An may mắn thoát ra, bước qua miền đất tự do thực sự. Nhưng An sẽ gặp những gì? Một cuộc cầu xé lớn hơn? Một tuồng hát chính trị đã đến hồi kết cuộc? Ra đi mang hoài bão mượn đất người rèn ý chí đấu tranh, khôi phục quê hương. Con đường còn dài, hoài bão xa tầm tay với. Nặng lòng mà chỉ thấy xót xa. Xót xa cho tương lai trước mặt và cho anh em ở lại không biết đến bao giờ...

Tiếng loa gọi tên xếp hàng lên xe bus. An giơ tay vẫy lần cuối đám bạn đứng sau cánh cổng sắt.

Chào vĩnh biệt Sikiew. *



25 Năm Vinh-Nhục Trong Nghề Báo Trước 1975

An Khê

Văn đoàn với các anh: Trọng Tâm - Trần Xuân Nam, Hằng Giang - Nguyễn Thành Long, thi sĩ Bùi Ái Quốc, Bạch Giang - Nguyễn văn Mười, Chim xanh - Nguyễn văn Thứ v.v. cùng với các đại diện báo viết tay ở các trường Chấn Thanh, Nguyễn Văn Khuê, Lê Bá Cang, Huỳnh Khương Ninh, Nữ Học đường Áo Tím (Gia Long)...có lúc nhóm họp ở nhà ông Huyện Trần Xuân Nguyên (thân phụ anh Trọng Tâm - Trần Xuân Nam) ở Gia Định vào chúa nhật đầu tháng đến 50, 60 người.

Tôi xem văn thơ, sách báo xuất bản ở Hà Nội cũng biết được cái nghề cầm bút là khổ, là nhọc nhiều hơn vinh, song tôi vẫn mê cái nghiệp dĩ mà tôi định sẽ đeo đuổi ấy...

Tôi được vào làm nhân viên biên tập báo *Độc Thấu* do anh Tám Trần Ngọc Trai chủ biên, với tánh cách viết chùa, chờ khi nào báo khá sẽ có nhuận bút. Nhưng báo cứ nghèo mãi, nhiều lúc anh em phải ăn xôi trừ cơm, lấy giấy báo làm chiếu, làm mền để ngủ tại tòa soạn vừa ẩm mốc vừa nồng nực mùi mực in cho đến khi báo bị sập tiệm. Sau đó tôi viết cho báo *Đời Mới*, ra hàng tuần, của lão ký giả Văn Lang - Trần Văn Ân.

Không có gì sung sướng cho bằng một người mới tập tễnh viết

lách như tôi khi trông thấy bài viết của mình được đăng đăng hoàng hoàng trên nhiều trang báo có nhiều độc giả, bạn đọc bốn phương biết đến bút hiệu mình, và khi nhận tiền nhuận bút được ông chủ nhiệm trao tận tay với những lời khích lệ quý giá. ít lâu sau, tôi viết thêm cho tờ báo mỗi tuần ra hai số của Long Mỹ Nhân - Phan Quang Trường, tên thật là Lý Thanh Căn, sau đổi bút hiệu Nguyễn Kiên Giang.

Trong báo này tôi viết một truyện dài dã sử và thỉnh thoảng một truyện ngắn. Có bạn tôi có công việc phải đi về Long Xuyên trở về không kịp ngày nộp bài, Nguyễn Kiên Giang la trời như bộp: "Trời ơi, ảnh hại tui rồi! Tiểu thuyết của ảnh nhiều nhân vật quá, tui viết thay ảnh làm sao đây? Thôi thì tui cho hai đám giang hồ hảo hán vừa kéo nhau vào quán ăn là nắm đầu đám đá tung bưng không cần xưng tên họ. Kỳ này đánh trong quán, kỳ sau lên mái nhà...mà ảnh chưa về thì cho tui nó nhào xuống sông đánh cho chết bớ nhơn vật, kéo rồi ảnh trở về lại chửi tui khéo bày ra những thằng cha nào lạ hoắc lạ huơ..."

Đạo ấy tôi viết cho tuần báo *Đời Mới* một tiểu thuyết tình cảm "Ánh Sáng Đô thành" ký bút hiệu Cô Vân Nga, tên con gái đầu lòng của tôi và những truyện tình cảm

Các bạn đồng nghiệp trong làng báo Việt Nam trước 1975 thường bảo tôi quá chân thật, quá chậm chạp, thích làm những việc khó khăn, nên thường hay...trễ tàu.

Quả đúng thế. Tôi bắt đầu gia nhập giới cầm bút năm 1950 cùng một lượt với cố ký giả Nguyễn Ang Ca, làm những bài thơ sầu bi vớ vẩn, những truyện ngắn không hay, không đỡ đăng trên vài tờ báo ở Sài Gòn với tánh cách không nhận tiền nhuận bút. Đây cũng là do tôi yêu thích văn chương từ nhỏ, hồi còn học bậc tiểu học ở tỉnh nhà nơi miền duyên hải đã ham đọc các báo *Nam Phong*, *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, *Tiểu Thuyết Thứ Năm*, *Văn Hóa*, *Ngày Nay*, v.v. xuất bản ở Hà Nội. Đến sau lên Sài Gòn học, tôi lại làm báo viết tay của nhà trường, viết một vài chuyện ngắn đăng trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* với bút hiệu N.B.TH. và tham dự vào Hợp quần

đủ đăng hai ba kỳ báo.

Quyển tiểu thuyết "Ánh Sáng Đô Thành" là quyển tiểu thuyết tình cảm đầu tay của tôi không được thành công lắm. Thịnh thoảng tòa soạn cũng cử tôi đi làm phóng sự điều tra. Tôi có viết cho *Đời Mới* một truyện dã sử dưới bút hiệu Cửu Lang là "Đoàn quân ma" nói về đạo quân của viên tiểu tướng anh hùng Trần Quốc Toàn, nhưng chỉ vừa đăng hai, ba số báo thì bị cấm.

Trong thời gian tôi cộng tác với báo *Đời Mới*, tôi học được lối viết không cần tìm hứng của ông chủ nhiệm Trần văn Ân.

Nhiều buổi trưa, tôi thấy ông đang thịnh nộ tại tư gia ở đại lộ Trần Hưng Đạo, thế mà khi ông lái xe đến tòa soạn tại chợ Thái Bình, ông bình tĩnh ngồi vào ghế viết lia viết lịa.. Ông thường bảo: "Viết văn không nên đợi hứng, vì biết bao giờ hứng mới đến. Cứ ngồi vào bàn, tập trung tư tưởng trong vài phút đồng hồ rồi viết, hứng sẽ tự nhiên đến".

Nơi đây tôi được quen với Trọng Miên, Tế Xuyên, Bình Nguyên Lộc, v.v..Tôi được biết Nguyễn Duy Hình, khi cộng tác với một tờ báo nọ in tại nhà in Bảo Tồn ở đường Boulevard de la Somme (Hàm Nghi bây giờ). Khi ấy anh Nguyễn Duy Hình là một ký giả lớn, ngồi bút rất sắc bén trong những điều tra phóng sự bất hạm. Anh viết cho nhiều báo và thường khoảng 1, 2 giờ trưa anh mới đến nhà in Bảo Tồn mà toán thợ sắp chữ của tờ báo đang ngồi khoanh tay chờ bài của anh. Anh xách cặp táp ung dung treo lên gác lầu dùng làm tòa soạn và bắt đầu tìm hứng viết. Anh cởi áo vét ra, tháo lỏng cà-vạt cổ, xắn tay áo măng-xét lên xong xuôi mới lôi từ trong cặp táp ra...một sợi dây thun, một lọ cồn, một hộp kim chích, một lọ thuốc Dolosal. Anh tự quấn dây thun vào dưới bắp tay, rút thuốc vào ống chích, lách kim đâm

vào mạch máu, từ từ bơm thuốc... Có hôm, một mũi chưa đã, anh chích đến hai mũi. Anh ngồi dài chân ra, hai tay buông xuôi, đầu ngoẹo bên thành ghế. Chúng tôi lo sợ toan gọi bác sĩ nhưng anh khoát tay bảo: "Chỉ say thuốc chút ít thôi mà". Quả nhiên vài phút sau anh vùng ngồi dậy viết lia lịa trang giấy này qua trang giấy nọ. Tôi phục tài anh nhưng lo sợ cho anh cứ chích choác như thế sẽ có ngày hỏng to! Nhưng mười mấy năm sau tôi thấy anh hồng hào phương phi trong bộ quần áo màu đà, đầu chít khăn cũng màu đà theo hệ phái tu sĩ của ông Đạo Dừa đi truyền đạo ở nhiều nơi. Thì ra anh đã từ già làng báo, bỏ chích ma túy và đi tu nhiều năm rồi.

Cũng trong thời gian ấy, tôi quen anh Nguyễn Bảo Hóa. Thường ngày vào buổi trưa, anh và tôi khi xong việc ở tòa soạn hay vào quán nước ở góc đường gần đó, nhâm nhi ly cà phê đá, hút vài điếu thuốc lá hiệu MIC, loại thuốc lá bình dân, đen và to hơn các loại khác nên được giới lao động hoan nghinh, cùng nhau hàn huyên tâm sự qua những sự việc thuộc về nghề nghiệp. Một hôm anh Hóa ngờ ý là rất trọng tài tôi nên đãi tôi một bữa cơm vào ngày báo nghỉ.

Ngày thứ năm đó, chúng tôi gặp nhau trong một quán cơm đĩa, mỗi người ăn đĩa cơm sườn và uống chai bia đầu cọp, khề khà lai rai chuyện đời. Câu chuyện dần dần đi đến thời sự nóng bỏng, anh Hóa hỏi tôi về cuộc chiến chống Pháp của Việt Minh và Đông Dương Cộng sản đảng. Tôi thành thật nói cho anh biết tôi là người quốc gia, một trong rất nhiều nạn nhân Đông Dương Cộng sản đảng đang giành độc quyền yêu nước và tôi đã bất mãn bỏ chiến khu mà ra sau khi trông thấy nhiều anh em đồng chí bị ám hại. Liền sau đó, anh Nguyễn Bảo Hóa bỗng đổi thái độ lạnh tanh đối với tôi, không nói năng gì thêm cho đến khi trả tiền

buổi cơm và bắt tay từ giã nhau. Thái độ lạnh tanh ấy, tôi đã từng gặp nhiều phen với những người Đệ Tam quá khích với chủ trương không phải đồng chí tức là thù. Từ đó về sau, anh Hóa tránh trò chuyện với tôi, thậm chí không nhận lời tôi mời cơm để trả lại buổi cơm bình dân anh đã thết tôi, có lẽ đúng như các bạn đồng nghiệp bảo, tôi chân thật quá, nghĩ sao thì nói và viết vậy, cởi mở cõi lòng ra với tất cả mọi người, nên Nguyễn Kiên Giang thường bảo đùa:

- Muốn đọc văn Cửu Lang phải mặc khăn đóng áo dài... Tôi lại vốn chậm chạp, thời gian vào nghề và trình làng của tôi gặp nhiều lao đao, lận đận, thường viết cho tờ báo nào được ít lâu tờ báo phải đóng cửa, sập tiệm..

Qua đến năm 1952, tôi vì quân vụ phải đi lên Tây nguyên, tạm dứt đoạn với nghiệp báo mà tôi mê thích không gì bằng.

Đến năm 1957, tôi mới tái nhập làng báo với...cánh tay mặt không còn sử dụng được. Tôi viết bài bằng cách gõ bàn máy chữ bằng tay trái như cò mổ. Tôi vẫn dùng bút hiệu Cửu Lang để viết về dã sử, Nguyễn Bính Long để viết về gián điệp, Trương Thanh Văn để viết trinh thám, và lấy tên con gái đầu lòng Vân Nga để viết về tình cảm xã hội.

Về gián điệp, tôi viết cho báo *Công Nhân* do anh Trần Tấn Quốc chủ biên, dựng ra một nhân vật nữ: X.13 là nữ trung úy ngành tình báo của QLVNCH, cũng khá được ăn khách. Cốt truyện dựa theo thời sự nóng bỏng trong cuộc chiến đấu chống cộng sản. Có một lúc, tôi đang viết tiểu thuyết "Rừng Sặc Hấp Hối" bỗng có vụ ứng cử dân biểu khóa II thời Ngô Triều, Trần thị. Tôi về tỉnh nhà ứng cử trong đơn vị tỉnh Rạch Giá. Đến khi bầu cử tôi phải có mặt ở tỉnh nhà để đi tuyên truyền vận động vào những ngày chót nên phải thức trắng nhiều đêm để viết đôn bài trước

một tuần lễ, vì tiểu thuyết đang hàng ngày trên báo.

Tôi có hẹn với nhà báo sẽ gởi tiếp bài theo bưu điện. Tôi kẹt ở dưới tình quá hạn định và đã gởi bài đúng hẹn. Nhưng dù tôi gởi bài theo đúng cách thức hiện hành, bài của tôi vẫn không kịp kỳ đăng báo và tôi...bị bể nồi cơm. Số là cái tựa quá giựt gân khiến từ nhân viên soạn thư ở nhà Bưu điện đến ông Trưởng phòng, ông Chánh sở giựt mình, không ai dám quyết định để cho xấp bài nọ đi thông thường đến nhà báo. Ông Phó làm phúc trình lên ông Chánh sở, ông Chánh báo cáo lên ông Giám đốc. Ông Giám



bóng mây

có khi
mình lại gặp nhau
buồn buồn
nhớ chuyện...
qua cầu gió bay.
có khi
mình đứng tại đây
mà hồn đắm đuối
với ngày hôm qua.
có khi
mình chợt nhớ ra
trái tim
ai gửi
trong da thịt này.
có khi
tù ngục là đây
giam cầm
bằng những bóng mây
tình cờ.

hồ ông

đốc cũng nghi ngại quá...cái gì mà: Rừng Sác hấp hối đây? Rừng Sác ở khít Sài Gòn, Sài Gòn có bị ảnh hưởng, bị hấp hối theo?

Hai ông Giám đốc bàn tính mãi rồi cùng lấy quyết định: mời ông chủ báo đến để cùng khai bao giấy ra xem trong ấy chứa những bí mật gì? Anh Trần Tấn Quốc, chủ biên tờ *Công nhân*, vốn là một chủ báo chuyên nghiệp, rất có uy tín, và không thích tới lui cửa quyền. Anh phải bỏ thời giờ làm việc "học xi đầu" ở nhà báo để đến Nha Bưu điện với cái giấy mời khẩn cấp, kể cũng bực mình. Khi đến nơi, cùng nhị vị Giám đốc bưu điện khai bao giấy ra thì đây chỉ là một xấp bài *feuilleton* mà anh chờ mãi không được nên đã cáo lỗi với độc giả và cúp bỏ để đăng thay tiểu thuyết khác vào! Đến chừng tôi ở tỉnh nhà trở lên, bị thua đau vì gian lận, lại hay tin bị mất chỗ viết, bể nồi cơm, thật là ...tức như bò đá!

Viết báo *Buổi Sáng* cho anh Tam Mộc, tôi lấy bút hiệu Trương Thanh Vân là tên của tiện nội. Bút hiệu ấy vô tình suýt làm bể nồi cơm của Quốc Phượng. Số là Quốc Phượng tên thật là Trương Thanh Vân về làm việc với báo *Tiếng Chuông* của anh Đinh văn Khai với sự cam kết không được viết cho tờ báo nào khác, và chỉ được viết nhiều lắm là hai tờ tuần báo thôi. Thế nên khi anh Đinh văn Khai trông thấy báo *Buổi Sáng* có đăng một tiểu thuyết trinh thám ký bút hiệu Trương Thanh Vân, liền gọi Quốc Phượng đến bảo:

- Sao ăn cơm tui mà hại tui? Lại đi viết cho Tam Mộc (tên Mai Lan Quê) là người thường chế giễu, bươi móc đời tư của tôi trên mục "Xả Xứ bấp" mà tui hổng dám làm gì, vì ổng có anh là ông Tướng Mai Hữu Xuân?

Quốc Phượng như từ cung trăng rơi xuống, than trời như bộp: "Mèn đét ơi! Cha nội ký giả nào chơi ác, hại tui như vậy? Tôi có viết cho *Buổi Sáng* hồi nào đâu? Và

lại viết loại trinh thám không phải sở trường của tui lại còn ký tên Trương Thanh Vân có khác nào...lạy ông tôi ở bụi này.

Tuy Quốc Phượng minh oan cách mấy, ông Khai vẫn không tin. Anh cho người móc nối với toán thợ sắp chữ của báo *Buổi Sáng* để lấy bài viết kiểm tra bút tích. Nhưng bài viết lại bằng máy chữ thành ra anh Khai cứ hồ nghi Quốc Phượng mà không có bằng chứng hạch tội. Theo lời Nguyễn Ang Ca thì anh Phạm Thăng có cho biết vì vụ bút hiệu Trương Thanh Vân mà anh Đinh văn Khai suýt cho Quốc Phượng về...vườn nuôi gà!

Quốc Phượng cứ phải nổi oan Thị Kính mãi đến về sau, khi tôi viết cho nhật báo *Tiếng Chuông*, tôi chơi thân với Quốc Phượng mà vẫn không biết Quốc Phượng đang âm thầm điều tra trong làng xem bạn đồng nghiệp nào chơi xấu phá mình một vỏ xính vính, xứng xứng quá trời như thế.

Đến một bữa nọ, tôi chờ Quốc Phượng đi chơi. Quốc Phượng trông thấy tấm bảng tên chủ quyền xe là Trương Thanh Vân, vội hỏi: Đó là ai? Tôi cho biết đấy là tiện nội. Quốc Phượng kêu lên: "Bắt được tại trận rồi! Anh lấy tên chị làm bút hiệu, không biết cũng có một Trương Thanh Vân bị chủ báo nghi ngờ và phải ngậm oan mấy năm nay. Thôi không đi chơi nữa, tui mình lại đây."

Tôi lái xe lại tòa soạn báo *Tiếng Chuông* để phân chứng với anh Khai. Khi ấy Quốc Phượng đã nổi danh có chun vững chắc trong làng báo nên việc hiểu lầm được giải tỏa nhanh chóng.

Bút hiệu An Khê của tôi do sự góp ý của anh Bình Nguyên Lộc và tôi bắt đầu dùng trong quyển tiểu thuyết xã hội đầu tay từ khi tôi bị hư tay mắt. Nguyên lúc bấy giờ, trong làng báo hàng ngày, chỉ có hai tờ báo được nhiều độc giả như: *Sài Gòn Mới* và *Tiếng Chuông*... *Sài Gòn Mới* của bà Bút Trà có số

độc giả không thuần nhứt, đa số là giới bình dân. Báo *Tiếng Chuông* của anh Đinh văn Khai có nhiều độc giả trung lưu, trí thức và công chức các ngành. Các cây viết *feuilleton* ở Sài Gòn, đa số đều có ước vọng viết cho *Tiếng Chuông*. Tôi cũng thế. Tôi quen với Nguyễn Kiên Giang khi ấy là thư ký tòa soạn báo *Tiếng Chuông*, và được anh hứa sẽ chờ dịp thuận tiện thì đưa tôi vào viết cho báo ấy. Tôi chờ mãi rồi cũng gặp dịp. Dịp may ngàn vàng đã đưa tôi lên thành một cây viết khá ăn khách về loại tình cảm xã hội đăng hàng ngày trên mặt báo. Công ơn ấy do anh Bình Nguyên Lộc mà ra.

Nguyên là dạo ấy anh Phi Long viết *feuilleton* tiểu thuyết trình thám cho báo *Tiếng Chuông*, nay đưa chậm bài, người tùy phái của nhà báo cứ phải đến nhà ngồi chờ bài của anh gần như mỗi ngày, mà có hôm vẫn trễ, khiến cho chủ nhiệm *Tiếng Chuông* phải tìm người viết *feuilleton* khác. Nguyễn Kiên Giang liền giới thiệu tôi viết về dã sử cũng khá hấp dẫn. Anh Khai bằng lòng, Nguyễn Kiên Giang bảo tôi làm tóm tắt cốt truyện vào khoảng 20 trang giấy trước để đưa cho chủ nhiệm. Tôi làm xong, hôm sau tôi đem bản thảo đến cho anh Khai xem. Anh bảo tôi:

- Anh thay thế vào chỗ tiểu thuyết của Phi Long, như vậy phải viết truyện trình thám.

Tôi lại trở về làm bản tóm tắt cốt truyện khác và đánh máy khoảng 20 trang để đem đến ngày hôm sau nhưng anh Khai lại bảo:

- Tôi vừa mời anh Bình Nguyên Lộc phụ trách trang trong tờ báo, vậy anh đem bài sang cho anh Lộc xem.

Tôi đến anh Lộc, anh lắc đầu:

- Anh phải viết một tiểu thuyết tình cảm xã hội. Anh có phong hơn một số tay viết ăn khách hiện thời. Anh về dựng lên một cốt truyện tình cảm xã hội và đem đến cho tôi

gấp để tôi quảng cáo cho kịp cuối tuần.

Quý bạn chắc thông cảm cho sự bức bối và chán nản của tôi lúc bấy giờ. Cặm cụi làm việc, bỏ ăn mất ngủ trong mấy ngày để dựng ra hai cốt truyện, đánh máy trình bày sạch sẽ tốt đẹp thế kia với bao hi vọng tràn trề mà bị chê, bị vứt sọt rác! Tôi thầm oán trách anh Bình Nguyên Lộc sao lại làm khó tôi? Tổng thư ký tòa soạn đã bằng lòng. Chủ báo cũng chịu rồi, thế mà anh Lộc lại bác! Tôi về nhà trong vùng Chợ Lớn, khi nửa đường đến Sở Cứu hỏa Đô thành, tôi hoàn thành xong trong đầu cốt truyện "*Người vợ hai lần cưới*" cái tiểu thuyết đưa tôi lên đài danh vọng.

Trưa hôm ấy tôi bỏ bữa cơm trưa để viết sơ lược cốt truyện, chiều lại, tôi đem ra trao anh Lộc. Anh Lộc gật đầu khi xem qua:

- Ủ, ít ra cũng là thế!

Chừng ấy tôi mới biết anh Bình Nguyên Lộc chỉ đúng con đường. Anh bàn với tôi về bút hiệu: "Cửu Lang thì cũ quá, Nguyễn Bính Long thì có vẻ đăm đă, Trương Thanh Vân đã viết nhiều loại, bây giờ cần phải một bút hiệu mới nhằm đánh vào sự tò mò của độc giả."

Tôi nói:

- Nguyễn An Khê.

Anh Lộc nói:

- Bỏ Nguyễn đi, dùng hai chữ An Khê làm bút hiệu để kỷ niệm cuộc đời nhà binh cũng đủ rồi.

Quả thật, khi đăng tiểu thuyết "*Người vợ hai lần cưới*" trên báo, nhiều độc giả muốn biết độc giả là ai và trong số văn nghệ sĩ Sài Gòn vẫn ngờ anh Bình Nguyên Lộc lấy hai bút hiệu để viết hai tiểu thuyết tình cảm.

Nguyễn Ang Ca cũng là nhà binh, nhà báo với tôi thường hay cười đùa giới thiệu tôi là tác giả của "*Người vợ ...chưa bao giờ tắm!*"

Tiểu thuyết này ăn khách đến nỗi khi tiện nội bể bầu đứa con trai

thứ mười, các sinh viên Y khoa ở bệnh viện Hùng Vương cứ hỏi: "Kỹ sư Hùng bị mù mắt có cưới được người đẹp Lệ Hoa không?"

Tiểu thuyết về sau được nhà xuất bản Thế Kỷ in thành sách bán rất chạy. Người bạn tôi là soạn giả Thái Thụy Phong soạn thành kịch bản "*Hai chuyến xe hoa*" cho gánh hát cải lương Thanh Minh - Thanh Nga trình diễn suốt 21 đêm tại rạp Hưng Đạo, mà dù mưa dầm, khán giả vẫn đến xem đông nghịt. Vở tuồng này được hãng ASIA thu vào đĩa. Anh Hoàng Anh Tuấn đề nghị tôi cho quay thành phim và chiếu lên một lượt trên 6 rạp xi nê lớn ở thủ đô Sài Gòn, được số khán giả kỷ lục.

Có điều làm cho tôi không vừa ý là cuốn phim "*Người vợ hai lần cưới*" lại không đáp ứng được lòng ngưỡng mộ của khán giả. Theo anh Hoàng Anh Tuấn nói lại, trong khi quay phim, vai nam chánh là Thành Được, đóng vai kỹ sư Hùng, vì một lý do riêng tư nào đó thường hay vắng mặt vào những ngày giờ hẹn quay phim khiến cho vai nữ chánh là cô Thanh Nga quá chán nản cứ muốn bỏ cuộc. Do đó, đạo diễn Hoàng Anh Tuấn không thực hiện được những màn tình tứ tuyệt vời. Thời gian thực hiện cuốn phim chỉ trong 3 tháng, trước ngày Quốc Khánh thời Diệm Nhu. Sau khi xem chiếu thử, tôi buồn và thất vọng vô cùng. Anh Tuấn, mất hôm quảng đen, mặt mày bơ phờ hốc hác, râu đen bó hàm không kịp cạo, ôm hai vai tôi nói:

- Anh đừng giận tôi. Anh thương tôi một chút đi...

Quyển tiểu thuyết ăn khách vượt bậc lần thứ nhì của tôi là tiểu thuyết "*Bơ vơ*". Tiểu thuyết này tôi viết cho báo *Tia Sáng* của anh Nguyễn Trung Thành. Khi ấy, báo này nhờ tiểu thuyết chương "*Lệnh xé xác*" của Lã Phi Khanh và tiểu thuyết tình cảm "*Bơ vơ*" mà bán chạy như tôm tươi. Số độc giả tăng lên vùn vụt. Đó là thời tướng

Nguyễn Khánh làm thủ tướng, tờ báo *Tiếng Chuông* sau khi bị dân chúng kéo vào phá tòa soạn trong ngày lật đổ chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô nên chưa kịp tái bản, thì báo *Tia Sáng* đã xuất bản nên được thêm số độc giả mới ủng hộ cùng một số độc giả của báo *Tiếng Chuông* và báo *Sài Gòn Mới* của bà Bút Trà. Do thế, một hôm tôi tiếp tại nhà một bạn ký giả xưng là do bà Bút Trà phái đến điều đình với tôi đem tiểu thuyết "*Bơ vơ*" đang ăn khách của *Tia Sáng* sang qua báo *Sài Gòn Mới*, mà giá cả và tiền nhuận bút sẽ do tôi đưa ra. Tôi từ khước đề nghị mà tôi cho là bất tín, bất nghĩa ấy.

Mấy ngày sau người bạn ấy trở lại đề nghị tôi viết cho *Sài Gòn Mới* một tiểu thuyết tựa là "*Bơ vơ 2*". Khi ấy tôi đảm nhận viết cho 8 tờ nhật báo, tôi biết báo *Sài Gòn Mới* sẽ trả nhuận bút hậu hĩ hơn hẳn các tờ báo tôi đang viết nhưng tôi vẫn ưa làm quân tử Tàu, bảo với bạn ký giả nọ:

- Tiểu thuyết chớ phải kịch bản sân khấu đâu mà có một, có hai. Anh bảo tôi làm cái việc giựt độc giả của báo *Tia Sáng* thì không được.

Về sau, trong một cuộc tranh đấu cho báo chí, bà Bút Trà có gặp tôi và bà bảo:

- Tôi với ông không có duyên hợp tác, vì thế hai lần tôi cho người mời ông, ông đều từ chối.

Thật ra nếu trước kia, khi tôi chưa nổi tiếng, tôi cầu được viết cho tờ *Sài Gòn Mới* lắm chứ, song từ khi tôi nghe người con trai lớn của bà Bút Trà thay bà quản lý tờ báo đã tuyên bố: "Độc giả như cá chết, ta cứ đem món gì thích hợp để nhử là họ theo ngay."

Từ đó tôi nghĩ là sẽ không bao giờ hợp tác với con người tỏ vẻ khinh miệt độc giả như thế.

Quyển tiểu thuyết "*Bơ vơ*" được soạn giả Nhị Kiều của sân khấu Thanh Minh - Thanh Nga điều đình soạn thành vở tuồng *Bơ Vơ* và diễn

xuất liên tiếp gần cả tháng ở rạp Hưng Đạo, đêm nào cũng đông nghẹt khách xem.

Tiểu thuyết suýt được dựng thành tuồng cải lương thứ ba của tôi là "*Vợ kẻ khác*". Tôi có một người bạn mới quen là anh Nhã, chủ hãng xuất nhập cảng ở đường Trần Hưng Đạo, gần Chợ Quán, cũng từng viết nhiều kịch bản, đã dựng lên bản tuồng "*Vợ kẻ khác*" và trao cho đoàn Thành Được - Út Bạch Lan. Vở tuồng sắp phân vai để tập, đột nhiên gánh hát bị tan rã không vì ế khách xem mà vì xáo nội bộ gia đình chủ gánh.

Tiểu thuyết "*Vợ kẻ khác*" là pho thứ nhì tôi viết cho *Thời Báo* của anh Dương Chí Sanh, tiếp theo tiểu thuyết "*Người đàn bà hai tim*".

Nguyên đạo ấy, anh Nguyễn Kiên Giang, tổng thư ký báo *Tiếng Chuông* có điều bất bình với anh Đinh văn Khai, và những anh em viết tiểu thuyết trang trong báo *Tiếng Chuông* đem tiểu thuyết sang tờ *Thời Báo*. Khi ấy tôi đang viết "*Người vợ không thể cưới*" đang ăn khách dữ dội, chị Nguyễn Kiên Giang bảo bất cứ giá nào cũng đem tiểu thuyết này qua *Thời Báo* cho *Tiếng Chuông* sập tiệm. Tôi là bạn chí thân anh Nguyễn Kiên Giang, anh đi, tôi phải theo, nhưng *Tiếng Chuông* là nơi tôi nhờ anh Bình Nguyên Lộc chỉ đường dẫn lối mới được ...đất dụng võ. Tôi thật khó xử. Trong khi tôi còn chưa quyết định, một tối nọ, anh Đinh văn Khai tìm đến nhà khóc lóc với ông thân sinh tôi: "Nếu tôi bỏ báo *Tiếng Chuông* thì...không khéo báo sẽ đóng cửa thôi!" Đây là anh Khai đánh đòn tâm lý. Ông thân sinh của tôi từ trước đến giờ là độc giả trung thành của báo *Tiếng Chuông* hẳn phải ngả về phe anh Khai. Quả đúng thế. Ông gọi tôi ra và bảo báo *Tiếng Chuông* là nơi tôi xuất thân về vang, không nên bỏ. Sau đó, nhờ anh Bình Nguyên Lộc và Nguyễn Ang Ca góp ý: cứ giữ

"*Người vợ không bao giờ cưới*" cho báo *Tiếng Chuông*, viết một tiểu thuyết mới cho *Thời Báo*.

Khi *Thời Báo* ra mắt bạn đọc, cứ vào mỗi chiều, vợ chồng Nguyễn Chí Sanh và vợ chồng anh Nguyễn Kiên Giang trải hai tờ báo đối nghịch ra, cân phân nặng nhẹ hai tiểu thuyết xem "*Người đàn bà hai tim*" có hấp dẫn bằng "*Người vợ không thể cưới*" không? Cả bốn người nhìn nhận tiểu thuyết đăng trên *Thời Báo* cũng hay, cũng hấp dẫn nhưng vì mới vào đầu, chưa mê ly, cụp lạc bằng truyện kia đang đến lúc người đẹp Ngọc Giao bị bệnh cùi, lánh vào trại hủi, để cô em Ngọc Quỳnh thay thế mình đáp ứng tình yêu của văn sĩ Tường Anh...

Nhưng tiểu thuyết gây sôi nổi nhứt và về sau nhà xuất bản Sống Mới in thành sách bán chạy nhứt là "*Con ma dễ yêu*". Tiểu thuyết này tôi viết cho báo *Cấp Tiến* của giáo sư Nguyễn văn Bông và anh Nguyễn Ngọc Huy. Trong khi tiểu thuyết đăng hàng ngày trên báo, có một số đông Phật tử, cư sĩ Phật giáo và cả các vị sư tăng cũng theo dõi. Một hôm tôi gặp anh Cát Hữu, một nhà báo nổi tiếng đương thời, cười bảo đùa với tôi:

- Giỏi cho ông thật. Liều trai chí dị, truyện dài nhất cũng chỉ dăm trang giấy, còn cái chuyện ma của ông đến mấy trăm trang rồi, đọc vẫn thấy mê như thường. Mà thật giả thế bờ? Thật thế nào được nhỉ?

Cả đến thầy Thích Pháp Siêu cũng hỏi tôi có mấy mươi phần sự thật? Không ai hiểu là chuyện tôi thuật ra đây do hồi tôi nằm khám lớn Sài Gòn (năm 1942) Trong khám chánh trị phạm, tôi được anh chín Nguyễn Tấn Lợi kể cho nghe câu chuyện thật hồi còn thiếu niên anh có quen với một hồn ma con gái người Tàu, đã dạy anh tiếng Quảng Đông và ăn ở với anh như vợ chồng...Trong những đoạn tôi kể về những lần giao tiếp giữa hồn

ma và người thật, anh em trẻ trong làng báo cứ xuýt xoa bảo:

- Cái đoạn mùi như vậy mà anh chỉ viết có hai trang, xem không thấy đã. Giá mà anh Lê Xuyên, anh dám viết tới hai mươi trang!

Tôi cũng hiểu viết theo thị hiếu nhút nhát của một số đông độc giả bình dân thì dễ mau nổi tiếng, nhưng tôi phải tiết chế sự phóng túng ngòi bút (gõ máy chữ) do một nguyên nhân mà tôi nhớ mãi.

Nguyên trong khi tôi viết truyện "Bơ vơ" cho báo Tia Sáng, một hôm nọ đưa con gái thứ tư của tôi tên Vân Phượng, mới 14 tuổi thỏ thẻ bảo với tôi:

- Con L. bạn học của con nói ba viết tiểu thuyết mùi quá, đến chỗ bác sĩ Minh gạt con Lài ngồi nệm sau xe vespas chở đi rồi thảng lại khiến con Lài chúi người vào bác sĩ Minh... nó xem tới đó, mình mấy nổi gai hết trơn.

Nghe vậy, tôi giựt mình nghĩ: con gái nhà ai, mới 14 tuổi đầu đã xem tiểu thuyết tình hàng ngày trên báo. Từ rày mình phải viết cẩn thận, kéo vô tình mình làm hỏng đám con em mình.

Trong mười năm viết tiểu thuyết hàng ngày trên báo, tôi sáng tác gần 250 bộ tiểu thuyết. Có một bộ tuy không thuộc vào loại xuất sắc của tôi như "Người vợ hai lần cưới" "Thiếu phụ không dĩ vãng" "Người yêu không thể cưới" "Vợ kẻ khác" "Bơ vơ" "Bèo giạt hoa trôi" "Bông lúa Sa Mo" "Gừng cay muối mặn" "May rủi một chồng" "Máu loang Biển hồ" "Sóng Tình" "Tình tuyệt vọng" "Con ma để yêu" "Đồng Nọc Nạn" "Vợ người tử tội" "Cưới chồng" v.v. nhưng làm cho tôi hãnh diện và an ủi phần nào trong cuộc đời viết văn pha lẫn những vui buồn vinh nhục, những nguy hiểm chết người, kể cả cái án báo chí ở Cần Thơ nữa, là pho tiểu thuyết "Tâm sự cô gái mù".

Tiểu thuyết này tôi viết cho nhật báo Dân Tiến đúng ra thật là

mưa viễn xứ

*Con mưa sáng trôi qua thành phố Mỹ
Mưa lang thang trên những bánh xe buồn
Cửa siêu thị vẫn đông người đó nhỉ?
Sao một mình tôi lạc giữa mưa tuôn...*

*Vẫn lạnh ngắt những con đường xa lạ
Xám màu cây, trơ trắt những building
Vẫn trôi mãi trên dòng đời vội vã
Thèm cơn mưa êm ả ở quê mình.*

*Những đôi mắt chiều mưa nào vời vợi
Những môi hôn còn đọng dấu tình nồng
Xa như thế, bây giờ sao với tôi,
Ở bên nhà mưa có nhớ tôi không?*

*Vẫn hoài vọng... chiều mưa bay trắng núi,
Mưa trắng sông, trắng biển, trắng mùa đông,
Em đốt lửa để mưa đừng thui thui
Nhớ vô cùng, hơi ấm lụa Hà Đông.*

*Và quay quắt, con đảo xa ngày đó,
Chiều mưa nào biển hát nhạc Bidong,
Xanh ngắt trùng khơi, nụ cười khốn khó,
Kể đi rồi vẫn nhớ kẻ chờ trông.*

*Và u uất những gì xưa đã mất,
Tìm nơi đâu? Âu, Á, Mỹ, Phi nào?
Dấu đi hết, tận cùng trời cuối đất,
Mưa vẫn còn thấm thiết một bờ ao!*

*Con mưa sáng trôi qua hồn viễn xứ,
Mưa xanh xao vào cụm lá phong hồng,
Mưa lạc lõng suốt ngày dài lữ thứ
Mưa lang thang trên những bánh xe buồn...*

nguyễn huy phước

tổ đái. Tình cờ mà tôi viết được một tiểu thuyết có ảnh hưởng thiết thực về đời sống.

Số là đầu năm 1968, còn mấy hôm nữa đến Tết Mậu Thân, tôi có người bạn đọc là Thiếu tá Nhân ở Cần Thơ lên Sài Gòn thăm và rủ đi ăn bánh hời tôm càng nướng ở cầu Tân Thuận, đồng thời nghe cô ca sĩ mù Thu Nguyệt ca vọng cổ rất mùi đến rơi lệ. Khi cô ca sĩ ca xong, anh bạn tôi mời cô đến bàn nói chuyện. Cô ca sĩ còn trẻ và đẹp bị mù từ 4 tuổi, đến năm 8, 9 tuổi thường đi gánh nước ở chợ Quận.

Chỉ cần chủ nhà dắt cô đến nhà một lần, cô nhớ đường để chiều chiều gánh đôi nước mò đường đi tới nhà không sai trật. Cô được một ông thầy đàn già thất vận trông thấy tình cảnh mà thương, mới dạy cô ca đúng nhịp. Ông thầy đàn không ngờ khám phá ra một tài danh. Khi ấy cô đã 14, 15 tuổi. Ông thầy đàn tận tình giúp đỡ, đưa cô đi ca theo điệu tài tử khắp nơi. Cô được nổi danh mấy năm sau, thế rồi, giai nhân mù bỗng gặp một tài tử phóng khoáng là ba T. khiến quả tim cô rung động. Ba T. cưới



hỏi cô dang hoàng, cô về nhà chồng, phụng dưỡng mẹ chồng rất thương yêu cô. Cô ăn ở với người chồng mà cô chỉ biết rờ rẫm ấy được ba mặt con. Về sau vì một đồ k khích bác nào đó của lối xóm, chồng cô tự ái bỏ nhà đi xây dựng một tổ uyên ương khác ở một nơi nào cô cũng không biết. Cô buồn tình, thất chí, ôm ba con thơ lên Sài Gòn vừa tìm chồng vừa sống với nghề ca hát dạo nơi các quán nhậu phòng trà.

Nghe xong tâm sự náo nức của cô ca sĩ mù, tôi hứa sẽ đăng báo tìm chồng giùm cô. Đây là đêm giáp Tết, đêm Tất niên của quán mà cũng là đêm cuối cùng, Việt cộng đã vi phạm hiệp định hưu chiến tấn công ở khắp đô thị miền Nam, đưa chiến tranh vào đến thủ đô Sài Gòn, gây nên những cảnh máu lửa chưa từng có.

Hai bên cầu Tân Thuận có nơi bị đốt sạch rụi, cả dãy quán nhậu mà cô ca sĩ dùng làm nơi sinh nhai. Tôi nghĩ đến cô, giữa cơn khói lửa tôi bởi, súng đạn tứ tung cùng khắp, cô tay xách nách mang ba đứa con thơ, biết đường đâu chạy lánh nạn? Biết cô và ba đứa con nhỏ sống chết ra sao? và sau này đâu được sống sót cô lấy gì sanh nhai, lấy gì nuôi ba con nhỏ?

Vì thế, nhân lúc báo *Dân Tiến* vừa mới dứt truyện "*Vợ người tử tội*" và thay vì viết một tiểu thuyết đã xây dựng rồi, tôi viết ngay "*Tâm sự cô gái mù*". Tiểu thuyết đăng được non tháng, cô ca sĩ mù nghe đồn, tìm đến tòa soạn cảm ơn tôi. Lúc ấy, cô đã sa sút, hàng ngày nhờ ba con nhỏ dắt đường, ca hát, bán vé số dạo. Vào những ngày giữa tháng và cuối tháng, sau khi ký "bông" lãnh tiền nhuận bút, tôi mua kẹo bánh đến cho các con cô và biếu cô một số tiền nhỏ.

Tiểu thuyết "*Tâm sự cô gái mù*" đăng trên báo được năm tháng, bỗng một hôm anh tổng thư ký tòa soạn bảo tôi:

- Hôm rày có một người đàn

ông đến tìm anh, dường như có việc cần cấp. Y hỏi nhà anh, tôi không chỉ cho y biết được, tôi bảo cho y biết thường ngày anh đến viết bài ở đây vào khoảng 2, 3 giờ trưa mà có khi mấy cháu đưa bài đến chỗ anh không tới. Y hẹn khoảng 2 giờ, 2 giờ rưỡi y sẽ trở lại.

Hôm ấy lẽ ra tôi ghé sang tòa soạn *Tin Sớm* của bạn Nguyễn Ang Ca để viết bài tiểu thuyết gối đầu vào ngày mai, rồi sau đó thẳng đường về nhà trong Chợ Lớn dùng cơm trưa, tôi ở nán lại chờ người muốn gặp tôi.

Đây là người đàn ông ba mươi tuổi ngoài, vạm vỡ, khỏe mạnh. Y bảo với tôi giọng nghẹn ngào:

- Tôi là chồng cô ca sĩ mù mà ông đăng báo. Vì tôi ở trong làng, trong quận không có đọc báo *Dân Tiến*. Mới đây có người bạn cho hay ông có viết truyện của vợ tôi. Tôi tìm đọc, khóc quá trời. Tôi ăn

năn hối hận vì đã bỏ vợ con bơ vơ, lạc loài trong cảnh loạn lạc hôm Tết. Tôi vội về đây để tìm vợ và ba đứa con. Vợ con tôi hiện giờ ở đâu, nhờ ông chỉ cho biết.

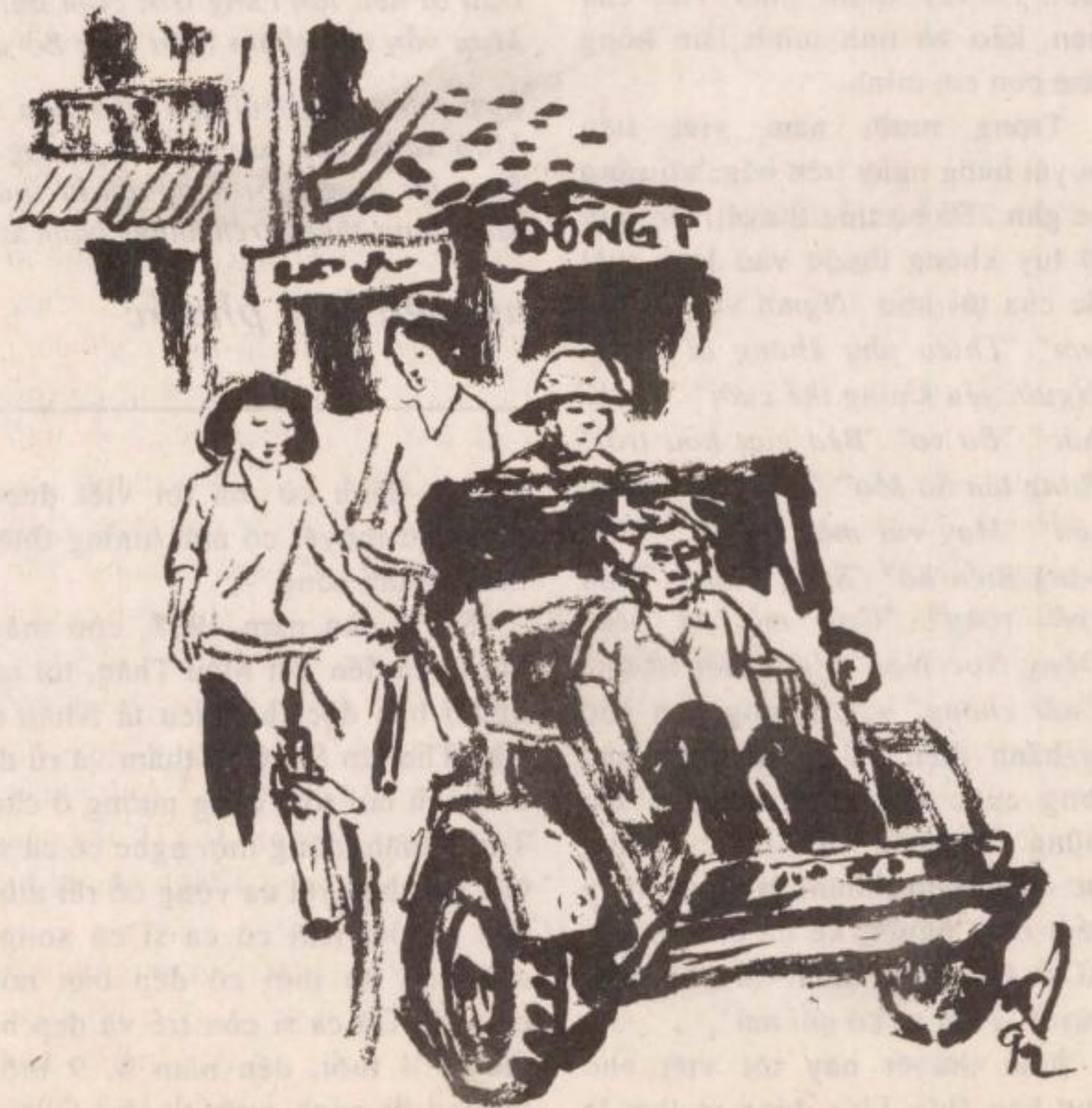
Tôi hỏi lại anh ta:

- Vây còn...

Anh ta vội nói:

- Tôi bỏ hết rồi. Tôi bỏ vợ bé, bỏ sự nghiệp tạo ra dưới đó. Tôi trở về với vợ cái, con cột. Ông đừng sợ tôi sẽ làm khổ vợ tôi nữa, tôi thương nó lắm đâu nó mù lòa. Nó ăn ở chí tình chí nghĩa với tôi còn hơn người sáng mắt. Ông làm ơn làm phúc chỉ nhà nó cho tôi. Ông cứu giúp cho chúng tôi sum họp, cầm bằng ông xây chín cảnh chùa.

Tôi đưa anh ta đến căn nhà bình dân ở ngoại ô mà cô ca sĩ mù thuê một cái giường cho cả 4 mẹ con... và hôm sau, tôi kết thúc tâm sự cô gái mù (thường lệ mỗi tiểu thuyết *feuilleton* được tôi kết thúc trong vòng 6 tháng, và tôi còn viết "*Tâm sự cô gái mù*" gần trăm trang đánh máy nữa). Trong bài tóm lược về



sự trở về của người chồng, hình như là một sĩ quan Tâm lý chiến, và xin độc giả cùng hoan nghinh việc ấy.

Tôi viết cho nhật báo *Dân Tiến* do lời mời của anh Nguyễn Thành Trung và một tối đã tìm đến nhà tôi với lễ vật: một xấp hàng ngoại quốc đắt giá đủ may một bộ Âu phục, một ký cam Sunkist, một ký nho, một ký bom để yêu cầu tôi viết một tiểu thuyết trang trong cho tờ báo anh sắp thuê *manchette*.

Các bạn đọc thông cảm cho sự ái của một người viết muốn được người chủ báo cầu cạnh như tôi lúc bấy giờ sao lại không thích. Tôi nhận lời mời, không ngờ Nguyễn Thành Trung âm mưu đảo chánh trong tờ báo *Dân Ta* của anh Nguyễn Vỹ.

Tội nghiệp anh Nguyễn Vỹ lận đận với nghề làm báo. Khi ấy đang chủ biên tập san *Phổ Thông* bán nguyệt san, song vẫn chưa thỏa chí làm báo của anh, anh xin phép xuất bản thêm nhật báo *Dân Ta*... Khi nghe tin anh sắp ra tờ này, tôi có đến tìm anh với tình cũ nghĩa xưa, bảo anh:

- Tôi biết anh không giàu, tôi tình nguyện viết cho anh một *feuilleton*, tình cảm xã hội mà anh chỉ cho tôi một đồng bạc danh dự thôi, cho đến khi nào báo anh bán mạnh.

Anh Nguyễn Vỹ hỏi tôi khi ấy viết cho mấy báo? Tôi bảo là 8 tờ. Anh chép miệng thở dài bảo rằng:

- Như thế tình cảm bị chi phối, sẽ không kham chăng?

Khi báo *Dân Ta* ra số đầu tiên, người phát hành cho các báo mới ra là Nguyễn Thành Trung đã hỏi trang trong có Tiền Phong về chương, An Khê về tình cảm xã hội không? Anh Nguyễn Vỹ lắc đầu. Nguyễn Thành Trung lắc đầu lại. Cho thế là thất bại.

Quả thật báo *Dân Ta* không bán chạy lắm, vì thật ra anh Nguyễn Vỹ có tài viết văn hay, làm thơ giỏi nhưng không biết làm những tin

giật gân bằng Nam Đình, Trần Tấn Quốc, Nguyễn Kiên Giang, Phi Vân, Trường Sơn, Nguyễn Duy Hình, v.v. nên tờ báo của anh có một mặt văn nghệ trầm lặng, không đủ sức tranh đua với các báo khác. Về sau do tiền bạc lục đục sao đó, Nguyễn Thành Trung âm mưu làm cuộc đảo chánh, kéo hết bộ biên tập trang ngoài lẫn trang trong của báo *Dân Ta* sang báo *Dân Tiến* mà anh muốn được *manchette* vào lúc đầu. Nguyễn Thành Trung kiện toàn thêm nơi trang trong một truyện chương của Tiền Phong và một tiểu thuyết tình cảm xã hội của tôi. Tội nghiệp cho anh Nguyễn Vỹ đến ngày hôm sau xách cặp tấp ra tòa soạn thì tòa soạn trống rỗng không có ai, kể cả ê-kíp thợ sắp chữ. Báo *Dân Ta* vì thế phải sập tiệm luôn.

Về sau, anh Nguyễn Vỹ bị tử nạn trên chuyến xe lô-ca-xông trên đường Mỹ Tho - Sài Gòn, Nguyễn Ang Ca lúc đó là chủ nhiệm nhật báo *Tin Sớm* vì tình cũ nghĩa xưa đứng ra lo việc tống táng cho người đàn anh bạc phước trong nghề nghiệp ấy!

Trong thời gian sống với làng báo, tôi chứng kiến được ba cuộc đảo chánh tòa soạn. Lần đầu do Nguyễn Kiên Giang đảo chánh ở báo *Tiếng Chuông*, chỉ thành công phân nửa vì chủ báo *Tiếng Chuông* là anh Đinh văn Khai cũng có thủ đoạn đối phó, thêm vào là nhờ Phạm Thăng, Nguyễn Ang Ca, Quốc Phụng, Từ Thành, v.v. giúp rập nên báo *Tiếng Chuông* vẫn đứng vững. Lần thứ nhì do Nguyễn Thành Trung chủ mưu dành độc giả của *Dân Ta* và được thành công như tôi vừa kể trên. Lần đảo chánh thứ ba trong làng báo là Anh Quân muốn phá sập tiệm tờ *Tia Sáng* của anh Nguyễn Trung Thành nhưng bị thất bại.

Số là Anh Quân làm tổng thư ký đầu tiên của nhật báo *Tia Sáng* lại có công trong cuộc tranh đấu xuống đường để phản đối lệnh đóng

cửa báo của Giám đốc báo chí Phạm Ngọc Thảo (Việt Cộng trá hàng) trong thời Nguyễn Khánh làm thủ tướng chánh phủ.

Kỳ xuống đường biểu tình và tuyệt thực ấy có Văn Khôi, Song Nhi, Thy Hạ, Anh Quân và tôi, ngồi lì trước số 2 đường Thống Nhất, ngang xéo phủ Thủ tướng. Nhiều văn nhân, ký giả ủng hộ phía sau, sốt sắng nhất là Cát Hữu và Tô Văn. Cuộc tranh đấu được thành công hoàn toàn. Lệnh đóng cửa báo *Tia Sáng* được thu hồi. Báo *Tia Sáng* bán rất chạy. Có lẽ vì thế nên Anh Quân sinh ra bất mãn với chủ báo không đền đáp đúng công sức của anh. Anh toan kéo bộ biên tập theo, nhất là người viết trang trong. Lúc bấy giờ trang trong của *Tia Sáng* được ăn khách nhất là *Lệnh Xé Xác* của Lã Phi Khanh và truyện tình cảm xã hội *Bơ Vơ* của tôi. Lã Phi Khanh bằng lòng đem *Lệnh Xé Xác* theo Anh Quân, còn tôi thì không, vì tôi không quen lệ làm như vậy. Dầu tôi có bất bình chủ báo cách mấy, tôi cũng chờ khi chấm dứt tiểu thuyết của tôi cách đường hoàng rồi mới nghỉ việc, không hợp tác nữa.

Khi Lã Phi Khanh tuyên bố rút *Lệnh Xé Xác*, Nguyễn Trung Thành chơi với lo sợ, nhưng may là có Hồng Sơn, khi ấy phụ trách trang trong, giỏi bùa phép, tìm người thay thế ngay. Nguyên truyện chương *Lệnh Xé Xác*, nguyên bản là một truyện chương xuất bản ở Hồng Kông cũng không hay lắm, ban đầu đăng trên *Tia Sáng* do Tiền Phong Từ Khánh Phụng dịch, được ít lâu không hiểu có điều chi bất đồng ý kiến với chủ báo, Tiền Phong không giao bài nữa, tính cho *Lệnh Xé Xác*...không còn xé xác ai nữa. Hồng Sơn liền đi vào Chợ Lớn, quần khắp các hàng bán sách Tàu, mua ngay được bộ *Lệnh Xé Xác* trao cho Vũ Bình Thư lấy bút hiệu Lã Phi Khanh dịch. Hồng Sơn bảo Lã Phi Khanh moi từ đoạn sau đánh giết nhau của pho chương nọ

làm đoạn đầu thật sôi nổi, hấp dẫn. Chẳng đó *Lệnh Xé Xác* mới được ăn khách.

Lã Phi Khanh rút *Lệnh Xé Xác* của anh dịch đi rồi mà *Lệnh Xé Xác* vẫn còn đăng trên báo *Tia Sáng* như thường, do thế anh mới kiện báo *Tia Sáng*, đòi bồi thường tác quyền mấy triệu đồng. Phiên Tòa xử thật sôi nổi, anh em làng báo và độc giả đi xem rất đông. Có thể nói đó là vụ án báo chí lớn. Ai cũng độ chừng Lã Phi Khanh được thắng kiện, không ngờ tòa xử anh thua, vì tại Tòa báo *Tia Sáng* trình bày rằng Lã Phi Khanh tức Vũ Bình Thư chuyên viết khiêu dâm song không nổi tiếng bằng Lê Xuyên, không biết chữ Trung Hoa, làm thế nào dịch được truyện Tàu? Tòa không tin thì cho Lã Phi Khanh đọc và dịch một trang *Lệnh Xé Xác* nguyên tác xem sao. Chừng đấy, thiên hạ mới ngã ngửa ra: Lã Phi Khanh không biết chữ Tàu làm thế nào phiên dịch truyện chương Hồng Kông được? Thì ra Lã Phi Khanh có cô vợ bé người Minh hương. Chính cô này đọc truyện chương Hồng Kông rồi thông ngôn cho anh để từ đó anh phóng tác ra.

Trong cuộc đời viết báo của tôi, thăng trầm mấy đợt, nhưng gian nan khổ ải, nhọc nhằn nhứt là lúc tôi giải ngũ với một cánh tay không sử dụng được, mà lúc tôi mê theo nghiệp dĩ, gác bỏ hầu hết các tiểu thuyết đang viết để về Cần Thơ làm tờ báo miền Tây.

Về việc làm tờ nhật báo gọi là báo vùng miền ấy dài dòng, đáng cay chua xót lắm, và là nguyên nhân làm tôi suýt sạt nghiệp, phải buộc lòng nhận viết cho 13 tờ nhật báo để trả nợ.

Khi tôi giải ngũ trở về làng báo một cách khá cam go, cực khổ. Đến anh Văn Hoàn khi ấy là tổng thư ký Nghiệp đoàn Ký giả Nam Việt cũng ngần ngại không ghi tên tôi gia nhập bởi có một lệnh cấm quân nhân và công chức viết báo. Sau này lệnh đó bị bãi bỏ. Tôi viết

lèo tèo cho vài tờ báo với tiền nhuận bút thấp, chỉ có tờ tuần báo quân đội do anh Thy Vân (lâu quá tôi không nhớ rõ) làm thư ký tòa soạn, nhờ tôi viết một tiểu thuyết gián điệp, trả tiền nhuận bút tương đối cao. Nhưng tôi cũng không viết được lâu vì một tai nạn dụng xe.

Đấy là một hôm tôi chạy xe mô tô đến giao bài tại báo quán đặt nơi Cục Chiến tranh Chánh trị ở đường Hồng Thập Tự. Khi ra về, đến một ngã ba đường, bị một xe tắc xi tông vào khiến tôi bị lật xe ngã ngang. Tuy quấy đến mười mười, anh tài xế tắc xi còn ngoác miệng bảo qua cửa kiếng:

- Ông không thấy xe tôi quẹo sao mà ông chạy tới?

Tôi chống tay đứng dậy, nhưng lại ngã xuống. Tôi bảo anh ta:

- Anh dụng gãy chun tôi rồi, còn nói gì? Tôi không làm khó dễ gì anh, vì có bảo kê lo. Nhưng anh phải chở tôi đến bệnh viện.

Chừng ấy anh tài xế mới hốt hoảng mở cửa xe bước xuống xem tôi có bị gãy chun thiệt không. Sau đó anh chở tôi vào bệnh viện Đò Thành.

Tôi không lo về cái chun gãy mà lo trễ bài nhà báo, bẽ mặt nời cơm. Tiễn nội phải đem bàn máy chữ vào bệnh viện cho tôi lên viết bài. Khi đó, vào khoảng 1959, con gái đầu lòng của tôi là cháu Vân Nga (hiện thời ở Pháp) mới được 7 tuổi mà cháu lãnh phần đi giao bài hàng ngày cho các báo, tiếp xúc với các tòa soạn, với chú bác tổng thư ký, chủ báo, v.v. Ai cũng khen cháu thông minh, lanh lợi và giúp cho cha khỏi bị thất nghiệp. Cả đến kỳ lãnh tiền, cháu cũng thay tôi ký "bông", ra kết lãnh tiền không lẫn lộn tơ hào. Cháu đi giao bài suốt hơn sáu tháng trời, vì tôi sau khi cắt băng bột lần thứ nhứt lại trượt gây té gãy lại chun tưởng đã lành, phải băng bột lần thứ hai. Cháu Vân Nga cứ mỗi sáng, chiều, trừ giờ học ra lại phải đi giao bài, đổi xe buýt từng chặng, chạy qua các

đường phố tấp nập xe cộ để giao bài cho kịp giờ. Cháu không hề lộn bài này trao cho tòa soạn kia. Nhiều khi anh em thợ sắp chữ bảo đùa rằng không phải, cháu cãi lại ngay. Chỉ có tòa soạn tuần báo quân đội ở quá xa, không đường xe buýt, cháu mới không đến giao bài được. Thật tôi đã phụ lòng anh Thy Vân. Về sau khi tôi lành chun, tiện nội cố vét hết hụi non, hụi già để sắm cho tôi một chiếc xe ô tô hiệu Angléa fourgonnette (vì gia đình đông con) để tôi khỏi bị gãy chun nữa. Thế là, bỗng nhiên tôi thành một trong số ký giả rất hiếm lúc bây giờ có xe hơi nhà để đi.

Tuy nhiên sau đó tôi viết nhiều báo, các con gái tôi, ba cháu đầu lòng vẫn luân phiên chạy xe gắn máy giao bài cho phân nửa số báo tôi đã thức vào ba giờ sáng để viết đến 9 giờ, sau đó khi đã dùng qua loa "khúc cơm tay cầm", tôi lái xe đến các tòa soạn còn lại mà tôi hợp tác để hoàn tất công việc làm ngày hôm ấy, cũng đến 3 giờ chiều. Anh Tam Ích thường bảo tôi:

- Sao anh viết khỏe thế. Sức trâu cũng không được, phải là sức voi.

Các bạn văn lấy làm lạ sao tôi có trí nhớ dai, tạo dựng ra hàng trăm nhân vật mà không lẫn lộn, không làm truyện này xô sang truyện khác. Tôi cho đấy là may mắn thôi. Rồi nghề dạy nghề, cứ giữ mãi trong óc, trừ khi ngủ mà có khi nằm chiêm bao ra cốt truyện, thì làm thế nào quên lẫn được. Lúc nào trong trí óc tôi cũng có sẵn 5, 6 cốt truyện đã nghĩ hờ. Có hôm tôi đến tòa soạn *Tia Sáng* hơi trễ, tôi bảo anh xếp thợ sắp chữ vô cho tôi xem đoạn còn lại của ngày hôm trước. Anh này đem lên cho tôi một bản vở của một pác-kê chữ chưa in, tôi xem xong lắc đầu bảo tôi đã viết qua khỏi đoạn ấy mà. Anh không tin, chúng tôi liền xuống phòng sắp chữ tìm một lúc mới ra một pác-kê khác quán giấy thun để trong góc tối. Anh xếp thợ bảo:

"Phục ông thiết, viết một lúc cho bao nhiêu báo mà không quên một đoạn văn nào."

Nhưng tôi cũng có một lần làm tên của người sống mà làm tên một nhân vật của tiểu thuyết. Đây là khi tôi viết một truyện gián điệp có một điệp viên phe ta gài ở lại Hà Nội và bị bọn phản gián Bắc Việt nhờ đám nằm vùng ở miền Nam báo tin, xử tội thất cổ, đâm ngáp dao găm vào ngực với bản án phản quốc cho tên phản động miền Nam là Nguyễn Long Ảnh. Khi đang viết, tôi không đủ thời giờ gõ máy chữ để suy nghĩ đầu chỉ vài giây đồng hồ, vì anh thợ sắp chữ đứng một bên chờ tôi gõ được bảy tám hàng lại đưa cây thước vào xé ngang cái rột rồi chạy te xuống phòng sắp chữ. Thế nên khi ấy ba chữ Nguyễn Long Ảnh bỗng nhiên đập vào trí óc và tôi chớp ngay để làm tên cho người điệp viên bị giết chết tàn nhẫn nọ! Một tháng sau tôi đến nhà thuốc tây ở góc đường để mua thuốc cảm, chợt nhìn lên bảng hiệu và trông thấy tên ông

được sĩ là Nguyễn Long Ảnh! Ông này mỗi khi trông thấy tôi đến mua thuốc vẫn bắt tay vui vẻ nói vài câu xã giao. Hôm ấy ông ta bắt tay cười cười, nói nói, tôi trong lòng bất ổn, cứ muốn chuồn nhanh đi và thăm vái ông ta chờ bao giờ đọc tiểu thuyết gián điệp.

Trong 25 năm làm báo ở Việt Nam, tôi bị một án báo chí, án treo, và 10 ngàn đồng tiền phạt khi tôi làm chủ nhiệm nhật báo *Miền Tây* xuất bản tại Cần Thơ.

Cần Thơ là thủ phủ miền tây, trước năm 1975, chỉ nhỏ hơn Thủ đô Sài Gòn và đứng hàng thứ nhì về mặt trù phú. Xưa kia, ông Trần Đắc Nghĩa, một thân hào miền Nam từng làm chủ gánh hát cải lương Trần Đắc, đã xuất bản một tờ tuần báo ra được có mấy số. Bây giờ, kỹ thuật in ở Cần Thơ chưa phát triển, chỉ dùng máy đạp chun (*pédale*). Cả thợ sắp chữ cũng chỉ biết sắp chữ in toa nhãn thuốc, hoặc các trang chữ sách rất hiếm, xuất bản ở Cần Thơ. Thế mà tôi dám về Cần Thơ chủ trương một tờ

nhật báo là sao? Nguyên vì trước đó, ông Trần Chánh Thành còn làm bộ trưởng Thông tin, tôi có nộp đơn xin ra báo. Nhưng đơn của tôi bị ngấm giấm trong tủ hồ sơ của Bộ. Đơn tôi gửi trước đơn anh Nguyễn Mạnh Côn. Đến sau, anh Côn được ra báo, còn tôi thì không. Tôi làm đơn kêu nài. Lúc ấy Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương của tướng Kỳ ra lệnh đóng cửa hết thầy các nhật báo Việt ngữ. Các bạn làng báo cương quyết tranh đấu đòi quyền tự do ngôn luận. Trong cuộc họp báo tại phòng Báo chí ở số 2 đường Thống Nhất, khi tướng Kỳ ra lệnh đóng cửa các nhật báo, anh em ký giả đều kêu ồ lên và đứng lên bỏ họp. Tướng Kỳ nói qua mấy vi âm:

- Lời phản đối của anh em nhà báo không to bằng tiếng súng đại liên nơi trận Bình Giả đã bắn chết 2.000 Việt Cộng.

Tôi nghe vậy, tức khí, quyết trở vào. Anh Nguyễn Kiên Giang bảo tôi:

- Anh vào làm gì vô ích với tên tướng trẻ con, cao bồi ấy. Không khéo, hấn lại bắn anh!

Tôi nói có bắn chết tôi cũng phải nói. Anh Tô Văn bảo các anh em cùng trở vào, nếu tôi có bị hại, bị bắt thì cứ la to.

Tôi trở vào phòng họp, lòng sôi nổi quá nên cũng không nhớ mình nói gì, nhưng đại khái yêu cầu chánh phủ xét lại vấn đề. Chánh phủ Kỳ xưng là chánh phủ của dân nghèo. Báo chí lại là gạch nối liền giữa báo chí với chánh quyền, nói thay tiếng nói của người dân lành bé cổ ngắn lờ, nếu chánh phủ đóng cửa các báo, dân nhờ cậy vào đâu để cho chánh quyền hiểu? Và như thế sao gọi là chánh phủ của dân nghèo?

Tướng Kỳ nghe xong, bàn tính với các tướng lãnh khác rồi rút lại lệnh đóng cửa các báo, hẹn hôm sau đại diện các báo sẽ họp trong dinh Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương để loại bớt những chủ báo



thuê *manchette*, chỉ để lại những chủ báo do ký giả xuất thân. Do thế đơn kêu nài của tôi cũng được cứu xét và Ủy Ban Hành Pháp Trung ương chỉ chấp thuận cho ra báo Vùng, báo Miền thôi.

Trong làng báo lúc đó, có ký giả nào không muốn đổi vai trò từ người viết mướn sang người mướn viết, miễn là không bóc lột lại người viết mướn như mình. Có tờ báo trong tay, tất có đất... dụng văn nhiều hơn và ai cũng hy vọng là mình sẽ thành công với đứa con tinh thần mình tạo ra ấy.

Tôi về Cần Thơ làm tờ nhật báo *Miền Tây* với sự không đồng ý của gia đình. Thân phụ tôi tuy không nói ra song rất lo buồn, Người biết cái mê của tôi, không lên tiếng ngăn cản. Vợ con tôi hết lời khuyên ngăn. Các bạn làng báo lúc đầu không hiểu sao tôi hay nhảy vào những chuyện khó! Nguyễn Kiên Giang bảo tôi: "Anh điên quá, đang viết tiểu thuyết ăn khách ở Sài Gòn hốt bạc có khỏe không, đại gì bỏ hết để về đó làm báo. Anh không thấy tui tui làm báo ở Sài Gòn còn trầy vì tróc vẩy, mất ăn mất ngủ vì lo bị cắt, bị đục, làm tin thua báo khác, báo bị trả về nhiều, tiêu ma vốn liếng đến lúc...xách gậy đi ăn mày! Anh tự dút cổ vào tròng làm chi?.."

Còn anh Phi Vân, Việt Quang cứ bảo tôi gan liều, làm một công cuộc khởi đầu hoang sơ. Từ việc nhà in, lò đúc, tin tức nóng sốt đến cả tổ chức phát hành...Trong bộ biên tập tình nguyện xuống Cần Thơ giúp tôi có Thy Ca làm tổng thư ký tòa soạn, Cao Trần làm đặc phóng viên kiêm bắt tin tức các đài BBC, VOA, v.v. Kiên Giang Hà Huy Hà phụ trách trang đồng quê, Hải Bằng ở Sài Gòn đọc tin AFP qua điện thoại mỗi 10 giờ đêm, Chí Trung đặc phái viên ở Hậu Giang cùng một số anh em ký giả trẻ muốn tìm mảnh đất để khai hoang, bài quan điểm do Việt Quang viết, cùng với các tiểu thuyết trang

trong, mỗi ngày theo xe phát hành Đồng Nai chở báo xuống tổng đại lý Nam Cường ở Cần Thơ đem đến dùm. Tiểu thuyết chủ lực, ngoài những tiểu thuyết do các bạn văn giúp, là "*Người đẹp bến Ninh Kiều*" của anh Bình Nguyên Lộc. Tôi vì bận việc, chỉ đăng lại một tiểu thuyết cũ tựa là "*Yêu tự do*". Tiểu thuyết này trước đây đã đăng trên báo do Đạm Phong chủ biên nhưng Đạm Phong sợ để hai chữ "tự do" thì kẹt với Bộ Thông Tin, tự ý bỏ hai chữ ấy, thành thử vô tình mang tên một tiểu thuyết nổi tiếng của anh Chu Tử.

Nhưng năm đó, 1966, tôi vấp phải cái số...con rệp! Dù chuyện gì đã tổ chức chu đáo, đến giờ chót lại trục trặc hay hư hỏng! Thoạt đầu, anh Nguyễn Trung Thành chủ nhiệm *Tia Sáng* cũng muốn mở rộng báo đến các làng xóm ở Hậu Giang, bằng lòng hùn vốn. Anh cho chở hai giàn máy in Đài Loan, 500 ram giấy in báo xuống báo quán, do tướng vùng lấy từng trệt căn nhà của ty Chiêu Hồi cấp cho, ở số 3 đường Thủ Khoa Huân gần bến Ninh Kiều, nhưng sau đó anh Thành rút lui vì không tin người quản lý do Hồng Sơn đề cử, tôi chơi với vô cùng nhưng cũng quyết định cùng Hồng Sơn đi tới.

Hồng Sơn với tư cách Giám đốc chánh trị, lo việc ngoài ở Sài Gòn, tôi lo việc trong của tờ báo tại Cần Thơ. Cả tòa soạn hăm hở làm việc, chịu nhiều hy sinh. Đến ngày ra báo, sau khi các khuôn chữ chì làm xong, đưa sang lò đúc, anh em tòa soạn ngồi uống trà giải lao, chợt anh thợ lò đúc nhảy xổ vào tòa soạn la lên:

- Hồng rồi! Bột gạo để rắc lên khuôn chữ gỗ không giống bột ở Sài Gòn. Rắc lên đâu, chảy nhoe nhoẹt đến đó! Mèn đét qui thần ơi!

Cả một công trình sắp xong lại vấp phải một công việc rất nhỏ nhặt! Anh thợ đúc không biết bột ở đây không giống như bột anh thường dùng ở Sài Gòn nên không

dem hờ một ít xuống. Cả tòa soạn túa ra chợ mua bột, bao nhiêu thứ đem về thử cũng không xong. Đến nửa đêm đành phải đưa khuôn chì vào máy chạy, dù sau này bị hao chữ! Đến sau, cả tòa soạn suýt ngã ngựa ra vì anh thợ đúc học nghề của bạn, không biết thứ bột ấy là *poudre de Talc* (phấn tan) ở bất cứ nhà thuốc Tây nào cũng có bán.

Số báo đầu, ngoài 5000 tờ gửi xe nhà phát hành Đồng Nai đem ngược lên Sài Gòn để phát hành ở miền Đông Nam Việt và miền Trung, còn 4000 số thì nhờ tổng đại lý phát hành Nam Cường ở tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ) phân phối khắp miền tây. Số báo bán tại Phong Dinh kiểm chứng được rất nhanh là 2300 tờ. Đây là một kết quả rất khuyến khích. Cả tòa soạn vui mừng, làm việc bất kể giờ giấc. Qua đến số báo thứ nhì, giữa đêm, khi hai cỗ máy chạy rầm rập thì bỗng nghe kêu đánh rắc một tiếng: cỗ máy lớn, cỗ máy chủ lực của báo ngưng chạy. Thì ra nền lún do lỗi thợ nề không chuyên nghiệp ở Cần Thơ, cỗ máy nặng, chênh đi một chút, một bộ phận quán trọng phải gãy. Máy không thể chạy được, xài được. Thợ Cần Thơ không sửa chữa nổi. Mãi mấy tháng sau, thợ Sài Gòn mới chịu xuống xem máy, trở về mua đồ phụ tùng chở xuống để sửa máy chạy lại được. Nhưng đến khi ấy tình hình chiến sự gia tăng, Việt Cộng thường đắp mô trên nhiều khúc đường lưu thông Cần Thơ - Sài Gòn, cấm xe cộ qua lại. Khi ấy xa lộ miền tây chưa mở, tuyến đường Sài Gòn Cần Thơ - Sài Gòn (169 km) phải dùng con lộ cũ có nhiều khoảng ven sông hay ngập lụt lại rất nguy hiểm như vùng quận Ba Càng có nhiều nơi sầm uất, Việt cộng thường núp bên trong bắn ra. Báo *Miền Tây* in xong, chất cả chồng cao tại tòa soạn, không chờ đến giao cho nhà phát hành được, thật đau lòng xót dạ biết bao! Nhứt là khi đó tờ báo đã tạm vững, miền

tây Nam Việt tiêu thụ khá, cả đến miền Trung, trong thời Phật giáo tranh đấu, cũng có một số độc giả quan trọng. Tôi đành phải xoay kế hoạch, số báo lên khuôn xong, lò đúc ra bản gỗ, năm giờ sáng tôi liều mạng ôm bản gỗ đi xe chuyền, học tốc qua phà, qua bắc, vượt hết các trở ngại để đến chuyển xe Vĩnh Long về Sài Gòn sao cho trước 11 giờ, kịp giờ Hồng Sơn đã chuẩn bị chỗ in và giấy báo để in ngay 5000 số báo giao cho nhà phát hành Đồng Nai trước 1 giờ trưa. Tôi giao xong bản gỗ cho Hồng Sơn lại lộn trở về Cần Thơ, không kịp cơm nước, không ghé qua nhà, để về đến Cần Thơ trước 6 giờ chiều, đủ thời giờ ngồi vào bàn viết bài cho số báo lên khuôn vào 11 giờ đêm. Tôi chỉ ngả lưng ngủ được đến 5 giờ sáng, lại ôm bản gỗ về Sài Gòn, làm lại tất cả những gì hôm qua đã làm. Lắm khi tôi ôm bản gỗ vượt qua quãng đường đắp mô, đi lăm lũi trên khúc đường 2, 3 cây số lạnh tanh, vắng ngắt, rùng rợn vô cùng. Tôi sợ từng bước đi, rủi vấp vào một dây nào của trái nổ banh thây, hoặc trúng phải một viên đạn lạc xuyên vào người! Như một bà mẹ có con bị bệnh, ôm con đi tìm thuốc, tôi cũng ôm bản gỗ của tờ báo để cố gắng cứu sống đứa con tinh thần!

Tôi chỉ ngưng phát hành báo *Miền Tây* sau ít lâu bị cái án báo chí nọ thôi. Nguyên do bởi một bài phóng sự của một sinh viên đại học Cần Thơ ham mê báo chí. Gần nhà cậu sinh viên ấy, nơi xóm Nhà Thờ có một cô gái quê chạy loạn đến ở, không kể sinh nhai, phải chịu nghèo túng khổ sở. Gần đấy có ông thầy chùa (có lẽ là thầy cúng) thương tình mới nuôi cô ăn học thành nghề thợ may. Khi thành tài, cô gái nọ không nhòm nhối gì đến ân nhân lại đi tò tí với một sĩ quan giáo phái. Ông thầy cúng mới tức mình đến nhà phân trần. Đòi chối nhau một lúc, chị của cô gái nọ mới lấy guốc Đa Kao đập lỗ đầu

tình mù

*Nàng bịt mắt chàng bằng giải lụa đào
Chàng bịt mắt nàng bằng nỗi xôn xao
để không còn thấy những ràng buộc cũ
đèn tắt, đêm mù, họ đuổi bắt nhau.*

*Nàng hát ru chàng hay hát ru con
cái điệu ầu ơ héo hắt tâm hồn.
Chàng ở bên kia bờ để hạnh phúc
đập đập, xây bờ, lấp bể, dời non.*

*Ví dầu, ơ... cầu ván đóng đình
cầu tre lắt lẻo câu hát ân tình
Chèo chống nỗi buồn, dòng đời thác lũ
nàng giạt trôi về biển cả mệnh mông.*

*Chàng đón nàng trên hải đảo bình yên
vết cắt san hô trên gót chân mềm.
Nàng và đời chàng đêm mù ân sủng
công dã tràng, chàng se cát thâu đêm.*

*Nàng hát ru chàng câu hát ru con,
Tượng đá ngàn năm duyên nợ mỗi mòn.*

hoàng chính

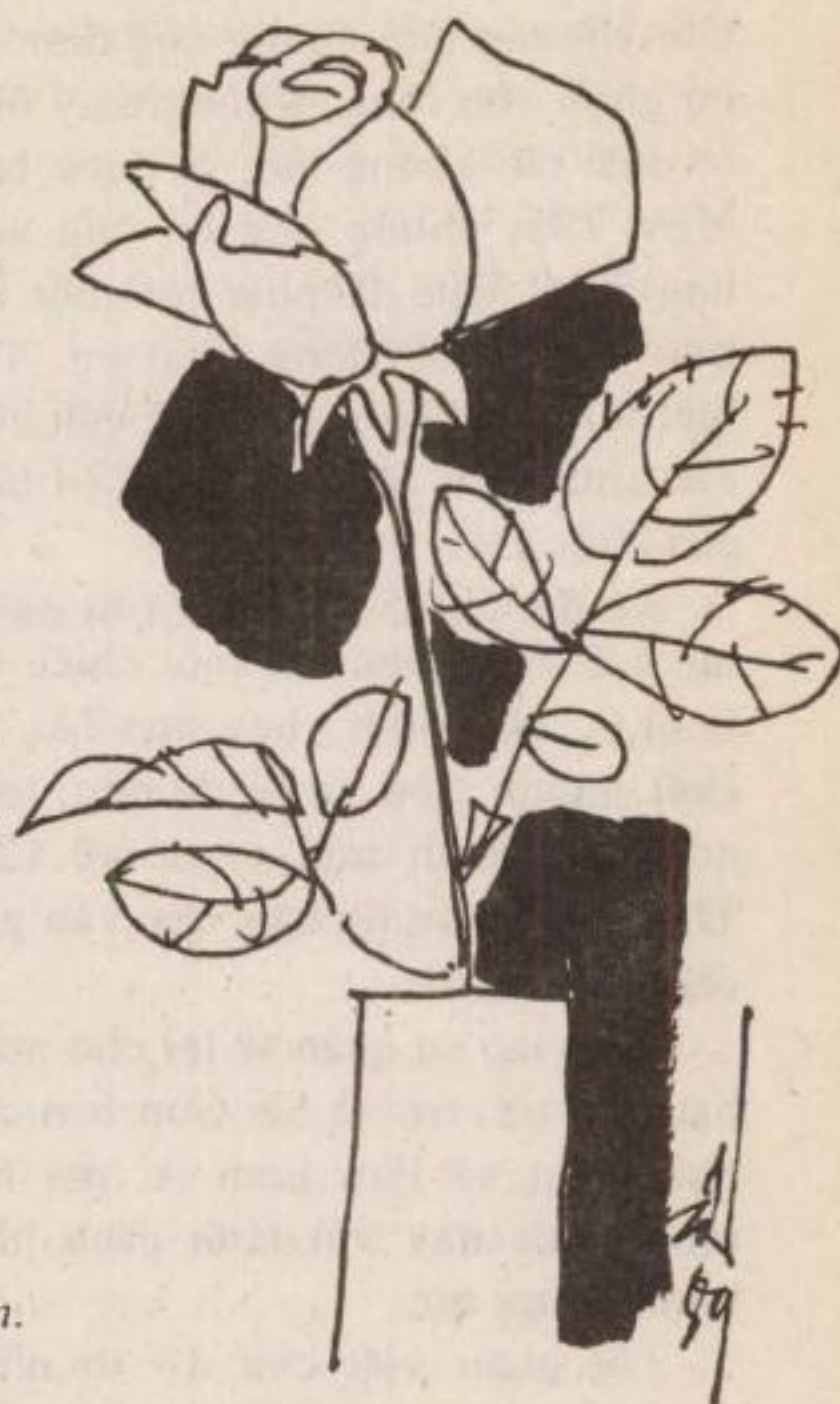
ông thầy cúng. Vì ân nhân nọ thấy mình làm ơn mắc oán, mất cả mối tình, liền ôm cô gái nọ cắn sứt lỗ mũi. Việc này chỉ đến vậy, song cậu sinh viên kết luận một câu: "Cả lối xóm trông thấy hành động của chị em cô gái nọ đều bảo là thật ác ôn!"

Bài báo đăng trong khi tôi vắng mặt ở Cần Thơ. Sau khi báo ra, gia đình cô gái đến báo quán yêu cầu nhà báo chỉ cho biết ai đã viết bài nọ. Nhà báo không thể làm theo lời yêu cầu ấy vì xưa nay báo chí vẫn giữ kín lý lịch của người viết bài. Thế là gia đình cô gái đâm đơn kiện nhà báo.

Khi ấy tôi đi Rạch Giá làm phóng sự điều tra về ông tỉnh trưởng P., hạm tham nhũng lộng hành, dám bắt giam cả ông Chánh Tòa tỉnh Kiên Giang, khiến cho dân địa phương kinh sợ hãi hùng. Ông Tòa này nổi tiếng là Bao Công thời bấy giờ. Ông nhờ ông Chương

Lý Tối Cao Pháp viện ở Sài Gòn can thiệp mới được thả ra. Tôi viết phóng sự ấy xong, trở về báo quán mới hay có người đi kiện mình. Tôi xem lại bài báo, liền bảo anh Thy Ca: "Người ta kiện mình là phải. Vì nhà báo có quyền loan tin song không có quyền bình phẩm, nhứt là câu kết luận có tánh cách mạ lị công khai."

Quả thật, khi ra tòa, ông Chánh án tòa Phong Dinh là người miền Bắc Việt Nam, cứ bảo chữ ác ôn là lời phỉ báng, mạ lị nặng nề lắm. Nguyên ông này có một người em trai làm được sĩ có mở một nhà thuốc tây tại Phong Dinh. Năm rồi có cuộc bầu cử dân biểu và ông được sĩ ra ứng cử. Trên tờ báo *Miền Tây* lúc ấy, họa sĩ Hiếu Đệ có vẽ một hí họa: một ông thầy bán thuốc bán cho một chị đàn bà áo vá bông đứa con chảy re bên dưới, một chai thuốc xổ và chị đàn bà nói: "Sao mắc ác ôn vậy?" Việc



phê bình các ứng cử viên với một vẻ trào phúng như thế, báo chí Sài Gòn thường làm nhưng ông được sĩ nọ ghim vào lòng. Không may ông lại thất cử, không làm gì được báo *Miền Tây*, nhưng ông có ông anh làm Tòa. Tòa đã phạt tôi một án treo và 10.000 đồng phạt vạ. Tôi biết tôi bị án không vì bài viết của cậu sinh viên nọ mà vì bức hí họa của Hiếu Đệ.

Kế đó, chiếc xe của tôi bị đụng tan nát ở Gò Đen bởi một chiếc xe G.M.C. nhà binh chạy ẩu. Tài xế chết, người trên xe bị thương, tiện nội đáng lẽ đi trên xe để về Cần Thơ xem vụ án lại bận việc vào giờ chót, không đi.

Tôi giao sự quản lý lại cho mấy bạn văn trẻ, trở về Sài Gòn bán cái nhà ở cư xá Phú Lâm A, mà tôi mua trước đây với tánh cách phé bình, để trả nợ.

Tôi nhận viết cho 13 tờ nhật báo để trả nợ. Ngoài ra, đến thứ bảy, chủ nhật, tôi gõ máy thêm 10 trang cho nhà xuất bản của anh Diêu, chuyên xuất bản những tập truyện nhỏ hàng tuần để mua gạo cho gia đình.

Suốt 25 năm làm báo ở Việt Nam, tôi mơ ước có được một ngày nào đó, tôi sẽ ngủ thẳng cẳng, dang rộng hai tay trên giường cho đến 9, 10 giờ sáng để hưởng giờ khắc sự nhàn nhã, thoải mái của một người viết mướn không phải lo sợ thiếu bài, không ngại ê-kíp thợ sắp chữ ở tòa soạn nào đó đang trông ngóng mình. Cả trong giấc chiêm bao cũng yên ổn, không thấy thiếu bài, kẻ chờ, người trách...

Điều ao ước nhỏ bé ấy rồi cũng có ngày đến. Nhưng hồi ôi, nó đến trong thời gian gay gắt nhất của làng báo: các báo đăng bài chống độc tài tham nhũng bị đóng cửa, chủ nhiệm phải bị truy tố ra Tòa! Rồi đến ngày *Nhà Báo Ấn Xin*, các ký giả, bị, gây xuống đường, để về sau đi đến cái ngày máu lệ của cả dân tộc, ngày 30 tháng Tư đen năm 1975! *

xóm cũ

LTS.— Để gọi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về Một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sỏi chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Quê Rích Quê Rang

Trần Ý

(sáng-tác quốc-nội)

Ai đi trên quốc lộ 1 xuyên qua huyện Mộ Đức (Quảng Ngãi) đến miệt Vĩnh Phú, Thiết Trường, Chu Me, nhìn về phía biển thì thấy xa xa một dãy đồi màu gạch nhô lên sau một rừng cây xanh. Đó là làng tôi, Quít Lâm, nay thuộc xã Đức Phong.

"*Tư Nghĩa phủ, Mộ Đức huyện, Qui Đức tổng, Vạn Phước Đông xã, ngụ cư Ca Đức tổng, Quít Lâm thôn...*" Đó là câu mở đầu bản phân thư cha tôi lập năm Khải Định thứ sáu (1921) thuận phân gia sản giữa anh chị em với nhau. Có mấy điểm đáng chú ý là các địa danh theo thời gian mà biến đổi, ranh giới địa phương, phạm vi hành chánh cũng vậy; việc kiều cư ký ngụ cũng có phần khác ngày nay, theo đà Nam tiến của dân tộc hoặc chế độ đương quyền.

Ngày trước tỉnh Quảng Ngãi có tên là phủ Chương Nghĩa, thuộc trấn Quảng Nam, ranh giới ăn sâu vào Bình Định. Về sau Quảng Nam, Quảng Nghĩa đều trở thành tỉnh. Quảng Nghĩa nhỏ hơn, quan đầu tỉnh là tuần vũ. Quảng Nam rộng, đông dân hơn, ở vào vị trí xung

yếu, có quan tổng đốc gọi là Nam Ngãi tổng đốc (đọc trại là Ngãi để tránh tên húy). Phủ Tư Nghĩa có một tri phủ, huyện Mộ Đức có một tri huyện. Dưới cấp phủ hay huyện còn có cấp tổng, dưới quyền của một chánh tổng và một phó tổng và chỉ có nhiệm vụ thanh sát. Nói về làng thì làng rộng và đông dân hơn gọi là xã, làng nhỏ hơn gọi là thôn. Xã hay thôn đều có lý trưởng riêng, biệt lập với nhau. Thôn gồm có nhiều ấp.

Trong quá trình di dân lập ấp thì nhóm người đến trước khai phá vùng nào thì làm chủ vùng ấy và có miếu thờ *Tiên hiền*. Nếu kiều dân còn thừa thớt, chưa đủ điều kiện trở thành một đơn vị hành chánh thì tiếp nhận thêm đợt di dân bổ sung. Nhóm sau này cũng lập miếu thờ ông tổ của mình gọi là *Hậu hiền*. Còn những người lẻ tẻ vì một lý do nào đó đến cư ngụ về sau thì gọi là dân *ngụ cư*. Dân ngụ cư không được hưởng đầy đủ quyền lợi như dân *chánh quán*, như không được nắm những chức năng hành chánh và nếu có xảy ra tranh tụng gì với dân chánh quán có thể



chịu thiệt thòi hơn. Như cha tôi, chỉ được chức *Điển lễ*, tức là chỉ phụ trách phần nghi lễ tế tự trong làng. Xem các liễn đối ở các đình, chùa miếu Trung Yên, tôi đều thấy có nét chữ của cha tôi. Ngụ cư đến thế hệ tôi là đời thứ sáu mà sao không xin nhập tịch làng Quít Lâm? Có lẽ tổ tiên không muốn xuất tịch khỏi chánh quán cùng huyện là Vạn Phước Đông, vì còn bao nhiêu ràng buộc tinh thần với quê xưa: mồ mả ông bà với bao nhiêu tộc phái còn ở đó. Vả chăng, tuy không chức vị nhưng vẫn thuộc hàng được trọng

vọng trong thôn.

Trong những ngày đầu Cách mạng tháng 8 năm 1945, tỉnh Quảng Ngãi được đổi tên là Lê Trung Đình, phủ Mộ Đức trở thành phủ Nguyễn Bá Loan, tổng Ca Đức thành tổng Nguyễn Lâm. Mấy tháng sau thì tên cũ được trả lại cho tỉnh cho phủ (đổi thành huyện); cấp tổng bị bỏ hẳn. Vào khoảng 1946, Quít Lâm được sát nhập với Văn Hà (quê mẹ tôi), Thạch Than và Chu Me thành xã Đức Phong. Sau hiệp định Geneve, vùng này thuộc chánh phủ quốc

gia, huyện đổi thành quận. Đức Phong trở thành xã Đức Thuận. Rồi sau ngày 30.4.75, hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định nhập lại thành Nghĩa Bình, quận trở lại thành huyện, xã lấy lại tên cũ là Đức Phong. Qua năm 1991, tỉnh Nghĩa Bình được phân hai như cũ.

Tôi đã đi nhiều nơi nhưng chưa thấy làng nào đẹp bằng làng Quít Lâm. Đây là cái nhìn của tôi từ lúc nhỏ cho đến năm bốn mươi tuổi rồi quê hương mà đến nay (1992) chưa có một lần về.

Thật vậy, Quít Lâm dựa lưng về biển Đông, xây mặt về quốc lộ 1, cong cong hình bán nguyệt ôm lấy một cánh đồng phẳng phiu, bát ngát, mỗi mùa mang một sắc khác nhau: mùa lúa con gái thì là một tấm thảm xanh, mùa lúa chín thì là tấm thảm vàng, mùa mưa lụt thì trắng băng mây nước. Từ đầu đến cuối làng là một lũy tre xanh không đứt đoạn tỏa bóng mát ban mai xuống mặt đường làng nằm đúng ở mặt tiền. Ở hai đầu thôn, con đường thẳng thoáng mới lần khuất trong xóm. Đi xuyên qua làng trước canh trưa khỏi phải đội nón, trừ một ít đoạn đường phải rời nơi có bóng mát để được thẳng hơn. Sau lũy tre là rừng cây rậm rạp ôm lấy chân đồi. Chỗ nào rậm nhất và hơi cao, người ta gọi là *động*. Chỗ nào phẳng và thưa hơn, người ta gọi là *cấm*. Khắp nơi đều có cây gai quít. Quít mọc cả ở hàng rào nhà ở, hàng rào vườn khoai lưng đồi. Vì thế mới có tên là *Quít Lâm* (1).

Chỗ nào chân đồi lẩn ra đến ruộng thì nhà ở sắp thoải thoải theo triền đồi. Thỉnh thoảng có những con đường ngang xuyên qua xóm, qua rừng hay men theo thung lũng đâm ra rừng cát trước khi đến thôn Đạm Thủy hay đến biển: đường Giếng Quán, đường cái Xe, đường Lỗ Tây, đường Mương Tố...

Rừng cát, đó là cát biển ăn sâu vào nội địa mà dân làng đã biến thành đất trồng trọt hòa màu phụ gọi là *rẫy*: tía đậu, trồng mía, lang, khoai, củ lã, củ từ, ngon nhất là củ từ trồng trên núi. Xin nhớ là dân

làng không dùng tiếng *đời*, chỉ gọi là *núi*; còn chữ *khoai* chỉ dùng cho loại khoai môn, các loại khác đều gọi là *củ*. Nơi dải cát không trồng trọt có một điều lạ là giữa vùng cát vàng có chen một đường cát trắng như bông, hẹp chừng trăm mét hay có chỗ mấy chục mét, nhưng *đời* không bao giờ lẫn lộn nhau. Nơi đó từ xưa người ta tổ chức một trò chơi tập thể quy mô gọi là *đánh củ*, không hề thấy ở những nơi khác. Trò chơi này một thời bị người Pháp cấm lúc đảng Cộng sản còn hoạt động bí mật. Trước khi ra đến biển thì cát đùn lại thành những nếp nhăn dài chạy từ bắc chí nam men theo bờ biển. Giữa hai nếp nhăn có một đường nước ngọt, mùa mưa thì nước sâu đến gần lút sào, phải có ghe, đồ mới qua được. Ngày trước chưa có cầu, nghe có lần đồ chìm, đàn bà đi chợ bị chết đuối nhiều.

Biển Quít Lâm nước xanh rờn, trong vắt, nhưng tắm hơi nguy hiểm vì bãi không được thoải thoải ra tận ngoài xa như các bãi tắm khác. Người ta gọi là *bãi ngang*. Hồi tôi còn thơ ấu, có ai bày đặt ra chuyện tắm biển bao giờ! Về sau, anh tôi cho bắc cầu, lập thương cuộc, trồng dương liễu, bãi bể mới trở thành nơi phồn thịnh, tiếp đón khách tắm biển từ các nơi xa.

Trong làng có nhiều mạch nước ngọt trời lên khỏi mặt đất, trong và mát; đó là những nơi tắm giặt lý tưởng cho phụ nữ và trẻ nít: mạch động Lăng, Mương Tố, Giếng Mọi... Nước mạch chảy ra đồng tưới những gò ven thôn.

Đó là một toàn cảnh mỹ miều, nhất là đa dạng: có ruộng đồng rẫy bãi, có đồi núi biển khơi; có rừng xanh nuôi nhiều mạch nước lộ thiên, có lũy tre ấp ủ những mảnh vườn kín đáo. Gió nồm gió bắc, chớp bể mưa nguồn, bao nhiêu sinh hoạt rộn ràng, bao nhiêu trò chơi lý thú đã đặt vào tâm khảm đứa bé ngày xưa những kỷ niệm đầm thắm, những ấn tượng khó phai. Giờ đây chắc quang cảnh đã khác xưa nhiều.

*
* *

*Quê sao quê rích quê rang
Quê cả vừa làng, ông xã cũng quê.*

Câu này đem gán cho làng tôi thì đúng không chối cãi vào đâu được. Mà việc gì phải chối cãi? Càng quê mới càng đúng là quê ta, quê của mọi người. Vì tất cả đều phát xuất từ đó. Không *nhà quê* thì là *kẻ chợ*, nơi ở góp, thoát đến rồi thoát đi, chẳng mang theo một chút nhớ nhung gì nhẹ nhẹ và lâu bền. Tôi nhớ nhiều là nhớ cái *quê* ấy. Quê từ giọng nói xứ Quảng đến cái lối dùng tiếng khác lạ trong làng, rồi đến cái giọng lơ lớ trại nhẹ nhàng giữa xóm trên thôn dưới. Đến cả cái lối ăn, lối sống, lối nhìn sự đời.

Hãy nghe. “Hướ làng hướ xóm!” Họ la làng đấy. “Chu choa mẹ ời!” là họ biểu lộ sự mừng rỡ và ngạc nhiên. “Sao vậy hê?” chứ đâu có nói “Sao thế?”. “Đùng đảng đã mà” là có ý bảo thông thả. “Trình thầy tui về” chứ không nói “Thưa thầy con về”. “Nẫu hồng biết” tức là “người ta không biết”. “Thằng đi với cón” là “thằng chồng đi với con vợ”. Nàng then nói nhỏ “Dị ồm”, “ảnh li gớm”, nàng trách chàng chẳng biết xấu hổ. Cùng một xã Đức Phong mà nghe giọng Trà Niên là biết liền: trái ổi nghe như ồ-ỉ, mẹ nói gần giống như mẹ-ệ, còn cái thông mắm thì phương danh là cái thẳng. Mỗi lần được nghe lại đâu đây trên đường phố Sài Gòn là tôi thấy vui.

Nói “ăn chuối tráng miệng” người ta ngạc nhiên. Vì ở đây chỉ “tráng miệng” trong những dịp giỗ chạp và có khách quý. Mà tráng miệng thì phải làm trước khi cầm đũa, dùng “tô nước tráng” súc miệng rồi nhổ vào ống phóng trước khi ăn. Lâu lâu đến ngày kỵ cơm mới mua nhánh chuối cứng rồi để thông thả mới dọn xuống nhấm nháp một trái để thưởng thức cái mùi vị hiếm hoi. Trẻ nhỏ cũng được cho đưa một trái. Mà đâu phải nhà nào cũng có tiền mua chuối cứng, chuối đâu mà tráng miệng! Luộc rau muống vớt ra xong là trút nước

đi, đâu có biết nặn chanh vào chan ăn cho mát và bổ. Ăn như thế nghe lơ lửng ồm! Nói đến ăn độn thì nhất nhì thiên hạ. Lúa gạo thì hơi ít mà khoai sắn thì đầy núi, đầy nhà, phải xắt phơi chứa trong bồ để ghế cơm ăn mới mận miệng và no lâu. Ăn cơm không, chỉ làm lụng một lát là đói liền. Người ta ăn một ngày nhiều lần, tùy tính chất nặng nhọc của công việc. Như đi cuộc khó (cuộc ải) thì ngày phải ăn đến năm lần. Này nhé, sáng làm một ruột no cảnh rồi vác cuốc ra đồng. Nửa buổi, phải đem một bầu nước chè đậm và nóng với đường muống chắt cục. Trưa về nhà ăn cơm, ngủ một giấc dậy ăn chè hoặc đường cục với bánh tráng rồi đi cuộc tiếp. Tối về ăn cơm. Nếu hôm đó lại có giã gạo hát hồ (hát hò) thì chàng nào chịu chơi cứ ở lại trở tài rồi khuya lại được ăn chè nếp. Gớm, có khi họ thách nhau ăn giáp vòng nia, tức là chén chè đặt quanh vòng nia thành một hình tròn liên tục, ăn không hết là thua cuộc. Gia chủ nào chịu chơi thì khoái lắm.

Món ăn cũng thay đổi tùy dịp, tùy mùa. Như chất rơm thành đụn thì vào bữa xế ăn bún với nước cá hoặc hột vịt luộc giảm mắm ớt tỏi. Mùa đông thì thường dọn bánh xèo đúc khuôn gang với tép hay thịt heo. Sức ăn của người lao động làng tôi thì một lon gạo thấm thía gì, phải một lon rượu, có khi hai lon!

Về mặc thì có những đặc điểm là quần trật bờ lưng, khăn xéo vắt vai, túi hàm ếch, yếm đào yếm thắm, khăn trâu...

Hồi đó dân làng tôi đâu biết xài dải rút, cứ tằm vén lưng quần về phía trước rồi gập mí giắt vào phía trong. Muốn khỏi tuột thì buộc một sợi dây, mà đã có dây lưng thì yên trí, cứ kéo lưng quần cho cao rồi thả thông ra ngoài cho mát. Đó là *quần trật bờ lưng*. Đàn bà thì không bao giờ làm như vậy: bụng họ có nây (2) giắt mí không sợ tuột. Đàn ông có buộc dây lưng trườ thì đi đâu thường giắt *túi hàm ếch* đựng thuốc bôi trong dây lưng,

ngay phía trước bụng. Đó là một loại túi kết bằng khảm màu xanh đậm hay màu cứt ngựa, may hình cong cong như chiếc ghe, có ba hay bốn ngăn chứa mọi thứ cần thiết: thuốc rê, giấy quỳn, cau trầu, tiền với cái giấy thuế thân. Ra đường thì khăn xéo vắt vai cho nó ra vẻ. Nóng nực thì cởi áo vắt vai luôn, nhưng nhớ gặp các vị trưởng lão hay chức sắc thì lấy khăn, áo cầm tay cho nó lịch sự, xá cũng được mà không cũng chẳng ai bắt bẻ. Đàn bà thì không bận áo lót hay xu-chiêng như bây giờ mà bận yếm, lịch sự hơn nhiều. Đó là một tấm vải đen hay màu hồng, gần như hình tam giác, có dải cột choàng ra sau cổ và sau eo. Yếm vừa che ngực vừa là món trang sức của các cô đương độ xuân thì, nhờ màu sắc, nhất là cái cổ yếm là một công trình tuyệt xảo của các cô gái khéo tay: đường viền chạy chân rết, luồn được vào trong là cả một công phu. Kể ra cũng biết hở hang, chẳng kém các cô trên bãi tắm, và ra đường đi đâu gần gần mà chỉ bận yếm thì cũng chẳng ai rầy. Yếm có thể có túi lót bên trong để bỏ tiền, miếng cắn tròn (miếng kiếng) với vài miếng trầu ăn cho "đỏ mép đỏ môi". Nhưng người lớn tuổi, ăn trầu nhiều, thì thích cái khăn trầu giắt lủng lẳng bên hông, đu đưa theo nhịp bước.

Con nít đến mười, mười một tuổi còn ở trường cũng là chuyện thường. Đến giếng nước công cộng cũng vậy. Đàn ông tắm không bao giờ có mảnh vải che thân. Các bà có đi gánh nước về nấu cơm thì cũng cứ tự nhiên, người quen cả mà. Bà nào, cô nào đi làm về chưa có thì giờ tắm, nóng quá thì cứ tự tiện trệt yếm ra "xối lưng", tức là cúi gập người ra trước, xối nước lên lưng cho chảy ngược lên cổ, kỳ cọ sơ sài rồi mặc lại yếm gánh nước về. Cảnh này mà diễn ra ở thành thị thì người ta đã la hoảng lên là công xúc tu sỉ. Nhưng ở đây nó là một chuyện thường, đã có từ thời ông bà. Nhưng đến trào Việt Minh thì giếng phải ngăn đôi bằng bức màn tre, vòng cả lên trên thành giếng,

mê muội

*Đời bỗng dưng thừa ở bữa qua
Con sông hạnh phúc chảy ngoài ta
Khi quê khuất lấp chân trời nhớ
Sóng tự hồn đau vỗ thiết tha*

*Đời bỗng huy hoàng ở bữa nay
Gió từ mê muội gió lên đầy
Tay đau nằng và đời tan tác
Tim héo cùng chung mạch đắng cay.*

*Nàng đến đời ta toan ở lại
Ta đem sầu đắng chất đầy rương
Nhánh cây tân khổ bùng hoa trái
Khoả lấp hồn ta những vết thương.*

*Đời hết thừa ta dẫu muộn màng
Muốn treo cần cổ ở dây oan
Đêm xanh lối mộng đêm tình sử
Nén ở lòng ta thấp lửa nằng.*

hà huyền chi

phân biệt nơi tắm của đàn ông và phần gánh nước.

Cũng như cảnh đi *nhủi cá* về, tức là bắt cá, tôm, tép bằng một dụng cụ đặc biệt, gọi là cái nhủi, giống như một cái xúc đan bằng tre có hai tay cầm, phía trước cong quót lên có cái chấn thừa để cản gốc rạ và rêu rác. Cứ cầm đẩy lần tới trước, hồi lâu thì dừng lại hốt cá cho vào giỏ đựng. Chiều về đi trên con đường chính từ xóm dưới về xóm trên, cái nhủi nhún nhảy trên vai, áo cụt thì mặc, quần ướt cứ vắt lên vai, tự nhiên như chẳng có gì phải ngại cả.

Rồi ở biển cũng vậy. Mặt trời vừa mọc là bao nhiêu ghe cá cặp bến, tại đó có bao nhiêu *nậu rổi*, những bà chờ chợ mua cá gánh chạy đi bán ở các chợ xa. Ngư phủ trên ghe cá không bận quần, cứ tự nhiên chuyền cá lên bãi, rồi nai lưng hè nhau khiêng ghe lên cát. Minh thì thấy chướng mắt, nhưng ở đây chẳng ai thèm chú ý đến cái vật đó.

*

* *

Xã Đức Phong ngày xưa là vùng



có những trò chơi lớn: đánh cù ở Quít Lâm, xích đu tiên và đánh cờ người ở Văn Hà. Khi tôi ra đời thì hai trò chơi sau đã mất, chỉ còn thấy vết tích của bàn cờ là một lung cát phẳng có mọc lúp xúp những bụi sim. Còn vườn đu là một chỗ trũng có cây lúa. Ngày xưa, đây là một cái hồ giữa có trồng giàn đu, đến ngày hội thì chư tiên nam nữ, áo quần lòe loẹt, từng cặp biểu diễn môn đu, rúi tiên nào sút tay thì rơi tõm xuống nước.

Tôi chỉ được xem đánh cù. Đây là một trò chơi tập thể đại qui mô không thấy ở nơi khác. Cả làng đều chơi, bất luận số người, lại tổ chức giao đấu với các làng kế cận. Hôm nào có thi đấu thì về chiều nhìn ra đồng thấy vắng hoe, chỉ có đàn bà với một ít người già; người đi củi cũng thừa thớt, đến trẻ em cát cỏ cũng chả thấy đâu. Dù có bị rầy la hay ăn đòn, chúng cũng lên kéo nhau ra rừng cát để xem hay dự đấu. Ai muốn chơi cứ tự do.

Sân chơi là một dải cát trắng phau nằm cạnh vùng cát vàng. Lòng sâu hơi trũng, vì mùa mưa

đây là đường nước chảy, một lớp nước mỏng trải rộng và trong veo. Chẳng có đường biên rõ rệt, chỉ có hai ngọn tre cắm ở hai đầu cách nhau từ năm trăm đến bảy trăm mét. Đó là đích. Nếu đưa được hòn cù vượt qua mức này là thắng cuộc.

Cây vợt đánh cù là một que tre vót tròn, phía gốc lớn hơn là cái cán. Đầu ngọn được uốn cong hình vòng cung, mút ngọn được ghi chặt vào thân bằng mây sợi. Lòng cung được bện thành một cái bầu vừa lọt một quả bóng ten-nít cắt đôi. Đó là chỗ giữ hòn cù, lồi đi và vút tuốt ra xa. Chiều dài của cây vợt tùy theo tầm thước của người dùng, trung bình là 1.5 mét, chủ yếu là phải dẻo và không cản gió. Hòn cù tiện bằng gốc tre, lớn hơn trái ping-pong và bé hơn trái banh ten-nít. Đặc tính của nó là chắc và ít nặng.

Hôm nào có cuộc giao đấu lớn thì 1 giờ chiều đã có tiếng còi rúc vang trong xóm khiến cho bao nhiêu thanh niên và người lớn náo nức trong lòng, ngồi đứng không yên, lũ lượt kéo nhau ra cát. Thiếu niên cũng bồn chồn không kém, nhưng chỉ một số trông trọng ra đi hay lên ra đi, còn nhỏ thì bị giữ ở nhà vì có thể gặp rủi ro nguy hiểm. Vì thế mà đến 11 tuổi cha tôi qua đời, tôi mới được đi xem lần đầu, nhưng cũng phải lên mẹ tôi. Nhớ như lúc đi xem về có bị ăn đòn. Tôi nghĩ thà bị ăn đòn mà được xem thoả thích.

Còn cách sân cù khá xa, tôi đã nghe tiếng reo hò náo nhiệt. Và khi đã vượt khỏi những hàng dừa bìa thôn thì tim tôi càng đập rộn ràng: người ta đông như kiến, lúc nhúc giữa những bụi sấm, bụi vùng màu xanh nổi bật trên lớp cát trắng phau! Chân tôi hăm hở cố vượt qua lung cát lồi lõm để nhập bọn với họ, cố tìm một chỗ đứng trong bóng mát, vừa tránh nắng vừa được an toàn.

Trời, họ tranh nhau dữ quá, chạy thành đoàn, bụi trắng bốc lên, nhờ có gió biến tan đi rất nhanh. Sân cát nên hòn cù rơi chỗ nào là nằm yên chỗ đó, không lăn đi được. Mà nó

rơi đến đâu thì hàng trăm cây vợt của hai phe tức tốc lăn xả để chiếm cho được. Muốn đoạt quả cù thì dùng bầu vợt ụp cho trúng rồi vừa ghi xuống cát vừa lồi nó ra ngoài để vút. Đó là một việc khó: phải nhanh tay lẹ mắt, lồi đi theo đường ngòng ngoèo, tránh cho được những cây vợt đối phương bám sát, cố đẩy vợt mình lên mà đoạt cù. Chân cũng phải nhanh để dẫn cù thoát được ra chỗ thừa người, rồi hai tay nắm cán vợt vút hòn cù lên không, về phía bên kia. Những tay thiện nghệ thì lồi vút vừa đẹp vừa mạnh vừa chính xác: hòn cù kêu véo một cái rồi chẳng ai thấy nó đâu nữa. Nó đi theo một đạn đạo vừa đủ cao để rơi chỗ xa tít có đồng đội đón dẫn tiếp để đưa lần đến đích. Tay ngang chỉ vút xa lối bốn, năm mươi mét; tay nhà nghề thì vút xa cả trăm mét. Tai nạn đôi khi cũng xảy ra vì không tránh được hòn cù khi nó rơi xuống, tuy nhiều người nghe tiếng gió cũng có thể tránh được. Cù đi gần rơi nhằm có thể bị ư đầu, cù đi xa thì rơi mạnh hơn có thể làm cho lũng trán, máu me tuôn ra. Người ta thường dự bị sẵn cau khô nhai rít vào. Hiệu nghiệm nhất là bút lông dài đốt ra tro rít vào vết thương là cầm máu tức khắc. Trừ trường hợp trăm trọng như trúng vào mắt hay chỗ hiểm, ít khi người ta chịu bỏ cuộc. Nghỉ tạm một lát rồi bệnh nhân lại nhập cuộc như không có gì xảy ra. Kể cũng thật là gan dạ! Cũng có khi hòn cù bị bật lên trúng mặt trong khi chụm vào tranh nhau. Lại cũng có khi lồi vút không chính xác, cù rơi ra ngoài làm người xem bị thương. Vì thế cha mẹ ít dám cho con nít đi xem.

Về kỹ thuật chơi cù thì cũng giống như bóng đá. Nhưng đích của bóng đá là một cái khung, còn đích của cù là cả chiều rộng bãi có ngọn tre làm dấu. Khi đưa cù vượt quá mức này thì người ta hô vang "Liều". Cuối cuộc giao đấu, tính theo số bàn mà phân thắng bại. Làng trên làng dưới cuộc nhau bằng đường muống, tức là đường đen đổ vào muống đất sét nung

hình nón hẹp và chưa rút mật. Hoặc năm, bảy muống, hoặc nhiều hơn, tùy theo các hào phú chịu chơi của đôi bên bỏ ra để khao thưởng. Chiến lợi phẩm được chặt ra tiêu thụ tại chỗ khi mãn cuộc. Bên bại cũng được mời để tỏ tình giao hảo.

Nhớ như tôi đi xem chỉ có một lần. Sau đó thì phải đi học xa, đến hè cũng phải đi học tư.

Cho đến năm 1930 có phong trào Cộng sản hoạt động bí mật và có những vụ rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm và biểu tình thì thực dân Pháp cấm hẳn trò chơi này. Tây đem lính về tịch thu bao nhiêu là vợt và bắt một số người cầm đầu. Đến sau năm 1945, Mặt trận Việt Minh cướp được chính quyền thì cho chơi lại. Nhưng chỉ được thời gian ngắn thì xảy ra toàn quốc khoáng chiến, rồi làng tôi trở thành vùng oanh kích tự do, cư dân tản cư gần hết. Sau ngày 30.4.75 không rõ trò chơi cổ truyền này có được làm sống lại hay không.

*

* *

Tôi là con út nên không có em nào đoạt chỗ của tôi cả. Nằm bên mẹ, được mẹ kể cho nghe nhiều chuyện xưa. Tôi quên mất nhiều, nhưng có chuyện này ngộ nghĩnh quá, không bao giờ tôi quên được.

Ngày xưa, ngoại tôi nuôi tằm. Mẹ tôi là gái út, thứ tám, phải đi hái dâu xa, lên tận miệt Thi Phổ, Sông Thoa mới có nhiều. Hồi đó bên nhà chồng đã bỏ trâu cau dạm hỏi. Một hôm trời nắng gắt, mang giỏ dâu về ngang Quít Lâm thì cô Tám đã thắm mệt. Thấy một nhà ngõ có bóng mát bèn dừng chân ngồi lại đó, tay cầm nón quạt phe phẩy cho ráo mồ hôi. Nhìn vào trong thì thấy một chàng thanh niên, dáng dấp đạo mạo, thấp thoáng trong sân nhà, nước da trắng trắng, dưới mắt cá có dán một miếng thuốc dán tròn tròn. Không biết chàng thanh niên có thấy ai ngoài ngõ không, nhưng cô Tám lật đật đứng dậy mang giỏ dâu về Trà Niên một mạch. Về đến nhà kể lại cho mẹ nghe thì ngoại tôi nguyền dài bảo rằng: "Thôi mày ngồi

đúng ngô nhà chồng rồi, thằng nọ đúng là chồng của mày đó!”. Nghe bấy nhiêu, mẹ tôi hốt hoảng òa lên khóc và chạy thẳng xuống bếp, trong khi ngoại tôi ngó theo từng tằm cười. Kể đến đây, mẹ tôi cười, rồi thông thả phân trần: “Ngoại con hứa gả thì mẹ cũng hay vậy chứ đã biết nhà ở chòm nào đâu và mặt mũi cha con ra sao đâu! Nếu biết thì đời nào lại ngồi lẳng như vậy, mà đi ngang qua ngô tao đã ngả nón che, quay mặt ra đồng rảo bước thật lẹ rồi!”.

Câu chuyện này xảy ra vào những năm cuối thế kỷ XIX (1894-1896), một chuyện không thể có ở thời buổi hiện tại, càng chẳng thể có ở quốc ngoại ngày nay, nhưng vào lúc đó là như vậy. Nhiều cô gái thuộc về gia đình gọi là có nền nếp gia phong đến ngày cưới mới biết mặt chồng. Bởi con cái có lòng tin tưởng vô biên nơi cha mẹ, bởi căn bản tổ chức xã hội Việt Nam là gia đình, bởi giáo lý Khổng Mạnh vẫn còn chi phối nếp sống dân tộc Việt Nam, dù rằng ngọn gió Âu Tây đã bắt đầu len lỏi vào đất nước. Đã đành có những chuyện trai gái chồng nhau qua câu hò giọng hát ở nông thôn, trai gái “phải lòng”

nhau, hò hẹn nhau trao đổi niềm thương nỗi nhớ:

Thương nhau năm bảy tuổi cũng trèo,

Tám chín sông cũng lội, chín mười đèo cũng qua.

Nhưng phải nhớ rằng nàng phò thác tương lai cho quyết định tối hậu của cha mẹ. Được thì cưới xin hẳn hoi để ăn đời ở kiếp với nhau. Không thì cũng bị lụy chừng mực, bỏ cơm vì nhau đôi bữa rồi *anh đi đường anh, tôi đường tôi*. Dám đâu có chuyện uống thuốc chuột hay thuốc rầy mà tự tử, vì *thân phi ngô sở hữu*, thân ta nào phải của riêng ta. Nhất là hãy coi chừng “áo mặc qua đầu” lỡ “mang bầu tâm sự” thì vạ tày đình, mang tiếng như với làng nước, mà gương xấu bị thôn xóm nhớ suốt đời! Cá nhân chủ nghĩa chưa khuấy động nông thôn, cái kiểu yêu ra rít kè kè lẫn xả vào nhau là trái thuần phong mỹ tục. Ngay cả tiếng “yêu” hồi đó cũng chỉ có cái nghĩa tương đối. Tình yêu tuyệt đối là dành cho cha mẹ. *Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*, yên chí lớn, vì có cha mẹ nào khờ đến nỗi đi tìm cho con một tấm chồng hay một mụn vợ xấu như ma, nghèo mặt rệp, nợ như chúa

chôm, mất nết trai lơ? Chẳng qua duyên nợ khiến xui, hoàn cảnh thúc bách mới có rủi ro như vậy. Và chẳng phối ngẫu trong ý hướng cổ truyền là sanh con nối dõi cho giống nòi tồn tại, thì sống là bốn phận để trả nợ đời, tự tử vì tình là chuyện không nên có. Đối với con nhà có gia giáo thì phải chịu nhiều khát khe hơn. Giữ gìn ý tứ là một đảm bảo đời sống lứa đôi khỏi bợn nhơ vì những ý nghĩ không tốt về đức hạnh, về chính chuyên của người con gái. Cho nên ngoại mới lườm, cô Tám mới khóc và xem như một biến cố, một sự mất thể diện đối với nhà chồng. Nhưng chẳng qua chỉ là sự ngẫu nhiên, hậu sinh mình nghe thật là thú vị.

*

* *

Khi tôi mới lên năm tuổi, cha tôi đã bắt đầu dạy tôi học chữ nho. Thỉnh thoảng cũng có chị tôi cùng học, nhưng thất thường lắm, rảnh thì học, bận thì thôi, con gái mà. Đến năm tôi mười một tuổi, cha tôi qua đời, thì tôi đã viết *hạng tư*, chữ đã cân cái, viết không thiếu hay dư nét, không lộn thứ tự các nét. Tôi đã học xong *tánh được* và học qua bệnh lý. Cha tôi muốn hướng tôi vào ngành Đông y. Nhưng anh tôi lại cho tôi vào trường công. Từ đó, mỗi tuần lễ chỉ còn học chữ nho vào sáng thứ năm.

Vở chữ nho đóng bằng giấy bồi, một loại giấy rất mỏng ép dính với nhau từng chục tờ. Muốn gỡ ra từng tờ, phải nâng xấp giấy giữa hai lòng bàn tay, rồi vừa vỗ vừa dỗi cho đều khắp thì lột dễ mà không bị rách. Lột xong, xếp đôi mỗi tờ, chồng lên nhau thật ngay ngắn. Ghép hai bên mảnh bìa bồi cùng cỡ rồi đóng hai sợi lều bên phía bìa giấy không bị xếp. Như thế thì bên trong là những trang đôi, viết trang này, mực có thể thấm nhoè sang trang dưới. Như vậy, khi viết đến trang nào thì phải lồng vào giữa trang đôi một *tờ lồng* đồng cỡ bằng loại giấy chắc hơn giấy bồi nhưng xộp và có kẻ sẵn ô vuông, vừa hút mực vừa hướng chữ viết được ngay hàng



thăng lối. Loại giấy thường dùng là *giấy chè*, tức là giấy gói trà tàu. Viết hết hai mặt lại rút tờ lông ra lồng vào tờ kế tiếp. Dùng lâu, tờ lông hút mực đen thui, phải thay tờ khác. Cũng nên biết chữ nho viết theo hàng dọc từ trên xuống dưới, các hàng dọc kề tiếp nhau từ phải sang trái. Thế thì quyển vở phải bắt đầu từ trang cuối, so với vở quốc ngữ hiện giờ.

Mới tập viết thì mỗi trương chỉ có hai dòng chữ dọc, cỡ chữ lớn. Đó là *hạng hai*. Lần lần mới lên *hạng ba*, *hạng tư*, v.v.. Đến khi tập viết thì thầy *phóng* bằng chữ đỏ, trò *đồ* theo bằng mực đen. Khi tay viết đã thuần rồi thì nhìn theo sách tự viết lấy, nhưng phải nắn nót viết cho đúng dạng, chữ phải cân cái và uyển chuyển để khi thầy chấm vở khỏi bị ăn đòn. Chữ nào viết sai phải bỏ bằng hai chấm điểm vào bên trái. Mỗi ngày thầy chấm vở bằng son, chữ nào dễ coi thì thầy điểm vài ba chấm son bên phải, chữ nào được khen là đẹp thì thầy thêm một nét tròn gọi là *khuyên*. Hôm nào được nhiều điểm và nhiều *khuyên* là mừng lắm. Hôm nào bị nhiều chữ xấu hay sai, thầy phải sửa nét hay viết lại chữ khác một bên là có hy vọng ăn roi. Trong khi thầy chấm vở thì trò phải vòng tay trả bài.

Mực đen có bán sẵn từng thoi đem mài với nước trong lòng một cái đĩa nhỏ gọi là nghiền mực. Lòng đĩa, cái vòng không tráng men là chỗ mài mực mau ra nhất. Son thì chỉ cần ra động lẳng tim hòn sỏi nào đỏ nhất đem về cũng mài với nước. Bút chữ nho là loại bút lông, phải cầm thẳng đứng và vận dụng các ngón tay thật dịu thì chữ mới mượt và đẹp. Viết vở thì phải nằm dài trên phản, trông cái lưng dài thườn thượt. Cha tôi có sắm một cái bàn tí hon, mặt mun thoai thoai, gọi là cái *yên*, đặt ngay trên phản để ngồi viết cũng tiện.

Mở đầu, theo thông lệ, cha tôi cũng dạy tôi *nhất thiên tự* theo điệu lục bát:

Thiên trời, địa đất, vân mây

Vũ mưa, phong gió, nhật ngày, dạ đêm,

Cân cân, y áo, trường xiêm...

Rồi học tiếp đến *Tam tự kinh*, mỗi câu ba chữ, vẫn thường đặt ở cuối câu chẵn:

Nhơn chi sơ, tánh hồn thiện

Tánh tương cận, tập tương viễn;

Cầu bất giao, tánh nãi thiên,

Giáo chi đạo, quở dĩ chuyên...

Chị em học ngoài sân, dưới ánh trăng khuya, sanh chuyện nói lái chơi cho đỡ buồn ngủ:

Biểu thổ cách, mộc thạch kim

Vì nói lái quen mồm nên đến khi trả bài, tôi đọc một mạch:

Biểu thổ cách, mạch thạch kim.

khiến cha tôi sửng sốt quát lên: “Học cái gì vậy? Cái gì lại mạch thạch kim?” Tôi cuống cuống cãi chính liền: “Dạ, mộc thạch kim. Dạ, tại chị Chín bày nói lái nên con quen miệng”. Cũng may có mẹ tôi ngồi gần đó: “Giỡn rồi nát đít đó hai đứa bay”. Rồi mẹ tôi không nín được cười khiến cha tôi cũng nhếch mép cười. Hú vía!

Sau vài quyển gì đó, tôi học đến *Châu ngọc cách ngôn* (3) rồi đi thăng vào *Tĩnh được* (4). Tôi đọc thuộc vanh vách. Đến đây, mỗi lần trả bài là phải trả từ đầu quyển, chứ không phải chỉ dò bài học hôm qua:

Nhân sâm vị cam, đại bổ nguyên khí

Chỉ khát trừ thấp, kiêm khử đàm bĩ,

Thục địa tánh ôn...

Tập chữ viết cho đúng cho đẹp là cả một vấn đề. Giấy đâu mà tập cho đủ? Phải ra ngoài rẫy hốt cát trắng về đổ trong một cái khay trầu rồi dùng que tre mà viết. Xong mỗi chữ thì xóa đi bằng một cây thước dẹp, ngắn hơn cạnh khay, khoả mặt cát cho bằng. Không có thước thì dùng lắc bằng cách đẩy tới đẩy lui cạnh khay nhiều lần. Nhưng lối này làm cho phản bị trầy xước, nên để khay ở dưới đất. Còn một cách tập viết chữ nữa là nắn một cục đất sét hình tháp cụt đem phơi khô rồi tìm một miếng ván mỏng, rưới nước lên mặt ván, mài cục đất sét lên đó để có trên ván một lớp đất sét nhão và

bằng. Dùng que viết lên thì chữ rõ và đẹp. Rồi cũng dùng cục đất sét ủ lên để xóa nét chữ cũ.

Mười tuổi đầu, tôi đã hiểu đại khái về chẩn mạch: mạch trầm, mạch tế, mạch vi..., đã đọc được toa thuốc của các thầy viết bằng chữ thảo để rồi tự tay cân thuốc hay hốt thuốc thang, cha tôi chỉ tôi mã giá rồi tôi cộng bằng bàn toán. Tóm lại, tôi đã là một người cộng tác đắc lực của cha những khi người bận việc hay ốm đau. Ngược lại, người cũng trông nom việc học của tôi say mê, cho đến khi lâm trọng bệnh thì phó thác cho anh tôi tiếp tục cả về y học lẫn tân học. Tôi quên nói là sau đôi ba năm học chữ nho, tôi cũng đã học chữ quốc ngữ và chữ Tây. Cha tôi nằm mê man trên giường bệnh, nhưng trước hôm qua đời cha tôi tỉnh lại gọi tôi đến bên giường hỏi tôi đã học đến đâu. Tôi đáp: “Dạ, anh Bốn đã dạy đến bệnh đậu, cho *Tam nhựt dương, tam nhựt hạ...*” Cha tôi gật đầu, bảo tôi lấy giấy bút. Cha tôi viết cho tôi một bài *mãn xương*, tôi hãy còn nhớ:

“Ba bà bà Dâu. Đức Chúa Ngọc nương nương kết đôi cùng Dẫn Võ Vương sanh đặng ba cậu: cậu Tài, cậu Kỳ, cậu Xuân. Ấng thiên thiên tán, ảng địa địa liệt, ảng gai gai tàn, ảng huyết huyết tan, ảng quỷ ma giai túc xuất”.

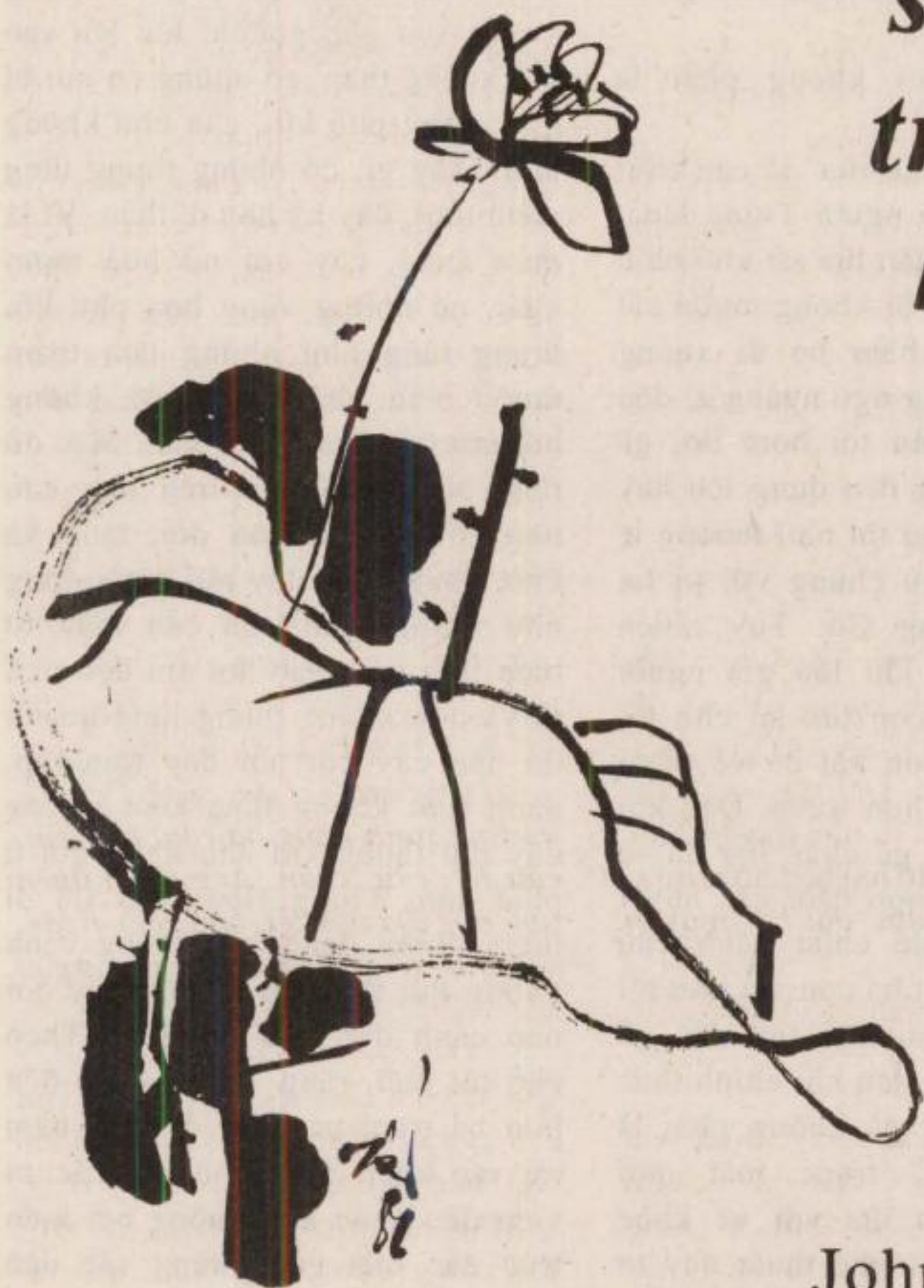
— Đây là bài mản của ông Thầy Cụt truyền cho cha. Vừa đọc vừa cảm... cây nhang vẽ... chữ Hồ lên chỗ mắc xương là cái xương sẽ ra.

Mấy cây nhang? Mấy chữ Hồ? Rồi còn gì nữa không? Lâu ngày tôi quên mất, chẳng biết hỏi ai...



Chú thích:

1. Quít Lâm nghĩa là rừng cây quít.
2. Nây là lớp mỡ dưới da bụng các phụ nữ sinh đẻ nhiều lần.
3. Một tập trong hợp tập 66 cuốn thuộc bộ *Y Tông Tâm Lĩnh* của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720-1791), đại danh y Việt Nam.
4. Sách dạy về tính khí, công năng, v.v.. các vị thuốc bắc.



ngọc sáng trong hoa sen

John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

Vân Cương là một động lớn gồm nhiều động nhỏ hợp lại. Mỗi động lại có một pho tượng Phật

chính tại vị trí trung tâm và nhiều công trình điêu khắc phụ rải rác chung quanh. Đa số các pho tượng

chính đều rất lớn, thí dụ như pho tượng Phật ở động số 1 lớn đến nỗi tôi có thể đứng gọn trong lòng bàn tay của pho tượng một cách dễ dàng. Vì hang động thì hẹp mà các pho tượng lại quá lớn nên ít ai có thể chiêm ngưỡng trọn vẹn công trình nghệ thuật vĩ đại này. Dù muốn người ta cũng chỉ có thể ghi nhận một phần của pho tượng vào phim ảnh chứ không thể chụp toàn thể vì diện tích chật hẹp và giới hạn của hang. Hầu hết các bức ảnh chụp tại đây đều ghi nhận các pho tượng phụ, tượng đối nhỏ, chạm trở gần cửa hang vì có đủ ánh sáng, ít ai có thể chụp được các pho tượng chính nằm sâu bên trong. (Lúc đó nghệ thuật nhiếp ảnh còn thô sơ, chưa có các ống kính tối tân hay đèn rọi tốt). Vì hang động nào cũng có hàng trăm, hàng ngàn tác phẩm điêu khắc nên không ai bước vào đây mà không bị một cảm giác kỳ lạ tràn ngập lối cuốn. Người ta có cảm tưởng như mình đang đứng trong một thế giới huyền ảo mông lung nào khác chứ không phải tại Trung Hoa. Đa số du khách chỉ thăm viếng một vài động chính chứ ít ai chịu bỏ thời giờ tìm đến những hang động nhỏ bé, hẻo lánh, nằm khuất nẻo ở trong sâu.

Sau khi chiêm ngưỡng các tác phẩm nghệ thuật chính, tôi lần mò dọc theo những vách đá hẹp của các hang động phụ để xem xét các công trình nghệ thuật mà ít ai để ý đến. Dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn nến nhỏ, tôi khám phá ra nhiều công trình điêu khắc sơ sài trên vách, đa số đường nét còn vụng dại chứ không sắc sảo như các tác phẩm chính. Có lẽ đây là công trình của các người thợ phụ, người mới học nghề hay con cháu của những người thợ chính đã tìm đến đây để thực tập cho quen tay. Theo ý tôi, người ta phải mất ít nhất một tuần lễ mới có thể thưởng thức trọn vẹn các công trình điêu khắc tại động Vân Cương nhưng ngoài ra quanh Đại Đồng còn có

nhiều hang động khác mà ít ai nói đến. Một nhà nghiên cứu đứng đắn phải bỏ ra vài tháng hay cả năm mới có thể xem hết được các công trình điêu khắc quanh đây được.

Từ Đại Đồng đi Ngũ Đài Sơn mất khoảng tám ngày đường bộ. Vì lý do an ninh, ít ai dám di chuyển một mình mà thường nhập với nhau thành một đoàn. Phái đoàn của chúng tôi gồm có bốn chục người. Ngoài trừ vị Lạt ma người Mông Cổ, một ông lão người Mãn Châu và tôi có đủ tiền thuê lừa để cưỡi, tất cả đều đi bộ, chỉ sử dụng lừa, ngựa hay lạc đà để chuyên chở hành lý mà thôi. Mặc dù không quen nhau nhưng khi đi khoảng nửa ngày, tất cả đều thân mật vui vẻ, nói chuyện như pháo ran. Một số vừa đi vừa kể những câu chuyện truyền khẩu của dân du mục hay các giai thoại cổ tích. Hiển nhiên cũng có người đã biết những chuyện này nên hẳn người này mệt thì lại nhường cho người khác kể tiếp... cứ thế câu chuyện tiếp diễn, truyền từ miệng người này qua người khác. Đi khoảng vài giờ, đoàn người lại dừng chân để nấu trà và nghỉ ngơi. Một số khách thương mang theo thuốc phiện để hút, một số khác nhai lá cây nha phiến. Họ cho biết nếu không sử dụng những thứ này thì khó có thể chịu đựng những chuyến hành trình gian nan từ năm này qua năm khác được.

Sau khi đi được vài hôm, con lừa tôi cưỡi bỗng giở chứng hất tôi ngã xuống đất mấy lần. Lão già người Mãn Châu chạy đến xem rồi nói ngay:

- Con lừa này mắc bệnh rồi!

Tôi chất vấn gã chăn lừa:

- Tại sao anh lại đem một con vật bệnh tật như thế này ra cho mượn?

- Tại vì tôi chỉ có mỗi một con lừa này thôi!

- Bây giờ anh tính sao đây? Tôi không thể cưỡi lừa được nữa và dĩ nhiên phải đi bộ, như vậy tôi

không thể trả tiền mượn lừa cho anh được.

- Không sao đâu, để tôi xem...

Gã chăn lừa xem xét con vật một lúc rồi rút trong mình ra một cây kim dài đâm luôn vào mặt con vật. Tôi giận quá hét ầm lên:

- Đồ trướng rùa! Sao anh lại làm như vậy?

- Tại sao lão già dám gọi tôi là trướng rùa?

- Mi không phải là đồ trướng rùa thì là gì nữa đây!

- Không, tôi không phải là trướng rùa!

Danh từ "trướng rùa" là câu chửi rất nặng đối với người Trung Hoa, hiển nhiên gã chăn lừa rất khó chịu về câu nói đó. Tôi không muốn cãi vã thêm, hằm hằm bỏ đi xuống cuối đoàn, không ngó ngang gì đến gã nữa. Dĩ nhiên tối hôm đó, gã chăn lừa không đến dựng lều hay mang trà đến cho tôi như thường lệ nên tôi phải ngủ chung với vị Lạt ma người Mông Cổ. Tuy nhiên sáng hôm sau, khi lão già người Mãn Châu dắt con lừa lại cho tôi cưỡi, tôi thấy con vật có vẻ thoải mái, thuần hậu hơn trước. Đến khi đó tôi mới biết gã chăn lừa đã sử dụng cây kim nhọn đâm vào huyết đạo gần mũi để chữa bệnh chứ không phải hành hạ con vật như tôi đã nghĩ. Tôi hối hận tìm đến gã chăn lừa xin lỗi, sau khi chính thức công nhận rằng gã không phải là "đồ trướng rùa" trước mặt mọi người. Gã chăn lừa vui vẻ khoe rằng gã đã học nghệ thuật này từ một vị lương y nổi tiếng. Theo gã, trên mình con lừa có hai mươi một huyết đạo chính, mỗi huyết liên quan đến một số bộ phận trong cơ thể. Nếu biết dùng kim châm vào các huyết đạo để giải tỏa các luồng khí bị nghẽn, người ta có thể chữa được hầu hết các chứng bệnh thông thường.

Ngũ Đài Sơn là một rặng núi gồm có năm ngọn núi chính nhô lên cao như những cái tháp. Đây là một dãy núi lớn có đến hàng chục

ngọn cao thấp khác nhau nhưng đặc biệt có năm ngọn cao hơn cả, sừng sững như năm cái đài nên được gọi là Ngũ Đài. Đúng như lời người khách tại Bắc kinh đã tả, phong cảnh quanh đây tuyệt đẹp. Từ xa người ta đã thấy những đôi cò mênh mông xanh rì chạy dài đến tận chân trời. Đường lên núi quanh co, nhiều đoạn rất dốc, mọi người đều bỏ lừa đi bộ và phải khó nhọc lắm mới đi được. Đường xuyên sơn gập ghềnh, lúc lên cao khi xuống thấp, có những eo núi bị mây trắng phủ kín, gần như không nhìn thấy gì, có những thung lũng xanh tươi, đầy kỳ hoa dị thảo. Vì là mùa xuân, cây cối nở hoa thơm ngát, có những vùng hoa phủ kín thung lũng như những tấm thảm muôn màu, đẹp tuyệt vời, không bút mực nào có thể tả xiết. Mặc dù rằng Ngũ Đài nằm trên một cao nguyên, khí hậu ôn đới, lạnh và khô, nhưng các dãy núi dựng đứng như tường thành đã cản mây từ biển thổi vào, bao hơi ẩm đều tích tụ và dồn xuống thung lũng quanh đó nên cây cối nơi đây rậm rạp, xanh tươi không thua kém gì các dãy núi thuộc khí hậu nhiệt đới ở phía nam Trung Hoa. Tuy đã đi thăm nhiều danh lam thắng cảnh nhưng thú thật, tôi không thấy nơi nào cảnh đẹp như nơi này. Theo chỗ tôi biết, rằng Ngũ Đài có đến hơn ba trăm tu viện lớn nhỏ nằm rải rác khắp nơi. Hầu hết các tu viện đều phản ánh đường nét kiến trúc đặc biệt của những sắc dân dựng lên nó. Tu viện của người Tây Tạng với những ngọn tháp nhọn, tu viện của người Trung Hoa với mái chùa cong, chạm trổ rồng phượng, và tu viện của người Mông Cổ, kiến trúc đơn sơ nhưng mái lại dát vàng óng ánh...

Người trưởng phái đoàn cho biết, tất cả các tu viện Tây Tạng đều được đặt dưới quyền điều khiển của một vị Lạt ma trưởng lão gọi là Kushog, quyền hành tương đương như một vị giám mục hoặc

hồng y của Thiên Chúa giáo. Tuy nhiên các chùa Trung Hoa hay Mông Cổ thì hoàn toàn độc lập, không thuộc sự chi phối của ai cả. Trừ Phật giáo Tây Tạng có một tổ chức chặt chẽ từ trên xuống dưới, Phật giáo Trung Hoa hay Mông Cổ không hề được tổ chức thành các hệ thống như thế. Lạt ma Kushog cư trú tại một tu viện chính rất lớn gọi là Pusa Ting. Đó là một tu viện kiến trúc hết sức đặc biệt về đủ mọi phương diện. Từ xa người ta đã nhìn thấy những bức tường gạch màu đỏ, những bậc thang bằng đá trắng dẫn lên ngôi chùa chính với mái ngói vàng rực rỡ không thua Cẩm thành tại Bắc kinh bao nhiêu.

Trong những ngôi chùa tại Ngũ Đài, Pusa Ting là ngôi chùa lớn nhất, vĩ đại nhất và kiến trúc đặc biệt nhất. (Sau này, trong cuộc chiến Trung Nhật, tu viện Pusa Ting đã bị quân đội Nhật cướp phá tan hoang rồi kể đó, trong cuộc cách mạng văn hoá, Trung cộng đã cho phá hủy hoàn toàn ngôi chùa này). Ngoài ngôi chùa chính kiến trúc đồ sộ trang nghiêm, còn có hơn tám chục ngôi chùa nhỏ vây quanh đó nữa. Diện tích Pusa Ting lớn đến nỗi phải mất hơn một tuần tôi mới có thể đi thăm viếng hết tu viện này. Có hàng chục chánh điện lớn nhỏ với các pho tượng bằng vàng khối đúc rất đẹp. Có những

bức tường gạch lớn được quét vôi rồi vẽ các bức họa lên trên, đường nét sắc sảo trông như thật. Có những thư viện với rất nhiều sách vở, kinh điển hết sức quý giá. Tôi được đưa vào một trú phòng đặc biệt, dành cho các bậc thượng khách. Đó là một căn phòng rộng với đồ đạc bằng gỗ quý, ngay cả tấm thảm lót dưới sàn cũng là một công trình nghệ thuật đặc biệt. Về sau tôi được biết từ nhiều thế kỷ trước, các đoàn khách thương thường mang phẩm vật đến đây dâng cúng vào tu viện; các vua chúa nhà Mãn Thanh cũng đối xử hết sức đặc biệt với Lạt ma Kushog, cung cấp cho tu viện nhiều thứ đặc biệt để giữ tình hòa hảo giữa hai quốc gia Trung Hoa và Tây Tạng. Do đó tu viện Pusa Ting được trang thiết bị những đồ đạc đặc biệt long lẫy không khác cung điện của một vị vua là bao.

Lúc đầu tôi chỉ định ghé thăm Ngũ Đài Sơn khoảng vài tuần là nhiều nhưng chỉ ít lâu sau tôi được biết sinh viên đại học Bắc Kinh nhất định bãi khóa cho đến khi chính quyền thay đổi chính sách đối với người Nhật tại Liêu Đông. Hiển nhiên đây là một vấn đề hết sức nan giải vì khi đó quyền lực của người Nhật rất mạnh, đang đe dọa thôn tính Trung Hoa. Qua những bức thư liên lạc với nhà trường, ban giám đốc khuyên tôi không nên trở về Bắc Kinh vì tình hình càng ngày càng căng thẳng và bất an. Vài tháng sau, phong trào bãi ngoại được khởi xướng, sự có mặt của một người ngoại quốc như tôi tại Bắc Kinh hoàn toàn bất lợi nên tôi đành phải lưu lại Ngũ Đài thêm một thời gian nữa. Tuy nhiên số tiền dự trữ mang theo đã cạn dần, tôi phải liên lạc với bạn bè xa gần để nhờ giúp đỡ. Thời gian cứ thế kéo dài từ vài tuần đến vài tháng và sau cùng vài năm. Hiển nhiên không bao giờ tôi nghĩ mình lại sống tại Ngũ Đài Sơn lâu đến thế nhưng tình hình Trung Hoa



càng ngày càng đi đến chỗ rối loạn và bi đát. Các cuộc tranh chấp giữa Trung Hoa và Nhật Bản càng ngày càng trở nên nghiêm trọng. Việc thành lập Mãn Châu quốc đã đưa đến nhiều chia rẽ trầm trọng trong nội bộ người Hoa. Ít lâu sau quân Nhật thừa thế bắt đầu phong tỏa vùng biên giới, chiếm đóng các tỉnh đông bắc và điều tôi không ngờ rằng lần rời Bắc Kinh đó cũng là lần cuối cùng tôi nhìn thấy thành phố này.

Cuộc sống tại Ngũ Đài Sơn rất lặng lẽ êm đềm vì tin tức thời sự bên ngoài không mấy khi lọt vào đây, có lẽ không ai để ý đến nó thì đúng hơn. Đời sống trong tu viện trầm lắng và đều đặn với các khóa lễ, các thời khóa tu thiền và học tập kinh điển, một nếp sống không thay đổi từ nhiều thế kỷ nay. Hầu hết khách hành hương đến và đi âm thầm, không ai đề cập hay nhắc nhở gì đến các biến cố đang xảy ra. Phải nói rằng nếu không có những bức thư của bạn hữu gửi từ Bắc Kinh đến thì có lẽ tôi cũng quên luôn thời cuộc bên ngoài rồi. Sau khi thăm viếng Pusa Ting, tôi khởi sự đi thăm những tu viện khác trong vùng. Tu viện đầu tiên tôi đến thăm là Mani Bhadra, một tu viện của người Mông Cổ cách đó không xa, nơi ông lão người Mãn Châu đi cùng với tôi đang trú ngụ. Vừa gặp nhau, ông lão đã nói ngay:

- Phùng tiên sinh hãy tạm nghỉ nơi đây ít lâu để gặp một người bạn cũ.

- Bạn cũ? Nhưng tôi có quen ai đâu?

Ông lão Mãn Châu mỉm cười một cách bí mật:

- Cứ tạm ngủ đây qua đêm rồi tiên sinh sẽ biết.

Sáng hôm sau đang say sưa ngủ thì tôi nghe một giọng cười sang sảng vọng đến. Mở mắt ra tôi đã thấy gã pháp sư Mông Cổ mà tôi quen tại Bắc Kinh đứng ở đầu giường.

- Đây Phùng tiên sinh, tôi đã

nói rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau mà.

Gã pháp sư Mông Cổ cho biết hần vừa đi Mông Cổ tuyển mộ thợ thuyền cho ngôi chùa đang khởi công xây cất. Hần đưa tôi đến xem ngôi chùa và chỉ rõ cho tôi từng chi tiết mà hần dự định sẽ cho xây. Thật khó có thể tưởng tượng trên một miếng đất hoang vu, cỏ còn mọc đầy mà hần đi qua đi lại, nói vanh vách từng chi tiết về các phòng ốc, bậc thang, chỗ nào là chánh điện, chỗ nào là hậu liêu, từng cây cột kèo, từng bức tường đá... Tôi nhìn thấy những người Mông Cổ cỡi trần đang hì hục phạt cỏ để đổ nền. Họ sử dụng những chiếc xe bằng gỗ thô sơ để vận tải gạch đá. Đa số những người này đều làm việc tự nguyện. Họ làm một cách say sưa, vừa làm vừa ca hát. Tôi không thể tưởng một công trình xây cất vĩ đại như vậy lại có thể hoàn tất mà không hề có đồ án kiến trúc nào. Đối với tôi, cho đến nay, đây vẫn là một hiện tượng huyền bí không thể giải thích. Vài hôm sau gã pháp sư Mông Cổ lại lên đường đi quyên góp. Hần ra chỉ thị cho những người thợ phải làm việc như thế nào trong lúc hần vắng mặt. Vì lý do kỳ lạ nào đó, hần biết rất rõ khi trở về, công việc sẽ hoàn tất đến đâu, tiến triển như thế nào. Một kiến trúc sư dù lành nghề thế nào cũng khó có thể ước lượng rõ rệt như thế được.

Sau chùa Mani Bhadra có một giếng nhỏ gọi là giếng của đức Bồ Tát Phổ Hiền (Samandadhadra). Những người hành hương thường đến đó lấy nước uống và nói rằng giếng đó rất mau nhiệm, có thể chữa được nhiều thứ bệnh. Lúc đầu tôi không tin, nhưng sống tại đây một thời gian, tôi thấy quả thật Ngũ Đài Sơn là một nơi chốn linh thiêng với những hiệng tượng đặc biệt không thể giải thích. Tôi đã chứng kiến nhiều người hành hương chân tay trầy sát vì đi bộ mà chỉ mức nước giếng đó đổ lên người

ít lâu là chân tay lành lặn như thường. Ông lão Mãn Châu kể rằng có người bị bệnh phong hủi, tê liệt nhờ uống nước giếng đó mà được chữa khỏi. Tuy không đích thân chứng kiến nhưng tôi đã thấy khá nhiều nang gỗ được chắt ở một căn phòng gần đó như bằng chứng rằng đã có những người què dùng nang nhờ được chữa khỏi nên không cần sử dụng những cây nang đó nữa. Trường hợp này cũng không khác phép lạ tại Lourdes là bao nhiêu. Tôi còn nhớ rõ, trước khi rời Ngũ Đài, ông lão Mãn Châu đã cẩn thận múc lấy một bình nước nhỏ tại đây trao cho tôi cất giữ phòng sau này có dịp dùng đến. Thời gian sống tại đây giúp tôi có dịp nhận xét về những người dân du mục hiền lành chất phác. Mặc dù rất nghèo, tài sản không một xu dính túi nhưng tâm hồn họ lại vô cùng phóng khoáng rộng rãi.

Người Trung Hoa vẫn coi thường người Mông Cổ như một giống dân man rợ, ngây thơ, dễ bị lừa. Tôi nhớ có lần một người Trung Hoa nói với tôi rằng người Mông Cổ rất dễ tin, nếu lấy một chiếc bát ăn cơm tầm thường và nói rằng đây là một đồ cổ vô giá từ đời Tiền Hán thì người Mông Cổ cũng tin ngay. Có lẽ vì thế mà những người Mông Cổ khi vào trung nguyên thường hay bị lừa. Khi sống tại Ngũ Đài Sơn, có dịp quan sát về họ, tôi thấy Mông Cổ là một giống dân có một gia tài văn hoá rất cao. Số người Mông Cổ tình nguyện đến xây chùa rất đông, nhiều người mang theo cả gia đình. Vì là dân du mục, đi đến đâu họ mang theo tài sản đến đó, mặc dù tài sản của họ chỉ giản dị có vài túp lều, mấy con lừa hay ngựa và một bầy dê hay cừu mà thôi. Trong lúc một vài người trong gia đình lo việc xây chùa thì những người khác tiếp tục chăn dê ở những cánh đồng chung quanh. Thỉnh thoảng tôi và ông lão người Mãn Châu cũng thường ra sinh hoạt chung với họ.

Hôm đó chúng tôi đang ngồi uống trà với một gia đình người Mông Cổ thì có một thanh niên lạ mặt, quần áo rách rưới tiêu tụy ở đâu tìm đến. Thanh niên cho biết anh đi từ Tân Cương đến đây chỉ để tìm kiếm gia đình này. Hiện nay anh rất nghèo túng, tài sản không có gì ngoài bộ quần áo rách nát che thân. Sở dĩ anh tìm đến gia đình này vì đời trước, ông nội của anh đã giúp đỡ họ, nay anh tìm đến để được giúp lại. Hai bên trao đổi với nhau những chi tiết về gia tộc và gia đình Mông Cổ xác nhận họ đã từng chịu ơn ông nội của người thanh niên kia. Người chủ gia đình kêu gọi con cháu ngồi quanh và ra lệnh:

- Cách đây mấy chục năm, gia súc của gia đình ta bị bệnh dịch chết sạch. Chúng ta rất nghèo khổ vì không có gia súc thì lấy gì mà ăn nên ta đã đến xin gia đình kia chia cho vài con dê để gây dựng lại tài sản. Hiện nay gia đình mà chúng ta thọ ơn lại gặp khó khăn, con cháu của họ cần giúp đỡ, vậy mỗi người trong gia tộc hãy đem ra một con dê để tặng cho người thanh niên này làm vốn gây dựng lại sự nghiệp.

Lập tức mọi người trong gia tộc đó đều mang đến một con dê hay cừu cho người thanh niên kia. Họ làm một cách tự nhiên như một việc rất thường, không có gì đáng suy nghĩ, tính toán, mặc dù tài sản của họ cũng chẳng nhiều gì, chỉ có vài con dê hay cừu mà thôi. Sáng hôm sau, người thanh niên lên đường trở lại Tân Cương với một bầy dê và cừu. Tôi hỏi ông lão người Mãn Châu:

- Đã có bằng chứng gì xác nhận thanh niên nọ là con cháu của gia đình kia đâu?

- Một người ngoài không thể biết hết mọi chi tiết trong một gia đình. Hơn nữa việc thi ơn và thọ ơn chỉ có người trong nhà mới biết, không bao giờ họ kể cho người ngoài. Đích thực thanh niên nọ

niềm tin lại sáng

*Mình vẫn gặp mình trong tối đêm
Bàn tay nào níu giữ niềm tin
Trong u sầu vẫn cười khô lệ
Chân bước băng khuâng vạm vỡ tìm*

*Ai dựng đài hoa dâng búp ngọc
Cho hồng ý mộng biếc cung tơ
Mang mang thế hệ sầu thiêu đỏ
Ai dựng trời xuân nhạc chuyển mùa
Đất lạnh nghe hồn lên nước nở
Hai phương trầm lắng mộng yên bình
Đem hồn đỏ xuống trường giang lạnh
Cho nhạc reo hồng búp trở xanh*

*Gió lạ sang mùa trời hừng nắng
Ta mơ đất mẹ nở hoa hiền
Bốn phương tám hướng về khai hội
Ánh mắt nồng bừng dậy ý tin.*

tuệ nga

phải là con cháu của gia đình kia rồi.

- Nhưng biết đâu thanh niên kia không hề thiếu thốn mà chỉ giả bộ để xin thêm gia súc thì sao?

- Người Mông Cổ chúng tôi không bao giờ nói dối, họ nghĩ sao nói vậy. Tuyệt đối không bao giờ nói sai sự thật vì danh dự con người chính là ở lời nói và hành động. Một khi đã nói không đúng thì người đó đâu còn danh dự gì nữa.

- Nhưng đâu ai biết!

Ông lão Mãn Châu trợn mắt nhìn tôi:

- Làm sao người ta có thể sống thoải mái khi biết mình đã nói sai sự thật. Đâu cần phải ai biết, chính lương tâm mình là quan tòa công minh nhất. Làm sao mình có thể sống một cách đứng đắn khi đã không thành thật với chính mình?

Ngoài các phong tục tập quán riêng biệt, người Tây Tạng và Mông Cổ còn áp dụng một lối hành lễ hết sức đặc biệt. Không như



người Trung Hoa khi lễ xuống thường khom lưng, người Tây Tạng hành lễ rất cẩn thận. Mỗi khi vái xuống họ chấp tay vào nhau giờ cao lên khỏi đầu một cách thành kính, sau đó họ thu tay về đặt xuống trước ngực rồi thông thả quỳ xuống sàn, xoa hân người ra, nằm úp toàn thân xuống mặt đất, hai tay duỗi ra đằng trước. Đây là một cách hành lễ rất khó, đòi hỏi một công phu tập luyện và sức khoẻ hết sức dẻo dai. Đa số những người hành hương đều lễ lên lễ xuống như vậy hàng trăm lần, có khi hàng ngàn lần. Tôi đã thử bắt chước cách hành lễ này nhưng chỉ vài chục lần là thân thể một thanh niên khoẻ mạnh như tôi đã mỏi nhừ, không sao nhấc chân tay lên được nữa. Trong khi đó những người hành hương, đa số là những người đã lớn tuổi, thân nhiên vái lạy như không có chuyện gì xảy ra. Tại trung tâm của tu viện Pusa Ting còn có một bảo tháp rất lớn mà những người hành hương thường

đến đó hành lễ, phần lớn vừa đi quanh tháp vừa lễ cho đủ một ngàn tám chục lay mới thôi.

Trong khi những người hành hương Tây Tạng, Mông Cổ chú trọng đến các nghi thức hành lễ thì những người hành hương Trung Hoa lại chú trọng đến các phẩm vật dâng cúng. Phần lớn người hành hương Trung Hoa là những phú thương, trường giả giàu có với rất nhiều phẩm vật dâng cúng. Một phú thương đã dắt tôi đi khắp tu viện để chỉ cho tôi thấy công trình đóng góp và công đức của ông. Từ những bức hoành phi, câu đối đến những màn trướng, cờ quạt; từ những cột trụ bằng gỗ quý khắc hình rồng phượng đến những pho tượng dát vàng. Ông tin tưởng rằng nhờ góp phần công đức như thế mà đời sống ông ở kiếp sau sẽ được tốt đẹp hơn. Hiển nhiên việc kiến tạo những ngôi chùa, tô tượng, đúc chuông là quý nhưng người ta không thể chỉ chú trọng đến những hình thức bên ngoài này mà quên rằng tinh hoa của Phật giáo đòi hỏi mỗi người phải tự tiến bước, tự tu học, tự quán xét thân tâm để thay đổi chính mình nhằm giải thoát ra khỏi luân hồi sinh tử.

Ngũ Đài Sơn thường được coi là nơi cư ngụ của đức Văn Thù (Manjusri), vị bồ tát tượng trưng cho trí tuệ. Hầu hết các chùa chiền, tu viện trong vùng đều dành riêng một nơi quan trọng để thờ ngài. Đa số các bức tượng đức Văn Thù đều tạc ngài như một tu sĩ, một tay cầm kiếm sắc, tay kia cầm bông hoa sen, cưỡi trên lưng một con sư tử chúa lông màu xanh. Hàng năm các chùa đều tổ chức lễ vía đức Văn Thù rất trọng thể. Đặc biệt đối với người Mông Cổ, đức Văn Thù là một vị Bồ Tát được hết sức tôn kính cũng như đức Quán Thế Âm đối với người Tây Tạng hay Trung Hoa vậy. Do đó ngày vía đức Văn Thù còn là một ngày hội rất lớn của người Mông Cổ. Trong vòng mấy tuần lễ, số người Mông Cổ

kéo về hành lễ rất đông. Hàng ngàn người cắm lều, tụ tập trước tu viện Pusa Ting. Đa số đàn ông đều mặc những bộ quần áo sang trọng, lịch sự, đắt tiền, với những đường thêu cực kỳ sắc sảo và diêm dúa. Phụ nữ Mông Cổ không chú trọng nhiều về y phục như phái nam, mà đặc biệt săn sóc đến mái tóc của họ. Có đến hàng trăm kiểu tóc khác nhau, có kiểu uốn cong lên như sừng hươu, có người tết bím như đuôi ngựa và cài lên đó những chiếc lược bằng ngà, bằng vàng ngọc chạm trổ công phu. Cả hai phái nam cũng như nữ đều đeo trang sức lộng lẫy, những chiếc vòng ngọc, kiềng vàng, những xâu chuỗi bằng đá quý cũng như những chiếc nhẫn đeo đầy trên các ngón tay... Các tù trưởng, tộc trưởng oai vệ bên những đoàn tùy tùng gươm giáo sáng loè xen lẫn những người chân dê nghèo nàn bồng bế con cháu. Tất cả đều tham dự các khoá lễ và thực hành những nghi thức một cách thành kính. Ngoài ra tôi còn thấy một số người hành hương cứ đi ba bước lại quỳ mọp xuống đất một lần (tam bộ nhất bái). Họ cho biết là đã khởi công từ những miền xa như Tân Cương, Thanh Hải, vượt qua những sa mạc nắng cháy, mất nhiều năm mới đến được nơi đây để tham dự các khoá lễ. Thật khó có thể giải thích được tinh thần dũng mãnh, can đảm và ý chí cương quyết của những người hành hương như thế này. Một người Âu chắc sẽ bật cười cho rằng đó là những phong tục man di mọi rợ, một hủ tục mê tín dị đoan cần phải loại trừ. Tôi đã hỏi rất kỹ những người này, đa số đều phát tâm tự nguyện đi hành hương như vậy chứ không ai bắt ép họ cả.

- Nhưng tại sao ông lại phải làm như thế?

- Đó là một phương pháp để làm tiêu bớt các nghiệp chướng từ vô thi.

- Nhưng vừa đi ba bước vừa lay xuống như vậy thì được ích lợi gì?

- Thứ nhất đó là một thử thách

cho tinh thần cầu đạo, cầu giải thoát. Thứ hai, đó cũng là một cách làm chủ thân và tâm, mỗi bước đi phải xưng tán hồng danh một vị Phật, mỗi khi quỳ lay xuống lại phải đọc một câu thần chú. Phải làm sao cho nhất tâm bất loạn thì mới giải được các nghiệp chướng tích lũy từ quá khứ và giúp chúng tôi mở mang trí tuệ.

- Tại sao lại có thể mở mang trí tuệ như thế được?

- Hãy bắt đầu bằng việc tẩy sạch thân và tâm bằng cách loại ra khỏi nó những thèm khát, những sự bất tịnh. Làm sao làm chủ hoàn toàn được thân và tâm. Phương pháp tam bộ nhất bái giúp tôi đạt được điều này. Sau đó tôi đến Ngũ Đài ngồi yên lặng quán tưởng trong những hang động thanh vắng để tắt cả mọi căn thức cũng như tâm hồn mở rộng để đón nhận nguồn thần lực của đức Văn Thù rót vào.

Sau các khoá lễ còn có việc đàm luận về Phật giáo Tây Tạng, các tăng sĩ tham dự xếp hàng dọc trước khán đài, những người muốn tranh luận thay phiên nhau ra chất vấn. Họ bước đến trước mặt vị tăng, múa tay múa chân theo nhịp điệu của một dàn nhạc với những chiếc tù và lớn, thanh la, náo bạt và trống thúc liên hồi. Thoạt trông tưởng những cử chỉ của họ là dư thừa nhưng về sau tôi thấy rõ rệt có sự ăn khớp với những nhịp trống, tiếng tù và và các cử động của họ. Khi họ giơ tay lên, bàn tay xoè ra thì các nhạc khí đều dừng lại và người chất vấn bắt đầu đặt câu hỏi. Vì không biết tiếng Mông Cổ hay Tây Tạng nên tôi không hiểu họ nói gì nhưng đám đông thì say mê lắm, mỗi câu vấn đáp thường được quần chúng xuýt xoa trầm trồ, và mỗi khi có người thắng cuộc họ vỗ tay la hét, cổ vũ ầm ĩ. Cuộc tranh luận kéo dài suốt mấy ngày liền, và người thắng cuộc cũng được quần chúng khiêng lên vai chạy mấy vòng quanh sân chùa.

(còn tiếp)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI
Trương Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

Collen Parker sinh ra và lớn lên tại một thị trấn nhỏ, sống bằng nghề trồng-trọt và nuôi bò ở miền Nam tiểu bang Illinois. Nàng lấy chồng rất sớm, năm mười sáu tuổi. Ở Hoa Kỳ, lấy chồng ở lứa tuổi này là hơi sớm, nhưng đối với những gia đình sống miền đông quê hẻo lánh như nàng thì khá vừa. Hơn nữa, gia đình Parker là một gia đình rất sùng đạo. Bố nàng có một

cửa tiệm bán hàng xén ngay tại trung tâm thị trấn nhỏ bé này.

Cuộc tình của Collen và Ben, con một trại chủ trong làng là một cuộc tình bình thường, đẹp, thực tế nhưng thơ mộng, dễ dàng như bao nhiêu chuyện tình nhà quê khác ở cái nước Mỹ vĩ đại giàu có.

Hai người gặp nhau vào một ngày đẹp trời. Chàng nhìn nàng... cười cười, nàng nhìn chàng, mới đầu là hơi thẹn thùng e lệ nhưng cũng cười cười. Đàn bà con gái Mỹ nổi tiếng là bạo dạn mà. Nhà quê

thì bạo dạn theo kiểu nhà quê.

Một cuộc hò hẹn được anh chàng Ben lấp bắp đề nghị, vừa nói vừa gãi đầu gãi tai rất là khổ sở ngượng ngùng. Nàng mỉm cười chấp thuận, mặt cũng ửng đỏ lên vì sung sướng. Trước khi từ giã, Collen đưa tay ra cho Ben. Anh chàng thanh niên nhà quê sung sướng quá, cầm lấy rồi nhẹ nhàng đặt lên đó một cái hôn. Collen cảm thấy da thịt mình nóng rang.

Buổi hẹn hò đầu tiên vào một trưa hè, trời nóng bức mà anh chàng Ben cũng trịnh trọng thượng một bộ đồ vét ba mảnh với đầy đủ nơ niếc như một nhà quý-tộc Ảng Lê đi dự dạ tiệc. Bộ đồ duy nhất này Ben đã may cách đây hai năm. Hai năm đối với một thanh niên Mỹ thân xác thay đổi nhiều lắm nên bộ đồ mặc vào coi rất là thô kệch: quần ngắn đến độ lòi cả vớ ra ngoài, áo sơ mi không gài nút cổ được, phải dùng cái nơ để che đi lại càng làm tăng thêm vẻ quê mùa kệch cỡm, hai ống tay của chiếc áo vét thì thun lên gần đến cùi chỏ, làm người mặc nó làm gì cũng phải cẩn trọng, chỉ sợ nó rách toạt ra... Vậy mà anh chàng si tình nhà quê chẳng lấy thế làm kỳ, mặt mày trịnh trọng ra dáng rất hãnh diện với bộ đồ vét gia bảo.

Trong khi đó, Collen không ăn mặc vụng về như người tình. Nàng diện sơ một cái váy và mặc một chiếc áo sơ mi trắng có cài thêm một đoá hoa hồng nhỏ nơi ngực coi rất duyên dáng dễ thương. Tóc nàng búi chặt ra phía sau, để lộ chiếc cổ cao và thanh lịch.

Buổi hẹn hò đầu tiên, hai người chỉ ngồi bên nhau dưới một lùm cây, nhìn xuống con suối nhỏ chảy róc rách, mơ màng hiểu thế nào là tình yêu. Trước khi chia tay Collen bảo:

- Lần sau đi chơi với em, anh khỏi cần diện như thế này. Bộ quần áo không làm nên con người được.

Ben thành thật:

- Anh chỉ muốn chứng tỏ cho

em biết là anh rất trọng em, rất quý em.

- Cảm ơn anh. Anh làm em sung sướng hãnh diện, nhưng anh cứ ăn mặc như thường là được. Loè loẹt làm gì?

Trên con đường đất trở về nhà mình, Ben nhận ra một điều, và điều này ảnh hưởng Ben suốt cuộc đời còn lại của hai người: Collen có kiến thức và có cái nhìn thực tế hơn nó. Càng nghĩ đến đó thì Ben càng thấy lòng mình sung sướng.

Chuyện tình... qua mau một cách êm đẹp suôn sẻ. Sáu tháng sau hai người làm đám cưới...

Người ta thường nói "lấy nhau về rồi mới biết được những tật xấu của nhau" nhưng Collen thì khỏi cần phải chờ lâu đến như vậy. Nàng biết được tính tình của Ben ngay trước khi Ben xỏ nhẫn vào tay nàng.

Đàn ông Mỹ, trước khi đem cuộc đời dâng hiến cho đàn bà sai bảo, thường tụ họp nhau lại để ăn chơi một cú chót rất tận tình. Cú này người ta gọi là "*Bachelor Party*".

Sáng hôm đám cưới, Ben được hai người bạn đi hai bên kèm vào nhà thờ, bước chân nghiêng ngả vì chưa tỉnh rượu của buổi "*Bachelor Party*" tối hôm qua. Dù rằng trước đó, bạn bè đã tắm nó, quăng nó xuống hồ nước, cho nó uống cả lít cà phê, nước trà, đủ thứ thức uống nhưng vô hiệu. Ba chai huyết-ky thượng hạng "làm tại nhà", cất từ thổ sản địa phương, đã đề Ben xuống, bắt nó nằm ì một đống trước bao cặp mắt lo sợ của bạn bè.

Rượu đã vô tới máu rồi thì làm sao mọc nó ra được? Bàn nhau một lúc rồi mọi người quyết định là chỉ còn cách dựng chú rể dậy, kẻ mặc quần người mặc áo rồi nâng chú đứng lên, mỗi người hững một bên vai để khiêng chú rể ra nhà thờ.

Trong nhà thờ, mọi người chờ đợi, cứ hát hết bài thánh-ca này tới bài thánh-ca khác vẫn chưa thấy mặt mũi chú rể đâu cả. Đang tính

bỏ về thì bỗng mọi người ngửi thấy được mùi rượu chua chua thoang thoang từ cửa chính bay vào. Ai nấy quay nhìn ra, thấy một nhóm mấy thằng trời đánh trong làng đang kẻ chú rể quần áo xóc xếch, nút áo nút quần cài lẫn lên nhau, mắt nhắm mắt mở đi vào. Chú chẳng biết gì cả, mặc cho ai muốn làm gì đó thì làm.

Thật chẳng ra cái thế thống... đám cưới gì cả. Họ đàn trai thấy thế thì thì sượng trân cả mặt mày, chỉ muốn độn thổ và họ đàn gái thì lấy làm khó chịu vô cùng.

Dĩ nhiên, trong hoàn cảnh đó, người khó chịu nhất và đau khổ nhất là Collen. Chiếc nhẫn cưới nơi ngón tay Collen đâu phải do nó đeo vào cho nàng. Ben còn say quá, cứ luống cuống rờ rẫm mãi mà không cầm được cái nhẫn lên tay. Cuối cùng, do sự đồng ý của mục sư, chính nàng cầm lấy rồi tự đeo vào cho nó xong việc.

Buổi chiều hôm đó, ngày vui nhất đời của người con gái, trong lúc người ta tiệc tùng linh đình thì Ben nằm kên ra ghế mà ngủ, ngáy vang lên như sấm.

Đêm động phòng đầu tiên, đáng lẽ cũng sẽ là cái đêm quan trọng và huy hoàng nhất của một trinh nữ đẹp như Collen lại trở thành một đêm buồn tẻ nhạt, ôm gối nằm không.

Suốt đêm Collen ngồi trong góc nhà ngáp bóng tối nhìn người chồng say rượu nằm ngáy khò khò trước mặt nàng. Nàng cảm thấy như mình là người đánh bạc và vừa cháy cả cuộc đời. Thua không phải vì lỗi của mình mà vì mang vận số đen đui. Nghĩ đến đó, nước mắt nàng ứa ra...

Collen ứa nước mắt nhưng tự an ủi vì không phải chung đụng xác thịt với một con người say sưa. Con người mà mới hồi hôm qua đây, nàng tưởng còn đem hết lòng yêu mến.

Nàng khóc vì biết rằng kể từ đây, đời mình sẽ bị lệ thuộc vào

một người chồng nghiện rượu, tư cách chẳng ra gì và quan trọng nhất, người chồng mà mình không thể nào tiếp-tục thương yêu.

Gần sáng, lúc Collen vừa chợp mắt được sau một đêm dài đau khổ thì bỗng bị Ben lôi cổ dậy. Sau một ngày một đêm say bất kể trời đất, Ben tỉnh rượu, nhìn thấy Collen thì cơn động tình bốc lên. Chẳng nói chẳng rằng, chẳng cần lịch sự lễ phép hay mặc cỡ làm chi như cái hồi chưa cưới nhau, nó thò tay lột trần truồng Collen như người ta lột quần áo một con diêm.

Bị đánh thức bất ngờ, mới đầu, Collen chỉ chống cự cho có lệ. Nàng biết rằng hai người đã là vợ chồng với nhau rồi, nàng không thể từ chối chuyện ấy được. Thật ra, như mọi người đàn bà bình thường khác, nàng cũng muốn làm chuyện đó lắm chớ. Nhưng phải làm trong một không khí yêu đương thân mật, dưới sự đồng tình của hai người kia, chứ không phải chụp giựt thô bỉ như đi chơi diêm thế này.

Nhưng sự "chống cự sơ sơ" của người vợ mới cưới trong đêm tân hôn đã làm Ben nổi điên. Ben bây giờ không còn là một Ben hiền lành bên lén, lịch sự và vụng về với bộ quần áo vét cũ kỹ lở bịch coi rất tội nghiệp nữa mà trở thành một con người khác, đúng hơn, một con quỷ dâm dục. Nghĩ rằng đã cưới được nàng thì nàng thuộc về mình nên khi mới bị Collen kháng cự sơ sơ, nó đã điên tiết thò tay tát cho nàng mấy cái nên thân, miệng nguyên rủa: "Con dĩ thói tha này, tao tốn bao nhiêu tiền để cưới mày, bây giờ sao mày không cho tao đ.?"

Câu nói phũ-phàng này đã làm Collen tỉnh cả ngủ. Nàng ngạc nhiên quá xá. Coi, đã là vợ chồng với nhau thì nàng tiếc gì chuyện đó. Hơn nữa, nàng còn yêu Ben. Nếu Ben chỉ cần xuống nước một chút, chỉ cần nói một câu dịu dàng, chỉ cần một cái vuốt ve âu yếm thì nó bảo gì nàng lại không chịu làm.

Nhưng cái tát đau đớn cùng lời nhục mạ kia đã thức tỉnh Collen, một người con gái tuy nhỏ tuổi nhưng đã nổi tiếng khắp nơi là khôn ngoan và quyết liệt. Nàng quyết định chống cự thẳng chông thô bỉ này tới cùng.

Vừa quyết định như vậy thì nàng cũng đau khổ khám phá ra một điều quan trọng nhất đời mình: Nàng chưa hề yêu Ben chút nào hết. Phải, nàng chưa bao giờ và chắc chắn sẽ chẳng bao giờ yêu được thằng chồng vũ phu dâm dục này. Nghĩ xa hơn một chút, nàng thấy nàng nhận lời cưới Ben chỉ vì nó là người đầu tiên đề nghị chuyện này với nàng. Thêm vào đó, vì nàng muốn thay đổi cuộc sống. Sự suy nghĩ của một người con gái mới lớn, chưa bao giờ biết hò hẹn, chưa bao giờ biết tình yêu là gì, luôn luôn có giới hạn, không sâu sắc. Gia đình ở nhà quê lại chẳng giúp gì được. Đúng ra, nàng nhận thấy, mình chấp nhận lời cầu hôn của Ben chỉ vì muốn làm một cuộc phiêu lưu. Nhưng than ôi, nàng vừa đau đớn nhận biết rằng cuộc phiêu lưu này sẽ không đưa nàng đến đâu cả.

Bây giờ thì Collen không còn chống cự cho có lệ nữa mà nàng chống cự thật tình. Bằng tất cả sức lực, nàng nhất định thà chết thì thôi chứ quyết không để cho thằng khốn này đụng vào người mình.

Nhưng Ben là một thanh niên nhà quê mới lớn với sức mạnh của những cao bồi thì làm sao Collen chống nổi. Chẳng bao nhiêu lâu sau đó, nàng không còn một tí quần áo nào trên người. Nhìn thấy... vợ mình như vậy thì Ben càng khoái chí, mắt long lên đỏ ngầu, hùng hổ lôi tuột nàng xuống khỏi giường.

Cuộc đả cò diễn ra trên nền nhà sắp đến hồi kết thúc, Ben sắp sửa chế ngự được nàng thì Collen bỗng nhìn thấy cái chân đèn gần đó và nghĩ liền ra một kế. Từ thuở nhỏ, nàng đã nổi tiếng trong đám

bước chiêm bao

*rồi sẽ chết một mùa xuân đại đó
hồn oan khiến cũng rồi rồi điều tàn
ánh tuyết trắng giữa hai mùa thu cũ
vàng phai theo màu bạc muối sương tan*

*rồi một buổi bình minh còn núp lại
kéo mây về phủ kín tóc pha sương
tay náu vội cánh hoa còn phong nhụy
đếm ngày đi trên cánh ủa phai hương*

*niềm nguyệt ẩn có còn trong mắt lệ?
xóa mi mờ găng gương náu thân si
rồi một sớm ta về trong mảnh dẻ
ta trở về đánh thức buổi hôn mê*

*em sẽ thấy tình vẫn màu xanh cũ
em nhìn xem tình vẫn tự thuở nào
tình vương vất bởi vì tình trôi cuốn
theo dòng đời, theo mỗi bước chiêm bao.*

minh du



bạn bè là một con nhỏ có "cái đầu biết suy nghĩ" mà.

Tự nhiên, nàng đổi hẳn thái độ, cười nhẹ nhàng rồi tỏ vẻ với Ben bằng một giọng ướm át lửa tình:

- Anh Ben, em hãnh diện vô cùng...

Ben nói qua tiếng thở hồng hộc, men rượu chưa trong bao tử bay ra bao phủ người nàng:

- Con dĩ này, mày hãnh diện cái gì?

- Em chống cự lại anh là vì em chỉ muốn thử coi anh yêu em đến mức nào. Nếu anh yêu em đến như vậy thì chúng ta nên lên giường...

- Không! Tao muốn làm tại đây, chơi dĩ thì phải làm trên mặt đất mới là li kì, hề hề...

- Anh ngu lắm, ở trên giường êm ái hơn, anh nghĩ lại đi... Hơn nữa, em có thể làm cho anh cái này mà anh không thể nào quên được...

Ben khựng tay lại, bản thân suy nghĩ về lời hứa hẹn hiếm có. Chỉ cần có vậy, nhanh như cắt, Collen nhích người sang một bên để tránh

khỏi áp lực của khối thịt khổng lồ rồi thò tay chụp cái chân đèn gióng vào đầu Ben một cái như trời giáng.

Cái chân đèn bằng đồng gióng mạnh đến nỗi tiếng "coong" vang lên to như tiếng chuông nhà thờ.

Ben tá hỏa tam tinh, tay chân rời khỏi vị trí tấn công. Chưa biết xử trí như thế nào thì cái chân đèn lại lao xuống một lần nữa, mạnh không kém lần đầu. Lần này Collen phạng trúng ngay sau gáy của người chồng thô-lỗ.

Gáy của con người là nơi tập trung tất cả mọi hệ thống thần kinh mà bị một cú như vậy thì chịu sao nổi. Chỉ nghe bụp một tiếng thì cả khối thịt khổng lồ của Ben xuôi lơ. Xuội ngay trên thân thể lỏa lồ của vợ mình...

Collen nhăn mặt nhích người hất khối thịt dơ bẩn của chồng mình sang một bên, tìm thế đứng lên. Nàng vợ vội tẩm ra trãi giường khoác đại vào người rồi khắc một bãi nước miếng xuống

người Ben trước khi mặc lại quần-áo tề chỉnh rồi bỏ chạy về nhà ba má mình...

Ngày hôm sau thì cả làng, cả xóm đều biết chuyện gì xảy ra trong đêm động phòng của cô dâu chú rể. Câu chuyện "hiếp dâm" hi hữu đêm tân hôn này đã trở thành một đề tài cho dân chúng thành phố bàn tán giễu cợt. Cả cô dâu lẫn chú rể đều bị phê bình nghiêm khắc.

Hôm sau, Ben biết lỗi, chạy đến nhà Collen tạ tội. Để chứng tỏ thành tâm hối cải, Ben úp bàn tay lên mặt bàn rồi rút dao chặt đứt tiện ngón út ngay trước mặt mọi người bên gia đình vợ.

Ai nấy thấy vậy cũng khiếp đảm. Collen chỉ đứng trong phòng tằm tức khóc.

Xã hội Hoa Kỳ thời đó, người ta vẫn còn coi trọng tiếng tăm của gia đình và chuyện hôn nhân, nhất là ở những miền quê hẻo lánh, cho nên, dù đã từ chối nhiều lần nhưng dưới áp lực của bố mẹ, Collen phải về ở lại với Ben.

Dĩ nhiên, anh chàng Ben học được một bài học đắt giá từ đêm tân hôn nên giữ lời hứa, không bao giờ còn dám uống rượu nữa. Cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ rồi cũng trôi qua như bao nhiêu cặp vợ chồng khác. Ben rồi cũng... ngủ được với Collen nhưng nó biết, cuộc tình hai người không còn như xưa nữa. Ngược lại, Collen cũng biết là mình chưa hề và không thể nào yêu được cái thằng nhà quê thô tục này. Trục giấc báo cho nàng biết Ben chỉ sống gắng gượng bằng một con người khác để làm vui lòng nàng trong một thời-gian. Con người thật của Ben sớm muộn gì rồi thế nào cũng trở về. Bao nhiêu mộng ước của người con gái bỗng tan thành mây khói. Những lần chung đụng xác thịt đối với Collen là những lần bất đắc dĩ. Nàng kinh tởm chuyện này nhưng đồng thời cũng thấy thương hại Ben.

Quả đúng như những gì nàng nghĩ, con ngựa Ben đã trở lại đường cũ sau vài năm cai rượu. Người đàn ông thường thường có

thể từ bỏ được nhiều thứ, kể cả rượu nhưng ít khi từ bỏ được bạn bè. Và bạn bè của Ben thì chẳng nào lại không uống rượu như hủ chim? Mới đầu, trên đường ra phố mua đồ, Ben chỉ ghé vào quán để làm một hay hai ly. Những lần như vậy, Ben còn cẩn thận súc miệng và nhai kẹo bạc hà trước khi về nhà để tẩy mùi rượu. Dần dà, những lần đi phố tiếp theo, khi làm đến năm hay sáu ly thì Ben chẳng cần để ý đến chuyện gì nữa. Điều làm cho Ben khoái nhất là Collen dù biết Ben trở lại đường cũ nhưng lại lờ đi. Mà dù nó có muốn làm to chuyện cũng không biết phải làm gì với mình, Ben nghĩ thầm như vậy...

Nhưng Collen không phải là hạng người đàn bà dễ đầu hàng định mệnh. Trước hết, nàng sử dụng biện-pháp "cắm-vận" để phạt chồng. Anh say sưa như thế thì xin ôm mền chiếu ra xa-lòng mà ngủ, và, quan trọng nhất, đừng có hòng mà đụng đến người tôi. Nhiều hôm uống rượu say về, Ben thèm muốn đến điên người lên được nhưng Collen đóng cửa phòng thủ kỹ. Kinh nghiệm của đêm tân hôn và ngón tay bị cắt cụt của mình vẫn còn in đậm nét trong đầu Ben, cho nên, dù say đến mấy nó vẫn chỉ biết nằm ngoài mà chửi, không dám tiến vào phòng nàng. Dù say đến mấy nó vẫn còn nhớ được là vợ mình đã "trang bị" rất nhiều đồ vật có thể sử dụng được như vũ khí trong khi nguy biến.

Như nhiều người con gái còn bố mẹ khác, Collen khi gặp chuyện bối rối cũng thường về nhà để tham khảo ý kiến với bố mẹ và chị em. Nhưng chẳng ai cho được nàng một lời khuyên hay lời chỉ bảo nào có giá trị, chỉ khuyên nàng phải chấp nhận và rán chịu đựng Ben. Ai cũng bảo nàng rán chờ đợi vì khi... về già, Ben thế nào cũng đổi tính. Thằng thần hơn, bố nàng còn bảo: "Đàn ông Mỹ mười đứa thì hết chín đứa là bợm nhậu rồi. Nếu vì rượu

ta chẳng còn gì

Tuyết rơi trong sân nhà
Tuyết rơi ngoài đồng xa
Tuyết phủ rừng thông trắng
Tuyết phủ ngập hồn ta.

Em ngồi bên lò sưởi
Đốt lên ngọn lửa hồng
Tim em còn lửa ấm
Sưởi giùm ta mùa đông.

Nơi đây, ta kể lạ
Như rong rêu lạc loài
Chỉ còn trong trí nhớ
Những xuân hồng xa xôi.

Quê hương là tất cả
Sao ta đành bỏ đi
Từ làm tên mất nước
Đời ta chẳng còn gì.

nguyên khanh



mà phải bỏ chồng thì 90 phần trăm đàn bà Mỹ đều bỏ chồng hết. Nhưng chuyện đó không quan trọng. Điều quan trọng là nó làm ra tiền và nó thương con. Hãy tốc váy lên để cho nó hưởng những gì nó muốn hưởng. Nếu mày cho chuyện rượu chè là xấu xa thì cũng nên tập uống thử với chồng cho có bạn. Rượu chè không có tệ lắm đâu!"

Lần nào cũng vậy, đau khổ quá thì nàng về nhà để tìm sự an ủi. Nhưng an ủi đâu chẳng thấy mà lần nào Collen cũng thất vọng, ứa nước mắt bước ra khỏi nhà. Nàng biết nếu mình muốn làm gì thì phải tự làm lấy một mình, đừng trông chờ gì nơi gia đình mình cả.

Ở mỗi người đều có một sức tự vệ và khả năng tự tồn phi thường mà chỉ những khi nguy-biến cùng cực người ta mới sử dụng được. Collen cũng vậy. Bị ép vào đường cùng, nàng phải tìm ra kế thoát thân cho mình.

Một tối Ben uống rượu say về nhà, Collen mời chồng vào phòng, hứa thưởng cho một đêm ân ái mặn nồng. Ben ngạc nhiên, sợ và nghi-ngại lắm nhưng tiếng gọi của "con chim" bao giờ cũng chiến thắng tất cả. Nó làm tình với vợ mà tay chân run lên từng chập, chỉ sợ con vợ gài bẫy rồi bất thành linh lại giọng cho một cái chân đèn vào đầu như đêm nào. Đã bị một lần, nó rất sợ bị thêm lần thứ hai...

Nhưng xong việc, Ben không bị giọng cái nào vào đầu cả mà lại được vợ tặng cho một câu nói nghe còn nặng hơn cái chân đèn gấp mấy lần. Nàng bình thản và lửng lơ báo cho Ben biết đó có thể là lần làm tình ...cuối cùng của hai người.

Nói xong, Collen mở hộc bàn lấy thuốc châm lửa mời hút tỉnh bơ trước mặt chồng. Ben ngạc nhiên lắm nhưng không biết phải nói gì.

Collen gác chéo chân hai chân vào nhau, khoanh tay lại, rít một hơi thuốc rồi tỉnh bơ thờ thối thuốc lá thẳng vào mặt chồng, cất giọng lạnh lùng:

- Em quyết định rồi, chúng mình sẽ bỏ thành phố này mà đi. Nếu anh không muốn đi cũng chẳng sao, anh có thể ở lại nhưng em thì quyết định ra đi.

- Đi đâu?

- Về Chicago! Em có bà chị họ có cái tiệm ăn trên đó. Bà chị sẵn sàng cho chúng ta ở tạm một thời gian, cho em một chân hầu bàn cho đến khi chúng ta tự lập được. Bà ấy còn bảo người như anh kiếm việc trên đó không khó lắm.

- Nhưng còn trang trại, còn nhà cửa thế nào?

- Trang trại và nhà cửa này là của bố anh, chúng ta nên trả lại cho ông ấy. Em thích tự lập hơn... Nhưng em không dám ép anh đâu. Đi hay ở là quyền của anh. Nếu anh ở lại, chúng ta sẽ chẳng còn bao giờ gặp nhau nữa. Em đã quyết định rồi.

Ben đứng lặng người suy nghĩ, mắt lơ lửng lên một tia sáng lạ kỳ...

Hồi đó Hoa Kỳ đang bước lần lần vào giai đoạn kỹ nghệ, với sự xuất hiện của máy móc và cách làm việc mới, các hãng xưởng thì nhau mọc lên ở khắp nơi trong nước. Ở đâu cũng vậy, người ta càng ngày càng cần nhiều nhân công. Chân lấm tay bùn ở miền quê đã bao nhiêu năm, như nhiều người đàn ông khác lớn lên ở miền quê thời đó, Ben đã nhiều lần nghĩ đến chuyện bỏ thị trấn này ra đi lập nghiệp ở nơi thành thị. Thật ra, đa số dân quê thời đó đều muốn ra đi nhưng riêng Ben, nó có một lý do quan trọng hơn bất kỳ thằng đàn ông nào khác ở thị trấn này để ra đi: câu chuyện "hiếp dâm" đêm tân hôn đã trở thành một đề tài cho người ta bàn tán và trêu chọc. Ben biết, ở một thành phố nhỏ mà tiếng đồn đã lan đi như vậy thì chắc còn lâu mới tan được.

Tuy đã có ý định đó từ lâu nhưng vốn là một kẻ thụ động nên Ben chưa dám làm gì, bây giờ nghe vợ quyết định giùm như vậy thì còn gì bằng. Chẳng cần suy nghĩ

lâu, Ben gật gù, cười hì hì:

- Đi thì đi chứ đây đâu có ngăn gì, có vậy mà em cũng làm anh hết hồn! Đồng ý! Mà này, cho anh yêu thêm cái nữa đi...

- Không, buông tay ra! Để dành đó, chờ đến khi nào mình dọn về Chicago rồi yêu cũng còn kịp mà. Bây giờ thì mời anh bước ra khỏi phòng, mùi rượu của anh làm tôi chịu không nổi...

Ben còn muốn níu kéo nhưng thấy vợ như vậy thì đành quay gót bước ra ngoài, cảm thấy tiếc nuối vì cuộc mây mưa đã qua quá mau.

Một tháng sau, vợ chồng Ben từ giã vài người rồi lặng-lẽ chất đồ đạc lên xe đi Chicago...

Quả đúng như lời Collen nói, bà chị bà con tên Karen có cửa hàng bán cà phê và các món ăn trưa cho khách, đang cần một người phụ bàn nên nàng vừa tới hôm trước, hôm sau bắt tay vào việc liền.

Chỉ trong ngày làm việc đầu tiên, Collen chợt khám phá ra mình có hai cái vốn trời cho vô cùng quý giá mà từ trước đến giờ nàng chưa bao giờ biết mình có. Trước hết, lần đầu tiên trong đời, nàng nhận biết mình có một sắc đẹp kiều diễm lạ lùng. Thứ hai, như để tô điểm thêm, trời còn cho nàng có khả năng giao thiệp ăn nói với khách hàng. Bất cứ câu chuyện gì nàng xía vào cũng trở nên duyên dáng dễ yêu.

Tối hôm trước khi bắt tay vào việc, bà chị sợ đứa em nhà quê không đủ khả năng để tiếp đãi nổi bọn khách hàng thành thị nên ân cần giảng giải cho Collen hiểu từng chi tiết nhỏ một về cách ăn nói, cách đối xử với khách hàng rồi kết luận:

- Công việc không có gì khó lắm nhưng chỉ khổ vào lúc sáng và lúc trưa.

- Khách đến đông quá phải không?

- Đúng vậy. Khách hàng của chúng ta gồm đủ thứ thành phần, từ

dân lao động chân lấm tay bùn cho đến dân văn phòng cổ cồn cà vạt. Dân lao động, họ vào sở cùng một giờ nên bao giờ cũng ra quán cùng một lúc, trước giờ còi hụ khoảng nửa tiếng để ăn uống. Vấn đề khó giải quyết là mấy chục người vào tiệm một lượt mà ai cũng mong mình được dọn đồ ăn thức uống liền, trong khi cả quán chỉ có hai vợ chồng chị làm việc. Em phải nhớ, khó khăn lắm vì hễ được lòng người này thì sẽ mất lòng người kia. Buổi trưa cũng vậy. Ai cũng muốn mình được dọn phần trước.

- Mình cứ làm hết sức, chắc khách họ cũng hiểu.

Bà chị Karen cười:

- Nếu họ thông-cảm được thì đã không nói làm gì. Những cảnh la ó chửi bới diễn ra hằng ngày. Nhiều khi họ ẩu đả nhau giữa quán chỉ vì một người đến sau mà được dọn bàn trước! Em rán giúp chị!

Buổi tối lên giường ngủ, Collen không thể chợp mắt được, cứ thao thức trằn trọc nằm lo lắng cho một ngày mai đầy thử thách. Là một cô gái quê, chưa bao giờ tiếp xúc với dân thành thị, nàng thấy lo lắng vô cùng.

Vậy mà, sáng hôm sau, dưới sự kinh ngạc của hai vợ chồng bà chị, Collen xuất hiện như nàng Bạch Tuyết hiện ra giữa đám lùn. Quán buổi sáng đang ồn ào vào cái giờ bận rộn nhất bỗng trở nên im lặng như trong nhà thờ. Những tay bậm trợn nhất, to mồm nhất hễ mở miệng ra thì phải có tiếng chửi thề đi trước mới nói được, đang vung tay la hét ào ào như vậy mà nhìn thấy nàng tiên xuất hiện thì câm miệng lại, trở nên ngoan ngoãn như những thằng bé trong hội hát nhà thờ. Những thằng thô tục nhất mới hôm qua đây vừa nhai nuốt nhồm nhoàm vừa nhổ nước bọt tùm lum xuống sàn nhà chẳng cần biết đến ai, cũng trở nên lịch sự đáo dể. Chúng tự động sửa lại thế ngồi, ăn uống chậm chạp, thậm chí còn dùng khăn trải lên đùi y như là

những *gentleman* chính hiệu vừa từ bên Ấng Lê qua.

Sắc đẹp quả là một kho tàng vô giá. Hai vợ chồng bà chị cứ đứng đơ người ra ở trong quầy mà nhìn chuyện lạ.

Tinh mắt và khôn ngoan như Collen thì nàng biết ngay cái giá trị của sắc đẹp mình có. Nhưng nàng cứ tảng lờ đi như không biết gì. Nàng đi đi lại lại tự nhiên giữa đám thực khách, lúc rót cà phê, khi nhặt chiếc nĩa, v.v. Mọi việc nàng làm thành thạo và khéo léo như một người đã ở trong nghề lâu ngày. Cái mà làm cho khách thích nhất là khi làm những việc đó, đôi môi nàng luôn luôn điểm theo một nụ cười tươi tắn, làm như là nàng coi việc hầu hạ khách ăn là một việc làm thích thú lắm. Thỉnh thoảng, gặp ông khách vừa ý, nàng còn hỏi thăm thân mật vài câu, chêm vài câu pha trò dí dỏm. Những câu hỏi và pha trò rất bình thường tự nhiên nhưng ai nghe hỏi cũng thấy khoái trong lòng vô cùng.

Tám giờ sáng, đám khách lao động đi bớt, khách văn phòng vào thế chỗ. Đám người này, dĩ nhiên, ăn bận sạch sẽ lịch sự hơn và cử chỉ lịch lãm có thừa, nhưng cũng không giấu được vẻ ngạc nhiên thích thú khi nhìn thấy mỹ nhân Collen. Có điều, họ biểu lộ cảm tình một cách kín đáo và tế nhị hơn đám lao động nhiều.

Ngay từ buổi sáng đầu tiên, trong đám khách hàng lịch sự ấy, Collen để ý đến một thầy đội cảnh sát cao ráo đẹp trai với cái ống pip cầm xéo xéo trên môi, dưới hàng ria mép dày đậm. Từ sáng đến giờ tiếp xúc cả hàng trăm người nàng không thấy gì, nhưng không hiểu tại sao vừa nhìn thấy con người này là Collen thấy lòng mình tự dưng dâng lên một cảm xúc kỳ lạ. Vừa khoan khoái, vừa lo sợ, vừa thích thú, vừa bí mật, vừa hào hứng. Quả thật, từ nhỏ đến lớn, nàng chưa bao giờ nhìn thấy được một con người oai phong lẫm liệt như vậy.

Người gì đâu mà vừa đẹp lại vừa oai đến lạ lùng. Từ trong nhìn ra qua tám cửa kiếng, Collen có thể nhìn thấy thầy đội xuống ngựa, chậm rãi cột dây cương trước cửa tiệm. Điều bộ rất khoan thai nhàn nhã, thầy vừa cột sợi dây vừa nói chuyện tâm tình với con ngựa, làm y như nó hiểu được tiếng người. Xong, thầy vuốt vuốt vổ vổ vào bờm chú ngựa mấy cái, kề sát tai nó căn dặn vài điều rồi quay lui lững lững bước vào tiệm. Bộ đồng phục bằng ni màu xanh đậm, chiếc áo kín cổ với với hai hàng nút vàng nổi bật nơi cánh cửa.

Đây không phải hình ảnh của một con người mà của một vị thiên thần từ trời xuống, Collen nghĩ vậy.

Nhưng tất cả những vẻ đẹp đó, những oai phong lẫm liệt đó hình như chưa bằng một cái khác nơi khuôn mặt thầy: đó là cặp mắt long lánh hào quang. Cặp mắt quét một vòng khắp tiệm, nhìn phớt qua ai thì người đó phải rung động, không thể không để ý được. Nhất là những phụ nữ trẻ đẹp vừa mới từ nhà quê lên như nàng Collen. Vốn "cứng cựa" như Collen mà nàng còn hốt-hoảng suýt phải bùm miệng khi nhìn thấy thầy đội bước vào.

Chỉ cần liếc mắt sơ qua một cái là thầy đội bắt gặp Collen đang lên nhìn... sưng mình ngay. Dường như đã bị đàn bà con gái nhìn như vậy nhiều lần, thầy đội tỉnh bơ, nụ cười trên môi chỉ hơi nhích lên một chút như muốn nói cho nàng biết rằng thầy đã biết có người ngắm kỹ từ lúc thầy còn cột ngựa ở phía ngoài.

Cặp má Collen ứng hồng lên vì mắc cỡ và giận mình vì vô ý đã để cho thầy biết mình nhìn lên thầy. Nhưng nàng biết, người đẹp như vậy, nàng không thể nào không nhìn được, không thể nào cưỡng được cái đòi hỏi của thị giác, nói đúng hơn của cả trái tim và của cả con người. Đành vậy, âu cũng là một cái giá phải trả!

Collen chợt thấy nao nao.

Thầy đội ngồi xuống ở chiếc bàn ngoài cùng, quay lưng vào trong quán, thư thả nhìn ra ngoài, nơi con ngựa quý của mình đang đứng tư lự. Thầy kéo từng hơi ống tẩu xanh thật dài như muốn quện hết cái khoảng không gian nhỏ bé và dịu dàng chung quanh thầy. Hình như, dưới mắt thầy, chỉ có con ngựa của thầy là quan trọng và đáng để ý thôi, còn mọi người mọi vật chung quanh chẳng có giá trị gì cả.

Vì còn mắc cỡ, Collen không muốn ra tiếp khách, để bà chị Karen bùng ly cà phê ra. Bà chị don dả chào khách như thường lệ:

- Chào thầy đội Gary Malone!

Thầy đội cười, nheo mắt hỏi:

- Tiệm của bà hôm nay dường như ngay cả bàn ghế ly chén cũng thấy đẹp hơn hôm qua.

Bà chị Karen chẳng lạ gì thầy đội Malone, hiểu ngay thầy đội muốn nói gì, cười đáp lễ:

- Em gái tôi đẩy Gary, tên nó là Collen, mới từ nhà quê lên tập việc. Thầy đội rán nâng đỡ cho nó...

Thầy đội Gary Malone để cái ống tẩu lên bàn, bất ngờ quay lui nhìn vào trong. Một lần nữa, thầy đội lại bắt gặp Collen đang đứng sau quầy... nhìn lên mình. Collen lại hốt hoảng quay đi và tự chửi mình lần nữa nhưng thầy đội chỉ gật đầu và cười. Nụ cười nhẹ nhàng cởi mở:

- Nhờ bà giới lời với người đẹp đó rằng, đại diện cho thành phố Chicago, thầy đội cảnh sát này xin hoan-ngheñh nàng. Thật hân hạnh cho thành phố Chicago khi được tiếp đón một đóa hoa đẹp như vậy. Bảo với nàng rằng, bốn phận của cảnh sát là giúp đỡ dân và bảo vệ dân. Nếu nàng cần gì, thầy đội hạng bét này sẽ hân hoan giúp đỡ nàng.

Tiếng nói của thầy đội oang oang như chuông đánh. Là một điều là giọng nói tuy không to, vẫn

bâng khuâng

*Đường về hun hút dặm khuya
lòng người viễn xứ
sầu chia mấy trời
giọt buồn như thánh thót rơi
uơm trên đất khổ
giọt đời buồn thiu
ngẩn ngơ ta giữa lòng chiều
biết về đâu ngụ hồn tiêu tụy ơi!*

vạn giả

đều đều và nhẹ nhàng nhưng từ phía trong Collen nghe rõ hết không thiếu một tiếng. Nghe rõ ràng y như thầy đội đang ngồi trước mặt mà nói vậy. Một lần nữa, Collen lại đỏ mặt. Nàng chợt giật mình nhận ra, thầy đội Gary Malone vào đây chưa đến hai phút đồng hồ mà nàng đã nóng bừng cả mặt mũi đến ba lần.

Thầy đội không ngồi lâu, chừng không tới nửa tiếng đồng hồ, uống hết ly cà phê, hút xong một vài tẩu thuốc là lại đứng lên chuẩn bị đi. Collen quyết chí lần này không thềm nhìn thầy đội nữa để khỏi bị bắt gặp. Nàng làm ra vẻ bận rộn, đưa tay dọn hết ly chén ở một chiếc bàn gần đó bỏ vào khay rồi tắt tả đi vào. Chẳng ngờ, chưa quen nghề lâu nên khi xoay người, khay nặng quá làm nàng chao đi. Thế là cái khay đầy ắp bị mất thăng bằng, mớ chén đĩa trong khay chạy ùn về một hướng. Collen hốt hoảng nghiêng khay trở lại nhưng vì dùng sức nhiều quá, chính nàng bị trượt chân, mất thăng bằng ngã ngửa người ra sau.

Bao nhiêu chén đĩa ùn ùn kéo nhau tiếp tục rớt ra khỏi chiếc khay nàng đang cầm và nàng thì ngã ra sau, không cách gì lấy thăng bằng lại được.

Đang lúc Collen hốt hoảng bất lực chờ đợi một tiếng huých như



trời giáng vang lên bỗng cảm thấy thân mình được ai đỡ lại cho khỏi té và cái khay cầm trên tay được một bàn tay nào đó giữ chặt. Mấy cái đĩa trên khay vừa rớt xuống cũng được một bàn tay khác thò ra bắt gọn hết...

Có nhiều tiếng ồ thán phục vang lên trong quán...

Ngạc nhiên quá đôi, Collin quay nhìn lại thì nhận ra người vừa đỡ mình, vừa thò tay ra bắt gọn mấy cái đĩa kia chính là thầy đội Gary Malone đẹp trai. Một tay thầy đội đỡ cái khay, tay kia cầm mấy cái ly chén vừa rớt và ngực thầy hứng trọn thân hình của Collen.

Ôi, bộ ngực của thầy đội! Collen chưa bao giờ được dựa người vào một bộ ngực đàn ông như thế này. Nó vừa rắn chắc vừa mềm mại, vừa to lớn nhưng lại vừa dịu dàng. Thế là lần thứ tư trong ngày, Collen lại đỏ mặt. Lần này đỏ nhiều nhứt và đỏ lâu nhất...

Đỡ cho người hầu bàn trẻ đẹp lấy lại thăng bằng rồi thầy đội lịch sự bước lui, một tay nâng cái khay đưa trả Collen. Nhìn cái khay Collen lại ngạc nhiên thêm lần nữa. Coi, thầy đội này làm cái gì mà có được một sức mạnh như của Hercules. Cái khay to lớn như vậy, mình phải dùng hết sức nâng lên bằng hai tay mới nhấc lên mỗi mà thầy đội cầm nó dễ dàng như cầm

một tờ giấy.

Mặt không đổi sắc, vẫn nụ cười dịu dàng trên môi, thầy đội nói nhẹ:

- Cô cẩn thận, đất Chicago này trơn trượt và nhiều cạm bẫy lắm, không phải hiền lành như chỗ cũ của cô đâu.

Collen cảm động quá, đưa tay đỡ lấy cái khay, nhìn thẳng vào mặt thầy đội, cặp mắt long lanh hơi ngấn chút lệ vì không giấu được cảm tình của mình:

- Xin cảm ơn thầy, cảm ơn... anh. Tôi thật là vụng về...

Gary Malone lắc đầu, cười:

- Đừng có sợ mình vụng về. Vụng về là con người, toàn hảo là Thượng Đế. Chúng ta đều là người cả cho nên phải... vụng về! Cố gắng lên! Tên tôi là Gary. Gary Malone!

Nói xong thầy đội toan xoay người bỏ đi. Collen đặt khay xuống bàn, chùi tay vào váy cho sạch rồi đưa ra cho thầy đội:

-Khoan! Tôi là Collen. Collen Parker, rất hãnh diện được biết thầy.

Gary Malone cười, lịch sự cầm lấy tay nàng rồi cúi đầu nhẹ nhàng đặt lên đó một chiếc hôn:

- Tôi biết tên cô từ lâu rồi, cô Collen... Kể ra thì làm một đóa hoa đẹp cũng sướng thật đấy chứ nhỉ, đi đến đâu thiên hạ cũng phải biết đến mình... Mà thôi, tôi tên là Gary, "đội cảnh sát" chỉ là chức vụ, cô cứ gọi tôi là Gary được rồi...

Gary còn nói thêm vài câu lịch sự nữa nhưng Collen đâu còn nghe thấy gì. Cái hôn từ bàn tay nhưng dường như có luồng điện dẫn lên óc làm nàng mê mê, ngây ngất. Hàm râu mép của thầy đội sao mà mịn màng, êm ái. Ôi, từ lúc lớn lên, nàng được hôn đã nhiều lần và ở... nhiều nơi trên thân thể nhưng chưa có ai cho nàng được cái cảm giác này. Hôn tay đã vậy, hôn mấy chỗ khác thì chắc ai mà chịu cho nổi...

Nghĩ đến đó, mặt nàng lại đỏ bừng. Lần đỏ mặt thứ năm kể từ

khi nàng gặp con người kỳ lạ này...

Trước khi lui bước, thầy đội còn nửa đùa nửa thật nhấn nhủ một câu:

- Nên nhớ đấy Collen, đất Chicago trơn trượt lắm. Nhất là đối với những người đẹp như cô...

Thầy đội đi được một lúc rồi mà Collen vẫn còn như người mất hồn, không làm ăn gì được. Sợ bà chị biết, Collen phải cố gắng tiếp khách và làm ra vẻ bận rộn nhưng dù làm gì đi nữa, nói chuyện với ai đi nữa, nàng vẫn không thể nào xua đuổi hình ảnh thầy đội ra khỏi tâm trí được. Thỉnh thoảng, nàng cứ nhìn ra ngoài, nơi chỗ có cột con ngựa của Gary như mơ ước chàng sẽ trở lại...

Mãi đến trưa, cơn xúc động qua đi, Collen mới bình tâm để suy nghĩ về mình. Tại sao mình lại có thể đỏ mặt tới năm lần với một người lạ như vậy nhỉ? Ngay cả với Ben là chồng nàng, nàng chợt nhớ ra rằng từ lúc quen nhau cho đến lúc cưới nhau và chung sống với nhau, mình chưa bao giờ... đỏ mặt với hán một lần nào cả. Lần Ben tỏ tình với nàng, nàng chỉ thấy sung sướng nhưng không đỏ mặt. Lần nó hỏi cưới nàng cũng vậy. Đỏ mặt là chuyện tuyệt nhiên chưa hề xảy ra.

Vậy tại sao mình có thể đỏ mặt đến năm lần với một người lạ mặt mà mình chưa hề quen biết như vậy kìa? Đây có phải là chuyện mà người ta nói là tiếng sét ái tình hay không? Nhưng nếu là tình yêu thì thật là ngang trái. Nàng đã có chồng và ngón tay đeo nhẫn của Gary Malone cho nàng biết chàng đã có vợ. Hơn nữa, mới chân ướt chân ráo đến Chicago, một người khôn ngoan như Collen không bao giờ muốn phiêu lưu mạo hiểm nhiều trên bất kỳ một địa hạt nào: dù là trên lãnh vực làm ăn hay tình cảm.

Cuộc sống với Ben hiện giờ, tuy không phải là một cặp vợ chồng lý tưởng với đầy đủ tình yêu như nhiều người khác nhưng cứ coi như

bình thường phẳng lặng sau cơn sóng gió đã qua coi như đã được bỏ lại ở nhà quê. Ben bây giờ thay đổi nhiều và luôn luôn tỏ ra quý trọng nàng. Dù rằng Collen biết, sau đêm tân hôn, nàng chẳng bao giờ có thể yêu Ben được nữa nhưng sống trong một gia đình với những điều kiện vừa kể, người đàn bà thường thích an phận, không thích một cuộc phiêu lưu mới...

Những ngày tiếp theo cũng trôi qua suông sẻ y như ngày đầu. Collen đem một luồng gió mới lại cho mọi người, nhà hàng lúc nào cũng có không khí vui vẻ như mọi người đang chuẩn bị đón lễ giáng sinh. Dù bận rộn luôn luôn nhưng Collen thấy hình như đời nàng từ lúc lớn lên, đây là lần đầu tiên nàng mới bắt đầu biết sống. Sống thật, sống một cuộc đời hữu dụng cho nàng và cho những người chung quanh. Nàng hoạt bát, nói cười luôn miệng giữa đám khách hàng mà không làm mất đi sự kính trọng của họ, dù rằng đám khách hàng của nàng gồm đủ mọi hạng người, từ anh cu li thô kệch nhưng dễ tính cho đến anh chàng luật sư keo kiệt hay ông nhà giáo đạo mạo. Khách hàng khó tính tới đâu, xưa nay nổi tiếng không ai trị nổi thế mà chỉ cần một nụ cười của Collen là xong hết. Không ai có thể nhìn thấy nụ cười đó rồi mà còn có thể giận dữ hay phàn nàn gì được...

Bề ngoài, Collen đối xử với mọi khách hàng đều y như nhau, những nụ cười dành cho khách đều giống như nhau nhưng bên trong, dĩ nhiên, như mọi con người sống trên đời này, nàng phải có một cảm tình đặc biệt đối với một vài người. Người đầu tiên và cảm tình nhiều nhất, dĩ nhiên, là thầy đội Gary Malone mà kỷ niệm gặp gỡ lần đầu tiên còn làm cho nàng ngây ngất. Người thứ hai là một ông cố đạo tên là Hill. Cố thường đến dùng cà phê vào buổi sáng, sau khi làm lễ nhà thờ.

Khi cố đạo bước vào tiệm thì

hầu như có một luồng hào quang... bước theo cổ. Cả quán, dù bận rộn hay ồn ào tới đâu cũng ngưng đi một chút để cho mọi người biết rằng cổ Hill vừa xuất hiện. Cổ thông thả mỉm cười chào mọi người, cặp mắt sáng như điện của cổ quét một vòng như thể rón tìm kiếm xem trong cái đám khách hàng này có người ở trong họ đạo của cổ sáng nay trốn lễ bỏ ra đây ăn uống hay không. Thỉnh thoảng cổ cũng gặp được vài người, và cổ chẳng ngần ngại sửa liên trước mặt bá quan: "Ông Bob, sáng nay sao không thấy ông đi xem lễ?"

Xong rồi cổ rền ràng ngồi xuống. Đó là giây phút vui vẻ nhất mà mọi người chờ đợi. Khi bàn tay cổ khuấy đều ly cà phê thì... cái miệng của cổ cũng bắt đầu nói. Mà cổ nói rất hay, rất duyên dáng. Ở quán cà phê đó người ta bảo rằng khi cổ Hill bắt đầu mở miệng thì Chúa có cử một ông thiên thần vui vẻ đứng bên cạnh cổ. Cổ bắt đầu bằng một câu chuyện xảy ra thường xảy ra trong xóm đạo. Không ai biết chuyện đó xảy ra ở xóm đạo nào và có thật hay không nhưng chuyện đó không quan trọng. Cái quan trọng là tuy câu chuyện rất bình thường nhưng khi kết thúc, ai cũng phải bật cười...

Thường thì khi cổ ngồi chỗ nào chỉ một lát sau, chỗ đó người ta bu lại để nói chuyện với cổ. Chẳng cần biết quen hay không, gặp nhau hay chưa, cổ Hill cười nói thân mật với mọi người. Người ta đến với cổ vì tính vui vẻ cũng có mà để tìm lời an ủi hay lời cổ vấn chỉ bảo cũng có. Từ những chuyện nhỏ như chuyện có thằng con trai lớn cứng đầu cho đến chuyện làm ăn lỗ lã, chuyện vợ chồng trong gia đình sao hay gây gổ v.v., hễ cổ Hill nghe được là cổ sẵn sàng cho người đó vài lời khuyên bảo hoặc chỉ dạy. Và lời nói của cổ rất khôn ngoan, chí lý. Hình như, trời thường cho những người tu trì sống xa thế tục có một cái nhìn rất sáng

chợt nhớ hôm nay là sinh nhật

*Trí nhớ tôi như lưỡi dao cùn
Cắt trôi ngày tháng vết lấm chung
Bầy chim se sẻ không trở lại
Vườn xưa nằm chết nụ xuân hồng.*

*Trí nhớ tôi như vệt nắng chiều
Phơi không đủ ấm nỗi tịch liêu
Soi không đủ sáng hồn bóng tối
Ngày mai đi qua... mãi đi u sầu.*

*Trí nhớ tôi như tiếng thở dài
Giữa đêm mưa ướt, lạnh hiên ngoài
Giữa khi nằm tiếc đời con gái,
Sinh nhật, tháng giêng, không còn ai.*

thụy ý



suốt để nhìn thấy những trở ngại khó khăn và từ đó tìm ra một lối thoát mà người thường không thể nhìn thấy được.

Dĩ nhiên, cổ chưa bao giờ phải trả tiền cà phê sáng. Trước khi cổ uống hết ly cà phê thì đã luôn luôn có một bàn tay bí mật nào đó trả tiền trước cho cổ. Được trả tiền cà phê cho cổ Hill là một ân huệ, người ta phải tranh nhau để làm việc này...

Khác với cổ Hill, thường có mặt sau khi làm lễ xong tại nhà thờ, thầy đội Gary Malone, vì công việc phức tạp của nghề cảnh sát đến quán thất thường hơn. Những hôm nào mà tiệm cà phê được đón tiếp hai người một lượt thì sự ồn ào náo nhiệt sẽ tăng lên nhiều lần. Lý do dễ hiểu là cả hai đều có tài ăn nói và hình như, thường thường, ở trên cõi đời này, thầy đội và cổ đạo thường khoái lẫn nhau.

Collen, cũng như nhiều khách hàng khác trong quán, có thể đứng nghe hai người nói chuyện hàng giờ mà không bao giờ thấy chán. Họ có thể nói về đủ mọi thứ đề tài mà xem ra chuyện gì họ cũng nắm rất vững. Từ khoa học đến chính

trị, kinh tế, v.v.

Nhiều khi, Collen tự nghĩ, nếu quán ăn này mà thiếu đi hai người này thì chắc không thể đông đảo và vui vẻ như thế được.

Khéo léo và vui tính như nàng mà gặp những người như vậy thì chẳng bao lâu, Collen đã trở thành một người bạn thân thiết của cổ Hill và Gary Malone. Hình như, bất cứ câu chuyện nào của cổ Hill hay Gary Malone kể, nếu có nàng đứng nghe thì người kể sẽ cố gắng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn và dài hơn chút nữa. Tiếng cười tự nhiên của nàng sau câu chuyện nhiều khi nghe thấy cũng... hay bằng câu chuyện của hai người nói.

Bà chị của Collen thì sung sướng ra mặt. Từ lúc mở cửa tiệm, bà chỉ sợ ế khách. Thời gian qua, tuy quán ăn có lúc lên lúc xuống nhưng quả chưa có bao giờ được như thế này. Bà không ngờ sự xuất hiện của đứa em họ đã biến đổi hẳn bộ mặt của tiệm.

Chẳng những bà chị của Collen sung sướng nhưng thằng chồng, Eddie, cũng sung sướng vô cùng. Nhưng không như vợ, Eddie sung

sướng vì một lý do khác...

Ngay từ lần đầu tiên gặp gỡ, vừa nhìn thấy cô em vợ trẻ tuổi đầy nhựa sống từ miền quê bỏ lên Chicago là nó đã thấy muốn... ngủ với nàng rồi. Dưới cặp mắt của Eddie, tất cả những đứa con gái bỏ quê lên tỉnh đều có thể... chơi được hết. Thằng chồng của nàng, Ben, nó chẳng coi ra gì cả. Cái thứ đàn ông cục mịch nhà quê kia thì chẳng được việc gì ngoài việc bữa củi và vác cỏ khô để nuôi bò. Lần đầu thấy cô em vợ, Eddie đã đứng sững người nhìn vào cặp vú đầy đặn và cặp mông tròn trịa của Collen khi nàng khuôn đồ đạc từ trên xe xuống. Eddie nuốt nước miếng ực ực liên tiếp mấy phút. Quả thật trên đời này, nó chưa bao giờ nhìn thấy được một cặp vú căng đầy và cặp mông tròn trịa đẹp dễ như vậy. Dân đồng quê chân lấm tay bùn suốt ngày quả có khác. Nghĩ đến những ngày chung đụng sắp tới với người đẹp ở trong nhà mình, Eddie thấy sướng rên lên. Người đẹp ở xa, chẳng hề quen biết mà nó còn chim được, hưởng gì người đẹp lại ở ngay trong nhà mình. Vấn đề chỉ là

thời gian thôi, Eddie náo nức nghĩ như vậy và tối hôm đó, nó đi ngủ ôm ấp mẹ vợ nhưng lại nhớ tới đứa em.

Một khi đã để ý đến nàng thì mọi hành động, mọi cử chỉ của Collen đều được nó theo dõi kỹ càng. Ngay buổi sáng đầu tiên, cái hôm mà nàng xem tí nữa làm rớt cái khay chén đĩa rồi được thầy đội Gary Malone lẹ tay đỡ dùm, nhìn hai người với nhau, Eddie thấy lòng mình tự nhiên quặn thắt lại, hai thái dương nóng ran. Dù biết đó chỉ là một sự tình cờ nhưng Eddie vẫn thấy khó chịu làm sao. Một cơn giận hay một nỗi bức mình vô cớ không biết từ đâu chui vào trái tim đang sôi sục lửa tình... cô em vợ. Hình như, một giác quan bí mật nào đó báo cho nó biết thầy đội này một lần nữa sẽ gây nhiều khó khăn cho cuộc tình mới của nó.

Một lần nữa bởi vì Eddie chẳng lạ gì thầy đội Gary Malone và thầy đội cũng chẳng lạ gì nó. Trong quá khứ, hai người đã từng gặp nhau...

Hồi đó, có một con bé tuổi chưa tới 17 vào làm việc nơi quán cà

phê. Con nhỏ xinh đẹp, ăn nói duyên dáng và làm việc rất siêng năng cho nên thầy đội và khách hàng ai cũng thích. Tuy thích con nhỏ nhưng thầy đội chỉ cần nhìn qua là biết rằng con này không thể làm ở đây lâu được, trước sau gì nó cũng... bị đuổi sở vì nó cứ cự tuyệt, nhất định không để cho bàn tay nham nhở của thằng chủ dè xồm thọc vào dưới váy mà sờ soạng ở đằng sau quầy tính tiền.

Cái trò này đã diễn ra bao nhiêu lần ở tiệm này rồi, làm sao qua mặt thầy đội được? Trời sinh ra cho thầy đội có một cặp mắt tinh ranh quá cũng khổ. Nhiều chuyện xảy ra trên cõi đời này, nhiều khi thầy đội chẳng bao giờ muốn nhìn thấy để biết mà vẫn phải thấy. Chuyện thằng chủ quán dâm dục lợi dụng con gái nhà lành để sờ soạng chẳng ai thấy được nhưng thầy đội ngồi tít mãi đằng xa mà vẫn biết được như thường, không thiếu một chi tiết. Biết nhưng thầy phải tảng lờ đi bởi vì nếu thấy chuyện gì trái tai gai mắt cũng phải nhảy vào can thiệp thì thầy sẽ chẳng còn thì giờ để lo đến một chuyện gì khác. Và rất có thể sẽ chết sớm nữa không chừng.

Tuy nhiên, một ngày, thấy con bé bị ông chủ dè xồm tát cho mấy bộp tai chỉ vì nó không chịu để cho ông chủ sờ soạng, thầy đội Gary Malone không nhìn được và đành phải can thiệp. Tính thầy đội xưa nay là như vậy. Thầy có thể cúi mắt làm lơ trước nhiều chuyện ngoại trừ chuyện thấy đàn bà bị đánh đập.

Từ cái bàn phía ngoài, thầy đội nhún mấy cái là đã nhảy tuốt vào trong quầy tính tiền, lôi cổ thằng khốn ra giộng cho nó mấy cái tát, kèm theo mấy lời dạy dỗ dành cho những thằng dâm tặc: "Đù mẹ lần này tao nể con vợ mày mà chỉ tát cho mấy bộp tai, lần sau mà còn dờ trò như vậy thì tao bẻ lẹo tay mày cho mày thành tàn tật suốt đời luôn mày nhớ chưa?"

trở về huế

giơ tay với ngọn sầu đông
ngủi trong khói thuốc vô vàng khói sương
về đây cò lạc điểm thương
dầm hàng mưa cũ xóm phường chênh vênh
kiến cào cái đôi năm Thân
xé toang miếng ớt rất rân ruột bào
khăn đùm tay nắm tay trao
bước xuôi bước ngược ôi chao bước về
về đây giậu nửa vườn tre
lập lòe mã tấu ngõ về trong mơ
hò khoan mãi rạc quan hà
chưa muối trắng nước đã tro đáy thuyền
tìm anh mờ hazy còn xanh
tìm em bão giặc cuốn mảnh ra khơi
đào đâu vạt chiếu tìm hơi
phố sương khói phủ chuông hồi nên không.

cao xuân tứ



Gì mà chẳng nhớ, ông chủ quán chỉ biết gật đầu rồi... bò lết vào nhà trong. Thầy đội chỉ tát sơ có mấy cái mà thằng Eddie to như voi đã xuôi lợ, đứng lên đi chẳng nổi, răng và máu rớt đầy trên sàn nhà.

Thầy đội Gary Malone quả chẳng hổ danh là "bàn tay sắt". Thầy chỉ ra tay sơ sơ có vậy mà thằng dâm tặc phải nghỉ việc cả tuần để nằm nhà dưỡng thương và hôm đi làm trở lại thì phải đeo nguyên bộ răng giả mới tinh, ăn nói ngọng ngịu như một ông già 80 tuổi.

Con bé bồi bàn kháu khỉnh ngày hôm sau cũng tự động xin thôi việc nhưng từ đó, ông chủ dè dặt Eddie cũng nhìn thầy đội bằng cặp mắt khác và kỳ thầy ra mặt. Biết uy của thầy đội Gary Malone, nó chẳng dám thừa kiện gì, chỉ âm thầm chịu đựng. Cũng nhờ vậy mà những vụ sờ mông bóp vú nhân viên của Eddie vui hẳn đi, nhất là những khi có mặt thầy đội trong quán thì nó tuyệt không dám dờ dỏng. Con mẹ vợ biết chuyện thằng chồng bị đòn nhưng chẳng lấy gì làm buồn mà hình như còn muốn cảm ơn thầy đội nữa. Chuyện sàm sỡ của thằng chồng con vợ biết rõ nhưng xưa nay chẳng bao giờ dám hé miệng vì mẹ biết có mở miệng cũng chẳng giải quyết được gì. Mẹ cần nó chứ nó chẳng cần mẹ. Bất cứ giờ phút nào, thằng chồng khốn nạn cũng sẵn sàng bỏ vợ ra đi mà chẳng luyến tiếc. Bà chị Collen biết rằng nó mà bỏ đi thì cái tiệm ăn chắc cũng đóng cửa luôn vì mẹ chẳng biết xoay sở thế nào...

Ngày hôm đó, với một nỗi ám ảnh dờ dẩn trong đầu, nhìn thấy hai người "đụng chạm" với nhau như vậy, dù chẳng biết chúng nó có tình ý gì hay không, Eddie vẫn mơ hồ nghĩ rằng, nếu mình không ra tay thương con em vợ trước thì sẽ có một ngày nào đó nó sẽ phải hối hận.

Theo đúng kế hoạch xưa nay,

khi đi chim ai cũng vậy, Eddie luôn luôn tìm dịp để "thử lửa" trước. Nếu sờ tay bóp vú mà em không cự tuyệt thì "chuyện lớn" coi như là xong được 80 phần trăm, 20 phần trăm còn lại thì chỉ cần lựa một ngày vắng khách, một căn phòng sạch sẽ là xong.

Eddie quyết tìm dịp để "thử lửa" con em vợ.

Ăn ở chung chạ với nhau như vậy thì khỏi cần chờ đợi lâu, Eddie có dịp để thử liền. Tối ngày hôm sau, trong cái hành lang nhỏ từ nhà dưới lên nhà trên, đi ngang qua người nàng, nó thò tay véo vào mông dít Collen một cái.

Mới đầu, Collen không thể tưởng tượng được chuyện này có thể xảy ra. Trong một giây phút ngạc nhiên, Collen chỉ tưởng đây là một vụ va-chạm tình-cờ. Nhưng sự tình-cờ chỉ có thể xảy ra do chuyện cợt xát vô tình, đang này, khi một bàn tay đã ngang nhiên thò ra véo thật mạnh vào dít mình, và véo xong, còn lấy tay xoa xoa ở bên phần dưới mông nữa thì không thể bảo là tai nạn được. Dù dễ tính và ngây thơ tới đâu cũng không có người đàn bà nào dám nghĩ đó là tình-cờ. Hơn nữa, sau một ngày làm việc mệt nhọc, Collen không có chuẩn bị sẵn để bị... véo dít như vậy.

Phản ứng tự nhiên của một cô con gái miền quê thật thà chất phác nổi dậy, chẳng cần chờ đợi suy nghĩ lâu la, chẳng nói chẳng rằng, nàng quay ngoắc lại và thẳng cánh giông cho thằng anh họ mất dạy một cái tát toé lửa vào giữa mặt.

Sau cái tát đó, cả hai người đứng sững nhìn nhau kinh ngạc. Nước mắt của Collen tự dưng ứa ra vì không ngờ thằng chồng của bà chị mình, một con người mà mình quý mến trọng vọng lại dám dờ dỏng ô ướ với mình. Còn Eddie thì kinh ngạc và đưa tay che một bên má rất còn in dấu năm ngón tay, không ngờ đứa con gái nhà quê này lại cả gan dám tát vào mặt mình chỉ vì

một cái véo dít... tầm thường. Là một ông chủ oai quyền, Eddie xưa nay đã véo dít không biết bao nhiêu đứa con gái, có nhiều con còn đẹp hơn Collen nữa mà có bao giờ bị phản ứng như vậy đâu?

Ngay lúc ấy, bà chị Collen từ trên nhà đi xuống. Chẳng ai bảo ai, cả hai người tự động rời nhau ra, làm như không hề có chuyện gì xảy ra vậy.

Collen chùi nước mắt, bước vào phòng mình, lòng tái tê đau đớn. Nàng biết, những ngày sắp tới sẽ không bình dị như nàng đã nghĩ. Nhưng vốn là một người đàn bà tính khí cương quyết, Collen biết trước sau gì rồi mình cũng phải tìm ra cách giải quyết vấn đề.

Eddie cũng bỏ đi để tránh câu hỏi của vợ và giấu cái tát còn in dấu trên má, rờ vào hấy còn ran rát. Nhưng là một thằng dâm dục, *một tay đã bẻ mấy cành thiên-hương*, Eddie biết rằng trước sau gì rồi nó cũng tìm ra một cách để... ngủ với nàng một lần. Dù vừa ăn một cái tát nên thân, Eddie biết rằng trên đời này, một khi nó đã để mất đến ai thì người đó khó mà cưỡng lại được. Về xảo thuật làm ăn thì nó chỉ ở mức bình thường chứ về những thủ đoạn để chim gái thì nó có rất nhiều, và nhiều khi, thủ đoạn của hắn rất là độc... Hơn nữa, đàn bà đẹp hễ càng khó tính thì càng hấp dẫn đàn ông như một thứ trái cấm quý giá. Càng cấm thì chúng nó càng quyết tâm leo lên để hái cho bằng được.

Tối đó, Eddie âm thầm lập kế hoạch và chờ đợi một ngày đẹp trời để hái trái cấm.

Nó chẳng phải chờ lâu.

Một buổi chiều chủ nhật, nhân tiệm đóng cửa, Eddie bố trí cho vợ mình đi thăm bà con xa. Nó cũng cho mấy đứa bạn trời đánh đến rước thằng Ben chồng nàng Collen đi ăn nhậu. Ben thì lúc nào chả thích nhậu, nên khỏi cần đợi mời lần thứ hai, leo lên xe đi liền...

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

ĐÚC TIN ...CHẾT

Hỏi: 1. Tôi thích câu nói của một triết gia Tây phương: "Một đúc tin không nghi-ngờ là một đúc tin chết." Lâu quá, không hiểu ai nói câu này, hình như là Félix Lope de Vega, người Tây-ban-nha, không biết có đúng không?

2. Người ta nói chữ Trung-hoa cổ là chữ tượng hình (mô tả lại hình ảnh). Bác BC có thể vẽ cho vài chữ tiêu-biểu cho nhận-xét này chăng?

3. Có người cắt nghĩa rằng cái buồng và cái phòng đồng nghĩa như nhau; nhưng tại sao lại nói là phòng khách, phòng trà, phòng ăn mà không nói là buồng khách, buồng trà, buồng ăn? Trong khi đó vẫn có thể nói buồng ngủ (phòng ngủ), buồng tắm (phòng tắm), buồng trong, buồng ngoài?

Nguyễn Văn An
Sydney, Úc

Đáp: 1. Người nói câu đó đúng là một triết-gia Tây-ban-nha, nhưng không phải de Vega (thế-kỷ

16) mà là de Unamuno (thế-kỷ 20).

2. Sau đây là một vài thí dụ về tính tượng hình của chữ Hán, từ chữ nguyên-thỉ khắc trên xương và mai rùa cho tới lối bạch văn, mới nhất:

- Chữ bản (gốc):

本本本

- Chữ bộ (bước chân):

步步步步

- Chữ ngư (con cá):

魚魚魚魚魚

- Chữ diều (chim):

鳥鳥鳥鳥

- Chữ nhật (mặt trời):

日日日日

- Chữ nguyệt (mặt trăng):

月月月月

- Chữ dương (con dê):

羊羊羊羊羊

3. Quả thật chữ *buồng*, do đọc trại từ âm /fong/ hay /foung/ của chữ *phòng* trong Hán tự mà ra.

Theo nghĩa cổ, "buồng" (tiếng Nôm) là một gian nhà vây kín chung quanh bằng vách, màn, có tính cách kín-đáo, riêng tư (Nhà huyền cửa cuốn bức là, Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng - Kiều; Buồng riêng thức thức phở bày - Hoa-tiên).

Chữ "phòng" được hiểu theo nghĩa rộng hơn, là một cái "buồng", nhưng có thể dùng riêng hoặc dùng chung: phòng ngủ, phòng tắm, phòng họp, phòng đọc sách, phòng ăn, phòng học, phòng

trà, phòng mạch, v.v. (Phòng văn hơi giá như đồng - Kiều).

GỐI

Hỏi: Quê tôi ở Gối, là chỗ kinh thành thời Hùng vương dựng nước. Khi cụ tôi khi còn sống, bảo Gối thuộc về phủ Hoài-đức; nhưng đọc sách lại thấy nói thuộc về phủ "Phụng-thiên", lại có sách nói thuộc về phủ "Quốc-oai" hay "Quốc-uy", và Gối còn có tên là "Thương hội."

Cụ Bút Chì đi và thấy nhiều, xin cho biết sao lại có chuyện thương hải biến vi tang điền này? Tôi già rồi, muốn tìm hiểu một chút về quê hương để giải thích cho con cháu, xin cụ giúp cho.

Ông Trang Văn Nam
Paris, Pháp

Đáp: Thực ra, tất cả đều đúng (ba phải!)

Vùng Gối quê-hương ông xưa gọi là Kê Gối (Đồn rằng Kê Gối vui thay, Đàng đông có chợ đàng tây có chùa; Giữa chợ có miếu thờ vua, Đồi bên nước chảy dờ đưa em vào).

Ngày xưa Kê Gối (kê là chợ bên sông) nằm trong tổng Gối, thuộc huyện Từ-liêm, phủ Quốc-uy tỉnh Sơn-tây, chính là đất Phong-châu cũ, kinh-đô Việt-nam thời lập quốc.

Từ năm 1805, vua Gia-long đổi tên phủ Quốc-uy thành phủ Phụng-thiên.

Từ năm 1888, triều-đình lập tỉnh Hà-đông, tổng Gối thuộc về phủ Hoài-đức. Phủ này gồm ba huyện Từ-liêm, Vĩnh-thuận và Thọ-xương, kề cận thành Thăng-long.

Trong thời Pháp-thuộc, tổng Gối bị cải danh thành tổng Thương hội, gồm bốn làng Thượng-hội, Thù-hội, Vĩnh-kỳ và Phan-long, thuộc huyện Đan-phượng, ngoại-thành Hà-nội.

diễn đàn



ĐỪNG ĐỔ CUA VÀO NUÔI BÉO BỌN CÁI-BỘ

Số báo 99 này có tin về nhiều tổ chức kêu gọi quyên góp tiền xây chùa ở Việt Nam. Em nghĩ thật buồn vì họ đâu có hiểu ở Việt Nam chùa chiền đâu còn nữa! Ngay như ở Hà Nội, đền Cổ Ngư, một ngôi đền lịch sử nằm cạnh chùa Trấn Quốc giữa hồ Tây, thơ mộng là thế mà bị phá tan không thương tiếc chỉ vì một chút lợi lộc nhỏ là để xây cất khu hàng bán bia nổi trên mặt hồ. Nền hai ngôi đền kia đã tan vỡ. Sự tranh giành này đưa đến một cuộc cãi lộn động trời giữa hai ông quận trưởng quận Ba Đình và quận Hoàn Kiếm. Tâm nguyện của em là một ngày nào đó sẽ viết về sự tàn phá chùa chiền của bọn Cộng sản và sự đàn áp tín ngưỡng của bọn công an qua những điều tai nghe mắt thấy. Bây giờ, khi đất nước chưa thanh bình, người dân Việt còn đau khổ dưới sự cai trị của Cộng sản thì em mong đừng ai về xây cất gì trên mảnh đất ấy, vì tiền của đổ vào chỉ nuôi béo bọn cai trị ngu dốt mà thôi.

Em chỉ là hạt cát giữa biển đời, tâm nguyện của em chẳng hiểu có thấu đến tâm linh những ai muốn hợp tác mà chưa thấu hiểu về Cộng sản không nên em chỉ biết tâm sự với toà soạn cho với uất ức. Chỉ có ai đã sống những tháng năm gai góc dưới vòm trời Hà Nội mới thấy hết những điều tàn nhẫn và đau lòng của người dân xứ sở. Em thật vui khi biết nơi đây còn có những người hiền ngang đứng vững trước

bão tố giữa đất người....

*Dương Ly Hương
Quebec, Canada*

"BẮT MẠCH" CON THÒ-LÒ CỘNG-SẢN

Tôi cảm thấy vui vui, vì mình đã là "người của Làng".

Điều làm tôi tìm đến với Làng, là lập trường chính trị: dứt khoát chống Cộng. Xin anh chị vững tiến trên con đường đã vạch, đồng bào trong và ngoài nước sẵn sàng hỗ trợ anh chị.

Ở đây có một vài tờ báo lập lò làm độc giả bối rối không ít. Vì không phải trong làng báo nên tôi và đa số độc giả rất khó "bắt mạch" chính xác con thò lò cộng sản thiên hình vạn trạng.

Báo chí quốc gia cầm lá cờ hướng dẫn dư luận, xin đặt nặng công tác soi sáng này.

*T.T. Mây Trên Ngàn
Cali, USA*

DƯ-ÂM "CHỮ TA CHỮ CỘNG"

Lâu rồi, tôi có đọc một bài báo (số 98 tháng 10.92) của độc giả Hoàng Lan viết ở mục Diễn đàn: *Chữ ta, chữ cộng*. Bài viết thật hay, thế nhưng chính người viết đã dùng "chữ cộng" mà không biết. Ngay

phần nhập đề, tác giả xài chữ "tiếp cận". Thiển nghĩ, trước 75, ta ít xài chữ này mà xài chữ nôm: "gần gũi", hay là chữ Hán Việt: "tiếp xúc". Cả đến chữ "vận động" cũng thế. Một chuyện giản dị như vậy mà phải vận động đến động từ "vận động" thì hơi quá đáng!

*Hoàng Nga
Texax, Hoa kỳ*

NGƯỜI TỊ NẠN CHIẾC PHAO CỦA CỘNG SẢN HÀ NỘI

Thật đáng buồn khi hầu hết các nước trong thế giới tự do hôm nay đang quay ra ủng hộ một chương trình ngăn chặn người tị nạn Việt Nam. Nguồn tin yêu, niềm hy vọng và hậu phương xa thẳm của những người Việt yêu chuộng tự do nay đã vĩnh viễn bỏ đi như những binh đoàn của Hoa kỳ và Đồng minh rút khỏi Việt Nam Cộng Hoà trước đây để báo hiệu cho sự xâm lăng của CS năm 1975. Hôm nay, những người ra đi sau cùng trong chúng ta đang rơi vào một tình thế cô độc, không còn hướng tiến và cũng chẳng còn mảnh đất tự do nào trên trái đất này dung chứa nữa.

Chúng ta lại càng cảm thấy hụt hẫng hơn khi bọn CS Hà Nội cố tình giả vờ "chống cường bách hồi hương"... Như vậy là trên lý thuyết, Việt cộng đã tỏ ra "nhân đạo" hơn hầu hết những nước tự do khác? Việt cộng đã "ủng hộ" những người Việt tìm tự do, hay nói khác đi; giữa người Việt tị nạn và Việt cộng tuy đối kháng nhau nhưng xem ra đã có "quan hệ" nào đó? Và danh từ tị nạn CS từ đó chẳng còn ý nghĩa gì nữa!

Chúng ta hiện đang lọt vào giữa những mưu đồ, gài bẫy mang đầy ý nghĩa chính trị của CS đối với thế giới, và nếu không cẩn thận thì chúng ta sẽ trở thành những món hàng đầu tư, trục lợi của Việt cộng ở trại tị nạn cũng như ở các nước đệ tam. Lúc đó hành động tị nạn của chúng ta sẽ trở nên đúng như định

nghĩa của một tên thủ tướng Việt cộng: những kẻ tị nạn kinh tế. Chính do sự có mặt của những kẻ tị nạn vô ý thức trong chúng ta mà sự gian ác của Cộng sản Hà Nội đã không những không bị phê phán, cảnh cáo trước công luận thế giới mà ngược lại, từ đó chúng đã đạt được rất nhiều thành quả to lớn về kinh tế và ngoại giao trong những năm gần đây.

Về ngoại giao: Sau khi yên ổn ở xứ tự do, càng ngày càng nhiều người tị nạn đã có những hành vi, thái độ phản bội lại lý tưởng tự do, thậm chí còn sẵn sàng làm tay sai cho Việt cộng. Điều này đã khiến thế giới tự do càng ngày càng lạnh nhạt với quan điểm chính trị của người Việt quốc gia và quay sang ủng hộ chế độ cai trị Việt Nam hiện tại. Thật đáng tủi hổ khi trong số đó có cả những người đã từng lãnh đạo miền Nam (tổng thống, phó tổng thống...). Bên cạnh đó, con số tồi tệ về phẩm chất chính trị và nhân cách của người Việt trong các trại tị nạn ngày càng nhiều; nhờ thế, CS Hà Nội đã thành công về mặt ngoại giao ngay trong vấn đề tị nạn để chinh phục các nguồn viện trợ nhân đạo của thế giới mà đáng lý được dùng để tiếp nhận những

người tị nạn chân chính.

Từ khi thế giới giảm bớt niềm tin vào lý tưởng tự do của chúng ta, họ bắt đầu chịu ảnh hưởng sự tuyên truyền của CS để đánh giá việc tìm tự do của chúng ta là một hiện tượng do hậu quả của chiến tranh, nghèo đói và lạc hậu. Một cách nào đó, họ đã có lý khi viện trợ cho chính quyền CS nhằm ngăn chặn những kẻ ra đi. Chúng ta phải nhìn nhận rằng: lỗi tại chính mình. Bởi vì trong chúng ta có nhiều kẻ đã thực sự gây ô nhiễm cho xã hội yên vui của họ, đã thực sự phản bội lý tưởng tự do để trực tiếp hoặc gián tiếp tay cho Việt cộng.

Về kinh tế: Điều này đã quá rõ là CS có lợi ngay từ khi chúng cho phép gửi thư từ và bưu phẩm về VN. Càng ngày mối lợi này càng trở nên quan trọng, song song với những thành công về ngoại giao đã đem lại cho CS những nguồn viện trợ to lớn. Chương trình ODP, dịch vụ du lịch... đã mang về cho chúng một số ngoại tệ đáng kể. Khả năng kinh tế của VC còn được như ngày nay rõ ràng là nhờ ở mối "quan hệ" với người tị nạn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong tương lai gần, CS Hà Nội có thể

còn nhận được nhiều nguồn lợi khác từ những người tị nạn, vấn đề tị nạn; những nguồn đầu tư của các quốc gia tự do, những Việt kiều "yêu nước", và rõ ràng nhất: chương trình trợ giúp hồi hương của khối Cộng đồng chung Âu châu.

Nhưng tất cả các mối lợi sắp tới về kinh tế của CS Hà Nội phần nào vẫn lệ thuộc vào thái độ của từng người tị nạn. Mỗi người trong chúng ta cần phải tâm niệm rằng mình không thể là một mảnh phao của CS Hà Nội. Chúng ta không thể vừa mang danh nghĩa tị nạn CS vừa hợp tác đầu tư buôn bán với cái chính thể phi nhân mà ta đã từ bỏ. Nếu mỗi người chúng ta vẫn giữ vững tinh thần chống Cộng thì việc chế độ Cộng sản sụp đổ là một điều sẽ xảy ra. Tương lai chính trị của nước ta đang nằm trong ý thức và ý hướng của chính chúng ta ngày hôm nay; và CS đang cố gắng lôi kéo ý thức đó bằng sợi thòng lọng mệnh danh là "tổ quốc". Chắc chắn những danh từ "quê hương", "tổ quốc" được định nghĩa bởi CS Hà Nội không bao giờ lường gạt được ai nếu trong thâm tâm chúng ta không có sẵn ý đồ muốn đồng lõa với nó để che đậy những hành vi mưu lợi bỉ ổi và phản bội lại lý tưởng tự do của mình.

Khi ở trại tị nạn, không ai không nói rằng mình ra đi vì lý do chính trị. Nhưng khi đến bến bờ tự do rồi, nhiều người vẫn ước mơ được "áo gấm về làng", trở về hang động của CS, góp phần vào chiếc phao của chế độ. Hành động ấy thường được người ta hoá trang bằng những lý do rất tuyệt vời như "nhớ quê hương", "nhớ gia đình"... Nhưng thật phi lý vì một khi họ đã vương bận bởi những nỗi "nhớ" lớn hơn lý tưởng tự do thì họ còn đi tị nạn làm gì? Ngày nào những hạng người trên còn tồn tại thì chúng ta sẽ chẳng còn lý do gì để phản nản quan niệm mới của thế giới về tị nạn Việt Nam nữa.

Mai Trí Phúc
Sungei Besi, Malaysia





nhắn tin tị-nạn

Giá biểu: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Mong được cụ **Lê Văn Trung**, năm nay trên 80, trước 1954 làm công-chức sở Thị-chính Hà-nội, nhà ở phố Hàng Gai, có anh rể là cụ **Nguyễn Đình Tùng**, phố Cầu Gỗ. Mong bằng-hữu quyến-thuộc cho chúng tôi biết tin-tức dù cụ còn nay mất. Đa tạ. **Trần Đức**, 50 rue du Disque, Apt. 4PA/14, 75013 Paris, France.

Tìm các bạn Gia Long ngày xưa: **Phạm Kim Lê Trinh**, **Doãn Thanh Thủy** (lớp 6⁹; **Bùi Dung**, **Mỹ Dung** và các bạn 10^{BI}; riêng **Hoàng Oanh** (Đức): đã viết thư nhưng không được tin bạn. Xin thư về: **Hoàng Thúy Linh**, #101 - 1823 E. Georgia, Vancouver, BC V5L 2B5, Canada.

Anh là **Hoàng Văn Lực**, 87 tuổi, quê ở thôn Hợp-hòa, xã Tân-châu, huyện Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên, nay là huyện Châu-giang tỉnh Hải-Hưng, tìm em là **Hoàng Văn Tuấn**, 75 tuổi, nghe nói đang ở Pháp, xin liên lạc về cho cháu là **Hoàng Văn Dung** ở số 22A đường Bạch Vân, quận 5, Sài-gòn hoặc 45 Oakmount Rd., #1514, Toronto, Ontario M6P 2M4,

Canada; điện-thoại: (416) 762-5883.

Tìm bạn **Đặng thị Lê Thủy** trước ở Ngũ Phúc, Hối Nai 3, vượt biên năm 1990, nay ở đâu, xin liên-lạc về: **Nguyễn Hương Nam**, Friedrich Ebert Str. 14, 7180 Crailsheim, Germany. Quý vị nào biết xin chỉ giùm, đa tạ.

Lê Thị Thu Cúc, con của cố GS Lê Tá, Trung-học Mạc Đình Chi, nghe nói hiện ở Olympia, tiểu-bang Washington, Hoa-kỳ, xin liên-lạc về **Trần Thanh Nhân**, 229 Collingwood Dr., Bristol, TN 37620, điện-thoại: (615) 968-4115 hoặc (615) 968-3512, ai biết xin chỉ giùm. Mong.

Tìm chị **Nguyễn thị Hồng Hoa** (con lai), sinh năm 1970, con của cô Hường, cư-ngụ tại nhà cô Nga, xóm Rẫy, hẻm 90 phường 12, quận Tân Bình, cùng mẹ rời Việt-nam đi theo thành-phần con lai ngày 12.9.1988, nay ở đâu, liên lạc với **Nguyễn thị Kiều Vân** (em của Ánh, Vi): MC: 382019, ID: 161464, Sungei Besi Camp, MRSC/TMS, Kuala Lumpur, Malaysia.; Tìm bạn **Võ thị Hoài**

Châu, sinh năm 1975, con của cô Miên, trước ở hẻm 90/191 phường 12 quận Tân-bình, vượt biên năm 1988 cùng chị **Phượng Thùy**, sang Phi, ở Group 50/327 Mary Peac, 5300 Palawan, Phillipines, nay ở đâu, xin liên-lạc với **Kiều Vân**, địa-chỉ trên.

Tìm em **Nguyễn thị Kim Dung**, khoảng 20 tuổi, lai Mỹ, dưới mí mắt có thẹo lớn. Trước năm 1975, ông ngoại đau nặng, liệu không qua khỏi, đem em cho Cô-nhi-viện Bến Cát, Bình-dương. Em được Mục-sư **Nguyễn Hoàng Oanh** nhận làm con nuôi, đem ra khỏi trại. Sau 1975, mẹ em tìm tới Mục-sư, xin lại em, đưa về kinh-tế mới Thanh-trà, Bình-long. Từ 1978, em bỏ nhà ra đi vì không chịu nổi cha ghẻ. Hiện ở đâu, Mục-sư và chế Ba rất mong tin em. Nhận được tin này, liên lạc gấp với chế và Mục-sư. Địa-chỉ của chế: **Nguyễn thị Thập Chinh**, MC: 435011; ID: 163424, Sungei Besi Camp, MRCS/TMS, Kuala Lumpur, Malaysia. Địa-chỉ của Mục-sư **Nguyễn Hoàng Oanh**: 241 CM Tháng Tám, thị-xã Thủ Dầu Một, tỉnh Sông Bé, Việt-nam.

CHIA BUỒN

Được tin nhạc-phụ anh **HOÀNG VĂN THUẬN**,

Cụ Dominique LÊ VĂN ROÃN

đã tạ-thế ngày 2 tháng 3 năm 1993 tại Dallas, Texas, Hoa-kỳ, hưởng thọ 91 tuổi,

Xin thành thật chia buồn cùng anh chị **HOÀNG VĂN THUẬN** và tang-quyển, cầu chúc hương hồn cụ sớm về nước Chúa

Ông bà **Nguyễn Thanh Bình**

Ông bà **Trần Cao Thắng**

Ông bà **Trần Văn Dũng**

Mua báo dài hạn nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, chi hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check).

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu (postal money-order/mandat) mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu (money-order) mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu, theo giá tiền địa-phương, cho đại-diện của *Làng Văn* tại quốc-gia bạn đang cư-trú (xem danh-sách và giá tiền bên dưới).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(1 năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại:..... 50 gia-kim (cả thuế)

Gửi đi Hoa-kỳ:..... đường bộ: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng không: 70 mỹ-kim (91 GK)

Các nước khác:..... đường thủy: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng-không: 80 mỹ-kim (104 GK)

Ghi-chú:

- Gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$: (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá sau:

tại Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng-không 150 đức mã.

Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.

Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 620 krone.

Anh: đường thủy 40 anh-kim / hàng-không 65 anh-kim.

Pháp: đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.

Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.

Nhật-bản: đường thủy 7500 yen / hàng-không 12000 yen

- Chi-phiếu đề và gửi về các địa-chỉ đại-diện *Làng Văn* địa-phương:

Pháp:

Hội *Làng Văn*

(Bách Thái Hà)

7 B-1 rue de Rethondes

95100 Argenteuil

(Điện-thoại: 34-10-26-46)

Đức:

Ngô Việt Dũng

Postfach 104122

4600 Dortmund 1

(ĐT: 656-949)

Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến

Lyster 77

1628 Am-Hoorn-NH

(ĐT: 290-31666)

Anh:

Hoài Châu

19 Abdale Rd., London W12 7ER

Na-uy:

Dương Kim

Kalbakkvn 17

0953 Oslo 9

(ĐT: 216-5607)

Úc-dại-lợi:

P.O. Box 198, Lakemba, NSW 2195

(ĐT: 758-2331)

Nhật-bản:

Đỗ Thông Minh

T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku

Yashio 5-12-69-115

(ĐT: 799-1763)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 10 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

PHIẾU ĐỔI ĐỊA-CHỈ:

Họ tên và mã-số độc-giả:.....

Địa-chỉ cũ:.....

Địa-chỉ mới:.....

Nếu không muốn cắt trang báo, xin chụp lại mẫu này, hoặc cắt nhãn địa-chỉ cũ, gửi kèm theo địa-chỉ mới về tòa-soạn

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, CHIA BUỒN, CHÚC MỪNG, BỐ-CÁO VIỆC RIÊNG...

▼ Chỉ đăng trên ấn-bản *Toronto*:

bìa sau (2 màu):.....400 gia-kim

bìa trong, (trước hoặc sau):.....300 gia-kim

trang trong:.....100 gia-kim

nửa trang:.....60 gia-kim

1/4 trang:.....40 gia-kim

1/8 trang:.....25 gia-kim

đăng dài hạn từ 3 kỳ trở lên, được hưởng giá đặc-biệt

▼ Ấn-bản toàn quốc *Gia-nã-đại* và *quốc-tế*:

Nguyên trang trong:.....200 mỹ-kim (250 gia-kim)

Nửa trang:.....110 mỹ-kim (135 gia-kim)

1/4 trang:.....60 mỹ-kim (75 gia-kim)

độc-giả dài hạn được bớt 10% khi đăng cáo-phố, chúc mừng, chia buồn

thư đi tin lại

● Nguyễn Hương phụ-trách



BÁO BỊ TRẢ VỀ

Trong tháng qua, tòa-soạn nhận được một số báo bị trả về; yêu-cầu quý độc giả và thân hữu có tên sau đây liên lạc gấp để cập-nhật-hóa địa-chỉ mới. Tòa soạn không gửi bù các số báo bị trả về:

Hoàng Đức Chính, St. Laurent, Québec; Mai Thìn Chung, Mississauga; Văn Đức Khiêm, Toronto.

NHÂN TIN CHUNG THÂN-HỮU VÀ CỘNG-TÁC VIÊN

Nếu gửi bài đã được xếp chữ Việt bằng máy vi tính, xin quý vị vui lòng gửi kèm đĩa sao về tòa soạn. Đa tạ.

Tòa soạn đọc được tất cả các loại đĩa, chương trình viết bằng bất cứ máy nào.

CÁO LỖI

1. Vì bị nhiều công-tác chi-phối thời giờ, mục *Nhận được giới-thiệu* (giới-thiệu tác-phẩm mới) đã phải tạm gác suốt ba kỳ báo liên-tiếp, mặc dù tòa-soạn vẫn tiếp-tục nhận được rất nhiều sách tặng.

Kính mời quý độc-giả và thân-hữu theo dõi trên các số tới. Xin tạ lỗi cùng quý tác-giả và nhà xuất-bản.

2. Vì tác-giả bạn công-tác xa, truyện dài *Quay trong cơn lốc* của Nguyễn Ngọc Ngạn tạm gác một kỳ, xin tạ lỗi cùng quý bạn đọc.

Trả lời chung cho quý đại lý, độc giả và thân hữu về việc nhận báo trễ: Vì việc dời tòa soạn quá sức kèn càng (gồm cả mấy chục tấn sách báo, máy móc, tài liệu... lại còn phải xây sửa nhà kho, thư viện, phòng khách, phòng họp và các phòng làm việc, v.v.) nên hai kỳ báo số 102 và 103 ra trễ mất hai tuần, khiến bạn đọc và thân hữu mong đợi, NH xin thay mặt anh em trong tòa soạn, thành thật tạ lỗi.

Mặc dù công việc hãy còn bừa bộn, tất cả sẽ cố gắng làm thêm giờ để rút lại sự trễ nải. Xin tạ lỗi lần nữa. Kính.

Ông Mã Mạnh Tiến, Bỉ: *Cây trái quê mình*, cả cước-phí máy bay, giá 21 gia kim. Nếu ông muốn nhận sách gửi bằng đường thủy (7 tuần tới nơi), chỉ cần gửi 13 gia kim là đủ. Ông có thể trả bằng bưu phiếu quốc tế (*mandat international*, mua ở bưu-diện).

Về vấn đề du-lịch VC, NH không tin rằng cộng sản sẽ sụp đổ nhờ đám "Việt kiều" áo gấm mang ...đô la về mà vãi. Về vấn-đề "*Tàu phù lũng-đoạn kinh-tế*" (chữ ông dùng), NH đồng ý phải có biện-pháp ngăn chống, nhưng không thể liên kết với cộng sản để chống tài phiệt Hoa kiều. Bắt tay với thằng ăn cướp để chống lại gian thương, đó không phải là giải pháp! Kính.

Nhà văn Lã Mộng Thường, O.S.: Đã nhận được *Tình cảm qua ca dao*, cả bản in lẫn đĩa chữ, xin

đa tạ. Về *Đặc-tính dân Việt*, NH sẽ gửi trình các con số. Kính.

Ông bà lang Trần, Đức quốc: Kỳ này gửi bù gói sách khác. Lâu như thế, chắc là... đi luôn rồi! Về các điểm trong thư, NH sẽ y theo lời dặn. Riêng *Nho y Nguyễn Đình Chiểu*, nhà Văn Nghệ sẽ cung cấp đầy đủ cho làng, ông bà lang yên tâm. An Tiêm, Văn Nghệ coi như một nhà; Văn Nghệ, Làng Văn coi như một xóm, sách in ra chuyển nhau mà phát hành đã thành lệ lâu rồi.

Cũng xin ông lang cho một bản trả lời vị độc giả ở Texas, cụ BC bí!

Tháng bảy ông bà lang đi Florida, nhớ ghé qua làng. Bốn người, chứ bốn chục người cũng vẫn đủ chỗ "trái nệm", đừng lo! . Thân kính.

Ông Vưu Văn Tâm, Đức quốc: Khi nhận được 300 gia kim không kèm một lời dặn bảo, NH đã gửi thư thỉnh ý. Thay vì trả lời là tiền ấy dùng vào việc gì, ông trách NH không làm ...đúng lời ông dặn! Thực ra cho đến khi nhận được thư trách móc của ông, NH chưa làm gì cả vì chưa hiểu tôn ý, và ông vẫn chưa cho biết muốn nhận báo bằng đường hàng không hay đường bộ. Xin ông cho thêm vài dòng giải thích. Đa tạ.

Bà (?) Hàn Vi, Texas: Đã nhận cái truyện, xin đa tạ về sự đóng góp. Xin tiếp tục. Kính.

Nguyễn Thị Thúy, Sikiew: Vẫn gửi báo đều cho bạn. Cố gắng chờ đợi, đừng nản lòng, đừng đầu hàng nghịch cảnh. Tết Sikiew nhộn nhịp không kém Tết Toronto, nhỉ! Đã có văn nghệ đón giao thừa, hội xuân, dưa hấu, bánh mứt, bánh chưng, bánh tét đầy đủ, ca vũ nhạc kịch tung bừng, lại còn được đốt pháo nữa. Cầu mong người Thái

luôn phát bồ đề tâm, mở cho người Việt tị nạn một sinh lộ để sống còn! Mong tin.

Ông Phạm Vũ Dũng, Winnipeg: Đại cường đạo đã về tới tòa soạn. Cảm ơn tác giả đã cho phép: "nếu *Làng Văn* không dung thì xin chuyển cho *Tự Do*." Mỗi tờ báo có một lớp độc giả riêng. Được ông cho toàn quyền "phát văng", tòa soạn dễ sắp xếp hơn. Dù đăng ở đâu, cũng sẽ gửi báo biểu đến tác giả. Kính.

Thi sĩ Lê Dã Sử, Phần Lan: Tưởng ông "di cư" đi đâu xa, chứ từ Helsinki sang... Helsinki thì chỉ mất công NH đổi địa chỉ trong danh sách gửi báo mà thôi. Xem bản đồ, đoán là tuyết Phần Lan dày hơn tuyết Gia Nã Đại. Riêng Toronto, càng "ấm" hơn. Năm nay lạnh hơn mọi năm, vậy mà cả tháng hai cộng lại chỉ có 52 phân tuyết thôi! Thân.

KCQ Năm Tân, Sungei Besi: NH tôn trọng lời thề của anh em T4 hải ngoại, cương quyết "xoá sổ" bọn trở cờ, phản bội. Mọi phương cách đấu tranh đều có giá trị đóng góp của nó, trước quyền lợi tối thượng của tổ quốc. Cảm ơn về sự khích lệ của anh. Kính.

Ông Nguyễn Hương, Paris: Đã nhận được bài điểm sách của ông, xin cảm ơn. Giá được đọc trọn cả cuốn sách ấy, NH dễ quyết định hơn. Kính.

Ông Huỳnh Ngọc Cẩn, Seattle: Cảm ơn ông đã cho biết thêm tài liệu chi tiết về những kẻ "đạo đức giả hình" ở Seattle và California. Có điều NH không hiểu, tại sao dính cả ông AK, một người mà NH tin là quốc gia chân chính, vào đó? Bài tham luận của ông rất xác đáng, mặc dù dụng ngữ bộc trực và khinh bạc. Mong có dịp thảo luận nhiều.

Bà Già Trầu, Pháp: Đồng ý *Gả thiệp về vườn* hơn là *Mẹ mong gả thiệp*. Bốn chữ "*gả thiệp về vườn*" nghe "ruộng" hơn và không nào nề như "*mẹ mong gả thiệp*", giống tiếng than của một bà mẹ có con gái quá tuổi cập kê.

Bài nghị luận của Công tử Bạc Liêu lời lẽ rất chắc, đáng mặt Bạc Liêu lắm! Bà Già Trầu chọn bạn như vậy mà chơi mới xứng. Thân.

Anh chị Nguyễn Quyết Thắng, Hòa Lan: Đang soạn sách để gửi sang. Từ chuyến Âu du tới nay, công chuyện thật bề bộn, chậm trễ để các bạn mong, thật đáng tội. Sẽ điều chỉnh các điểm dạn trong thư. Nhắc hộ anh bạn mua sách cho thư viện, bên này vẫn chưa nhận được chi phiếu. Thân.

Ông Tạ Quốc Tuấn, Dallas: Bếp Mập đã gửi trình ông một xấp nan đề, mong được tiếp tay tra cứu. Cảm ơn đề nghị của ông, nhưng tòa soạn không có địa chỉ nhân vật ấy, nếu ông có thể giúp thì quý quá! Kính.

Ông Nguyễn Hữu Dát, Winnipeg: Đã nhận đủ các bài ông gửi. Khi in sách, *Làng Văn* "thuê" tác quyền (trả một món tiền cho tác giả để độc quyền xuất bản sách ấy trong 3 năm; mỗi lần tái bản lại trả tiền để giữ độc quyền trong 3 năm kể). Tiền "thuê" tính theo giá bán của cuốn sách. Kính.

Bích Thủy, Oslo: Đã nhận được truyện mới. Tòa soạn bây giờ có hai cái "bảng vàng", là *Làng Văn* và *Tự Do*, đều là vàng 24 kara cả. Bích Thủy yên tâm mà viết. Thân.

Thi sĩ Băng Đình, Wichita: Khi gửi cho ông gói báo nhỏ, NH chỉ mong được ông cổ động trong giới bạn bè văn nghệ và những người ưa chữ nghĩa, vì làng không

có đại lý ở Wichita. Nào ngờ chẳng những đã giới thiệu hết, mà còn thu được cả tiền gửi về! Tòa soạn có quà văn nghệ cho ông để tạ tình lân ái.

Xin chia buồn cùng ông về tang mẹ. Có sáng tác mới thì gửi về. Kính.

Ông Đặng Văn Giai, Marseille: NH thật không ngờ mình có đại lý ở Marseille, qua trung gian một đại lý khác ở Paris. Báo gửi sang Paris bằng đường thủy, đến nơi đã trễ mất 6 tuần; lại thêm 2 tuần đi chặng Paris-Marseille nữa thì ...ngươi tanh ngươi ngắt rồi, làm sao mà bán?

Báo gửi cổ động, cốt để ông tặng giới thiệu cho các đại lý và trao cho bạn bè đọc thử thôi. Công ông bỏ thì giờ, xăng nhớt đi tới đi lui, nhiều khi còn tốn thêm tem thư gửi biểu thân nhân, bạn bè, NH chưa bù đắp lại được, lý nào lại mong ông gửi tiền về?

Chúc ông chóng hoàn toàn hồi phục. Kính.

Em Bé Bay, Miền đất vĩnh hằng: Chúc mừng bác gái đã bình phục. Kỳ này làng "sale" nhiều thứ, Em Bé chuẩn bị hồ bao mà nhận tiền vào. Hi vọng sẽ đủ trả nợ. Thân.

Ông Võ Anh Dũng, Québec: Gửi kèm hai số 98 và 100 cho ông kỳ này. Ông gửi cho NH cái chi phiếu 10 gia kim là vừa đủ. Kính.

Họa-sĩ Phạm Thăng, Calgary: Cuối tháng này sẽ gửi các cuốn *Xóm cũ* còn lại sang Calgary, kèm hình ảnh và bản chiết tính.

Cuốn *Vui buồn nghề nghiệp* không có tên các tác giả ngoài bìa, vì Bếp Mập theo đúng y mẫu phác họa của ông mà làm bìa, không dám tự ý thêm thắt vào. Chỉ có cái quảng cáo ở bìa báo kỳ rồi, Bếp thêm đại mấy chữ "*và nhiều tác-*

giả" sau tên "Phạm Thăng", chứ trên mẫu quảng cáo ông soạn và gửi về tòa soạn cũng chỉ ghi một mình "Phạm Thăng" mà thôi. Nhà in và nhà xuất bản không làm mất trang nào. Các bản chính đều còn giữ nguyên trong hồ sơ.

Chúc ông gặt hái thành công trong chuyến ra mắt sách bên Pháp sắp tới.

Thi sĩ Sáo Bạc, Florida: Con út của thi sĩ đã hai mươi thì "khoẻ" quá rồi, chả mấy chốc các cháu lập gia đình hết, các cụ lại trở thành vợ chồng son, tha hồ mà ra rít!

Về *Chiến sĩ tự do*, tiểu đội 1 đến điểm an toàn, nếu thi sĩ có chỗ bố trí thì NH sẽ gửi tiểu đội 2 sang.

Bộ *Tục ngữ ca dao* của Nguyễn Văn Ngọc hãy còn.

Hè năm nay toàn gia ở nhà tu bổ "làng" mới, hẹn sang năm sẽ Nam du quẩy quá thi sĩ một chuyến. Thân kính.

Nhà văn Lãng Nhân, Luân Đôn: Sẽ gửi biếu cụ cuốn *Chơi chữ* để lưu trong tủ sách. NH đang "chạy" nước rút để trình làng *Hương sắc quê mình* trong năm nay. Kính.

Anh Nguyễn Duy Tâm, Nam Dương: Đã nhận được truyện và thơ, cảm ơn anh. Sẽ gửi tặng anh báo đọc, mong không lạc mất (để có thêm tiền tem gửi báo sang các trại, NH đã phải nhịn quà, và bây giờ bắt đầu nhịn ăn sáng, tự an ủi là để... giữ eo).

Anh Nguyễn Văn Tà vẫn ở Sikiew. Phần lớn đồng bào trong trại này đang chờ kết quả thanh lọc. Chúc anh sớm bắt lại được liên lạc với ông anh. Kính.

Bà Ngô Thị Tí, Montréal: Cảm ơn bà về sự ủng hộ tinh thần. Lính ở chiến trường cần tiếp liệu và đạn dược; "lính văn hóa" rất trân trọng những lời phân tích khúc

chiết và sự khích lệ ấm áp như thư của bà. Kính.

Thi sĩ Hoài Việt, Paris: Cảm ơn anh về các bài thơ và lời chúc tết cuối năm. Mong có dịp trở lại thăm anh chị và Việt Bình thanh trang. Kính.

Bà Phạm thị Xuân Hoa, Pháp: Đã nhận được tiền đặt mua sách báo và đã gửi, hi vọng bà đã nhận được. Kính.

Ông Phan Hoàn Sinh, Texas: Xin chúc mừng ông và báo *Dân ta* đã đạt được thành quả trong việc tổ chức giải thi thơ *Vinh danh anh hùng Lý Tố*; và cảm ơn đã gửi ưu tiên các bài thơ đoạt giải cho *Làng Văn*. Kính.

Anh Hoàng Linh Sơn, Hương Cảng: Rất mừng khi biết gói quà văn nghệ nhỏ bé đã tới tay thi sĩ Hoài Việt (HK). Bên này đã nhận được băng thơ do các anh chị gửi tặng. Trong hoàn cảnh khó khăn, mấy móc đơn sơ mà làm được như vậy là "đạt" lắm. Hoan hô! Chúc các anh chị may mắn. Kính.

Anh Phan Tuấn Sơn, Úc Đại Lợi: Cảm ơn anh về bản tin bên trại. Không ngờ anh có họ với chị Ngọc Sương, thảo nào hoạt động mạnh quá. Mong có dịp sang sinh hoạt với cộng đồng người Việt ở Hobart. Kính.

Anh chị Trương Xuân Sao, Đức: Đã gửi sách. Nhớ mãi món gỏi độc đáo của chị. Thân kính.

Thi-sĩ Đắc Trung, Reading: Anh đã in bốn tập thơ, kỳ này nên in nhạc cho nó vừa nên thơ, vừa réo rắt. Xin cho biết khổ tập nhạc muốn in, bao nhiêu bài, bao nhiêu tập để NH làm toán cho dễ. Thân.

Anh chị Nguyễn Xuân Thu,

Melbourne: Đã nhận được ngân phiếu, cảm ơn anh chị. Không ngờ cây bút duyên dáng ấy là chị nhà. Đã góp một lần rồi thì xin góp nữa cho vui. Kính.

Chị Trần thị Lai Hồng, Seattle: Bếp tạ lỗi đã gửi không đủ số yêu cầu, khiến bà chị không có báo để lưu. Đã điều chỉnh. Chị còn thiếu số nào, xin cho biết, NH sẽ gửi cho đủ bộ. Kính.

Lâm Thúy, Maryland: Xin bạn an tâm, với trình độ kỹ thuật y khoa hiện nay, muốn chết được cũng... khó lắm, nhất là với loại bệnh bạn kể, NH thấy nhiều người nhập viện rồi xuất viện rất chóng, y như một sản phụ sinh khó mà thôi.

NH rất thắc mắc về vụ "cô em ở Thụy Điển gửi tiền mua báo và không được trả lời." Trong hơn tám năm qua, tòa soạn chỉ đổi địa chỉ hai lần. Thư gửi lạc về địa chỉ cũ, không người nhận, bưu điện phải phát hoàn.

Đồng ý về việc chuyển báo, không tính cước phí phụ trội.

Về báo cũ, là báo in thêm mỗi kỳ vài trăm số để trữ. Tuy gọi là "cũ", nhưng còn mới nguyên, chưa lật qua trang nào, tòa soạn giữ lại để phục vụ các bạn đọc "đến trễ". Sở dĩ tính giá báo cũ bằng giá báo mới, vì thêm chi phí tồn kho, hành chánh, lạm phát, v.v.

Chúc bạn chóng bình phục.

Thi sĩ Hoài Châu, Luân đôn: Tháng 5 ông bà sang, xin dành cho làng một buổi tối, Bếp Mập sẽ đến khách sạn đón về tòa soạn dùng cơm và nói chuyện. Kính.

Thi sĩ Xuân Tước, Colorado: Đại ca nhận số 102 ngày 16.2 là... sớm đấy chứ không trễ đâu. NH giao báo cho hãng vận chuyển mang đi bưu điện Nữ Ước hôm 6.2 (lỗi tòa soạn ra trễ).

Cảm ơn về lời khích lệ và chúc lành của đại ca. Chúc đại ca tìm được nhiều thi hứng trong chuyến đi sắp tới (có ghé Toronto không?) Kính.

Anh Lê Doãn Tân Triển, Montréal: Cảm ơn anh đã góp tem gửi báo cho đồng bào tị nạn. Kính.

Bà Lê thị Ngọc An, BC: Cảm ơn bà về sự khuyến khích. Bà gửi 45 gia kim, theo giá báo hiện hành, sẽ nhận được 11 số.

BS Thân Trọng An, Québec: Cảm ơn anh chị về cái chi phiếu và sự chia sẻ. Kính.

Nhà văn Sơn Tùng, VA: Người ta bảo, *Ngày nay* (Wichita) càng ngày càng được quần chúng ủng hộ nhờ vững lập trường, ông chủ nhiệm chịu thương chịu khó và ông Sơn Tùng bao sân rất giỏi, quả không sai.

Về *Vết thương*, thi sĩ Trần Phùng Linh Duyên của nhà Alpha cung cấp đầy đủ cho bên này, anh yên tâm. Có gì mới muốn tiếp viện, xin gửi qua. Thân kính.

Nhà văn Đặng Trần Huân, CA: Cảm ơn ông về sự góp sức. *Làng Văn* tuy không tái bản sách đã in trước 1975, nhưng có phát hành cho các cơ sở khác, nên xa gần gì cũng cảm thấy nợ nần các tác giả. Ấu đó cũng là mối duyên văn nghệ! Kính.

Ông Xuân Bích, VA: Nếu được, xin ông gửi cho một bản truyện (hay đĩa chữ) để đọc trước khi trả lời. Kính.

Bạn Hoàng Lan, Wyoming: Về bài phỏng vấn, Yehudi Munuhin, nếu bạn lấy các đoạn chính, tóm lại thành một bài viết thì hay lắm. Đề tài lạ, tác giả lạ, để ở dạng phỏng vấn, e hơi khó "bắt mắt" độc giả, dù là độc giả *Làng*

Văn! Bạn nghĩ sao?

Về bộ chữ Việt cho máy McIntosh, bạn thử liên lạc Cosmos Systems: (714) 582-8233 hoặc VN Labs: (714) 474-6968. Thân.

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, Sungei Besi: Sẽ gửi từng phần tài liệu cho anh. Báo vẫn gửi đều. Mong tin.

Nhà văn Nguyễn Việt An, Fresno: Anh dọn sang đó, đã tới bái kiến "Fresno tam lão" chưa? Từ Houston dọn sang Fresno, khí hậu không khác bao nhiêu, có điều gió Thái bình dương mát hơn gió vịnh Mễ Tây Cơ, phải không? Đã nhận được các bài mới, cảm ơn anh. Bài nào gửi chung cho nhiều báo, đừng gửi *Làng Văn*, trước sau gì NH cũng được đọc mà! Thân.

Dương Vĩnh Lộc, Raleigh: Bài gửi về làng, viết trên một hay hai mặt giấy, chừa lề hay không chừa lề đều được (dĩ nhiên viết trên một mặt giấy và chừa lề vẫn sáng sủa hơn). Ngoài bút hiệu và địa chỉ, tác giả không cần phải ghi tên thật. Bài được chọn đăng sẽ có báo tặng; tác giả đóng góp đều đặn sẽ có nhuận bút (tượng trưng thôi).

Anh chị Nguyễn Văn Thông, MA: Mừng thấy số Xuân *Làng Văn* đã góp được một chút công lao với anh và các em học sinh. Gói báo số Giáng sinh gửi sang anh vừa về tới... tòa soạn, vì sai số ZIP. Nếu vẫn còn cần (có người dặn chằng hạn), xin cho biết để gửi lần thứ hai. Báo dài hạn của anh đã gửi chung với báo đại lý cho nhanh. Mỗi lần báo tới nhớ giữ lại một tờ, đừng quên. Thân.

Anh Nguyễn Minh, Milpitas: Anh than là "cứ mỗi lần gia hạn là mỗi lần số báo đó tới trễ", NH đoán là vì anh tái hạn trễ, tới kỳ hết hạn, máy điện toán không nhè

cái nhãn địa chỉ ra. Đợi tới khi phiếu tái hạn và chi phiếu của anh về tới, sửa lại số hạn báo xong, máy mới phát cho cái nhãn để gửi. Muốn đừng trễ số nào, xin anh tái hạn ngay sau khi nhận được phiếu nhắc lần thứ nhất.

Về cuốn *The will of Heaven*, anh là độc giả dài hạn, chỉ cần gửi về tòa soạn 16,2 mỹ kim là đủ. Kính.

Ông lang Lê, NJ: Đã nhận được tờ *Sen trắng*, cảm ơn ông lang. Đã viết biên khảo, làm thơ rồi dịch thơ nữa, ông lang khỏe thật! Thân.

Anh Đinh Quang, Phanat Nikhom: NH sẵn sàng chuyển thư anh tới các họa sĩ ấy, còn xây dựng được mối giao tình hay không, tùy cái duyên của anh với họ. Mong được xem ký họa của anh.

Trần Đình Khoa, VA, Hoa Kỳ: Giá biểu nhắn tin trên *Làng Văn* là 15 mỹ kim một kỳ, tối đa 50 chữ (miễn phí cho đồng bào tại các trại). Em có thể gửi trả bằng chi phiếu cá nhân (*personal check*), đề: *Làng Văn*.

Anh Nguyễn Văn Sang, Phi Luật Tân: Có hơi ngạc nhiên khi nhận thư anh gửi từ Manila. Đã gửi báo. Cuốn sách anh hỏi, hết lâu rồi. Nếu cần hình ảnh VN, có thể mua cuốn *Remembering of South Vietnam*. Thân.

Anh Lê Quốc Uy, Ottawa: Cảm ơn anh về tiền báo. Số sách tòa soạn gửi bán đã lâu, không biết tình hình phát hành thế nào, xin anh để ý xem lại hộ. Đa tạ.

Thi sĩ Hoài Việt (Lại Văn Hạnh), Shatin: Nhận được thư anh trễ quá. Bếp đã có thư riêng, dặn vài việc nhỏ. Chúc anh may mắn và được phán xét công bằng trong

kỳ "thanh lọc" này. Kính.

Thi sĩ Song Hồ, Hoa Kỳ: Đã nhận được bài thơ mới và lời chúc lành đầu xuân, cảm ơn ông. Kính.

Đỗ Xuân Hùng, Whitehorse: Đến 28.1 mà anh chưa nhận được báo Xuân thì trễ thật, Bắc cực chứ đâu phải là Bắc... Việt mà thư từ bỏ chậm đến thế! Ngoại trừ hai số 102 và 103, thường thì khoảng 10 tới 15, đọc giả ở Gia Nã Đại đã nhận được báo tháng đó. Báo nội địa chỉ có một giá, gửi theo một hạng (*second class*), bỏ phong bì và mang ra bưu điện một lượt, không có chuyện kể trước người sau. Anh theo dõi và cho NH biết kết quả lần nữa. Mong tin.

Bà Bùi Thị Lan, Montréal: Bà tái hạn trễ hai kỳ, khi gửi chi phiếu tái hạn không dẫn rõ là "mua tiếp từ số mới nhất" nên tòa soạn theo lệ, tự động gửi từ các số bị gián đoạn để đọc giả có đủ bộ báo. Nếu bà không muốn giữ hai số 99 và 100, xin gửi lại, tòa soạn sẽ thêm vào hạn báo của bà hai số nữa.

Thi sĩ Hoàng Chính, Kit-chener: Vụ lộn xộn ở dưới đó, xin anh đúc kết thành bài, đánh máy sẵn, gửi đĩa về, được vậy sẽ sáng vấn đề hơn và tránh được những sai lầm tai hại. Lâu lâu có dịp về Toronto nên ở lại lâu lâu. Thân.

Ông Giang Kim Trường, Los Angeles: Cách sắp xếp theo đề nghị của ông, thuận tiện cho những người chỉ giờ tờ báo ra một lần, đọc từ trang đầu đến trang cuối rồi gấp lại, cất luôn, không cần giờ ra nữa.

Phần lớn đọc giả không mở báo ra một lần. Có người lật sơ qua các trang xem "có gì", rồi từ từ kiểm đọc từng mục theo ưu tiên mình thích.

Có người giờ báo ra, lật ngay tới mục mình thích nhất đọc trước, rồi thông thả đọc các mục khác sau.

Có người lật đọc tất cả các bài thơ trước rồi mới đọc truyện.

Có người đọc văn trước, gấp thơ hay tranh thì lướt qua, đọc lại sau, hoặc "nghỉ mắt" một chút cho đỡ

mỏi rồi đọc tiếp đoạn bài đang theo dõi.

Có người chỉ đọc tin tức, bình luận và phẩm luận, đọc xong xếp lại, ít khi giờ ra lần thứ hai.

Có người đọc hết một lượt tất cả các bài, rồi giờ ra đọc lại các bài mình ưng ý một lần nữa. Có đọc giả kể lại rằng, bà đọc đi đọc lại các bài bà thích tới ba bốn lần, đọc gần thuộc lòng rồi vẫn muốn đọc nữa!

Đấy ông xem, mình làm báo đâu phải chỉ cho một người, hay một giới, đọc. Về cách trình bày hiện tại, tòa soạn biết là đôi khi không thuận tiện cho một số đọc giả, nhưng chưa tìm ra phương thức tốt hơn. Dù sao cũng cảm ơn hảo ý của ông. Kính.

Nhà văn An Khê, Paris: Vì vụ dọn nhà tối mất kỳ rồi, mọi việc bị chậm lại mất mấy tuần, NH cố gắng mở hết tốc lực để "*Từ khám lớn tới Côn đảo*" kịp tới Paris trước 30 tháng 4 này. Xin đại ca cho biết đích xác chi tiết về ngày giờ tổ chức để tòa soạn tiện xoay sở. Kính.

Trương Anh Tú, Đức quốc: Nhận xét "*Làng Văn đa nguyên trong nghệ thuật*" quả thật là mới mẻ. Nói theo cách của bạn, những trang báo thơm mùi giấy mực là một vườn hoa, dành cơ hội cho mọi loài, miễn là *hoa* chứ không phải dây leo, gai góc hay cỏ dại. Như vậy là có tính "đa nguyên" rồi chăng? Đã nhận được các bài thơ. Đa tạ.

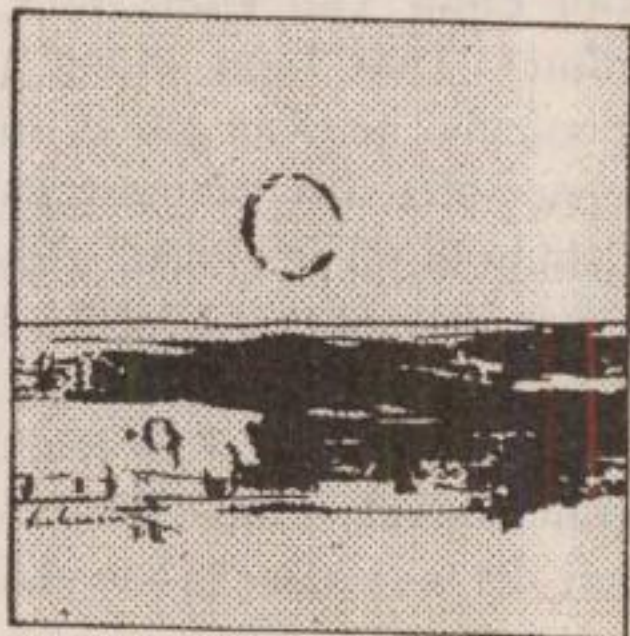
Thi sĩ Phạm Quang Ngọc, Sydney: Cảm ơn sự cảnh giác của anh về đám cỏ đuôi chó. Anh là đầu tàu bên đó, giữ vững được là anh em mừng. Thân.

Bạn Lê thị Ngọc Sương, Sydney: Mừng bạn đã rời Thái sang Úc. Về các truyện, khi đăng

*Tập truyện thứ ba
của Vĩnh Hảo
dày 220 trang
gồm 12 truyện ngắn
Giá 10 mỹ-kim
(14 gia-kim)*

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
*hoặc gửi chi-phiếu về
Tòa-soạn Làng Văn*

vĩnh hảo BIẾN ĐỔI MUÔN THUỒ



CHÂN NGUYỄN
1992

báo được một số, tạo tiếng vang rồi sẽ từ từ tính tới, NH thích đi đường dài, chậm mà chắc, ky "sên" non. Cố gắng viết đều, đừng để tinh thần sa sút trước đường kim mũi chỉ. Đời ai cũng có những lúc phải làm lại từ đầu, phải giữ vững để đừng đánh mất chính mình. Mong có dịp sang thăm cái lò lửa Úc châu tháng giêng của bạn. Thân.

Anh Vũ Công Minh, Galang: Đã nhận được bản nhạc, đang đọc. Có thì giờ, xin ghi lại đây đủ những gì có thể công bố được về nhóm của anh, dưới hình thức hồi ký hay ký sự. Chúc anh may mắn. Kính.

BS Lâm Thu Vân, Montréal: Đã nhận được đầy đủ thư và tài liệu chị gửi, sẽ theo dõi và làm theo lời dặn. Kính.

Anh Trương Hồng Sơn, Mã Lai: Chúc mừng anh sắp lên đường đi định cư, coi như chuyển sang công tác mới: người bên ngoài (trại) giúp người bên trong. Mong rằng cái gánh áo cơm, gia đình sẽ không quá nặng để còn tiếp trợ được anh em.

Katherine Nguyễn, Ottawa: Đọc thư bà "bầu" Cannell của ông Sidney Sheldon, thú thực NH chả hiểu mô tê gì cả. Như vậy là *yes* hay *no*; hay *well, no... but...?* Có lẽ bạn cần một câu trả lời rõ ràng hơn. Câu hỏi là: "*Chúng tôi muốn dịch cuốn... của ông Sidney Sheldon, để đăng báo Việt hay để in sách (in 1.000 cuốn, phổ biến trong cộng đồng người Việt), xin bà "bầu" cho biết rõ ràng đồng ý hay không, và nếu đồng ý, điều kiện kèm theo như thế nào?*" Câu trả lời phải rõ ràng. Đối với NH, trả lời ậm à ậm ừ đồng nghĩa với từ chối.

Có quà đặc biệt cho bạn. Thân.

Anh Vũ Đình Kh., BC: Đã

nhận được truyện mới, cảm ơn anh. Tình hình phát hành *Đốc ké* ra sao? Mong tiếp tục viết và gửi đều.

Trần Đàm Việt Quốc, Úc: Độc giả mong báo, sốt ruột, viết thư giục giã là chuyện hàng ngày, NH không lấy đó làm phiền đâu! Báo gửi đường thủy sang Úc rất lâu, vì trước nhất nó phải chạy về trung tâm lựa thư ở Toronto để chờ phân loại, sắp xếp xong chạy bộ sang trung-tâm lựa thư ở Vancouver (mất 3 tuần) trước khi bước xuống thuyền ở hải cảng Vancouver, sang Úc (mất 7 tuần), đổ bộ xuống hải cảng Sydney rồi chạy bộ tới trung tâm lựa thư Sydney, từ đó được phân phối tới bưu trạm (mất 2 tuần nữa). Trung bình phải mất tối thiểu 12 tuần mới tới tay người nhận.

Tạm thời như vậy đi, mai một ông giàu có, mua báo gửi bằng máy bay cho nhanh (mất 7 ngày thôi).

BS Trương Ngọc Tích, Dallas: Cảm ơn ông về thư khích lệ, đồng đặc như một lời hiệu triệu, đọc mà ấm lòng. Kính.

Nhà văn Phùng Nhân, Sydney: Đã nhận được truyện mới, cảm ơn anh. Sau lần này nhất định không dọn tiệm nữa, mệt đứt hơi rồi. Mai kia về lại quê hương tự do, chỉ cần mang một va-li đĩa chữ là đủ. Thân.

Anh Phan Văn Quới, nhà tù Chonburi, Thái Lan: Mừng anh đã được giảm án. Rán giữ kỷ luật, sang năm biết đâu lại được giảm nữa. Khi ra tù rồi sẽ đi đâu? Trở lại trại tị nạn, hay bị trả về VN? Làng Văn có gần mười độc giả trong các nhà tù ở Gia Nã Đại, Hoa Kỳ, chỉ riêng anh ở Thái Lan. Các trại tù bên này đặt mua báo dài hạn cho tù nhân đọc. Có một người bị kêu án tử hình, mua báo được hai năm không thấy tái hạn nữa.

Đã gửi thêm sách báo tặng anh, và đăng giúp mẫu nhắn tin. Xin chúc lành lần nữa.

Nhạc sĩ Trịnh Hưng, Pháp: Cảm ơn ông về ca khúc *Vinh danh ó đen Lý Tống*. Đã phổ biến rộng rãi. Kính.

BS Trần Văn Dũng, Montréal: Sẽ cố gắng tìm các tài liệu anh hỏi. Hẹn tháng 6 gặp lại anh chị trong sinh hoạt đánh dấu đệ nhất chu niên ấn bản *Chiến sĩ tự do* Montréal. Kính.

Thi sĩ Hồ Công Tâm, MA: Cảm ơn anh đã báo tin về bài báo ấy. Người tư cách như vậy không hiểu sao còn dám ngẩng mặt liên lạc với anh! Tờ báo tới đâu rồi? Hay ông chủ bút si tình đã gửi hết cả hồn lẫn xác xuống Cali? Thân.

Họa sĩ Nguyễn Đại Giang, Seattle: Chúc mừng triển lãm thành công. Có gì mới, gửi sang nhé. Thân.

Hoàng Văn Hùng, New Mexico: Thuế "dịch vật" của Gia Nã Đại, chính danh là GST (Good and Service Tax), một loại thuế liên bang do cụ thủ tướng Mulroney đặt ra, đánh lên vật phẩm và dịch vụ. Bếp Mập không ưa cái thuế này nên đặt chữ "*dịch*" ra phía trước chữ "*vật*", thành thuế ...dịch vật.

Bên Mỹ, anh tổng Clinton nhà anh cũng đang lăm le đặt ra thuế liên bang đấy. Nếu sắc thuế đó mà thành hình, NH sẽ gọi nó là thuế... võ mặt.

Anh Vi An, Nhật Bản: Đã nhận đủ các bài, cảm ơn sự chăm sóc chu đáo của anh. Đồng ý sẽ gửi thêm các số báo có đăng bài anh. Thân.

Nhạc sĩ Linh Phương, Florida:

Đã nhận được chi phiếu tiền báo, cảm ơn chị đã lo cho chu đáo các mặt. Mùa xuân này, NH sẽ tập chép nhạc trên máy vi tính và bắt đầu đăng các bài hát thiếu nhi có phụ soạn dương cầm của chị và ông mập. Thân.

Anh chị Võ Đại Tôn, Sydney: Đã nhận được sách tặng và thư chúc tết, cảm ơn anh chị. Về việc xuất bản bút ký tại Bắc Mỹ, NH sẽ bàn với một nhà xuất bản bạn ở Cali và báo tin anh chị sau. Kính.

Bùi Lê Phương, Thụy Sĩ: Kỳ này đã đăng thư mục bổ túc và giảm giá. Độc giả mới hoặc tái hạn sớm được tặng quà (xem quảng cáo). Mua báo cũ cũng được bớt như mua sách. "Điều" chưa! Khuân cả chồng sách báo về nhà kỳ này mà học hành bê bối, coi chừng bị ông xã "đày" ra xa-lông ngủ đây nhá. Thân.

Nhà văn Diệu Tân, San Jose: Có thư riêng bàn về chuyện sách. Chúc ông viết khoẻ (và hay) hơn thời "độc thân tạm thời". Kính.

Anh Trịnh Hội, Vic., Úc: Đã nhận được tiền tem tặng báo cho trại Hải Linh Châu. Sẽ gửi báo về cô Herriet theo thư chỉ dẫn. Cảm ơn anh. Kính.

Ông Lương Vĩnh Thành, CA: Đã chuyển thư và lời cầu chúc của ông tới cụ Bút Chì. Cụ hứa là sẽ sống thêm 60 năm nữa theo lời ông dặn. Kính.

Lê Minh Hiên, BC: Sẽ nhớ "hoàn cốt" LTT thành TTMV trên các bài viết. Đã nhận được đủ các bài. Thân.

Lê Capone, LA: Năm nay anh đoạt giải cầm đèn đỏ trong số những người gửi thiệp Xuân muộn

nhất. Cũng vui. Đang thu xếp với anh Trương Sĩ Lương, "tư lệnh" văn phòng Montréal cùng Liên Hội Người Việt Canada để quý vị làm một chuyến Bắc du ra mắt sách. Thân.

Ông Nguyễn Trung Chính, Pháp: Đã tái hạn và gửi báo, mong ông nhận đủ. Kính.

Kim Vân, WA: Gửi 1 cuốn Về VN để NH đọc trước đã rồi sẽ cho biết sau. Thân.

Thiên Kiều Giang, BC: Cảm ơn những lời khích lệ. Những lá thư như của KG đã là liều thuốc bổ giúp NH vượt qua khó khăn và nỗi muộn phiền của đời sống. Thân.

Ông Bửu Trí Nguyễn Văn Nghiêm, Thụy Sĩ: Đã nhận 250 mỹ kim tiền sách báo. Ông sẽ nhận báo đến số 179 mới hết hạn. Kính.

Chia Buồn

Hay tin thân-phụ chị Vũ Thị Hải:

Cụ Vũ Duy Đệ

tạ thế ngày 14.03.1993 tại San Jose
hưởng thọ 85 tuổi

Xin thành thật chia buồn cùng chị Vũ Thị Hải, anh Bùi Thế Tập và tang quyến.
Xin cầu chúc linh hồn Cụ Ông sớm tiêu điều Miền Cực Lạc

Toàn thể gia đình:

*Lê Đại Quang, Dương Hồng Huy, Bùi Thế Phụng, Phan Văn Thành
Dương Hồng Lương, Trương Sỹ Thực, Phùng Quốc Điền, Thành Quang Lân*

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Đông Vũ(2), Nguyễn Thi, Hồng Huy (3), Nguyễn Văn Thông, Trang Sài Gòn, Hoàng Chính (2), Trần Ngân Tiêu (2), An Khê, Bùi Lộc Sơn, Vi An (2), Xuân Tước (2), Hà Kỳ Lam, Dương Phú Lộc, Phan Tuấn Sơn, Nguyễn Việt An (2), Diệu Tân, Lê Thị Ngọc Sương (2), Phạm Thăng, Đặng Văn Nhâm, P.N.P, Nguyễn Mạnh An Dân, Vũ Đình Kh., Đỗ Quang Hoà, Hàn Vi, Phạm Vũ Dũng, Lã Mộng Thường, Nguyễn Trung Dũng, Đặng Trần Huân, Nguyễn Duy Tâm.

Thơ: Hoài Việt, Văn Nương (4), Vũ Đình Kh., Trần Ngân Tiêu, Đông Vũ (5), Hoàng Châu (2), Nguyễn Khanh, Thanh Hữu Huyền (3), Che Trung Thành (5), Phạm Văn Thanh (2), Dương D. Quang (2), Lãm Thúy (2), Anh Hạ (2), Song Hồ, Việt Cường (3), Hồ Công Tâm, Phạm Quang Ngọc (4), Đình Thị Nguyệt,

Hồng Huy, Vạn Giã, Phan Long Yên (2), Trần Văn Lệ (14), Đắc Trung (8), Anh Đức (4), Nguyễn Quang Minh(2), Nguyễn Bá Tùng (2), Trần Hoài Ngọc (2), Đặng Ngọc Thắng (2), Đỗ Mạnh Tuấn, Nguyễn Công Chính (3), Vũ Minh Hương, Hoàng Chính (5), Nguyễn Duy Tâm, Nguyễn Dũng (4), Trung Nhân, Phạm Giác, Anh Tâm (3), Sông Xanh (4), Lê Dã Sử (4).

Tranh: Hiếu Đệ.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Phú Yên (HH), Những đứa con vắng mặt (NMAD), Rửa nhục (ĐVN), Muộn màng (DT), Người cựu chiến binh Mỹ (PNP), Những tháng năm bơ vơ chạy loạn... (AK), Nhớ trăng quê hương (HH), Bụi chuối sau hè (NT), Một cuộc thanh lọc (ĐV), Rẽ muông hoè (XT), Đôi nét đan thanh về hải cú (VA), Mùa

loạn 75 (VA), Trúng chim bói cá (XT), Xuân thái bình (HC), Làm gia phả (HH), Giàn thiên lý đã xa (NDT), Vài ý nghĩ về tiếng Việt miền Nam (ĐTH), Gánh nặng (HC), Nhớ ai như nhớ thuốc Lào (NTD).

Thơ: Khai bút (TVL), Nuối tiếc (VG), Với nắng mùa đông, Xin gởi cho ta (THH), Ván nguyệt (HH), Nỗi buồn trên trang sách (PQN), Một lần có nhau (HCT), Bước qua cõi chết, Mùa đông Maryland (LT), Những giấc mơ (NK), Bình linh (HC), Buồn như sương khói (TNT), Như thế đấy (VN), Khoảng trống em để lại (HV), Bói, Phía sau, Tiếng chim đêm (ĐV), Hồi hương, Bão rớt, Thua (HC), Tản mạn (NCC), Ngày yêu (ĐT), Nhìn lên lá cờ rũ (TNK), Xếp áo phong sương (TVL), Thư nhà (AT), Ta nhìn trong giọt lệ (ND), Lục bát cho Galang (NDT).

Tranh: HĐ.

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin:
Cha, chồng, ông và cụ chúng tôi là

Cụ TRẦN VĂN THÚY

đã tạ thế ngày 17 tháng 2 năm 1993 tại Montréal, Canada, hưởng thọ 85 tuổi.

Vợ: Nguyễn Thị Nhâm

Các con: - Trần Thị Tuyết, chồng Nguyễn Văn Định và các con, cháu (Montréal)
- Trần Mộng Liên, vợ Ngô Mai Diệp và các con (Montréal)
- Trần Mộng Hùng, vợ Trần Thị Minh Nguyệt và các con (Denver, Colorado)
- Trần Mộng Lâm, vợ Phạm Thị Hoàng Yến và các con (Montréal)
- Trần Thị Hồng Nhung, chồng Mạnh Xuân Văn và các con (Denver, Colorado)
- Trần Mộng Quỳ, vợ Nguyễn Tuấn Đào và các con (Denver, Colorado)
- Trần Mộng Cương, vợ Bùi Mỹ Trang và các con (Montréal)

CẢM TẠ

Chúng tôi chân thành cảm tạ:

- Ông Hội-trưởng Hội Phật-Giáo Liên Hoa
 - Hội Phật-giáo Liên Hoa
 - Quý vị trong Ban Hộ Niệm Chùa Liên Hoa
 - Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh tại Montréal
 - Hội Dược Sĩ Việt Nam
 - Thầy, cô Việt Ngữ chùa Liên Hoa
 - Tạp-chí *Làng Văn*
 - Tạp-chí *Tự-Do*
 - Nhóm Chu Văn An và thân-hữu
 - Nhóm Trưng Vương và thân hữu
 - Toàn thể thân bằng quyến thuộc
- đã tận tình giúp đỡ, phân ưu, thăm viếng, điện thoại, an ủi trong tang lễ của chồng, cha, ông và cụ chúng tôi là:

Cụ TRẦN VĂN THUY Pháp-danh TUỆ-TRUNG

tạ thế ngày 17/02/1993 nhằm ngày 26 tháng giêng năm Quý-Dậu, hưởng thọ 85 tuổi. Trong lúc tang gia bối rối có nhiều điều sơ xuất, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

TANG-GIA ĐỒNG CẢM TẠ:

Vợ *Nguyễn Thị Nhâm*

Các con: - *Trần Thị Tuyết*, chồng và các con, cháu
- *Trần Mộng Liên*, vợ và các con
- *Trần Mộng Hùng*, vợ và các con
- *Trần Mộng Lâm*, vợ và các con
- *Trần Thị Hồng Nhung*, chồng và các con
- *Trần Mộng Quỳ*, vợ và các con
- *Trần Mộng Cương*, vợ và các con

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Bà NGUYỄN ĐỨC KIM

Khuê-danh Đỗ Thị Hiễn

đã qua đời tại Montréal ngày 1.3.1993, xin thành kính phân ưu cùng tang-quyến và kính chúc hương hồn cụ bà sớm về cõi Phật.

Tòa-soạn Làng Văn

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Ông DƯƠNG QUANG HƯỞNG

đã từ-trần ngày 22 tháng 2 năm 1993 tại London, Ontario, Canada, hưởng thọ 66 tuổi.

Xin thành-kính phân-ưu cùng quý tang-quyến, kính chúc hương-linh người quá-cổ chóng về nơi yên nghỉ đời đời.

Tòa-soạn Làng Văn

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Cụ TRẦN VĂN THÚY
pháp-danh Tuệ Trung

thân phụ của văn hữu Trần Mộng Lâm, đã tạ-thế ngày 17 tháng 2 năm 1993, hưởng thọ 85 tuổi,

Xin thành kính phân ưu cùng gia-đình văn-hữu và quý tang-quyến.

Lê Bạch Lựu

Ngô Xuân Vinh

Đoàn Nam Phong

Vì Vì Võ Hùng Kiệt

Hồ Đắc Vũ

Nguyễn Nghĩa

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Thủy Trang & Bá Đình

Anh em tòa soạn Làng Văn

và Văn-phòng Tự Do Montréal

PHÂN ƯU

Được tin trẻ, Thân Mẫu của Trương Lệ Nhi, Trương Lệ Hồng, Trương Văn Minh:

Bà Quả Phụ TRƯƠNG VĂN CHÔM
Khuê danh NGUYỄN THỊ NGÀ

đã thất lạc ngày 24-1-1993 (nhằm ngày mùng 2 tháng Giêng năm Quý Dậu),
hưởng thọ 71 tuổi.

Xin chia buồn cùng gia đình các em và nguyện cầu Hương hồn Mẹ Ba sớm về cõi Niết Bàn.

Các anh chị con của Cô Dương Hai:

Gia đình Nguyễn Viết Tài

Gia đình Nguyễn Thị Đồng

Gia đình Nguyễn Viết Mạnh

Gia đình Nguyễn Viết Trọng

Gia đình Nguyễn Thị Thanh

Gia đình Nguyễn Thị Thiệt

Gia đình Nguyễn Thị Thiệt

Gia đình Nguyễn Viết Hữu

và Nguyễn Viết Tiến

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau-đớn báo tin cùng thân bằng quyến-thuộc, chồng, cha, nội chúng tôi là:

Ông DƯƠNG QUANG HƯỜNG
ĐỐC-SỰ HÀNH-CHÁNH

đã từ-trần ngày 22 tháng 2 năm 1993 tại London, Ontario, Canada, hưởng thọ 66 tuổi.

Vợ: Bà quả-phụ Dương Quang Hường, khuê-danh Nguyễn thị San San

Trưởng Nam: Dương Quang Lộc vợ Trần thị Thanh Hằng và con Dương Bội Trân, Montréal

Thứ Nam: Dương Quang Phúc, Ottawa

Thứ Nam: Dương Quang Hạnh vợ Nguyễn thị Tuyết Vân và con Dương Nguyễn Vivi Ân, Toronto

Thứ Nam: Dương Quang Đức, Montréal

Thứ Nam: Dương Quang Hảo, Montréal

Thứ Nam: Dương Đức Hiền và vợ Đoàn thị Bích Vân, Toronto

Thứ Nữ: Dương thị Đài Trang, London, Ontario

CÁO PHÓ NÀY THAY-THẾ THIỆP TANG

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau-đớn báo tin cùng thân-bằng quyến-thuộc: vợ, chị, mẹ, nội, ngoại của chúng tôi là:

Bà NGUYỄN ĐỨC KIM

Khuê-danh ĐỖ THỊ HIỂN

Pháp-danh DIỆU MỸ

đã từ-trần ngày 1 tháng 3 năm 1993 (nhằm ngày mùng 9 tháng 2 năm Quý Dậu) tại Montréal, hưởng thọ 70 tuổi.

TANG-GIA ĐỒNG KHẮP BÁO:

- *Chồng:* Nguyễn Đức Kim (Montréal, Canada)
- *Em chồng:* Nguyễn Đức Chung (San Francisco, Hoa-kỳ)
- *Trưởng Nam:* Nguyễn Đức Khánh, vợ và các con (New Jersey, Hoa-kỳ)
- *Trưởng Nữ:* Nguyễn thị Kim-Loan, chồng và các con (Montréal, Canada)
- *Thứ Nam:* Nguyễn Đức Thanh và vợ (Montréal, Canada)
- *Thứ Nam:* Nguyễn Đức Kính, vợ và các con (Paris, Pháp)
- *Thứ Nam:* Nguyễn Đức Minh và vợ (Sydney, Úc-châu)
- *Thứ Nữ:* Nguyễn thị Cẩm-Vân và chồng (Indonésia)

CÁO-PHÓ NÀY THAY-THẾ THIỆP TANG

PHÂN ƯU

Được tin buồn,

Bác ĐỖ THỊ HIỂN

Thân Mẫu của anh NGUYỄN ĐỨC THANH, chị NGUYỄN THỊ KIM-LOAN và chị NGUYỄN THỊ CẨM-VÂN vừa mệnh chung tại Montréal,

thành-thật chia buồn cùng anh Thanh, chị Loan, chị Vân và tang-quyến. Cầu chúc hương hồn bác sớm về cõi Phật.

Ông Đặng Đức Khải

Ông Bà Đặng Quốc Thịnh

Ông Bà Lê Phan Lân

Ông Bà Bửu Trang

Ông Bà Kiều Duy Phong

Ông Bà Nguyễn Thành Liêm

Ông Bà Nguyễn Mạnh Thế

Ông Bà Nguyễn Hữu Hòa

Cô Nguyễn Bích Hà

Ông Phạm Hữu Khoa

Ông Quách Triệu Hoàng

Ông Bà Đàm Tâm

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989

367-8989



790-8600

790-8600

790-8600

790-8600

790-8600



DOWNTOWN

77 Grange Ave., Toronto, Ontario M5T 1E2
 Tel.: (416) 367-8989 Fax: (416) 367-9068

BRAMPTON

26 Melanie Dr., Unit 5 & 6, Brampton, Ontario L6T 4K2
 Tel.: (416) 790-8600 Fax: (416) 790-8601

No-Fault Insurance - No Problem ! Hãy gọi **YAMASHITA:**
 Downtown: 367-8989 Brampton: 790-8600

Chuyên làm đồng, sơn, sửa lại như mới đủ loại xe Âu, Mỹ, Nhật

ĐẾN VỚI **YAMASHITA COLLISION INC.**, CÁC BẠN SẼ ĐƯỢC:

- * Làm toàn bộ thủ tục với bất kỳ hãng bảo hiểm nào.
- * Chuyên nghiệp sửa chữa Frame và Unit Body với giàn kéo tối tân, chính xác nhất.
- * Cho mượn xe miễn phí trong lúc sửa chữa, toàn xe **Brand New 93 Chrysler.**
- * Hệ thống pha sơn bằng computer, sơn Sikkens (được dùng cho BMW, Mercedes), hệ thống phòng sơn hấp Down Draft tân tiến cùng với tất cả kinh nghiệm sẵn có về các loại xe đất tiền Âu-châu, **YAMASHITA** cùng chủ nhân sẽ đưa xe bạn trở lại hoàn hảo như original.
- * Kéo xe 24/24 miễn phí và định giá sửa chữa miễn phí.
- * Free Pick-up & Delivery tận nhà.
- * Thay kính, dán kính màu cho đủ loại xe.

Emergency, gọi TONY TẠO HOÀNG: Mob.: 617-8808 24hr Pager: 501-3736

Đến với **YAMASHITA AUTO COLLISION INC.**

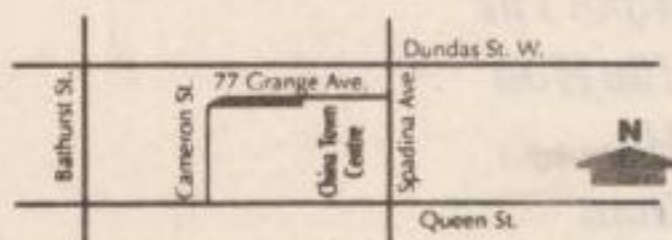
quý bạn sẽ hài lòng hơn bao giờ hết

Tận tâm phục vụ, để

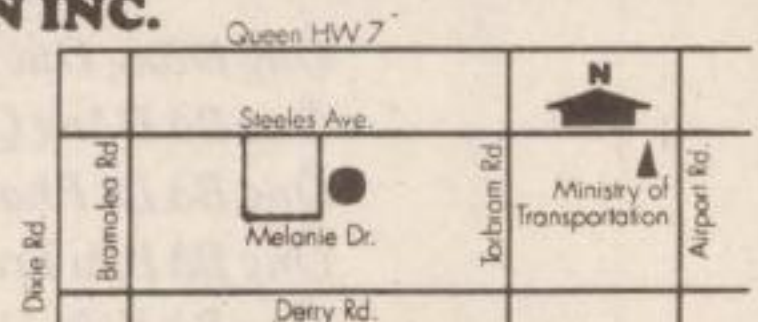
VUI LÒNG KHÁCH ĐẾN

VỪA LÒNG KHÁCH ĐI

Tony Tạo (HOÀNG OANH) kính mời



Downtown location



Brampton location

LANG VAN IS PUBLISHED MONTHLY, SECOND CLASS POSTAGE PAID AT LEWISTON, NY 14092 - U.S.P.S. #008728

(tiếp theo trang bìa trước)

NHỮNG NGÀY MUỐN QUÊN

Ghi-nhận thời-sự chính-trị của
Đoàn Thâm
18MK - 24,50GK

**NƯỚC SINH-TỐ TƯƠI VÀ
SỨC KHOẺ**

Kiến-thức phổ-thông
12MK - 16GK

**PHẠM QUỲNH, TUYỂN-TẬP
VÀ DI-CẢO**

17MK - 23GK

QUÊ

Tùy-bút của Võ Phiến
6MK - 8GK

STREAMLINE

Sách kèm băng học Anh-văn, trọn
bộ 6 cuốn và 12 băng
120MK - 162GK

TẮM CÁM

Truyện thiếu-nhi của Nguyễn Thị
Nhuận, Nguyễn Thị Hợp minh-họa
8MK - 11GK

TÌM HIỂU MẶT TRĂNG

Kiến-thức phổ-thông của Trần Kim
Thạch
6MK - 8GK

TÌM VỀ GẶP-GỠ

Tuyển tập truyện ngắn của Hoàng
Quý
7MK - 9,50GK

TÌNH NGƯỜI

Tuyển-tập 16 truyện ngắn hay nhất
của 15 tác-giả danh-tiếng Na-uy,
Dương Kim dịch
10MK - 13,50GK

THẠCH-KIỆM I, II, III, IV

Truyện dài thiền-học kiếm-đạo
Nhật-bản của Tự Tình
Mỗi cuốn 15MK - 20GK
(Trọn bộ 60MK - 80GK)

TRĂNG MUỖI SÁU

Truyện dài của Nhã Ca
12MK - 16GK

TUYẾT KHA

Truyện dài của Quỳnh Dao
12MK - 16GK

TỪ KHÁM LỚN TỚI CÔN-ĐẢO

Hồi-ký lao-tù của An Khê
10MK - 13,50GK

VANG BÓNG MỘT THỜI

Tùy bút của Nguyễn Tuân
5MK - 7GK

VẦN VIỆT-NGŨ LỚP I

Sách học tiếng Việt
6,50MK - 9GK

VẦN VIỆT-NGŨ LỚP II

Sách học tiếng Việt
7MK - 9,50GK

VẾT THƯƠNG

Tuyển tập truyện ngắn của Sơn
Tùng
10MK - 13,50GK

VẾT THƯƠNG VẦN MỞ

Tuyển tập truyện ngắn của Phùng
Nhân
12MK - 16GK

VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

Thơ Thúy Trúc
9MK - 12GK

VIỆT-NAM CHÍNH SỬ

Nhận-định của Nguyễn Văn Chức
20MK - 27GK

VĨNH BIỆT TÌNH EM

Tuyển tập truyện ngắn của Bùi
Tĩnh
10MK - 13,50GK

VỤ ĐÔNG XUÂN

Bút-ký của Triệu Phổ
8MK - 11GK

VUI BUỒN NGHỀ-NGHIỆP

Tập bút của Phạm Thăng và nhiều
tác-giả
14MK - 19GK

XÓM CŨ

Tuyển truyện quê-hương của Phạm
Thăng
12MK - 16GK



**Quyền-lợi của độc-
giả dài hạn Làng
Văn (có mã-số):**

- Mua dưới 100 mỹ-kim (135
gia-kim): được bớt 10%.

- Mua trên 100 mỹ-kim (135
gia-kim): được bớt 15%.

- Mua trên 500 mỹ-kim (675
gia-kim): được bớt 30%.

Giá sách trên đây bao gồm cước
phí (đường thủy, bộ) và thuế dịch-
vật (cho độc-giả cư-ngụ tại Gia-nã-
đại).

Thư-từ, chi-phiếu xin đề:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, Ontario M8Z-5P1

Canada

* Lưu-ý: Riêng độc-giả tại Đức có
thể gửi thư đặt mua sách và chi-
phiếu (bằng tiền Đức) về văn-
phòng Làng Văn tại Đức, và nhận
sách gửi trực-tiếp từ Gia-nã-đại.
Thư và chi-phiếu xin đề:

Ngô Việt Dũng

Postfach 104122

4600 Dortmund 1

(Điện-thoại: 656-949)

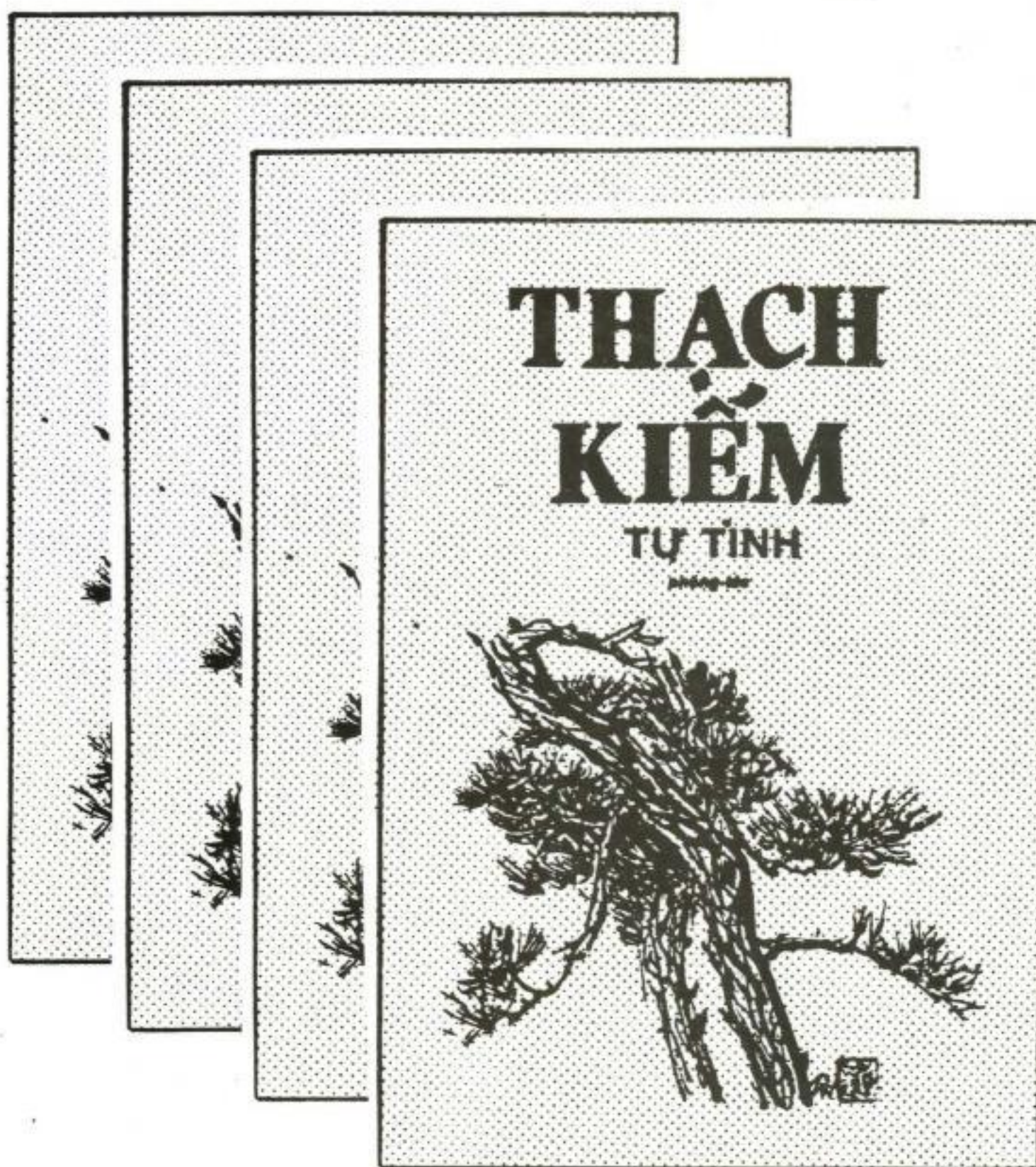
Về cách tính thành tiền Đức,
xin lấy giá mỹ-kim, nhân cho 1.7
(bao gồm cả cước-phí, đóng gói,
v.v.)

Đã phát-hành khắp nơi

Trọn bộ 4 cuốn, tổng-cộng 1412 trang

**TIỂU-THUYẾT THIỀN-HỌC KIẾM-ĐẠO NHẬT-BẢN
VIẾT VỀ CUỘC ĐỜI ĐẠI KIẾM-KHÁCH
MIYAMOTO MUSASHI**

*Thạch kiếm vạch ra con đường cam-go của thiền-đạo,
khuyến-khích trau-giỏi nghị-lực nội-tâm bằng sự tiết dục,
phát-huy tình-yêu thiên-nhiên.*



mỗi cuốn: 15 mỹ-kim
bộ: 60 mỹ-kim

**HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC LIÊN-LẠC:
LÀNG VĂN
P.O. Box 310 Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada**